

PHẠM MINH NHẬT

**BỘ 50 ĐỀ THI MINH HỌA
MÔN NGỮ VĂN 12**

NHÀ XUẤT BẢN DÂN TRÍ

MỤC LỤC

PHẦN ĐỀ THI

Đề minh họa số 1.....	9
Đề minh họa số 2.....	11
Đề minh họa số 3.....	14
Đề minh họa số 4.....	17
Đề minh họa số 5.....	20
Đề minh họa số 6.....	22
Đề minh họa số 7.....	26
Đề minh họa số 8.....	28
Đề minh họa số 9.....	31
Đề minh họa số 10.....	34
Đề minh họa số 11.....	37
Đề minh họa số 12.....	40
Đề minh họa số 13.....	42
Đề minh họa số 14.....	45
Đề minh họa số 15.....	48
Đề minh họa số 16.....	52
Đề minh họa số 17.....	56
Đề minh họa số 18.....	60
Đề minh họa số 19.....	62
Đề minh họa số 20.....	65
Đề minh họa số 21.....	68
Đề minh họa số 22.....	71
Đề minh họa số 23.....	74

Đề minh họa số 24	78
Đề minh họa số 25	81
Đề minh họa số 26	84
Đề minh họa số 27	86
Đề minh họa số 28	89
Đề minh họa số 29	92
Đề minh họa số 30	95
Đề minh họa số 31	98
Đề minh họa số 32	101
Đề minh họa số 33	103
Đề minh họa số 34	106
Đề minh họa số 35	109
Đề minh họa số 36	111
Đề minh họa số 37	114
Đề minh họa số 38	117
Đề minh họa số 39	120
Đề minh họa số 40	122
Đề minh họa số 41	125
Đề minh họa số 42	129
Đề minh họa số 43	132
Đề minh họa số 44	135
Đề minh họa số 45	138
Đề minh họa số 46	141
Đề minh họa số 47	145
Đề minh họa số 48	149
Đề minh họa số 49	153
Đề minh họa số 50	156

PHẦN HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

Hướng dẫn đề minh họa số 1	163
Hướng dẫn đề minh họa số 2	168
Hướng dẫn đề minh họa số 3	172
Hướng dẫn đề minh họa số 4	175
Hướng dẫn đề minh họa số 5	179
Hướng dẫn đề minh họa số 6	184
Hướng dẫn đề minh họa số 7	189
Hướng dẫn đề minh họa số 8	193
Hướng dẫn đề minh họa số 9	197
Hướng dẫn đề minh họa số 10	202
Hướng dẫn đề minh họa số 11	207
Hướng dẫn đề minh họa số 12	212
Hướng dẫn đề minh họa số 13	216
Hướng dẫn đề minh họa số 14	221
Hướng dẫn đề minh họa số 15	225
Hướng dẫn đề minh họa số 16	229
Hướng dẫn đề minh họa số 17	233
Hướng dẫn đề minh họa số 18	238
Hướng dẫn đề minh họa số 19	242
Hướng dẫn đề minh họa số 20	246
Hướng dẫn đề minh họa số 21	250
Hướng dẫn đề minh họa số 22	254
Hướng dẫn đề minh họa số 23	258
Hướng dẫn đề minh họa số 24	264
Hướng dẫn đề minh họa số 25	270

Hướng dẫn đề minh họa số 26	275
Hướng dẫn đề minh họa số 27	280
Hướng dẫn đề minh họa số 28	285
Hướng dẫn đề minh họa số 29	289
Hướng dẫn đề minh họa số 30	294
Hướng dẫn đề minh họa số 31	299
Hướng dẫn đề minh họa số 32	304
Hướng dẫn đề minh họa số 33	310
Hướng dẫn đề minh họa số 34	315
Hướng dẫn đề minh họa số 35	319
Hướng dẫn đề minh họa số 36	325
Hướng dẫn đề minh họa số 37	331
Hướng dẫn đề minh họa số 38	335
Hướng dẫn đề minh họa số 39	340
Hướng dẫn đề minh họa số 40	345
Hướng dẫn đề minh họa số 41	349
Hướng dẫn đề minh họa số 42	354
Hướng dẫn đề minh họa số 43	359
Hướng dẫn đề minh họa số 44	364
Hướng dẫn đề minh họa số 45	368
Hướng dẫn đề minh họa số 46	373
Hướng dẫn đề minh họa số 47	378
Hướng dẫn đề minh họa số 48	384
Hướng dẫn đề minh họa số 49	388
Hướng dẫn đề minh họa số 50	394

PHẦN 1

ĐỀ THI

ĐỀ 1
(Đề gồm 02 trang)

ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT
THEO CẤU TRÚC MINH HỌA
MÔN: NGỮ VĂN

(Thời gian làm bài: 120 phút; Không kể thời gian phát đề)

I. PHẦN ĐỌC (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

Hỡi đồng bào toàn quốc!

Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa!

Không! Chúng ta thà hi sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ.

Hỡi đồng bào!

Chúng ta phải đứng lên!

Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng. Ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước.

Hỡi anh em binh sĩ, tự vệ, dân quân!

Giờ cứu nước đã đến. Ta phải hi sinh đến giọt máu cuối cùng, để giữ gìn đất nước.

Dù phải gian lao kháng chiến, nhưng với một lòng kiên quyết hi sinh, thắng lợi nhất định về dân tộc ta!

Việt Nam độc lập và thống nhất muôn năm!

Kháng chiến thắng lợi muôn năm!

Hà Nội, ngày 19 tháng 12 năm 1946

HỒ CHÍ MINH

Thực hiện yêu cầu từ câu 1 đến câu 5 (Trình bày ngắn gọn):

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên?

Câu 2. Từ “thuổng” trong câu: *Ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc* là thuộc loại từ gì?

Câu 3. Hãy chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu văn sau: *Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc.*

Câu 4. Xác định vấn đề nghị luận và các luận điểm chính của văn bản trên.

Câu 5. Anh/ chị hãy cho biết ý nghĩa của Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Anh/Chị hãy viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) làm rõ đặc điểm chủ thể trữ tình trong văn bản sau:

CHÓN QUÊ

Nguyễn Khuyến

*Mấy năm làm ruộng vẫn chân thua,
Chiêm mát đặng chiêm, mùa mát mùa.
Phần thuế quan Tây, phần trả nợ,
Nửa công đũa ở, nửa thuê bò.
Sớm trưa dưa muối cho qua bữa,
Chợ búa trâu chèo chẳng dám mua.
Cần kiệm thế mà không khá nhĩ,
Bao giờ cho biết khỏi đường lo?*

(Thơ Nguyễn Khuyến, NXB Văn học, 2016)

***Chú thích:** Nguyễn Khuyến là nhà thơ Nôm xuất sắc, nhà thơ của làng cảnh Việt Nam. Ra làm quan lúc nước mất vào tay thực dân Pháp, ông từ quan về ở ẩn tại quê hương. Bài thơ viết vào thời điểm triều đình nhà Nguyễn đã để mất nước vào tay thực dân Pháp, nhân dân phải chịu cảnh áp bức, bóc lột, lầm than.

Câu 2. (4,0 điểm)

Trì hoãn công việc là một thói quen không tốt. Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) thuyết phục mọi người từ bỏ thói quen này.

----- **Hết** -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm

Họ và tên thí sinh: SBD:

ĐỀ 2

(Đề gồm 03 trang)

ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT**THEO CẤU TRÚC MINH HỌA****MÔN: NGỮ VĂN**

(Thời gian làm bài: 120 phút; Không kể thời gian phát đề)

I. PHẦN ĐỌC (4,0 điểm)**Đọc văn bản sau:**

(1) Nhiều người có xu hướng khoác lên mình tấm áo cá nhân để phủ kín giá trị cộng đồng. Chúng ta đánh đồng chủ nghĩa tự do với việc theo đuổi lợi ích cá nhân tuyệt đối, không quan tâm đến cuộc đời kẻ khác. Ngoài những thứ “quy ra thóc”, người ta có thể để mặc ô nhiễm môi trường, chặt phá rừng, tệ nạn xã hội, kẹt xe, tham nhũng... cho những người khác lo. Thị dân an phận với văn phòng máy lạnh, nông dân an phận với đồng xanh, ngư dân an phận với biển cả, chúng ta luôn muốn an phận với những gì mình có và hạn chế tối đa việc “ăn cơm nhà vác tù và hàng tổng”. Nhưng khi biển nhiễm độc, không chỉ ngư dân thiệt hại. Khi nông dân mất đất phải bỏ xứ mà đi, không phải chỉ mình họ chịu thiệt. Thực phẩm bẩn không chỉ tấn công người thành phố. Số phận đặt chúng ta vào chung một cộng đồng, gắn liền vận mệnh với nhau. Dù bạn có kiếm được bao nhiêu tiền đi nữa, khi ra ngoài đường vẫn có thể bị thanh xà gồ từ công trình đường sắt đô thị rơi vào đầu. Dù bạn có đi chiếc xe siêu sang, vẫn phải chờ dài trong tuyệt vọng giữa những ngã ba tắc nghẽn, len lỏi giữa phố xá đầy khói bụi. Dù bạn có yên vị ở những căn biệt thự xa hoa, vẫn có thể có ngày nước ngập đầy nhà và cướp ghé thăm,...

(2) Điều ít nhất mà chúng ta có thể làm là lên tiếng. Im lặng trước cái đẹp là gián tiếp phủ nhận nó. Im lặng trước điều xấu là ngầm ngầm cho phép nó lộng hành. Cuộc sống không tự động tốt đẹp lên, và nếu chỉ biết vun vén cho riêng mình, cố làm ngơ trước những vấn đề chung, chúng ta đang tự xây tòa lâu đài của mình trên cát.

(Khắc Giang, Mưa lụt, công tắc và một số thứ “quy ra thóc”,
Vietnamnet.vn, ngày 01/10/2016)

Thực hiện yêu cầu từ câu 1 đến câu 5 (Trình bày ngắn gọn):**Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên?**Câu 2.** Đoạn trích đã chỉ ra những hiện tượng nào trong cuộc sống bị người an phận thờ ơ?**Câu 3.** Anh/chị hiểu như thế nào về câu nói: “Số phận đặt chúng ta vào chung một cộng đồng, gắn liền vận mệnh với nhau”?

Câu 4. Hãy chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu văn sau: “*Thị dân an phận với văn phòng máy lạnh, nông dân an phận với đồng xanh, ngư dân an phận với biển cả, chúng ta luôn muốn an phận với những gì mình có và hạn chế tối đa việc “ăn com nhà vác tù và hàng tổng”*”.

Câu 5. Cho biết ý nghĩa sâu sắc nhất của đoạn trích với anh/chị là gì? Vì sao?

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Anh/Chị hãy viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) làm rõ đặc điểm chủ thể trữ tình trong văn bản sau:

CHẠY GIẶC

Nguyễn Đình Chiểu

*Tan chợ vừa nghe tiếng súng Tây⁽¹⁾,
 Một bàn cờ thế⁽²⁾ phút sa tay.
 Bỏ nhà lũ trẻ lơ xơ chạy⁽³⁾
 Mất ổ bầy chim dáo dác bay⁽⁴⁾
 Bến Nghé⁽⁵⁾ của tiền tan bọt nước,
 Đồng Nai⁽⁶⁾ tranh ngôi nhuộm màu mây.
 Hối trang⁽⁷⁾ đẹp loạn rày đâu vắng,
 Nỡ để dân đen mắc nạn này?*

Chú thích:

(1) Tây: chỉ thực dân Pháp.

(2) Cờ thế: lối chơi chữ khác của cờ tướng. Một người dùng một số quân cờ đặt ra các thế cờ hiểm hóc để thách thức người khác giải.

(3) Lơ xơ chạy: Chạy một cách thất thần, không định hướng, không ai dẫn dắt.

(4) Dáo dác bay: bay một cách hốt hoảng, ngờ ngác, tan tác, mất phương hướng.

(5) Bến Nghé: tên một con rạch đổ ra sông Sài Gòn; cũng là địa danh chỉ thành Gia Định, thuộc địa phận Thành phố Hồ Chí Minh ngày nay.

(6) Đồng Nai: Địa danh chỉ phần đất miền Đông Nam Bộ; cũng là tên một con sông chảy vào sông Nhà Bè, gần Sài Gòn.

(7) Trang: đáng, bậc (tiếng gọi tôn xưng, chỉ người đáng kính). Ví dụ: Trang hảo hán.

Câu 2. (4,0 điểm)

Trong cuộc sống, đôi khi chúng ta gặp khó khăn, thử thách, niềm vui, nỗi buồn, thất bại... Để vượt qua những trở ngại đó anh/chị hãy viết bài nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ về ý nghĩa của việc cố vũ tinh thần cho chính mình.

----- **Hết** -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm

Họ và tên thí sinh: SBD:

ĐỀ 3
(Đề gồm 03 trang)

ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT
THEO CẤU TRÚC MINH HỌA
MÔN: NGỮ VĂN

(Thời gian làm bài: 120 phút; Không kể thời gian phát đề)

I. PHẦN ĐỌC (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

“Kinh Bắc xưa nổi tiếng là vùng đất của những câu chuyện cổ, những sự tích văn hoá. Vì truyền thống này mà nơi đây sở hữu nhiều lễ hội dân gian. Lễ hội được nhiều người quan tâm nhất là Hội Lim tại thị trấn Lim, Tiên Du, Bắc Ninh.

Hội Lim là một sinh hoạt văn hoá - nghệ thuật đặc sắc của nền văn hoá truyền thống lâu đời ở xứ Bắc và dân ca Quan họ trở thành tài sản văn hoá chung của dân tộc Việt, tiêu biểu cho loại hình dân ca trữ tình Bắc Bộ.

Hội Lim chính là hội chùa làng Lim và đôi bờ sông Tiêu Tương. Hội Lim trở thành hội hàng tổng (hội vùng) vào thế kỷ 18. Khi quan trấn thủ xứ Thanh Hóa Nguyễn Đình Diễn là người thôn Đình Cả, Nội Duệ, xứ Kinh Bắc, có nhiều công lao với triều đình, được phong thưởng nhiều bổng lộc, đã tự hiến nhiều ruộng vườn và tiền của cho tổng Nội Duệ trùng tu đình chùa, mở mang hội hè, gìn giữ thuần phong mỹ tục. Ông còn cho xây dựng trước phần lăng mộ của mình đặt tên là lăng Hồng Vân trên núi Lim. Do có nhiều công lao với hàng tổng và việc ông đặt hậu ở chùa Hồng ân, nên khi ông mất nhân dân tổng Nội Duệ đã tôn thờ làm hậu thần, hậu Phật hàng tổng. Văn bia lăng Hồng Vân có tên Hồng Vân từ bi ký niên đại Cảnh Hưng 30 (1769) hiện giữ ở đình thôn Đình Cả đã cho biết khá rõ lai lịch, công trạng và việc thờ phụng hậu hàng tổng Nguyễn Đình Diễn mỗi năm hai dịp vào "ngày sinh" và "ngày hóa" của ông tại lăng Hồng Vân và chùa Hồng ân trên núi Lim. Song trải tháng năm lịch sử, hội Lim đã có nhiều lớp văn hóa, trong đó người ta chỉ tổ chức tế lễ hậu thần vào một dịp là ngày 13 tháng giêng trùng với hội chùa Lim. Chính vì vậy mà có hội Lim và đây là hội hàng tổng.

Phần Lễ

8h ngày 13/1 Âm lịch, Hội Lim được mở đầu bằng lễ rước. Đoàn rước với đông đảo người dân tham gia. Trong những bộ lễ phục ngày xưa, sắc sỡ, sắc màu và cũng vô cùng cầu kì, đẹp mắt kéo dài tới cả gần ki-lô-mét. Trong ngày lễ, có nhiều nghi lễ và tục trò dân gian nổi tiếng, trong đó có tục hát thờ hậu. Toàn thể quan viên, hương lão, nam đình của các làng xã thuộc tổng Nội Duệ phải tề tựu đầy đủ tại lăng Hồng Vân để tế lễ hậu thần. Trong khi tế có nghi thức hát quan họ thờ thần.

Để hát thờ, các liền anh, liền chị hát quan họ nam và nữ của tổng Nội Duệ đứng thành hàng trước cửa lãng hát vọng vào. Trong khi hát, họ chỉ được hát những giọng lẻ lối để ca ngợi công lao của thân.

Hội Lim đi vào lịch sử và tồn tại và phát triển cho đến ngày nay được hàng tổng chuẩn bị tập duyệt rất chu đáo từ ngày 9 và 10, rồi được diễn ra từ ngày 11 đến hết ngày 14 tháng giêng. Chính hội là ngày 13, với các nghi thức rước, tế lễ các thành hoàng các làng, các danh thần liệt nữ của quê hương tại đền Cổ Lũng, lãng Hồng Vân, lãng quận công Đỗ Nguyên Thụy. Trong các nhà thờ họ Nguyễn, họ Đỗ ở làng Đình Cả, dâng hương cúng Phật, cúng bà mẹ ở chùa Hồng Ân.

Hội Lim là lễ hội lớn của vùng Kinh Bắc, với những hoạt động lễ và hội phong phú, gần như hội đủ những hoạt động văn hóa nghệ thuật và tín ngưỡng tâm linh của các lễ hội trên vùng quê Bắc Ninh.

Phần Hội

Có nhiều trò chơi dân gian như đấu võ, đấu vật, đấu cờ, đu tiên, thi dệt cửi, nấu cơm. Đặc sắc hơn cả là phần hát hội - Là phần căn bản và đặc trưng nhất của hội Lim. Từ hát mời trâu, hát gọi đồ đến con sáo sang sông, con nhện giăng mùng.

Hội thi hát diễn ra khoảng gần trưa, được tổ chức theo hình thức du thuyền hát quan họ. Tại một hồ nước nhỏ sát bên cánh đồng làng Lim, chiếc thuyền hình rồng được sơn son thiếp vàng rời bến trong những câu hát đậm đà nghĩa tình. Một bên thuyền là các liền chị, đối diện là những em nhỏ súng sính trong những tà áo tứ thân. Các liền anh thì đứng hoặc ngồi sát hai phía đầu và cuối thuyền. Tối ngày 12 sẽ là đêm hội hát thi quan họ giữa các làng quan họ. Mỗi làng quan họ được dựng một trại tại phần sân rộng của đôi Lim. Đây là phần hội hay nhất của cả lễ hội Hội Lim.

Về với Hội Lim là về với một trời âm thanh, thơ và nhạc náo nức không gian đến xao xuyến lòng người. Những áo mớ bảy mớ ba, nón ba tầm, quai thao, dải yếm lụa sồi, những ô lục soạn, khăn đóng, áo cặp the hoa gấm... như ẩn chứa cả sức sống mùa xuân của con người và tạo vật. Cách chơi hội của người quan họ vùng Lim cũng là cách chơi độc đáo, mỗi cử chỉ giao tiếp đã mang trong nó một sắc thái văn hoá cao...”

(Theo Bách khoa toàn thư mở Wikipedia)

Thực hiện yêu cầu từ câu 1 đến câu 5 (Trình bày ngắn gọn):

Câu 1. Văn bản trên viết về lễ hội nào? ở đâu?

Câu 2. Lễ hội Lim bao gồm mấy phần? Đó là những phần nào?

Câu 3. Trong văn bản liệt kê các trò chơi dân gian như đấu võ, đấu vật, đấu cờ, đu tiên, thi dệt cửi, nấu cơm trong hội Lim có ý nghĩa gì?

Câu 4. Hãy kể tên một số lễ hội dân gian tiêu biểu của nước ta mà anh/chị biết?

Câu 5. Anh/chị ấn tượng nhất với thông tin nào trong văn bản? Vì sao?

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)**Câu 1. (2,0 điểm)**

Anh/Chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) làm rõ đặc điểm của nhân vật thần thoại trong văn bản sau:

THẦN LÚA

Từ thời vua Hùng dựng nước đã truyền lại câu chuyện về nữ thần Lúa, một vị thần xinh đẹp, dáng người éo lả, và có tính hay hờn dỗi.

Nàng là con gái Ngọc Hoàng. Sau những trận lụt lội ghê gớm xảy ra, sinh linh cây cỏ đều bị diệt hết, trời bèn cho những người còn sống sót sinh con đẻ cái trên mặt đất, sai nữ thần Lúa xuống trần gian, nuôi sống loài người. Nữ thần làm phép cho những hạt giống gieo xuống đất nảy mầm, mọc thành cây, kết bông mấy hạt. Lúa chín tự về nhà không cần gặt và không phải phơi phóng gì cả. Cần ăn, cứ ngắt bông vào nồi là lúa sẽ thành cơm.

Một hôm cô con gái nhà kia đang bận việc. Sân chưa quét dọn, cửa kho cũng chưa mở, lúa ở ngoài đã ùn ùn kéo về. Cô gái cuống quýt và đâm cáu. Sẵn tay đang cầm cái chổi, cô đập vào đầu bông lúa mà mắng:

- Người ta chưa dọn dẹp xong đã bò về. Gì mà hấp tấp thế?

Nữ thần Lúa đang dẫn các bông lúa vào sân, thấy sân, đường bản thiu rác rưởi đã bực trong lòng, lại bị mang một cán chổi vào đầu, tức lắm. Cả đám lúa đều thốt lên:

- Muốn mệt thì ta cho mệt luôn. Từ nay có hái tre, liềm sắc cắt cỏ tao, tao mới về.

Từ đó nữ thần Lúa dỗi, nhất định không cho lúa bò về nữa. Người trần gian phải xuống tận ruộng lấy từng bông. Thấy vất vả mệt nhọc quá, người ta mới chế ra liềm hái để cắt lúa cho nhanh. Và lúa cũng không tự biến thành cơm nữa, mà phải phơi phóng, xay giã cho ra gạo. Sự hờn dỗi của nữ thần Lúa còn đôi khi cay nghiệt hơn nữa. Nữ thần vẫn giận sự phũ phàng của con người, nên nhiều lần đã cấm không cho các bông lúa nảy nở. Có kết hạt cũng chỉ là lúa lép mà thôi. Vì thế sau này mỗi lần gặt xong là người trần gian phải làm lễ cúng hồn Lúa, cũng là cúng thần Lúa, với tiết mục ‘rước bông lúa’. Có nơi không gọi như thế thì gọi là cúng cơm mới, do các gia đình tổ chức trong nhà mình. Các làng, các bản cũng phải mở những ngày hội chung để cúng thần Lúa. Trong những ngày hội ấy, mở đầu cho cuộc tế tự và trò vui là một tiết mục gọi là: Rước bông lúa, Các trò Trám(Vĩnh Phú), trò Triềng (Thanh Hóa), trò thổi tù và cây Hống (Nghệ Tĩnh)v.v.v. đều có rước bông lúa như vậy.

(Trích Tuyển tập Văn học dân gian Việt Nam- NXB Giáo dục, 1999)

Câu 2. (4,0 điểm)

Hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) thuyết phục một người bạn từ bỏ một thói quen tùy tiện trong phát ngôn.

----- **Hết** -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm

Họ và tên thí sinh: SBD:

ĐỀ 4

(Đề gồm 03 trang)

ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT
THEO CẤU TRÚC MINH HỌA
MÔN: NGỮ VĂN

(Thời gian làm bài: 120 phút; Không kể thời gian phát đề)

I. PHẦN ĐỌC (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

XINH NHÃ TRẢ THÙ NHÀ

“Mấy ngày sau, cây kơ-long mới đổ. Xing Nhã tiếp tục chặt cành. Một tháng, hai tháng, ba tháng. Xing Nhã mới làm xong chiếc khiên. Hàng trăm, hàng nghìn dân làng nhắc khiên không nổi. Xing Nhã bước tới, một tay nâng khiên, một tay giơ lên đầu, đội về buôn⁽¹⁾. Về tới nhà, ở một ngày, nghỉ một tháng, Xing Nhã suy tính chuyện đi đòi công bằng cho cha mẹ.

Buổi sáng, Xing Nhã ngồi nắn lại vành khiên của cha. Phía dưới khiên đồ đồng, phía trên đồ chì, vành khiên nạm bạc sáng chói. Khiên làm xong, Xing Nhã múa thử. Chiếc khiên múa xoay phía dưới chết con cọp, xoay phía trên chết con voi, khiên xoay theo đường cái, đất bụi dấy mù mịt, trời nổi giông to, gió lớn.

Bang Ra và Xing Yuê – Ta hãy lấy bảy ché rượu ngon, bảy con trâu đực trắng, cúng cho Trời, cho Đất phù hộ con trai ta khỏe mạnh. Ta hãy lấy con gà cúng thần Nước, ta lấy con lợn cúng Y Rít phù hộ con trai ta khôn lớn, đừng đi chết bỏ xương nơi đất khác.

(Đoạn dưới đây miêu tả cuộc chiến đấu cuối cùng của Xing Nhã với anh em Gia – rơ Bú)

[...] Hai bên đánh nhau. Năm em trai của Gia-rơ Bú đã bỏ đầu tại gốc cây đa, bỏ thân tại núi lạ. Gia-rơ Bú bứt rứt, ngồi không yên, nằm không được, tay trái lấy chiếc khiên, tay phải nắm cán đao, Gia-rơ Bú đi vào rẫy của Hơ-bia Bơ-lao⁽²⁾.

Xing Nhã – (Gặp Gia-rơ Bú) Ở Gia-rơ Bú, ai chạy trước?

Gia-rơ Bú - Hỡi con chim linh mộc chưa đủ lông cánh⁽³⁾, hãy múa thử đi!

Xing Nhã quay khiên múa. Đất bụi bay mù mịt như mây trời tháng Bảy. Xing Nhã nhảy qua trái núi, lượn qua con suối, phăng qua đầu đèo, nhanh hơn bảy chim diều chim ó. Gia-rơ Bú nhìn theo, tối mày tối mặt, không đoán được đường đao của Xing Nhã chĩa về hướng nào.

¹ Buôn: giống như làng (người Việt), bản (người Thái, H'Mông...)

² Hơ-bia Bơ-lao: cô gái giữ rẫy cho Gia-rơ Bú và là người yêu của Porong Mung.

³ Hỡi con chim linh mộc chưa đủ lông cánh: cách nói hàm chứa sự coi thường của Gia-rơ Bú dành cho Xing Nhã

Gia-rơ Bú – Được, bây giờ ta không giết được mày thì ta sẽ tìm cách phá sạch làng mày! Té ra đứa nào cũng là đầu đen máu đỏ⁽¹⁾ cả sao?

Xing Nhã – (ngừng múa) Ở Gia-rơ Bú! Ta đang đứng ở phía Mặt Trời mọc đây rồi. Bây giờ thì người múa đi, ta đuổi theo.

Gia-rơ Bú múa lúng túng, múa loanh quanh như con gà mắc nước, như sao lạc đường. Đường đao chỉ đâm vào giữa trống không.

Xing Nhã mới đi một bước, đã chém trúng ngay chân Gia-rơ Bú.

Xing Nhã – Ở Gia-rơ Bú, máu gì chảy ở chân đây?

Gia-rơ Bú – Máu con vắt ở núi Hơ-mũ cắn tao.

Gia-rơ Bú múa tiếp, Xing Nhã chém luôn cánh tay phải, chiếc đao rơi “ròn rền”...

Xing Nhã – Tại sao khiên của ngươi rơi mất rồi?

Gia-rơ Bú – Máu con vắt ở núi Hơ-mũ cắn tao.

Gia-rơ Bú múa tiếp, Xing Nhã chém luôn cánh tay phải, chiếc đao rơi “ròn rền”...

Xing Nhã – Tại sao khiên của ngươi rơi mất rồi?

Gia-rơ Bú – Không phải! Đó là tiếng kêu của chiếc lục lạc cho trẻ con chơi, tiếng vù của con diều dúi gió đấy!

Gia-rơ Bú cố sức múa nữa, nhưng lần này chưa kịp trở tay thì chiếc khiên đã bị Xing Nhã đánh vỡ tung, rơi xuống đất.

Cuối cùng đôi bên chỉ còn Pơ – rong Mưng⁽²⁾ và Xing Nhã đánh nhau.

[...] Trên trời, dưới đất, mây mưa mịt mù, gió bão ầm ầm, đổ cây lở núi. Hai bên đánh nhau từ khi trái khơ-la chín, đến mùa kê trở, vẫn không phân thắng bại. Cả hai đều kiệt sức, ngã trước chòi của Hơ-bia Bơ-lao.

(Cuối cùng, nhờ sự giúp sức của Hơ-bia Bơ-lao, Xing Nhã giết chết Pơ-rong Mưng – người cuối cùng trong bảy anh em nhà Gia-rơ Bú, trả thù cho cha, cứu mẹ già thoát khỏi cuộc sống nô lệ)."

(Theo Bùi Văn Nguyên, Đỗ Bình Trị,

Tư liệu tham khảo văn học Việt Nam, Tập I: Văn học dân gian, phần III, NXB Giáo dục, 1974. Tr.219-228)

Thực hiện yêu cầu từ câu 1 đến câu 5 (Trình bày ngắn gọn):

Câu 1. Xác định thể loại của văn bản?

Câu 2. Nhân vật chính trong văn bản trên là ai?

¹ Đầu đen máu đỏ: ý nói cún đầu cứng cổ, gan góc, chẳng kiêng nể ai

² Pơ – rong Mưng: em trai thứ bảy của Gia-rơ Bú

Câu 3. Chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ có trong đoạn văn sau: “*Xing Nhã quay khiên múa. Đất bụi bay mù mịt như mây trời tháng Bảy. Xing Nhã nhảy qua trái núi, lượn qua con suối, phăng qua đầu đèo, nhanh hơn bầy chim diều chim ó.*”

Câu 4. Nêu chủ đề của đoạn trích trên?

Câu 5. Nêu ngắn gọn cảm nhận của anh/chị về vẻ đẹp của người anh hùng Xing Nhã trong văn bản trên.

II. PHẢN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Anh/Chị hãy viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) cảm nhận về con người Nguyễn Khuyến trong bài thơ sau?

THƠ KHUYÊN HỌC

Nguyễn Khuyến

*Đen thì gần mực, đỏ gần son,
Học lấy cho hay, con hời con!
Cái bút, cái nghiên là của quý,
Câu kinh, câu sử, ấy mùi ngon!
Vàng mua chứa để, vàng hay hết,
Chữ bán dư ăn, chữ hãy còn.
Nhờ Phật một mai nên đáng cá⁽¹⁾,
Bồ công cha mẹ mới là khôn.*

(Thơ Nguyễn Khuyến, tr.12, NXB Văn Học, 2010)

(1) đáng cả: Đáng bậc có địa vị cao sang, có tiếng tăm. Đây ý nói đỗ đạt làm quan

Câu 2. (4,0 điểm)

Hiện nay còn có nhiều người sống không có khát vọng. Vậy anh/chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) nêu suy nghĩ của mình về ý nghĩa của khát vọng sống đối với mỗi người.

----- **Hết** -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm
Họ và tên thí sinh: SBD:

ĐỀ 5
(Đề gồm 02 trang)

ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT
THEO CẤU TRÚC MINH HỌA
MÔN: NGỮ VĂN

(Thời gian làm bài: 120 phút; Không kể thời gian phát đề)

I. PHẦN ĐỌC (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

TÊ- DÊ

Người anh hùng vĩ đại của thành A-ten là Tê-dê, chàng đã có nhiều cuộc phiêu lưu và tham dự nhiều sự kiện quan trọng đến nỗi ở A-ten người ta có câu “Không có việc gì mà không có Tê-dê”

Chàng là con của vua Ê-giê tại A-ten. Tuy nhiên thuở nhỏ chàng sống nơi quê mẹ, trong một thành phố phía nam Hy Lạp. Ê-giê quay trở về Hy Lạp lúc Tê-dê chưa sinh ra, nhưng trước khi đi ông có đặt một thanh kiếm và một đôi giày vào trong một cái hủ và lấp lại bằng một tảng đá lớn. Ông làm việc này với sự chứng kiến của vợ và dặn rằng khi nào đứa con trai – nếu nàng sinh ra con trai – của họ lớn lên đủ mạnh để lăn hòn đá này đi và lấy những thứ cất bên dưới thì hãy cho nó đến A-ten nhận cha.

Đứa bé sinh ra là con trai và khỏe mạnh hơn các trẻ khác rất nhiều, thế nên khi mẹ cậu cuối cùng dẫn cậu đến nơi hòn đá thì cậu nhấc nó lên một cách dễ dàng. Bà bèn bảo cậu rằng đã đến lúc cậu đi tìm cha và đã có một chiếc thuyền được ông ngoại cậu dành sẵn cho cậu. Nhưng Tê-dê không muốn đi bằng đường thủy vì chuyến đi như thế quá an toàn và nhàn nhã. Ý nghĩ của chàng là sớm trở thành một đại anh hùng, và quá an toàn, dễ dãi không phải là cách để đạt tới điều đó. Chàng luôn luôn mơ tưởng được như Hê-ra-cờ-lét – vị anh hùng sáng chói nhất trong các anh hùng của người Hy Lạp, và chàng quyết định hành động sao cho sáng chói như thế. Điều này hoàn toàn tự nhiên vì hai người là anh em họ.

Do đó, chàng khẳng khăng từ chối chiếc thuyền mà mẹ và ông ngoại chàng đã thuyết phục chàng sử dụng, chàng bảo rằng đi bằng thuyền như thế là sự lẩn trốn gian nguy một cách hèn hạ và chàng quyết tâm đi đến A-ten bằng đường bộ. Đây là một chuyến đi dài và rất nguy hiểm vì bọn cướp đầy đường. Tuy nhiên, chàng đã tiêu diệt sạch bọn chúng, chàng chẳng để sót một tên nào có thể quấy nhiễu khách bộ hành tương lai [...]

(Theo Ê-đi Ha-min-ton, *Huyền thoại phương Tây*,
Chương Ngọc dịch, NXB Mỹ thuật, Hà Nội, 2004)

Thực hiện yêu cầu từ câu 1 đến câu 5 (Trình bày ngắn gọn):

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên.

Câu 2. Theo văn bản, Tê-dê có nguồn gốc xuất thân như thế nào?

Câu 3. Anh/chị cho biết ý nghĩa câu nói của người dân ở A – ten: “*Không có việc gì mà không có Tê-dê*”?

Câu 4. Theo anh/chị mục đích của thử thách đầu tiên mà cha Tê-dê đặt ra cho con trai là gì?

Câu 5. Anh/chị hiểu như thế nào về câu nói của Tê -dê: “*Đi bằng thuyền như thế là sự lẩn trốn gian nguy một cách hèn hạ*”

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm) Anh/Chị hãy viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) cảm nhận về hình ảnh đất nước trong văn bản thơ sau:

ĐỊNH NGHĨA VỀ ĐẤT NƯỚC

Lê Minh Quốc

đất nước
có thể đó là một chú dế mèn
gọi mùa thu về chập chờn ngoài cửa lớp
lá trái bồ kết để em gội tóc
thơm hoài trong hơi thở buổi tự tình
(...) đất nước là cây cỏ không tên
những Vô Danh đối đầu cùng giông bão
chân lấm tay bùn làm ra hạt gạo
là đêm trăng bên cái giếng đầu làng
em khua gầu làm vỡ ánh trăng tan

(...) đất nước là hình ảnh con trâu
đi trước cái cày, trước cha, trước mẹ
là bài đồng dao con chim se sẻ
nó để mái tranh, tôi ném hòn sành
là con Rồng cháu Tiên, là gương vỡ lại lành
là thần thoại nhỏ tre mà đuổi giặc
(...) đất nước là tình chồng, nghĩa vợ
muối mặn gừng cay, tôi lửa tắt đèn
là Tháp Mười đẹp nhất hoa sen
là sông, là suối, là rừng, là phố
là tất cả những gì tôi đang có
từ Nam Quan đến mũi Cà Mau
Đất Nước còn tồn tại đến ngàn sau...

(Trích Định nghĩa về Đất Nước, Lê Minh Quốc,
Theo Tôi vẽ mặt tôi, NXB Văn hóa thông tin, 1994)

Câu 2. (4,0 điểm)

Anh/Chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày quan điểm của mình về mối quan hệ và trách nhiệm cá nhân với đất nước trong cuộc sống hôm nay.

----- **Hết** -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm

Họ và tên thí sinh: SBD:

ĐỀ 6
(Đề gồm 04 trang)

ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT
THEO CẤU TRÚC MINH HỌA
MÔN: NGỮ VĂN

(Thời gian làm bài: 120 phút; Không kể thời gian phát đề)

I. PHẦN ĐỌC (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

*Năm ấy lụt to tận mái nhà
Mẹ con lên chạn (1) – Bố đi xa
Bốn bề nước réo, nghe ghê lạnh
Tay mẹ trùm con, tựa mẹ già.*

*Mẹ cắn bầm môi cho khỏi khóc
Thương con lúc ấy biết gì hơn?
Nước mà cao nữa không bè thúng
Nếu chết trời ơi! Ôm lấy con.*

*Gọi với láng giềng, lời mẹ dặn
“Xây chi cứu giúp lấy con tôi!”
Tiếng dòn giữa nước mênh mông trắng
Đáp lại từ xa một tiếng “òì”*

*Nước, nước... lạnh tê như số phận
Lắt lay còn ngọn máy hàng cau
Nhưng mà mẹ thức ngồi canh chạn
Mắt mẹ trừng sâu hơn nước sâu. [...]*

(Trích *Nhớ mẹ năm lụt*, Huy Cận)

Thực hiện yêu cầu từ câu 1 đến câu 5 (Trình bày ngắn gọn):

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên?

Câu 2. Nhân vật trữ tình trong đoạn trích là ai?

Câu 3. Câu thơ “Nếu chết trời ơi! Ôm lấy con” thể hiện tình cảm gì của người mẹ dành cho con?

Câu 4. Đoạn trích giúp anh/chị hiểu được điều gì về bản phận của người làm con đối với cha mẹ?

Câu 5. Qua đoạn trích, tác giả muốn gửi gắm thông điệp gì về tình mẫu tử?

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) làm rõ những nét đặc sắc trong nghệ thuật kể chuyện của đoạn văn sau:

MỘT CƠN GIẬN

(Trích) - **Thạch Lam**¹ -

(Tóm tắt phần trước: Thanh cùng những người bạn trò chuyện về những cơn giận và hậu quả của nó. Thanh cũng kể câu chuyện làm cho anh ân hận mãi. Vì sự bức tức không rõ nguyên nhân từ trước, cộng thêm việc mặc cả không thành và những lời nói khó chịu của người phu xe, cơn giận của Thanh lên đến đỉnh điểm. Trên đường đi, gặp cảnh sát, vì muốn trả thù, Thanh đã nói những điều bất lợi cho người phu xe, khiến anh ta phải chịu nộp phạt và bị thu xe. Sau hôm đó, cơn giận của anh cũng đã hết nhưng trong lòng lại dâng lên nỗi day dứt, kéo dài đến mấy ngày sau. Chính vì thế Thanh đã đi tìm đến nhà của người kéo xe đó.)

Lần ấy là lần đầu tôi bước vào một chỗ nghèo nàn, khổ sở như thế. Các anh thử tưởng tượng một dãy nhà lụp xụp và thấp lè tè, xiêu vẹo trên bờ một cái đầm mà nước đen và hôi hám tràn cả vào đến thềm nhà.[...]

Người phu xe Dư ở trong ấy. Tôi cúi mình bước vào, chỉ thấy tối như bưng lầy mắt và thấy hơi ẩm lạnh thấm vào tận trong mình. Có tiếng người đàn bà sẽ hỏi:

- Bẩm thầy muốn gì?

Khi mắt đã quen tối, tôi nhận thấy người đàn bà vừa hỏi, một bà già ở mép một chiếc giường tre mục nát kê ở sát tường. Sau lưng bà này, một người đàn bà nữa ngồi ôm trong lòng một vật gì hơi động đậy. Cả hai cùng ngước mắt lên nhìn tôi một cách ngạc nhiên và đầu họ chạm vào mái nhà thấp, đầy những mảnh giẻ rách nát vắt trên xà.

- Bác Dư có nhà không?

- Bẩm, chú nó đi về quê vắng từ hôm nọ.

Một vẻ sợ hãi thoáng qua trên mặt đủ tỏ cho tôi biết họ không nói thật, tôi giảng giải:

- Không, cụ cứ nói thật cho tôi biết. Tôi đến để giúp bác ta chứ không có ý gì khác.

Bà cụ nhìn tôi nghĩ ngợi một lát rồi nói:

- Thế thầy đã biết việc chú nó bị bắt xe hôm nọ?

Tôi gạt đầu ra hiệu cho bà cụ cứ nói.

- Hôm ấy cai nó phải đem tiền lên nộp phạt để chuộc xe về. Chủ nó đã xin khát với cai để rồi trả dần số tiền đó. Nhưng nó nhất định không nghe, bắt phải trả một nửa ngay. Khốn nạn, thì lấy đâu ra mà trả. Thế là bị nó đánh một trận thừa sống thiếu chết thầy ạ. Khi về đây lê đi không được nữa. Thế mà nó còn bắt mai phải trả ngay.

Người đàn bà ngồi trong cát tiếng ồm yếu nói theo:

- Nó còn bảo hễ không trả nó sẽ bắt lấy thế.

- Thế bây giờ bác ta đâu?

Bà cụ trả lời:

- Đi ngay từ hôm ấy, mà không biết đi đâu. Đã ba hôm nay chúng tôi dò mà không thấy. Chắc là sợ cai không dám về nữa, dù có về mà không có tiền cũng chết với nó. Thật cũng là cái vạ; nghe đâu chủ nó nói hôm ấy tại người khách đi xe không biết nói với người đội xếp thế nào mới bị bắt, chớ không cũng chẳng việc gì.

Tôi yên lặng.

Bà cụ chép miệng, chỉ người đàn bà ngồi sau:

- Tôi nghiệp cho vợ con chủ đây, ốm đã mấy ngày hôm nay không có thuốc. Đứa cháu không biết có qua khỏi được không.

Tôi đứng lại gần xem.

- Cháu nó sài² đã hơn một tháng nay. Hôm nọ đã đỡ. Mấy hôm nay vì không có tiền mua thuốc lại tăng. Ông lang bảo cháu khó qua khỏi được.

Người mẹ nói xong nấc lên một tiếng rồi nức nở khóc.

Cái cảnh đau thương ấy làm tôi rơm rớm nước mắt. Một cảm giác ghen ngào đưa lên chẹn lấy cổ. Tôi lấy tờ giấy bạc năm đồng đưa cho người mẹ, rồi vội vàng bước ra cửa, để mặc hai người nhìn theo ngơ vực. [...]

- Cái kỉ niệm buồn rầu ấy cứ theo đuổi tôi mãi mãi đến tận bây giờ, rõ rệt như các việc mới xảy ra hôm qua. Sự đó nhắc cho tôi nhớ rằng người ta có thể tàn ác một cách rất dễ dàng. Và mỗi lần tôi nghĩ đến anh phu xe ngoại ô kia, tôi lại thấy đau đớn trong lòng như có một vết thương chưa khỏi.

(Trích Tuyển tập Thạch Lam, NXB Văn học, 2020, tr.59 - 62)

Chú thích:

(1) Thạch Lam, tên thật là Nguyễn Tường Lân - thành viên của nhóm Tự lực văn đoàn. Tác phẩm của ông thể hiện niềm cảm thương kín đáo mà sâu sắc đối với cuộc sống của những người dân nghèo nơi phố huyện ở ngoại ô Hà Nội hay của những trí thức bình dân.

(2) sài: tên gọi chung các bệnh nội khoa lâu khỏi ở trẻ em.

Câu 2. (4,0 điểm)

Không có kho báu nào quý bằng học thức. Hãy tích lũy nó bất cứ lúc nào có thể.

(Rudasky)

Anh/chị có đồng ý với ý kiến trên không? Hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) để bày tỏ suy nghĩ của mình về vai trò của học thức đối với mỗi con người.

----- **Hết** -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm

Họ và tên thí sinh: SBD:

ĐỀ 7
(Đề gồm 02 trang)

ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT
THEO CẤU TRÚC MINH HỌA
MÔN: NGỮ VĂN

(Thời gian làm bài: 120 phút; Không kể thời gian phát đề)

I. PHẦN ĐỌC (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

BUỔI GẶT CHIỀU

Anh Thơ

Mặt trời lặn, mây còn tươi ráng đỏ,
Cò từng đàn bay trắng cánh đồng xa.
Tiếng diều sáo véo von cùng tiếng gió,
Hoà nhịp nhàng giọng ả hái dâu ca.

Trong đồng lúa tươi vàng bông rủ chín,
Những trai tơ từng bộn gặt vui cười.
Cùng trong lúc ông già che nón kín,
Ngồi đầu bờ hút thuốc thổi từng hơi.

Trên đê trắng, chòm đầu phơ phát gió,
Lũ cu con mê mãi chạy theo diều.
Bỏ mặc cả trâu bò nằm vệ cỏ,
Mắt mơ màng trong gợn gió hiu hiu.

(Bức tranh quê, NXB Hội Nhà văn)

* Nữ sĩ Anh Thơ (1921? - 2005) tên khai sinh là Vương Kiều Ân, sinh tại thị trấn Ninh Giang, tỉnh Hải Dương, xuất thân trong một gia đình công chức nhỏ. Tuổi thơ, Anh Thơ gắn bó với đồng ruộng quê hương. Vốn ham thích văn học từ nhỏ, lớn lên giữa lúc phong trào Thơ mới đang diễn ra sôi nổi, Anh Thơ đã tìm đến thơ ca như một con đường giải thoát cuộc đời tù túng, buồn tẻ và tự khẳng định giá trị của người phụ nữ trong xã hội đương thời.

Thực hiện yêu cầu từ câu 1 đến câu 5 (Trình bày ngắn gọn):

Câu 1. Văn bản trên được viết theo thể thơ nào?

Câu 2. Cảnh “buổi gặt chiều” trong khổ (2) được gọi lên qua các hoạt động nào?

Câu 3. Nêu tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ được sử dụng trong câu thơ “Cò từng đàn bay trắng cánh đồng xa”.

Câu 4. Nhận xét về vẻ đẹp của con người lao động trong những câu thơ “Hoà nhịp nhàng giọng ả hái dâu ca” và “Những trai tơ từng bọn gặt vui cười”.

Câu 5. Hãy rút ra một thông điệp mà anh/chị tâm đắc nhất sau khi đọc văn bản trên.

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm) Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày cảm nhận của anh/chị về hình ảnh người mẹ trong truyện ngắn sau:

NGHỀ CỦA MẸ

Mẹ tôi làm nghề bán cá. Mùa nước nổi mẹ bán cá linh. Cá linh đưa lên bờ mau chết dễ sinh, nên xuống bến mua cá xong mẹ phải chạy rảo bán khắp xóm.

Có lần mẹ đội thau cá đứng trước cổng trường tiểu học nơi tôi học, ở ngoài rào mẹ ngoắt tôi đến cốt đưa cho gói xôi, cái bánh...

Mấy năm học xa, tôi không cho ai biết mẹ làm nghề bán cá.

Nay về, giữa mênh mông đồng nước quê mình, tự thấy như chưa bao giờ tròn chữ hiếu cùng mẹ.

(Võ Thành An, nguồn Kiến thức ngày nay số 404 ngày 06/01/2015)

Câu 2. (4,0 điểm)

Hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) về sự cần thiết đối diện với thử thách của mỗi người trong cuộc sống.

----- **Hết** -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm

Họ và tên thí sinh: SBD:

ĐỀ 8
(Đề gồm 03 trang)

ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT
THEO CẤU TRÚC MINH HỌA
MÔN: NGỮ VĂN

(Thời gian làm bài: 120 phút; Không kể thời gian phát đề)

I. PHẦN ĐỌC (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

Một viện bảo tàng được lát đá cẩm thạch rất tinh tế và ngay chính giữa sảnh ngự một bức tượng cẩm thạch khổng lồ. Du khách từ khắp nơi trên thế giới đến đây đều trầm trồ trước bức tượng cẩm thạch lộng lẫy này.

Đêm nọ, đá cẩm thạch nói với tượng cẩm thạch.

Đá: Này tượng, như thế là không công bằng đâu nhé. Thật là bất công! Tại sao mọi người tới đây đều giẫm lên tôi trong khi họ ngược mắt ngưỡng mộ cậu?

Tượng: Đá thân mến, cậu có nhớ rằng chúng ta đều sinh ra từ một mỏ đá không?

Đá: Đúng vậy! Chính điều đó lại càng làm tớ thấy bất công hơn. Chúng ta sinh ra từ một mỏ nhưng lại được đối xử khác nhau. Bất công làm sao!

Tượng: Rồi cậu có còn nhớ ngày mà nhà điêu khắc đeo cậu nhưng cậu từ chối không để các dụng cụ đó đeo gọt lên mình không?

Đá: Đúng thế, tớ vẫn nhớ [...].

Tượng: Rồi thì ông ấy quyết định từ bỏ cậu và bắt đầu làm việc trên mình tớ. Tớ hiểu ngay rằng mình sẽ khác biệt sau những nỗ lực của ông ấy. Tớ không từ chối các dụng cụ. Thay vào đó, tớ chịu đựng đau đớn khi những dụng cụ đó gọt gũa vào thân mình.

Đá: Ừ...

Tượng: Cậu thân mến, đó là cái giá của mọi thứ trong cuộc sống. Vì cậu quyết định bỏ cuộc giữa chừng, cậu không thể oán trách vì sao hôm nay người ta lại giẫm lên cậu.

(Bạn chỉ sống có một lần, Nhiều tác giả, NXB Trẻ, 2018, tr.90,91)

Thực hiện yêu cầu từ câu 1 đến câu 5 (Trình bày ngắn gọn):

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên?

Câu 2. Chỉ ra các nhân vật giao tiếp trong câu chuyện trên.

Câu 3. Để được mọi người trầm trồ ngưỡng mộ, tượng cẩm thạch đã trải qua điều gì?

Câu 4. Theo anh/chị, tượng cẩm thạch và đá cẩm thạch gợi liên tưởng đến những kiểu người nào trong cuộc sống?

Câu 5. Thông điệp ý nghĩa mà câu chuyện về đá cẩm thạch và tượng cẩm thạch mang đến là gì? Vì sao?

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày cảm nhận của anh/chị về hình ảnh người lính biển trong văn bản sau:

Anh ra khơi

Mây treo ngang trời những cánh buồm trắng

Phút chia tay, anh dạo trên bến cảng

Biển một bên và em một bên

Biển ồn ào, em lại dịu êm

Em vừa nói câu chi rồi mỉm cười lặng lẽ

Anh như con tàu lẳng sóng từ hai phía

Biển một bên và em một bên

Ngày mai, ngày mai khi thành phố lên đèn

Tàu anh buông neo dưới chùm sao xa lắc

Thăm thẳm nước trời, nhưng anh không cô độc

Biển một bên và em một bên

Đất nước gian lao chưa bao giờ bình yên

Bão thổi chưa ngừng trong những vành tang trắng

Anh đứng gác. Trời khuya. Đảo vắng

Biển một bên và em một bên

Vòm trời kia có thể sẽ không em

Không biển nữa. Chỉ mình anh với cỏ

Cho dù thế thì anh vẫn nhớ

Biển một bên và em một bên...

Hải Phòng, 1981

(*Thơ tình người lính biển*, Trần Đăng Khoa,
Bên cửa sổ máy bay, NXB Tác phẩm mới, 1985)

Câu 2. (4,0 điểm)

Sử dụng túi ni lông vô tội vạ là một thói quen phổ biến của nhiều người hiện nay. Anh/Chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) thuyết phục mọi người từ bỏ thói quen này.

----- **Hết** -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm

Họ và tên thí sinh: SBD:

ĐỀ 9
(Đề gồm 03 trang)

ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT
THEO CẤU TRÚC MINH HỌA
MÔN: NGỮ VĂN

(Thời gian làm bài: 120 phút; Không kể thời gian phát đề)

I. PHẦN ĐỌC (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

NHÀN

Nguyễn Bình Khiêm

Một mai[1], một cuộc, một cần câu,
Thơ thả dẫu ai[2] vui thú nào.
Ta dại, ta tìm nơi vắng vẻ,
Người khôn, người đến chốn lao xao.
Thu ăn măng trúc, đông ăn giá,
Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao.
Rượu, đến cội cây[3], ta sẽ uống,
Nhìn xem phú quý tựa chiêm bao[4].

(Theo Ngữ văn 10, Tập một,
NXB Giáo dục Việt Nam, 2020, tr.129)

Chú thích:

Nguyễn Bình Khiêm (1491-1585) là nhà thơ lớn của dân tộc. Ông để lại tập thơ chữ Hán Bạch Vân am thi tập (khoảng 700 bài) và tập thơ chữ Nôm Bạch Vân quốc ngữ thi (khoảng trên 170 bài). Thơ Nguyễn Bình Khiêm mang đậm chất triết lí, giáo huấn, ngợi ca chí của kẻ sĩ, thú thanh nhàn, đồng thời phê phán những điều xấu xa trong xã hội. Nhàn là bài thơ Nôm trong Bạch Vân quốc ngữ thi. Nhan đề bài thơ do người đời sau đặt.

[1] Mai: dụng cụ đào đất, xới đất.

[2] Dẫu ai: mặc cho ai. Dù ai có cách vui thú nào cũng mặc, tôi cứ thơ thả (giữa cuộc đời này).

[3] Cội cây: gốc cây

[4] Hai câu 7 và 8 tác giả có ý dẫn điển Thuần Vu Phần uống rượu say nằm ngủ dưới gốc cây hòe, rồi mơ thấy mình ở nước Hồ An, được công danh phú quý rất mực vinh hiển. Sau bừng mắt tỉnh dậy thì hoá ra đó là giấc mộng, thấy dưới cành hòe phía nam chỉ có một tổ kiến mà thôi. Từ đó điển này có ý: phú quý chỉ là một giấc chiêm bao.

Thực hiện yêu cầu từ câu 1 đến câu 5 (Trình bày ngắn gọn):

Câu 1. Xác định thể thơ của bài thơ trên

Câu 2. Anh/chị hãy tìm những từ ngữ, hình ảnh chỉ cuộc sống của nhà thơ khi lui về sống nhàn ần?

Câu 3. Chỉ ra và nêu tác dụng của 01 biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu thơ:

Thu ăn măng trúc, đông ăn giá,

Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao.

Câu 4. Theo anh/chị về hai câu thơ: *Ta dại, ta tìm nơi vắng vẻ/Người khôn, người đến chốn lao xao có ý nghĩa gì?*

Câu 5. Anh/chị hãy cho biết quan niệm sống nhàn của Nguyễn Bình Khiêm trong bài thơ trên mang ý nghĩa gì?

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về nội dung, ý nghĩa văn bản sau:

MUỐI

Một chàng trai trẻ đến xin học một ông giáo già. Anh ta lúc nào cũng bi quan và phàn nàn về mọi khó khăn. Đối với anh, cuộc sống chỉ có những nỗi buồn, vì thế học tập cũng chẳng hứng thú gì hơn. Một lần khi chàng trai than phiền về việc mình học mãi mà không tiến bộ, người thầy lặng lẽ nghe rồi đưa cho anh một thìa muối thật đầy và một cốc nước nhỏ.

- Con cho thìa muối này vào cốc nước và uống thử đi.

Lập tức chàng trai làm theo rồi uống thử.

- Cốc nước mặn chát. Chàng trai trả lời

Người thầy lại dẫn anh ra một hồ nước gần đó và đổ một thìa muối đầy xuống nước. Bây giờ con hãy nếm thử nước trong hồ đi.

- Nước trong hồ vẫn vậy thôi, thừa thãi. Nó chẳng hề mặn lên chút nào. Chàng trai nói khi múc một ít nước dưới hồ và nếm thử.

Người thầy chậm rãi nói:

"Con của ta, ai cũng có lúc gặp khó khăn trong cuộc sống. Và những khó khăn đó giống như thìa muối này đi. Nhưng mỗi người hoà tan nó theo một cách khác nhau. Những người có tâm hồn rộng mở giống như một hồ nước thì nỗi buồn không làm họ mất đi niềm vui và sự yêu đời. Nhưng với những người tâm hồn chỉ nhỏ như một cốc nước họ sẽ tự biến cuộc sống của mình trở thành đắng chát và chẳng bao giờ học được điều gì có ích."

(Theo vietnamnet.vn)

Câu 2. (4,0 điểm)

Trong cuộc sống nhiều người có tính chủ quan. Anh/Chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) giúp mọi người nhận thấy hậu quả của tính chủ quan.

----- **Hết** -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm

Họ và tên thí sinh: SBD:

ĐỀ 10

(Đề gồm 03 trang)

ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT**THEO CẤU TRÚC MINH HỌA****MÔN: NGỮ VĂN**

(Thời gian làm bài: 120 phút; Không kể thời gian phát đề)

I. PHẦN ĐỌC (4,0 điểm)**Đọc văn bản sau:****ÔNG NGOẠI**

(trích)

Nguyễn Ngọc Tư

(Tóm tắt đoạn đầu: Gia đình cậu mợ của Dung đậu phồng vắn và đi định cư nước ngoài. Mẹ Dung quyết định cho Dung sang ở với ông Ngoại để tiện bề trông nom ông. Dung dù không muốn nhưng vẫn nghe lời mẹ.)

Sang bên ấy được hai hôm, Dung chạy về mẹ, than thở lướt lướt: "Ở với ông ngoại buồn muốn chết, đi học về, mở karaoke lại sợ ồn, nói chưa được mấy câu thì hết chuyện. Chẳng lẽ con lại nói chuyện tình yêu với ông ngoại à? Bạn bạn không dám lại nhà chơi. Ông khó lắm. Con mở nhạc cũng ngại, con nấu cơm khét ông mắng cả buổi. Suốt ngày ông cứ lo tía tót cho mấy chậu kiểng, mấy con cá vàng. Con hỏi: "Ngoại chăm sóc hoài không chán sao?", Ngoại nói "Cây cũng có linh hồn. Con không tin, ghé tai vào nghe thử, có cây nào than buồn, có cây nào thèm nghe Michael Jackson đâu".

Mẹ cười:

- Con vì ông một chút, ông cũng vì con thôi, thử xem.

(...)

Thế nghĩa là có hai thế giới ở trong ngôi nhà. Thế giới của ông là mấy ông bạn già, là mấy chồng nhựt báo, là cái radio đâu hồi còn đánh nhau, là trầm tư suy ngẫm, là mảnh sân hoa trái. Thế giới của Dung là tiếng nhạc gào thét xập xình, là sắc màu xanh đỏ, là quả đất như nằm gọn trong bàn tay. Sáng nó dậy thật sớm để nấu cơm, sau đó đi học, chiều lại học, buổi tối nó vùi xe đến bạn chơi hoặc về nhà nghe mấy đĩa em cãi nhau ỏm tỏi. Hai thế giới vừa giành giật vừa hoà tan nhau.

(...)

Hôm bữa Dung nói với ông:

- Sao ông Chín bên nhà rủ ngoại đi tham gia câu lạc bộ gì đó, ngoại không đi?

Ông nhìn Dung thật lâu: "Ngoại sợ con ở nhà một mình buồn". Dung chột dạ, có bao giờ đi chơi mà mình nghĩ tới ông không.

(...)

Có những sự thay đổi Dung không thể ngờ được. Bây giờ mỗi đêm Dung trở mình nghe ông ngoại ho khúc khắc. Nghe cây mai nhỏ nứt mình, nảy chồi. Dung nghiện hương trầm tối tối ông thắp lên bàn thờ bà ngoại. Lắm khi lũ em Dung sang, chúng nó phá phách quậy tung cả lên, Dung mắng, chúng nó trề môi "Chị hai khó như một bà già", Dung giật mình. Có lẽ quen với cái tĩnh lặng trong sân mà mỗi chiều Dung giúp ông tưới cây, cái khoảng không xanh lác lồng trong khói bụi, đầu đó, trên tầng me già, dăm chú chim hót líu lo Dung quen dáng ông ngoại với mái tóc bạc, với đôi mắt hờm, cái cằm vuông, quen mỗi tháng một lần cộc cạch lên phường nhận lương hưu. Có một điều Dung ngày càng nhận ra tiếng ho của ông ngày càng khô và rời rạc như lời kêu cứu. (...)

Ngày 18 tháng 12, Dung mở tờ lịch mới, hôm nay là sinh nhật của nó. Hôm qua, mẹ cho Dung một món tiền kha khá, bọn bạn reo lên inh ỏi: "Party nghe Dung, làm xôm tụ, tụi này kéo lại". Dung nói với ông, ông gật đầu:

- Ủ thì sinh nhật mà, con có mua bánh kem chưa? Ông biết làm đấy.

Dung tròn mắt

- Thật ư?

Ông khẽ cốc đầu nó.

- Đừng có khinh ngoại.

Nói rồi hai ông cháu lẫn vào khuấy bột, trộn sữa. Tay ông nhẹ nhàng, nắn nót mười tám nụ hồng trên mặt bánh, Dung thơm thềm mãi. Buổi sinh nhật thật rôm rả, bọn Dung khiêu vũ với nhau ông ngoại cũng nhảy, ông mặc chiếc áo màu xanh thắt nơ hoa rất đẹp. Lúc ông nắm tay nó, nhạc dạo bài Tango "Xa vắng". Dung ngạc nhiên và buồn cười đến nỗi giẫm lên cả chân ông. Bọn bạn reo ầm lên, chúng khen bánh kem ngon, khen ông nhảy giỏi, Dung hãnh diện lắm....

(Trích Ông ngoại, Nguyễn Ngọc Tư)

Thực hiện yêu cầu từ câu 1 đến câu 5 (Trình bày ngắn gọn):

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên?

Câu 2. Nhân vật chính trong đoạn trích là ai?

Câu 3. Người kể chuyện chủ yếu đặt điểm nhìn ở đâu khi miêu tả sự thay đổi trong cảm xúc và nhận thức của Dung?

Câu 4. Theo anh/chị câu văn "Thế nghĩa là có hai thế giới ở trong ngôi nhà" có ý nghĩa gì?

Câu 5. Câu chuyện trong đoạn trích mang lại thông điệp sâu sắc nhất? Vì sao?

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) làm rõ những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ sau:

TRƯA HÈ

Bàng Bá Lân

*Dưới gốc đa già, trong vũng bóng,
 Nằm mát, đàn trâu ngẫm nhĩ nhai.
 Ve ve rung cánh, ruồi say nắng;
 Gà gáy trong thôn những tiếng dài.
 Trời lơ cao vút không buông gió;
 Đồng cỏ cào phô cánh lướt hồng,
 Êm đềm sóng lúa trôi trên lúa;
 Nhạc ngựa đường xa rắc tiếng đồng.
 (...)*

(*Thi nhân Việt Nam*, Hoài Thanh – Hoài Chân,
 NXB Văn học, 2022, tr.165)

Chú thích:

Nhà thơ Bàng Bá Lân (1946-1988) sinh tại phố Tân Ninh, phủ Lạng Thương, tỉnh Bắc Giang; nguyên quán làng Đôn Thụ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam. Ông là một nhà thơ, nhà giáo, dịch giả và là một nhiếp ảnh gia nổi tiếng. Xuất hiện trong phong trào “Thơ mới” (1932-1945), thơ Bàng Bá Lân nổi bật ở việc khắc họa những hình ảnh và ấn tượng về làng quê Việt Nam. Bài thơ “Trưa hè” in trong tập “Tiếng sáo diều” (1939-1945).

Câu 2. (4,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về hiện tượng con người đang phá hủy môi trường tự nhiên xung quanh mình.

----- Hết -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm

Họ và tên thí sinh: SBD:

ĐỀ 11
(Đề gồm 03 trang)

ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT
THEO CẤU TRÚC MINH HỌA
MÔN: NGỮ VĂN

(Thời gian làm bài: 120 phút; Không kể thời gian phát đề)

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc bài thơ:

TRONG LỜI MẸ HÁT

Trương Nam Hương

*Tuổi thơ chờ đầy cổ tích
Dòng sông lời mẹ ngọt ngào
Đưa con đi cùng đất nước
Chờ hành nhịp vỗ ca dao.*

*Con gặp trong lời mẹ hát
Cánh cò trắng, dải đồng xanh
Con yêu màu vàng hoa mướp
"Con gà cục tác lá chanh".*

*Khóm trúc, lùm tre huyền thoại,
Lời ru vắn vít dây trầu
Vàng trắng mẹ thời con gái,
Vẫn còn thơm ngát hương cau.*

*Con nghe thập thành tiếng cối
Mẹ ngồi giã gạo ru con
Lạy trời đừng giông đừng bão
Cho nồi cơm mẹ đầy hơn...*

*Con nghe đập dòn sóng lúa
Lời ru hóa hạt gạo rồi
Thương mẹ một đời khổ khó
Vẫn giàu những tiếng ru nôi.*

*Áo mẹ bạc phơ bạc phếch
Vải nâu bạc mối chỉ sồn
Thương mẹ một đời cay đắng
Sao lời mẹ vẫn thảo thơm.*

*Thời gian chạy qua tóc mẹ
Một màu trắng đến nôn nao
Lưng mẹ cứ còng dần xuống
Cho con ngày một thêm cao.*

*Mẹ ơi trong lời mẹ hát
Có cả cuộc đời hiện ra
Lời ru chấp con đôi cánh
Lớn rồi con sẽ bay xa.*

(Trích Tập thơ *Ban mai xanh*, NXB Đồng Nai, 1994, tr. 34-35)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1 (0,5 điểm). Xác định nhân vật trữ tình trong bài thơ trên.

Câu 2 (0,5 điểm). Chỉ ra những từ ngữ, hình ảnh miêu tả người mẹ trong bài thơ trên.

Câu 3 (1,0 điểm). Nêu hiệu quả của biện pháp tu từ nhân hóa trong hai câu thơ sau:

*Thời gian chạy qua tóc mẹ
Một màu trắng đến nôn nao*

Câu 4 (1,0 điểm). Anh/chị hiểu như thế nào về ý nghĩa hai câu thơ sau:

*Lưng mẹ cứ còng dần xuống
Cho con ngày một thêm cao.*

Câu 5 (1,0 điểm). Theo anh/chị, những thông điệp nào được nhà thơ Trương Nam Hương gửi gắm trong bài thơ trên? Điều đó có ý nghĩa với cuộc sống hiện nay không? Vì sao?

II. VIẾT

Câu 1 (2,0 điểm)

Nhà mẹ Lê là một gia đình một người mẹ với mười một người con. Bác Lê là một người đàn bà nhà quê chắc chắn và thấp bé, da mặt và chân tay răn reo như một quả trám khô. Khi bác mới đến phố, ai ai cũng chú ý đến đám con của bác: mười một đứa, mà đứa nhón mới có mười bảy tuổi! Đứa bé nhất hãy còn bế trên tay.

Mẹ con bác ta ở một căn nhà cuối phố, cái nhà cũng lụp xụp như những căn nhà khác. Chừng ấy người chen chúc trong một khoảng rộng độ bằng hai chiếc chiếu, có mỗi một chiếc giường nan đã gãy nát. Mùa rét thì giải ổ rơm đầy nhà, mẹ con cùng nằm ngủ trên đó, trông như một cái ổ chó, chó mẹ và chó con lúc nhúc. Đối với những người nghèo như bác, một chỗ ở như thế cũng tươm tất lắm rồi. Nhưng còn cách kiếm ăn? Bác Lê chặt vật, khó khăn suốt ngày cũng không đủ nuôi chừng ấy đứa con. Từ buổi sáng tinh sương, mùa nực cũng như mùa rét, bác ta đã phải trở dậy để đi làm mướn cho những người có ruộng trong làng. Những ngày có người mướn ấy, tuy bác phải làm vất vả, nhưng chắc chắn buổi tối được mấy bát gạo và mấy đồng xu về nuôi lũ con đói đợi ở nhà. Đó là những ngày sung sướng. Nhưng đến mùa rét, khi các ruộng lúa đã gặt rồi, cánh đồng chỉ còn trơ cuống rạ dưới gió bắc lạnh như lưỡi dao sắc khía vào da, bác Lê lo sợ, vì không ai mướn bác làm việc gì nữa. Thế là cả nhà nhịn đói. Mấy đứa nhỏ nhất, con Tý, con Phún, thằng Hi mà con chị nó bé, chúng nó khóc lả đi mà không có cái ăn. Dưới manh áo rách nát, thịt chúng nó thâm tím lại vì rét, như thịt con trâu chết. Bác Lê ôm ấp lấy con trong ổ rơm, để mong lấy cái ấm của mình áp ủ cho nó.

Cuộc đời của gia đình bác Lê cứ như thế mà lặng lẽ qua, ngày no rồi lại ngày đói. Tuy vậy, cũng có những ngày vui vẻ. Những ngày nắng ấm trong năm, hay những buổi chiều mùa hạ, mẹ con bác Lê cùng nhau ngồi chơi ở trước cửa nhà. Các người hàng xóm cũng làm như thế. Các bà mẹ ngồi rủ rủ với nhau những câu chuyện kín đáo, các trẻ con nô đùa dưới quán chợ, còn các bà già thì ngồi rũ tóc tìm chấy ngoài bóng nắng. Bác Lê đem thằng Hi, con Phún ra gọt tóc cho chúng nó bằng một cái mảnh chai sắc. Thằng cả ngồi đan lại cái lờ, còn những đứa khác chơi quanh gần đấy. Trong ngày hè nóng nực, con bác Lê đứa nào cũng lở đầu - bác ta bảo là một cái bệnh gia truyền từ đời ông tam đại - nên bác lấy phẩm xanh bôi cho chúng nó. Trông mẹ con bác lại giống mẹ con đàn gà, mà những con gà con người ta

bôi xanh lên đầu cho khỏi lẩn. Người phố chợ vẫn thường nói đùa bác Lê về đàn con đông đúc ấy. Bác Đồi, kéo xe, người vui tính nhất xóm, không lần nào đi qua nhà bác Lê mà không bảo:

- Bác phải nhớ thỉnh thoảng đếm lại con không quên mất.

Bác Lê bao giờ cũng trả lời một câu:

- Mất bớt đi cho nó đỡ tội!

Nhưng mọi người biết bác Lê quý con lắm. Tuy bác hết sức công bằng, người ta cũng thấy bác yêu thằng Hi hơn cả, nó là con thứ chín, và ốm yếu xanh xao nhất nhà. Bác thường bế nó lên lòng, hôn hít, rồi khoe với hàng xóm: nội cả nhà chỉ có nó là giống thầy cháu như đức. Rồi bác ôm con ngồi lặng yên một lát, như để nhớ lại chuyện gì đã lâu lắm.

(Trích *Nhà mẹ Lê* - Thạch Lam, Nhà xuất bản Đời nay, 1937)

Anh (chị) hãy viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích, đánh giá hình ảnh mẹ Lê trong đoạn trích trên.

Câu 2 (4,0 điểm)

Trong cuốn sách *Đủ nắng thì hoa nở*, tác giả Ba Gàn viết: “Đừng tìm bình an, mà hãy chủ động an bình trước mọi hoàn cảnh”.

Từ câu nói trên, hãy viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của anh/chị về cách sống chủ động của con người trong xã hội hiện đại.

-----Hết-----

ĐỀ 12*(Đề gồm 02 trang)***ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT****THEO CẤU TRÚC MINH HỌA****MÔN: NGỮ VĂN***(Thời gian làm bài: 120 phút; Không kể thời gian phát đề)*

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)**Đọc bài thơ:****NHỮNG GIỌT LỆ***Hàn Mặc Tử*

*Trời hỡi, bao giờ tôi chết đi?
 Bao giờ tôi hết được yêu vì,
 Bao giờ mặt nhật tan thành máu,
 Và khối lòng tôi cứng tợ si?*

*Họ đã xa rồi khôn níu lại,
 Lòng thương chưa đã, mến chưa bừa...
 Người đi, một nửa hồn tôi mất,
 Một nửa hồn tôi bỗng đại khờ.*

*Tôi vẫn còn đây hay ở đâu?
 Ai đem tôi bỏ dưới trời sâu?
 Sao bông phượng nở trong màu huyết,
 Nhỏ xuống lòng tôi những giọt châu?*

*(Tinh tuyển văn học Việt Nam (tập 7: Văn học giai đoạn 1900-1945),
 Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia,
 NXB Khoa học xã hội, 2004, tr.606,607)*

Thực hiện các yêu cầu sau:**Câu 1.** Xác định thể thơ của bài thơ.**Câu 2.** Ghi lại những câu thơ có nhắc đến hình ảnh “máu”.**Câu 3.** Chỉ ra và nêu tác dụng của các biện pháp tu từ trong 4 câu đầu bài thơ.**Câu 4.** Anh/Chị hiểu như thế nào về nội dung 2 câu thơ sau:

*Người đi, một nửa hồn tôi mất,
 Một nửa hồn tôi bỗng đại khờ.*

Câu 5. Nhận xét của anh/chị về tâm trạng Hàn Mặc Tử qua bài thơ.

II. LÀM VĂN

Câu 1 (2,0 điểm)

Viết đoạn văn khoảng 200 chữ trình bày cảm nhận của anh/chị về đoạn thơ sau:

*"Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu,
Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều
Nắng xuống, trời lên sâu chót vót;
Sông dài, trời rộng, bến cô liêu."*

(Tràng Giang, Huy Cận, SGK Ngữ văn 11, tập 2,
NXB Giáo dục, 2012, tr.29)

Câu 2 (4,0 điểm)

Anh/chị hãy viết một bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ về ý nghĩa của lòng khoan dung trong cuộc sống.

-----Hết-----

ĐỀ 13
(Đề gồm 03 trang)

ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT
THEO CẤU TRÚC MINH HỌA
MÔN: NGỮ VĂN

(Thời gian làm bài: 120 phút; Không kể thời gian phát đề)

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc bài thơ:

CỎ DẠI

“Cỏ dại quen nắng mưa
Làm sao mà giết được
Tới mùa nước dâng
Cỏ thường ngập trước
Sau ngày nước rút
Cỏ mọc đầu tiên”

Câu thơ nào trong ý nghĩ vụt lên
Khi tôi bước giữa một vùng cỏ dại
Không nhà cửa, không bóng cây. Tìm lối
Cứ đường hào rẽ cỏ mà đi.

Người dân quân tì súng lắng nghe
Bài hát nói về khu vườn đầy trái
Anh bỗng nghĩ đến một vùng cỏ dại
Nỗi nhớ đầu anh nhớ quê anh

Mảnh đạn bom và chất lân tinh
Đã phá sạch không còn chi nữa
Chỉ có sắt, chỉ còn có lửa
Và cuối cùng còn có đất mà thôi

Thù trong lòng và cây súng trên vai
Cùng đồng đội anh trở về làng cũ
Anh nhận thấy trước tiên là cỏ
Sự sống đầu anh gặp ở quê hương

Có một lần anh tìm đến bà con
Khi xúm xít quanh anh thăm hỏi
Giữa câu chuyện có điều này đau nhói:
- Đất quê mình cỏ đã mọc lên chưa?

Trong cuộc đời bình yên tựa nghìn xưa
Gần gũi nhất vẫn là cây lúa
Trưa nắng khát ước về vườn quả
Lúc xa nhà nhớ một dáng mây
Một dòng sông, ngọn núi, rừng cây
Một làn khói, một mùi hương trong gió...

Có mấy ai nhớ về ngọn cỏ
Mọc vô tình trên lối ta đi
Dấu nhỏ nhoi không đáng nhớ làm chi
Không nghĩ đến nhưng mà vẫn có.

Vĩnh Linh, 1969

(Xuân Quỳnh thơ và đời, NXB Văn hóa, 1998, tr.24-25)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Bài thơ được viết theo thể thơ nào?

Câu 2. Chỉ ra hình tượng nghệ thuật xuyên suốt trong bài thơ trên.

Câu 3. Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ liệt kê trong những câu thơ: *Lúc xa nhà nhớ một dáng mây/ Một dòng sông, ngọn núi, rừng cây/ Một làn khói, một mùi hương trong gió.*

Câu 4. Người chiến sĩ trong bài thơ có tình cảm như thế nào đối với quê hương của anh?

Câu 5. Từ hình ảnh ngọn cỏ *quen nắng mưa, làm sao mà giết được* bạn hãy rút ra bài học về lẽ sống cho bản thân.

II. Viết (6,0 điểm)**Câu 1 (2,0 điểm)**

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích, đánh giá tình huống truyện trong truyện ngắn sau:

Ông già Tư Nhỏ thức dậy từ lúc nửa đêm. Ông rên lên một tiếng ừ hự, thấy thất vọng khi nghe lòng mình vẫn còn đau. Có một niềm khát khao đến cháy bỏng, ông vẫn thường ước ao một lần nào đó đánh giấc thật sâu, khi trở dậy nỗi đau ấy biến mất, không còn dấu vết, như thể nó chưa từng có trên đời. [...]

Tình cha con đã như nước chảy xuống kẽ tay từ một ngàn năm trăm mười hai ngày trước. Cái ngày con Nga rầu rầu xin ra Chợ Cũ thăm má nó. Ông gật đầu, thì người đàn bà đó hơn một năm rồi chẳng về, tưởng đã quên mất con đường quay lại Xẻo Mè. Ai dè chiều hôm sau má con Nga tong tá xông vào nhà, nịu áo ông mà rằng:

- Sao anh hại đời con gái tôi đến nỗi nó phải mang bầu...

Ông Tư kêu lên một tiếng trời ơi. Tôi là người như vậy sao, Cúc ơi, tôi mà là người như vậy à. Cúc biết tôi từng ấy năm trời, sao lại gieo cho tôi cái tội mà chỉ nghĩ đến thôi đã xấu xa... Nhưng chẳng kịp mặc cái áo khô vào để phân trần, công an xã đến mời ông đi. Má con Nga theo sau, la khóc. Mọi người bàng hoàng ngó nhau, đầu nè, anh Tư Nhỏ hỏi nào giờ ở đời tử tế, chị đã dò hỏi kỹ chưa, con Nga nó nói vậy à. Không, con Nga nó không chịu nói tên người đó, bà con cô bác nghĩ coi, ai mà nó không dám kêu tên... Ai trồng khoai đất này...

Lúc con Nga hay được thì ông Tư đã bị nhốt năm ngày. Nó trốn má về, chạy thẳng ra xã xin ông ra. Nó sụp lạy ông ngay trụ sở Ủy ban, nó khóc, “Ba ơi, tại con hư, con làm ba khổ, ba tha lỗi cho con, ghen ba”. Ông đỡ nó dậy, cười méo mào, “Thôi con, đứng dậy, về. Chuyện qua rồi ...”. [...]

Rồi người trước người sau, họ trở về căn nhà nhỏ bên kinh Xẻo Mè. Căn nhà từ đây trở đi nằm chơ vơ trong ánh mắt cười cợt, trong lời đàm tiếu của người đời. [...]

Ông Tư mua than đước dự trữ trong nhà, đưa con Nga ít tiền ra chợ sắm sửa cho đứa bé sắp chào đời. Ông còn chuẩn bị cả vỏ tỏi, hạt mè để làm thuốc cho con Nga những ngày ở cữ. Ông ngượng ngịu bảo, “Cái này... tao biết là vì... hồi má bây sinh...”. [...]

Đứa trẻ ngày xưa bây giờ đã làm mẹ một đứa trẻ khác, cũng môi đỏ, mắt đen. Hôm ở trạm xá về, ở xóm người ta lại thăm nướm nướp, không kịp nhìn đứa trẻ, nắc nẻ khen liền: “Trời ơi thiệt là giống chú Tư quá hen”. Có người chưa đi quá cái miếu ông Tà đã cười cợt bàn với nhau, hổng biết thằng nhỏ kêu ông Tư Nhỏ là gì ha, là ngoại hay cha. Ông đang quạt mẻ than, nghe câu ấy thẳng thốt nhìn tro bụi rơi, con gái nỉ non, ba ơi, kệ con, coi chừng người ta thấy, nói tới nói lui. Ông già nổi quạu đùng đùng, “Thiên hạ phải để tôi sống đàng hoàng như một con người chứ”. Tiếng kêu nghe thấu đến trời, sao đồng loại con người không học cách hiểu nhau.

Đêm đó, ông thức trắng. Sáng ra con mắt trộm lơ, ông sửa soạn quây gói đi. Hai mẹ con Nga ọ ẹ lên tiếng trong nhà, ông Tư nói với vợ, “Bây có muốn mua gì không, tao đi huyện nè...”. Trời, đi chi vậy ba... Ông nói ông cũng chưa biết nữa, nhưng dù không biết phải bắt đầu từ đâu cũng phải đòi lại danh dự cho mình, cho con Nga và thằng cháu ngoại, đòi lại những niềm vui đã bị người đời tước đoạt.

[...] Một bữa có đoàn cán bộ huyện về khánh thành con đường giao thông nông thôn từ Xẻo Mè về Phước Hậu. Nghe nói họ sẽ đi qua nhà (đi một khúc để Đài truyền hình quay phim), con Nga bèn cầm chổi ra sân quét lá. Thấy bóng người quen, Nga gọi nhỏ, anh gì ơi. [...]. Người nọ đứng ngậy ra, mặt tái như mặt gà mái, hồi lâu mới hỏi: “Bây giờ... Nga muốn gì...”. Con Nga giả dò chừng hững, “Ừa, vậy mấy lần ba tui lên huyện kêu oan, anh không gặp sao, anh biết ba tui khổ sao anh im re vậy...”. Nói rồi nó đứng đĩnh đi vô, kêu thăm, trời ơi, người này, hồi đó với mình nông mận biết bao nhiêu, khi anh ta say công danh mà bỏ rơi mình, mình đã đau vất đau vả. Sao bây giờ gặp nhau, thấy nản không muốn nhìn mặt. Thì ra, tình cảm cũng như bát nước hắt đi, không mong gì hốt lại.

Rồi một trưa đầy nắng, mây trên trời xanh léo xanh lơ, trước giờ ca cải lương, đài truyền thanh xã gởi đi lời xin lỗi của chính quyền đối với công dân Dương Văn Nhỏ. Đơn giản, gọn hơ, nhẹ nhõm. Vậy là huê ghen. Cái câu dài thê thiết những dấu phẩy, dấu chấm lửng cuối cùng cũng được người ta chấm cái rột. Ông Tư lúc đó đang móc đất nắn trâu cho thằng Sáng chơi, khóc hức lên vì không cảm lòng được, sao kỳ vậy cà, người ta đã giải oan cho mình rồi, đã xin lỗi mình rồi sao mình vẫn mãi đau.

(Trích *Đau gì như thế...*, Nguyễn Ngọc Tư, *Tuyển tập truyện ngắn*)

Câu 2 (4,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của bạn về lối sống biết trân trọng những điều bình dị trong cuộc sống.

-----Hết-----

ĐỀ 14*(Đề gồm 03 trang)***ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT
THEO CẤU TRÚC MINH HỌA
MÔN: NGỮ VĂN***(Thời gian làm bài: 120 phút; Không kể thời gian phát đề)*
-----**I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)****Đọc đoạn trích sau:**

Lược dẫn: Vợ của nhân vật xưng “tôi” mua một con chó, nhưng nó rất xấu xí nên chẳng ai dám đến gần. Mấy người quen của nhân vật “tôi” định bụng sẽ giết thịt nó để làm một châu nhậu, nhưng rồi giặc đến, mọi người đều phải bỏ làng chạy giặc. Vì vướng víu nên gia đình nhân vật “tôi” đành phải bỏ con chó lại nhà cụ bếp Móm và nhờ cụ nuôi hộ. Trước khi ra đi, vợ của nhân vật “tôi” đã xích con chó vào gốc cây để nó khỏi chạy theo.

“Ổng! Ổng! Ổng!” Tiếng con chó lồng lộn, cuống quít đằng sau bước chân tôi. Nó như gọi tôi, nó như kêu cứu, như than khóc, oán trách...

Ra khỏi ngõ, tôi thoáng nghe tiếng chị vợ cả nói với chồng:

– Vợ chồng nhà ấy họ đi đấy à? Này, họ bỏ lại con chó cậu ạ.

Và tiếng anh chồng dấm dẩn:

– Đến người cũng chả chắc giữ được nữa là con chó!

Tôi xóc lại cái quai ba lô, bước theo hút cái bóng nhà tôi đang đi xăm xăm xuống đồi.

[...]

Tiếng con chó từ trong nhà cụ bếp Móm đưa ra vẫn nghe rõ mồn một “Ổng! Ổng! Ổng!”. Tiếng con chó da diết, nhọn hoắt xói vào ruột gan tôi. “Thôi để chuyện này về tao nuôi. Tao sẽ nuôi mày, tao không bỏ mày đâu...”.

Tôi nhủ thầm với tôi một lần nữa như vậy.

(Lược một đoạn: sau khi giặc rút, gia đình nhân vật “tôi” về lại làng, nhưng nhân vật “tôi” đã quên bằng con chó).

Một hôm tôi chợt thấy cặp kính trắng lấp loáng của Đặng “còn” từ đầu ngõ đi vào, bấy giờ tôi mới giật mình, sực nhớ đến con chó. Tôi quay lại hỏi nhà tôi:

– À, mình này! Con chó nhà ta đâu nhỉ? Mình chưa vào trong cụ bếp dắt nó về à?

Nhà tôi đứng ngẩn ra một lúc. Có lẽ nhà tôi cũng không ngờ rằng tôi đã về bằng ấy ngày giờ rồi vẫn không nói chuyện con chó ấy với tôi.

– Nó chết rồi! – Nhà tôi nói khe khẽ.

– Chết rồi? Làm sao mà chết được?

Tôi trở mắt lên hỏi lại. Nhà tôi cúi mặt xuống, thờ dài:

– Nó chết thương lắm cơ mình ạ. Không phải nó chết trong cụ bếp Móm đâu. Nó về nhà ta nó chết đấy.

Nhà tôi ngừng lại, cắn môi chóp chóp hai mắt nhìn ra ngoài sân. Lát sau, nhà tôi đứng dậy mời Đặng vào trong nhà, rót nước mời anh rồi mới tiếp tục câu chuyện.

Chao ôi! Con chó xấu xí ấy của tôi! Con chó từ lúc mua, đến lúc chết không được một lần vuốt ve! Nó đã chết một cách thảm thương và trung hậu quá. Từ hôm vợ chồng tôi gửi lại nó cho ông cụ bếp Móm, con chó không chịu ăn uống gì. Nó chỉ kêu. Nó kêu suốt ngày, suốt đêm. Một đêm, ông cụ bếp không thấy con chó kêu nữa, thì ra nó đã xổng xích đi đâu mất rồi.

Hôm nghe tin giặc rút, ở trong khe đồn Khau Vắt dọn về, nhà tôi tạt vào nhà cụ bếp Móm định đem con chó về nhân thế, nhưng vào đến nơi thì nó không còn đấy nữa. Lúc ấy nhà tôi cũng yên trí là con chó mất rồi. Chắc chắn nó sẽ lạc vào một trại áp nào đấy và người ta làm thịt nó.

Nhưng khi nhà tôi về đến nhà, bà con xóm giềng vừa chạy sang láo nháo thăm hỏi thì, ở ngoài vườn sau, có mấy tiếng chó hú lên thảm thương và ghê rợn.

Từ sau bụi dừa rậm rạp, con chó khốn khổ ấy lao đảo đi ra. Người nó run lên bần bật. Nó gầy quá, chỉ còn một dúm xương da xộc xệch, rụng hết lông. Nó đói quá, đi không vững nữa. Nó đi ngã dụi bên này, dụi bên kia. Rồi nó không còn đủ sức mà đi nữa. Nó nằm bệt trên đất, rúm người lại, lét lét về phía nhà tôi. Lúc ấy cả người nó chỉ còn có cái đuôi là còn ngoáy được để mừng chủ và cái lưỡi liếm liếm vào tay chủ. Khốn nạn con chó! Được gặp chủ nó mừng quá. Từ trong hai con mắt đờ đẫn của nó mấy giọt nước chảy ra. Lát sau thì nó không liếm được nữa, cái đuôi ngoáy yếu dần, yếu dần rồi im hẳn. Nó chết.

Tôi tối sầm mặt lại, vừa thương xót con chó, vừa thấy xấu hổ. Quả thật tôi chỉ là một thằng tòi. Một thằng ích kỷ. Tôi chỉ nghĩ đến mình và vợ con mình. Đến như con chó mình nuôi, mình đối xử với nó có được như cái tình nghĩa của nó đối xử với mình đâu?

[...],

(Trích *Con chó xấu xí*, Kim Lân,
in trong *Tuyển tập Kim Lân*, Nxb Văn học)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1: Xác định ngôi kể của đoạn trích trên. Đoạn trích chủ yếu được kể theo điểm nhìn của nhân vật nào?

Câu 2: Chi tiết nào khiến nhân vật “tôi” cảm thấy “vừa thương xót con chó, vừa thấy xấu hổ”?

Câu 3: Xác định tình huống truyện của tác phẩm.

Câu 4: Theo anh/ chị, chi tiết: “*Tiếng con chó da diết, nhọn hoắt xói vào ruột gan tôi. “Thôi để chuyện này về tao nuôi. Tao sẽ nuôi mày, tao không bỏ mày đâu...”*” thể hiện điều gì?

Câu 5: Anh/chị rút ra bài học gì cho bản thân sau khi đọc đoạn trích trên?

II. LÀM VĂN (6,0 điểm)

Câu 1 (2.0 điểm)

Trong bài thơ “*Quê hương*”, nhà thơ Đỗ Trung Quân viết:

Quê hương là chùm khế ngọt

Cho con trèo hái mỗi ngày

Quê hương là đường đi học

Con về rợp bướm vàng bay.

Anh/ chị hãy viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) làm rõ đặc trưng của thơ trữ tình qua đoạn thơ trên.

Câu 2 (4.0 điểm)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về vấn đề: *thói quen ỷ lại là căn bệnh đang dần huỷ diệt sức trẻ.*

-----Hết-----

ĐỀ 15*(Đề gồm 04 trang)***ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT****THEO CẤU TRÚC MINH HỌA****MÔN: NGỮ VĂN***(Thời gian làm bài: 120 phút; Không kể thời gian phát đề)*

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm):**Đọc văn bản sau:****MỘT BỮA NO**

Bà lão ấy hờ con suốt một đêm. Bao giờ cũng vậy cứ hết đường đất làm ăn là bà lại hờ con. Làm như chính tự con bà nên bây giờ bà phải đói. Mà cũng đúng như thế thật. Chồng bà chết từ khi nó mới lọt lòng ra. Bà thắt lưng buộc bụng, nuôi nó từ tấm tằm, tí ti giờ đi. Cũng mong để khi mình già, tuổi yếu mà nhờ. Thế mà chưa cho mẹ nhờ được một li, nó đã lăn cò ra nó chết. Công bà thành công toi.

[...] Nuôi cháu bảy năm trời, mãi cho đến khi nó đã mười hai, bà cho nó đi làm con nuôi người ta lấy mười đồng. Thì cái mà cho bố nó đã mất tám đồng rồi. Còn hai đồng bà dùng làm vốn đi buôn, kiếm mỗi ngày dăm ba xu lãi nuôi thân. Có chạy xạc cả gấu vảy, hết chợ gần đến chợ xa, thì mới kiếm nổi mỗi ngày mấy đồng xu. Sung sướng gì đâu! Ấy thế mà ông trời ông ấy cũng chưa chịu để yên. Năm ngoái đây, ông ấy còn bắt bà ôm một trận thập tử nhất sinh. Có đồng nào hết sạch. Rồi chết thì không chết nhưng bà lại bị mòn thêm rất nhiều sức lực. Chân tay bà đã bắt đầu run rẩy. Người bà thỉnh thoảng tự nhiên bủn rủn. Đang ngồi mà đứng lên, hai mắt cũng hoa ra. Đêm nằm, xương cốt đau như giã. Đi đã thấy mỗi chân. Như vậy thì còn buôn bán làm sao được? Nghĩ đến nắng gió bà đã sợ.

[...] Hơn ba tháng, bà lão chỉ ăn toàn bánh đúc. Mới đầu, còn được ngày ba tấm. Sau cùng thì một tấm cũng không có nữa. Tiền hết cả. Mỗi sáng, bà ra chợ xin người này một miếng, người kia một miếng. Ai lấy đâu mà ngày nào cũng cho như vậy? Lòng thương cũng có hạn. Mấy hôm nay bà nhin đói. Bởi thế bà lại đem con ra hờ. Bà hờ thê thảm lắm. Bà hờ suốt đêm. Bà khóc đến gần mòn hết ra thành nước mắt. Đến gần sáng, bà không còn sức mà khóc nữa. Bà nằm ẹp bụng xuống chiếu, nghĩ ngợi. Có người nói: những lúc đói, trí người ta sáng suốt. Có lẽ đúng như thế thật. Bởi vì bà lão bỗng tìm ra một kế. Bà ra đi.

[...] Bà phó Thụ mở to đôi mắt đỏ ngầu, nhìn kĩ hơn một chút. Bà nhận ra bà cái đi ở. Tức thì mặt bà nguyền xuống. Bà lão này còn muốn quấy quả gì nữa đây? Để vùi tiền thêm chẳng? Bà lão nên một tiếng và chống tay lên đầu gối, bầy rầy đứng lên. Bà phó hỏi:

- Bà đi đâu thế?

Bà lão lại rên tiếng nữa để mở đầu câu nói:

- Bầm bà, con lên chơi với cháu. Lâu lắm, cháu không được về, con nhớ cháu quá!

- Ủi dào ôi! Vẽ cái con chuột chết! Nó phải làm chứ có rồi đâu mà bà chơi với nó? Nhà tôi không có cơm cho nó ăn để nó cứ nòng nống nó chơi... Bà cần phải nói ráo riết ngay để chặn họng, không cho bà lão mở mồm vôi vĩnh. Bà lão bị những lời tàn nhẫn ấy hắt vào mặt quả nhiên không còn nói sao được nữa. Bà cúi đầu, như một con mẹ ăn cắp lúa, bị tuần sương tóm được. ...

Bà lão rung rung nước mắt. Khốn nạn, bà có ý quát quéo thế đâu? Bà lão mếu máo:

- Bầm bà, bà dạy thể thật oan cho con quá... Con chỉ xin bà cho được trông thấy cháu, bà cháu chơi với nhau một lúc. Cũng chẳng còn mấy chốc nữa mà con chết, con cũng tưởng đi chơi dối già một bận...

Cái đi vừa trông thấy bà, mừng rồi rít. Nó cười rồi nó khóc chẳng biết vì sao cả. Nhưng đôi mắt khoằm khoằm của bà phó Thụ dội nước vào lòng nó. Nó tự nhiên ngượng nghịu. Nó không dám xoắn xuýt bà nó nữa. Nó cúi đầu, khẽ hỏi:

- Bà đi đâu đấy?

- Bà đến xin bà phó một bữa cơm ăn đây! Bà đói lắm.

Câu nói rất thật thà ấy, bà lão dùng giọng đùa mà nói. Như thế người ta gọi là nửa đùa nửa thật. Một cách lấp liếm cái ý định của mình bằng cách nói toạc nó ra. Cái Đi đã bế em, dắt bà ra đầu chái, để không bị ai nhìn nữa... Nó cởi dải yếm lấy ra một cái túi rút con con. Trong túi xóc xách mấy đồng trinh. Nó rút ra, đếm lấy hai xu, gửi cho bà...

- Con biểu bà để bà ăn bánh đúc. Bà về đi!

Tiếng bà phó giục:

- Cái đi đi đâu rồi? Đem em về đây, rồi quét nhà, dọn cơm.

- Vâng!

Nó tắt tuổi bé em chạy về. Bà lão hãi chó, leo đèo đi theo cháu. Bà phó trông thấy mà lộn ruột. Bà xa xả:

- Bà đừng theo đít nó thế. Bà cứ ngồi một chỗ rồi mà ăn cơm, Khiếp thật thôi!

Vương!...

Bà lão “vâng” thành một tiếng rên. Bà vào nhà, ngồi xón vén vào một xó ngay xuống đất. Bà phó cất lấy con. Cái đi lục cụt chạy xuống nhà dưới. Một lát sau, tiếng đĩa bát bắt đầu lạch cạch... Bà phó bảo: “Bà xuống dưới này mà ăn cơm.”

Bà lão chẳng đợi ai phải bảo, ngồi ngay xuống cạnh cháu, tay run run so đĩa. Trông bà so đĩa mà ngửa mắt! Bà phó muốn giạt xoét lấy làm thật nhanh cho đỡ bức. Nhưng bà nhịn được. Bà chỉ chép miệng và lừ lừ đôi mắt, tỏ ý khó chịu. Cái đi hiểu nên chỉ nhìn xuống đất. Nó giận bà nó lắm. Nó đã bảo bà nó về đi mà bà nó không chịu về... No đòn, đói góp. Người đói mãi, vớ được một bữa, tất bằng nào cũng chưa thấm tháp. Nhưng người no mãi, người ta có cần ăn nhiều lắm đâu. Vậy thì bà cứ ăn. Ăn đến kì no. Đã ăn rình thì ăn ít cũng

là ăn. Đẳng nào cũng mang tiếng rồi thì đại gì mà chịu đói? Người ta đứng lên tất cả rồi. Chỉ còn mình bà lão ngồi ăn với bà phó Thụ ngồi lại để lườm với nguýt. Nhưng bà lão còn thấy đói. Còn cơm mà thôi ăn thì khi tiếc. Và đã đi ăn chực thì còn danh giá gì mà làm khách. Bà cứ ăn như không biết gì.

... Ái chà! Bây giờ thì bà no. Bà bỗng nhận ra rằng bà no quá. Bụng bà tung tức. Bà nói thất lung ra một chút cho dễ thở. Bà tựa lưng vào vách để thở cho thoải thích. Mồ hôi bà toát ra đầm đìa. Bà nhọc lắm. Ruột gan bà xộn xạo. Bà muốn lăn kên ra nghỉ, nhưng sợ người ta cười, cố gượng. Ôi chao! Già yếu thì khổ thật. Đói cũng khổ mà no cũng khổ. Chưa ăn thì người rời rã. Ăn rồi thì có phần còn nhọc hơn chưa ăn. Ôi chao!

Xế chiều hôm ấy, bà lão mới ra về được. Bà bảo: về muộn cho đỡ nắng. Thật ra thì bà tức bụng, không đi nổi.... Đêm hôm ấy, bà lăn lóc rất lâu không ngủ được. Bà vằn cái bụng, bà quay vào lại quay ra. Bụng bà kêu ong ọc như một cái lọ nước. Nó thẳng căng. Bà thở ị ạch.

Vào khoảng nửa đêm, bà thấy hơi đau bụng. Con đau cứ rõ thêm, cứ tăng dần. Chỉ một lúc sau, bà đã thấy đau quặn quéo, đau cuống cuống. Rồi bà thổ. Rồi bà tả. Ôi chao! Ăn thật thì không bỏ mửa. Bà tối tăm mặt mũi. Đến khi bệnh tả dứt thì bà lại sinh chứng đi lị. Ruột bà đau quặn quặn. Ăn một tí gì cũng đau không chịu được. Luôn nửa tháng trời như vậy. Rồi bà chết. Bà phó Thụ, nghe tin ấy, bảo: “Bà chết no”. Và bà dùng ngay cái chết ấy làm một bài học dạy lũ con gái, con nuôi:

- Chúng mày xem đây. Người ta đói đến đâu cũng không thể chết nhưng no một bữa là đủ chết. Chúng mày cứ liệu mà ăn tộ vào!...

(Trích Tuyển tập Nam Cao, NXB Thời đại, 2010)

Câu 1: Xác định đề tài của truyện.

Câu 2: Nhân vật chính trong truyện là ai?

Câu 3: Xác định và nêu tác dụng của điểm nhìn trần thuật trong văn bản.

Câu 4: Qua truyện ngắn trên, nhà văn Nam Cao muốn phản ánh điều gì về người nông dân giai đoạn trước CMT8?

Câu 5: Anh/Chị rút ra được bài học gì từ câu chuyện trên?

II. VIẾT (4,0đ)

Câu 1 (2,0 điểm) Viết đoạn văn nghị luận khoảng 200 chữ phân tích tâm trạng của nhân vật trữ tình trong đoạn trích sau:

Biết bao bướm lả ong lơi!

Cuộc say đầy tháng, trận cười suốt đêm.

Dập dìu lá gió cành chim,

Sớm đưa Tống Ngọc tới tìm Tràng Khanh

Khi tỉnh rượu lúc tàn canh

*Giật mình mình lại thương mình xót xa
Khi sao phong gấm rủ là
Giờ sao tan tác như hoa giữa đường?
Mặt sao dày gió dạn sương?
Thân sao bướm chán ong chường bấy thân!*

(Truyện Kiều - Nguyễn Du)

Câu 2:

Viết một bài nghị luận khoảng 600 chữ với vấn đề: ***Sự thích ứng của giới trẻ trong bối cảnh hội nhập hiện nay.***

-----Hết-----

ĐỀ 16
(Đề gồm 04 trang)

ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT
THEO CẤU TRÚC MINH HỌA
MÔN: NGỮ VĂN

(Thời gian làm bài: 120 phút; Không kể thời gian phát đề)

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

MỘT CƠN GIẬN

(Lược phần đầu: Vào một ngày đông rét mướt, với tâm trạng bức tức không rõ nguyên do, nhân vật tôi (Thanh) mặc cả một cái xe tay nhưng không được, phu xe cứ lèo đèo theo sau làm Thanh càng bức mình hơn. Cuối cùng, Thanh lên xe ngồi với tâm trạng bức tức. Trên đường, gặp cảnh sát, người phu xe nhìn Thanh cầu cứu.)

Xe đi khỏi nhà máy nước thì gặp một người đội xếp tây đi xe đạp lại, theo sau một người đội xếp ta. Tôi nhận thấy anh xe kéo tôi có ý luống cuống và sợ hãi. Có lẽ vì thế mà người cảnh sát để ý, đi giáp vào cái xe kéo để xem dấu hiệu.

- Ê! Đứng lại!

Người kéo xe dừng chân... Anh ta quay lại tôi hốt hải van xin:

- Lạy thầy... thầy nói giúp con... thầy làm ơn...

Dưới ánh đèn tôi thấy mặt anh xe tái mét. Những vết răn in sâu xuống trên mặt già nua hốc hác, chân tay người khốn nạn ấy run bật lên và tôi thấy cái rung động chuyển cả vào chiếc thân xe.

[...] Tôi liếc mắt nhìn anh kéo xe. Trong bóng tối của vành nón qua ngang mặt, tôi thấy hai mắt anh ta long lanh nhìn tôi, như khẩn cầu van xin yên lặng. Tôi biết lời nói của tôi sẽ làm anh ta bị bắt hay không. Những khi nói chuyện với các phu xe khác, tôi được biết rằng nếu người khách nói là đi khứ hồi từ ngoại ô, thì người xe không việc gì. Nhưng lúc ấy, lời van xin của anh xe kia không làm cho tôi động lòng, mà lại làm cho tôi ghét anh thêm. Tôi trả lời người đội xếp:

- Tôi đi từ phố hàng Bún.

- Vậy phiền ông xuống xe.

Rồi anh ta nhìn anh phu xe, cười một cách tinh quái:

- Allez! Đi về bót!

Khi anh phu xe run sợ và hai người cảnh sát đã khuất đầu phố, tôi mới quay đi thông thả trên bờ hè. Cơn giận của tôi đã hết rồi. Sự hối hận dần thấm thía vào lòng tôi,

tôi thấy một cái chán nản bức tức rung động trong người.

Tôi rung mình nghĩ đến số phận của anh xe khôn nạn. Ba đồng bạc phạt! Anh ta phải vay cai xe để nộp phạt; nhưng ba đồng bạc nợ ấy, bao giờ anh ta trả xong, sau những ngày nhịn đói, bị cai xe hành hạ, đánh đập vì thù hận?

Tôi càng nghĩ đến bao nhiêu lại càng khinh bỉ tôi bấy nhiêu. [...]

Tôi nhất định đem tiền đến cho người xe kia để chuộc tội lỗi của mình. Đến phố hàng Bột hỏi dò những người chung quanh xưởng xe, tôi biết được anh xe bị phạt đêm hôm ấy là tên Dur, và ở trong một dãy nhà quá ngả tư Khâm Thiên.

Lần ấy là lần đầu tôi bước vào một chỗ nghèo nàn, khổ sở như thế. Các anh thử tưởng tượng một dãy nhà lụp xụp và thấp lè tè, xiêu vẹo trên bờ một cái đầm mà nước đen và hôi hám tràn cả vào đến thềm nhà. Trong cái hang tối tăm bẩn thỉu ấy, sống một đời khôn nạn những người gầy gò, rách rưới như những người trong một cơn mê.

[...] Có tiếng người đàn bà khẽ hỏi:

- Bẩm thầy muốn gì?

Khi mắt đã quen tối, tôi nhận thấy người đàn bà vừa hỏi, một bà già ở mép một chiếc giường tre mục nát kê ở sát tường. Sau lưng bà này, một người đàn bà nữa ngồi ôm trong lòng một vật gì hơi động đậy. Cả hai cùng ngược mắt lên nhìn tôi một cách ngạc nhiên và đầu họ chạm vào mái nhà thấp, đầy những mảnh giẻ rách nát vắt trên xà.

[...] Tôi gật đầu ra hiệu cho bà cụ cứ nói:

- Hôm ấy cai nó phải đem tiền lên nộp phạt để chuộc xe về. Chú nó đã xin khát với cai để rồi trả dần số tiền đó. Nhưng nó nhất định không nghe, bắt phải trả một nửa ngay. Khôn nạn, thì lấy đâu ra mà trả. Thế là bị nó lột quần áo đánh một trận thừa sống thiếu chết thầy ạ. Khi về đây lê đi không được nữa. Thế mà nó còn bắt mai phải trả ngay.

Người đàn bà ngồi trong cát tiếng ồm ồm nói theo:

- Nó còn bảo hễ không trả nó sẽ bắt lấy thế.

- Thế bây giờ bác ta đâu? Bà cụ trả lời:

- Đi ngay từ hôm ấy, mà không biết đi đâu. Đã ba hôm nay chúng tôi dò mà không thấy. Chắc là sợ cai không dám về nữa, dù có về mà không có tiền cũng chết với nó. Thật cũng là cái vạ, nghe đâu chú nó nói hôm ấy tại người khách đi xe không biết nói với người đội xếp thế nào mới bị bắt, chứ không cũng chẳng việc gì.

Tôi yên lặng, trong lòng náo nức.

Bà cụ chép miệng, chỉ người đàn bà ngồi sau:

- Tội cho vợ con chú đây, ốm đã mấy ngày hôm nay không có thuốc. Đứa cháu không biết có qua khỏi được không?

Tôi đứng lại gần xem. Trên cánh tay người mẹ, chỉ còn là một dúm thịt con đã

nhấn nheo: đưa bé há hốc miệng thở ra, mặt xám nhợt. Người mẹ thỉnh thoảng lấy cái lông gà dúng vào chén mật ong để bên cạnh, phết lên lưỡi của đứa bé.

- Cháu nó sài đã hơn một tháng nay. Hôm nọ đã đỡ. Mấy hôm nay vì không có tiền mua thuốc lại tăng. Ông lang bảo cháu khó qua khỏi được.

Người mẹ nói xong nấc lên một tiếng rồi nức nở khóc. Bà cụ già lê nhích lại gần, cúi xuống khe khẽ kéo lại những cái tã rách như xơ mướp.

Cái cảnh đau thương ấy làm tôi rom rướm nước mắt. Một cảm giác ghen ngào đưa lên chẹn lấy cổ. Tôi lấy tờ giấy bạc năm đồng đưa cho người mẹ, rồi vội vàng bước ra cửa, để mặc hai người nhìn theo ngơ vực.

Qua ngưỡng cửa, tôi va phải một người đàn ông ồm ỷ tay cắp một cái áo quan con bằng gỗ mới. Đến bên đường, tôi nghe thấy trong căn nhà lụp xụp đưa ra tiếng khóc của hai người đàn bà.

Đứa bé con đã chết. [...]

(Nguồn Tuyển tập Thạch Lam, NXB Văn học, 2018)

Trả lời các câu hỏi sau:

Câu 1. Xác định ngôi kể của truyện ngắn trên.

Câu 2. Xác định bối cảnh không gian, thời gian trong truyện ngắn *Một cơn giận*.

Câu 3. Nêu chủ đề chính của văn bản *Một cơn giận*.

Câu 4. Nêu ý nghĩa của việc di chuyển điểm nhìn từ nhân vật tôi sang nhân vật bà cụ trong tác phẩm.

Câu 5. Trong phần lược truyện *Một cơn giận*, nhân vật tôi nói: “*Sự giận dữ có thể sai khiến ta làm những việc nhỏ nhen không ai ngờ*”. Anh/Chị có đồng tình với ý kiến đó không? Vì sao?

PHẦN II – VIẾT (6,0 điểm).

Câu 1 (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận khoảng 200 chữ làm rõ nghệ thuật miêu tả nhân vật Từ Hải trong đoạn trích sau:

Lần đầu gió mát trăng thanh,
 Bỗng đâu có khách biên đình sang chơi.
 Râu hùm, hàm én, mày ngài,
 Vai năm tấc rộng, thân mười thước cao.
 Đường đường một đấng anh hào,
 Côn quyền hơn sức, lược thao gồm tài.
 Đội trời, đạp đất ở đời,
 Họ Từ, tên Hải, vốn người Việt Đông.

Giang hồ quen thú vầy vùng,
Gươm đàn nửa gánh, non sông một chèo.

(Trích Truyện Kiều - Nguyễn Du)

Câu 2 (4,0 điểm)

Từ nội dung truyện ngắn *Một con giện*, hãy viết bài văn nêu lên suy nghĩ của anh/chị về tầm quan trọng của việc kiểm soát cơn nóng giận trong cuộc sống.

-----Hết-----

ĐỀ 17*(Đề gồm 04 trang)***ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT****THEO CẤU TRÚC MINH HỌA****MÔN: NGỮ VĂN***(Thời gian làm bài: 120 phút; Không kể thời gian phát đề)*

I. ĐỌC (4.0 điểm)**Đọc văn bản sau:**

*Biết bao bướm lả ong lơi!
 Cuộc say đầy tháng, trận cười suốt đêm.
 Dập dìu lá gió cành chim,
 Sớm đưa Tống Ngọc tới tìm Tràng Khanh
 Khi tỉnh rượu lúc tàn canh
 Giật mình mình lại thương mình xót xa
 Khi sao phong gấm rủ là
 Giờ sao tan tác như hoa giữa đường?
 Mặt sao dày gió dạn sương?
 Thân sao bướm chán ong chường bấy thân!
 Mặc người mưa Sở mây Tần
 Những mình nào biết có xuân là gì?
 Đôi phen gió tựa hoa kề
 Nửa rèm tuyết ngậm, bốn bề trăng thâu
 Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu?
 Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ!
 Đôi phen nét vẽ câu thơ
 Cung cầm trong nguyệt, nước cờ dưới hoa.
 Vui là vui gượng kéo là,
 Ai tri âm đó mặn mà với ai?*

*(Trích Truyện Kiều - Nguyễn Du)***Trả lời các câu hỏi sau:****Câu 1:** Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.**Câu 2:** Nhân vật trữ tình trong đoạn trích là ai?

Câu 3: Chỉ ra và nêu hiệu quả nghệ thuật của các biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong những câu thơ sau:

*Khi sao phong gấm rủ là,
Giờ sao tan tác như hoa giữa đường.
Mặt sao dày gió dạn sương,
Thân sao bướm chán ong chường bấy thân.*

Câu 4: Bút pháp ước lệ trong đoạn trích có ý nghĩa như thế nào đối với việc diễn tả thân phận éo le của nàng Kiều? Qua đó, có thể nói gì về tình cảm của tác giả đối với nhân vật?

Câu 5: Viết đoạn văn ngắn (5 đến 7 dòng) bày tỏ suy nghĩ về sự giống nhau và khác nhau giữa câu thơ của Nguyễn Du:

*Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu,
Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ?*
với câu thơ của Đặng Trần Côn trong Chinh phụ ngâm;
*Cảnh buồn người thiết tha lòng,
Cành cây sương đượm, tiếng trùng mưa phun*

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) làm rõ những đặc điểm của nhân vật trong bi kịch qua đoạn trích sau:

(Lược dẫn: Trương Ba là một người làm vườn hiền lành, nho nhã, có tài đánh cờ, vì sự bất cẩn của Nam Tào mà phải chết. Đế Thích, một vị tiên cò vốn thích chơi cờ với Trương Ba, đã cứu cho Trương Ba sống lại bằng cách nhập hồn Trương Ba vào xác anh hàng thịt mới qua đời. Đoạn trích dưới đây là màn đối thoại giữa Trương Ba với vợ, khi Trương Ba đã sống lại trong thân xác của anh hàng thịt.)

Hồn Trương Ba: Như vậy thì suýt nữa là tôi chết hẳn bà nhỉ?

Vợ Trương Ba: May mà có ông Đế Thích...

Hồn Trương Ba: Kinh thật! Chết hẳn không được sống nữa! (Ngẫm nghĩ). Ai bảo không sợ chết là nói khoác, chứ tôi, tôi sợ lắm. Cứ nghĩ đáng nhẽ mình... là lại sợ. May quá, mình lại được sống, lại được đi lại, làm lụng, trông thấy mặt trời, được ăn những trái cây trong vườn, ngửi mùi hoa ngâu, hoa lý trước thềm, uống nước chè tươi bà nấu... Lại được bên bà, nhìn thấy bà... Sống, thật là lý thú!

Vợ Trương Ba (Rụt rè): Nhưng...nhưng... ông đã...

Hồn Trương Ba: Đã khác hẳn trước, phải không? (Rầu rĩ). Bà đã quen hình vóc này của tôi chưa?

Vợ Trương Ba: Đã gần một tháng, cũng... cũng quen dần ông ạ!

Hồn Trương Ba: Vậy là sao... Tôi vẫn chưa quen được! Cái thân xác có phải bộ quần áo đầu mà dễ quen, dễ đổi. Có khi người ngoài nhìn vào còn dễ quen chứ chính bản thân mình thì... Đã gần một tháng, tôi là tôi mà cứ như không phải là tôi... Trước kia tôi đâu có biết anh hàng thịt này là ai... (Ngắm nghía lại tay chân mình). Cái thân xác cũ của tôi, tôi mang đã năm mươi năm, chứ cái thân xác công kênh này... (Lắc đầu).

Vợ Trương Ba: Quen dần... nhưng mà... Lắm lúc không hiểu sao tôi vẫn nhớ tới hình vóc ông hôm qua, lại thương cho cái người nằm dưới đất ấy...

Hồn Trương Ba: Người nào? Dưới đất chỉ là cái xác... Thế mà bà bảo: Chỉ có cái hồn mới là đáng kể! Thân xác là kẻ khác nhưng hồn vẫn là mình cơ mà!

Vợ Trương Ba: Tôi hỏi thật, từ hôm mang thân anh hàng thịt, mình thấy trong người thế nào, có như xưa không?

Hồn Trương Ba: Tôi khỏi hẳn cái chứng đau lưng với bệnh hen suyễn. Người thấy khỏe mạnh lắm. Anh hàng thịt này là người lực lưỡng to béo nhất chợ mà.

Vợ Trương Ba: Giờ một bữa ông ăn tám, chín bát cơm. Trước ông ăn yếu lắm. Mà giờ ông lại hay đòi uống rượu.

Hồn Trương Ba (Ngại ngùng): Chẳng hiểu tại sao. Chắc vì anh hàng thịt nghiện rượu. Xưa tôi ghét nhất cái thứ đó! Bây giờ tôi vẫn ghét, nhưng cái thân xác tôi mang đã quen với thói cũ của nó...

Vợ Trương Ba (Ngâm ngùi): Bây giờ ông trẻ hơn xưa đến hơn hai mươi tuổi, anh hàng thịt mới ngoài ba mươi mà... Ông sức vóc như thế, mắt ông còn tinh, tóc ông đen nhánh còn tôi đã già rồi, tôi đã là bà lão rồi...

Hồn Trương Ba: Kìa bà nó... Thì tôi có muốn thế đâu!

Vợ Trương Ba: Chiều qua ông lại sang nhà hàng thịt à?

Hồn Trương Ba: Bà vợ ông ta cứ sang đây! Bà ấy đã hiểu ra rằng tôi không phải là ông hàng thịt nhưng bà ấy vẫn khóc lóc, nài nỉ kêu rằng giờ bà ấy bơ vơ không nơi nương tựa, quán hàng thịt thà chẳng ai giúp cho! Bà ấy kẻ lễ thâm quá, nghĩ cũng tội! Thôi chẳng gì mình cũng mượn thân xác chồng người ta, cũng phải sang đỡ đần bà ấy ít việc nặng. Tôi lóng ngóng có biết mỗ lộn đâu, nhưng cũng phải đỡ đần bà ấy một tay.

Vợ Trương Ba: Tinh ông hay thương người, mà bà ấy cứ được đằng chân lân đằng đầu, mới đầu chỉ nói sang đây nhìn ông cho đỡ nhớ chồng, rồi lại lằng nhằng nhờ việc nọ kia! Mà nghe đâu người ta nói mụ ta cũng không phải người đứng đắn đâu!

Hồn Trương Ba: Ô kìa! Thì tôi có...

Vợ Trương Ba: Chồng mới chết, đã cứ sang rủ rê ông về nhà, chẳng phải không đứng đắn là gì? Phải mụ ta được cái có nhan sắc, người cứ phây phây ra, hai con mắt lúng la lúng liếng...

Hồn Trương Ba: Người ta thế nào liên quan gì đến tôi, bà rõ lắm thân!

Vợ Trương Ba: Vâng, tôi lần thân, tôi già rồi mà...

Hồn Trương Ba: Mình thật là... (Buồn bực). Xưa nay có bao giờ mình nói năng như vậy với tôi đâu!

(Trích *Hồn Trương Ba, da hàng thịt*, Lưu Quang Vũ,
in trong *Lưu Quang Vũ – Tuyển tập kịch*, Nxb Sân khấu, Hà Nội 1994)

Câu 2 (4,0 điểm)

Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của mình về vấn đề: Con người cần được sống là chính mình.

-----Hết-----

ĐỀ 18*(Đề gồm 02 trang)***ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT****THEO CẤU TRÚC MINH HỌA****MÔN: NGỮ VĂN***(Thời gian làm bài: 120 phút; Không kể thời gian phát đề)*

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)**Đọc đoạn trích sau:**

(...) (1) Con Sông Đà tuôn dài tuôn dài như một áng tóc trữ tình, đầu tóc chân tóc ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc bung nở hoa ban hoa gạo tháng hai và cuồn cuộn mù khói núi Mèo đốt nương xuân. Tôi đã nhìn say sưa làn mây mùa xuân bay trên Sông Đà. Mùa xuân dòng xanh ngọc bích, chứ nước Sông Đà không xanh màu xanh canh hến của Sông Gâm, Sông Lô. Mùa thu nước Sông Đà lừ lừ chín đỏ như da mặt một người bầm đi vì rượu bữa, lừ lừ cái màu đỏ giận dữ ở một người bất mãn bực bội gì mỗi độ thu về. Chưa hề bao giờ tôi thấy dòng sông Đà là đen như thực dân Pháp đã đè ngửa con sông ta ra đổ mực Tây vào mà gọi bằng một cái tên Tây láo lếu, rồi cứ thế mà phiết vào bản đồ lai chữ.

(2) Con Sông Đà gợi cảm. Đối với mỗi người, sông Đà lại gợi một cách. Đã có lần tôi nhìn Sông Đà như một cố nhân. Chuyến ấy ở rừng đi núi cũng đã hơi lâu, đã thấy thèm chỗ thoáng. Mải bám gót anh liên lạc, quên đi mất là mình sắp đổ ra Sông Đà. Xuống một cái dốc núi, trước mắt thấy loang loáng như trẻ con nghịch chiếu gương vào mắt mình rồi bỏ chạy. Tôi nhìn cái miếng sáng lóe lên một màu nắng tháng ba Đường thi “Yên hoa tam nguyệt há Dương Châu”. Bờ Sông Đà, bãi Sông Đà, chuồn chuồn bươm bướm trên Sông Đà. Chao ôi, trông con sông, vui như thấy nắng giòn tan sau kì mưa dầm, vui như nổi lại chiêm bao đứt quãng. Đi rừng dài ngày rồi lại bắt ra Sông Đà, đúng thế, nó đầm đầm ấm ấm như gặp lại cố nhân, mặc dầu người cố nhân ấy mình biết là lắm bệnh lắm chứng, chốc dậu dàng đầy, rồi chốc lại bản tính và gắt gỏng thác lũ ngay đấy”. (...)

*(Trích Người lái đò Sông Đà, Nguyễn Tuân, Ngữ văn 12)***Trả lời câu hỏi sau:****Câu 1.** Đoạn trích trên thuộc thể loại nào?**Câu 2.** Những đặc điểm nào của con sông Đà được tác giả nói tới trong đoạn trích?**Câu 3.** Chỉ ra và nêu tác dụng của các biện pháp tu từ được sử dụng trong câu văn: “Con Sông Đà tuôn dài tuôn dài như một áng tóc trữ tình”?**Câu 4.** Nêu chủ đề của đoạn trích.**Câu 5.** Anh/Chị rút ra được thông điệp gì cho bản thân sau khi đọc đoạn trích trên?

II. VIẾT (6,0 điểm)**Câu 1 (2,0 điểm)**

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) làm rõ vẻ đẹp nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ sau:

*(...)Bốn mươi năm sau
Cha trở lại quê hương
trên con tàu Thống Nhất
Chiếc ba lô từng theo Cha đánh giặc
nay ấp iu Cha trong cuộc trở về
Tấm vé tàu con mua cho cha
cũng bình thường như bao tấm vé khác.
Chỉ khác
nó không bị xé đi một góc khi Cha bước lên tàu
suất cơm kèm theo dành cho khách vẫn còn nguyên
và
ngôi thay Cha
trên ghế mềm
là chiếc ba lô đựng hài cốt!*

*(Tấm vé thống nhất dành cho cha -
Nguyễn Hữu Quý)*

Câu 2 (4,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bàn về ý nghĩa của việc vượt qua những giới hạn trong cuộc sống.

-----Hết-----

ĐỀ 19*(Đề gồm 03 trang)***ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT****THEO CẤU TRÚC MINH HỌA****MÔN: NGỮ VĂN***(Thời gian làm bài: 120 phút; Không kể thời gian phát đề)*

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)**Đọc đoạn trích sau:**

[...] Nhưng thơ Xuân Diệu chẳng những diễn đạt được cái tinh thần cố hữu của nòi giống. Vả chẳng tinh thần của nòi giống có cần gì phải bắt di bắt dịch. Sao phải bắt ngày hôm nay phải giống hết hôm qua? Nêu ra một mớ tính tình, tư tưởng, tục lệ, rồi bảo: người Việt Nam phải như thế, là một điều tối vô lý. Thơ Xuân Diệu còn là một nguồn sống dào dạt chưa từng thấy ở chốn nước non lặng lẽ này. Xuân Diệu say đắm tình yêu, say đắm cảnh trời, sống vội vàng, sống cuống quýt, muốn tận hưởng cuộc đời ngắn ngủi của mình. Khi vui cũng như khi buồn, người đều nồng nàn, tha thiết.

Nhưng sự sống muôn hình thức mà trong những hình thức nhỏ nhất thường lại ẩn náu một nguồn sống dồi dào. Không cần phải là con hổ ngự trị trên rừng xanh, không cần phải là con chim đại bàng bay một lần chín vạn dặm mới là sống. Sự bông bột của Xuân Diệu có lẽ đã biểu hiện ra một cách đầy đủ hơn cả trong những rung động tinh vi. Sau khi đọc đi đọc lại nhà thơ có tâm hồn phức tạp này, sau khi đã tìm kiếm Xuân Diệu hoài, tôi thấy đây mới thực là Xuân Diệu.

Trong cảnh mùa thu rất quen với thi nhân Việt Nam, chỉ Xuân Diệu mới để ý đến:

Những luồng run rẩy rung rinh lá ...

cùng cái:

Cành biếc run run chân ý nhi.

Nghe đàn dưới trăng thu, chỉ Xuân Diệu mới thấy:

Linh lung bóng sáng bỗng rung mình.

Và mới có cái xôn xao gửi trong mây hàng chữ lạ lòng này:

Thu lạnh, càng thêm nguyệt tỏ ngời:

Đàn ghê như nước, lạnh, trời ơi!

Long lanh tiếng sỏi vang vang hận:

Trăng nhớ Tầm Dương, nhạc nhớ người.

Cũng chỉ Xuân Diệu mới tìm được nơi đồng quê cái cảnh:

Mây biếc về đâu bay gấp gấp,
Con cò trên ruộng cánh phân vân.

Từ con cò của Vương Bột lặng lẽ bay với ráng chiều đến con cò của Xuân Diệu không bay mà cánh phân vân, có sự cách biệt của hơn một ngàn năm và của hai thế giới.

Cho đến khi Xuân Diệu yêu, trong tình yêu của người cũng có cái gì đó rung rinh. Người hồi tưởng lại:

Rượu nơi mắt và nhìn khi ướm thử;
Gắm trong lòng và khi đứng chờ ngây;
Và nhạc phẫn dưới chân mừng sánh bước;
Và tơ giảng trong lời nhỏ khơi ngòi;
Tà áo mới cũng say mùi gió nước;
Rặng mi dài xáo động ánh dương vui. [...]

(Trích *Một thời đại trong thi ca*, in trong *Thi Nhân Việt Nam*,
Hoài Thanh – Hoài Chân, Nxb Văn học, Hà Nội 2012)

Trả lời những câu hỏi sau:

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích là gì?

Câu 2. Đoạn trích trên bàn về vấn đề gì?

Câu 3. Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ ẩn dụ trong câu văn sau: “*Không cần phải là con hổ ngự trị trên rừng xanh, không cần phải là con chim đại bàng bay một lần chín vạn dặm mới là sống*”?

Câu 4. Bạn hiểu như thế nào là sự “rung động tinh vi” mà tác giả nói tới trong đoạn trích?

Câu 5. Từ nhận định của tác giả về thơ Xuân Diệu: “Xuân Diệu say đắm tình yêu, say đắm cảnh trời, sống vội vàng, sống cuống quýt, muốn tận hưởng cuộc đời ngắn ngủi của mình.”, bạn rút ra được bài học gì cho bản thân mình?

II. LÀM VĂN (4,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích, đánh giá giá trị nội dung và nghệ thuật của đoạn trích sau:

[...] Tôi giấu giếm vợ tôi, thỉnh thoảng giúp ngấm ngầm lão Hạc. Nhưng hình như lão cũng biết vợ tôi không ưng giúp lão. Lão từ chối tất cả những cái gì tôi cho lão. Lão từ chối một cách gần như là hách dịch. Và lão cứ xa tôi dần dần...

Lão không hiểu tôi, tôi nghĩ vậy, và tôi càng buồn lắm. Những người nghèo nhiều tự ái vẫn thường như thế. Họ dễ tủi thân nên rất hay chạnh lòng. Ta khó mà ở cho vừa ý họ... Một hôm, tôi phàn nàn việc ấy với Binh Tư. Binh Tư là một người láng giềng khác của tôi.

Hắn làm nghề ăn trộm nên vốn không ưa lão Hạc bởi vì lão lương thiện quá. Hắn bĩu môi và bảo:

- Lão làm bộ đấy! Thật ra thì lão chỉ tâm ngảm thế, nhưng cũng ra phết chứ chả vừa đâu: lão vừa xin tôi một ít bã chó...

Tôi trở to đôi mắt, ngạc nhiên. Hắn thì thâm:

- Lão bảo có con chó nhà nào cứ đến vườn nhà lão... Lão định cho nó xơi một bữa. Nếu trúng, lão với tôi uống rượu.

Hỡi ơi lão Hạc! Thì ra đến lúc cùng lão cũng có thể làm liều như ai hết... Một người như thế ấy!... Một người đã khóc vì trót lừa một con chó!... Một người nhịn ăn để tiền lại làm ma, bởi không muốn liên lụy đến hàng xóm, láng giềng... Con người đáng kính ấy bây giờ cũng theo gót Binh Tư để có ăn ư? Cuộc đời quả thật cứ mỗi ngày một thêm đáng buồn...

Không! Cuộc đời chưa hẳn đã đáng buồn, hay vẫn đáng buồn nhưng lại đáng buồn theo một nghĩa khác. Tôi ở nhà Binh Tư về được một lúc lâu thì thấy những tiếng nhón nháo ở bên nhà lão Hạc. Tôi vội một chạy sang (...) Lão Hạc đang vật vờ ở trên giường, đầu tóc rũ rượi, quần áo xộc xệch, hai mắt long sòng sọc. (...) Lão vật vờ đến hai giờ đồng hồ rồi mới chết. Cái chết thật là dữ dội. Chẳng ai hiểu lão chết vì bệnh gì mà đau đớn và bất thành linh như vậy. Chỉ có tôi với Binh Tư hiểu...

(Trích *Lão Hạc*, Nam Cao – Tác phẩm, tập 1, NXB Văn học, Hà Nội, 1975)

Câu 2 (4,0 điểm)

“Cuộc sống không phải để sợ, mà là để hiểu. Đây chính là lúc chúng ta cần phải tìm hiểu nhiều hơn về cuộc sống để làm vơi bớt mọi nỗi sợ hãi.” (Marie Curie)

Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của bản thân về ý kiến trên.

-----Hết-----

ĐỀ 20

(Đề gồm 03 trang)

**ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT
THEO CẤU TRÚC MINH HỌA
MÔN: NGỮ VĂN**

(Thời gian làm bài: 120 phút; Không kể thời gian phát đề)

I. ĐỌC HIỂU: (4,0 ĐIỂM)**Đọc đoạn văn bản:****NHÀ CỘ TRĂM CỘT QUÝ HIẾM Ở LONG AN**

Miền đất Long An không chỉ nổi tiếng về những địa điểm du lịch sông nước, nơi đây còn có nhiều di tích lịch sử lâu đời. Đó là ngôi nhà 100 cột có tuổi đời hơn 100 năm, khắc họa những tinh hoa trong kỹ thuật chạm trổ, hài hòa trong thiết kế, được xếp hạng là Di tích Lịch sử - Văn hóa Quốc gia.

Chủ nhân của ngôi nhà là ông Trần Văn Hoa, lúc ấy là Hương sư làng Long Hựu, Tổng lộc Thành Hạ, tỉnh Chợ Lớn, nay thuộc ấp Cầu Ngang, xã Long Hựu Đông, huyện Cần Đức, tỉnh Long An. Đến nay ngôi nhà đã trải qua 6 đời, hiện chủ nhân ngôi nhà này là bà Trần Thị Ngỏ, 70 tuổi, cháu dâu của ông Hoa.

Bà Ngỏ chia sẻ, ngôi nhà có chiều ngang 21m, dài 42m, được ông cố của bà xây dựng từ 1898, hoàn thành 1903. Sau 2 năm xây dựng xong ngôi nhà, ông đã mời 15 nghệ nhân người Huế chạm trổ trong 3 năm. Chính diện của ngôi nhà quay về hướng Tây Bắc. Mái lợp ngói âm dương. Ngôi nhà được xây dựng theo kiểu nhà rường Huế, ba gian hai chái đôi, gồm chái thượng và chái hạ. Sau khi chạm trổ bên dưới xong, các nghệ nhân mắc võng lên cao để chạm khắc trên trần nhà.

“Gian bàn thờ giữa là ông cố của tôi, ông Trần Văn Hoa, người xây dựng ngôi nhà, bên trái là ông nội, bên phải là cha của tôi”- bà Ngỏ cho biết thêm.

Gọi là nhà 100 cột, nhưng số lượng thực tế là 120 cây cột, trong đó có 68 cột tròn, 52 cột vuông. Ngôi nhà sử dụng nhiều loại gỗ như gỗ đỏ, cẩm bông, mun, teak (là loại gỗ giá trị dùng làm báng súng, do gỗ cứng, không biến dạng, thích hợp làm những chi tiết tỉ mỉ). Trước gian bàn thờ giữa có hai cây cột lớn, trên 2 cây cột có 2 câu đối được sơn son thiếp vàng.

Câu bên phải: “Thiên địa náo trường xuân mậu trúc mai thanh khai hảo cảnh”, dịch nghĩa: “Trong sự xoay vần của đất trời, vào mùa xuân cảnh trúc đâm chồi cũng tạo nên vẻ đẹp thanh khiết”. Câu bên trái: “Hương sơn y thắng cuộc vận phi điều cách tráng kỳ quan”, dịch nghĩa: “Nhìn về hướng núi, những thắng cảnh và những cánh chim bay cũng tạo nên một kỳ quan”.

Phía trước hai câu đối có bốn chữ: “Sơn trang cổ tận”, dịch nghĩa: “Núi cao không dứt”, thể hiện cho ý chí của con người luôn hướng đến những điều cao thượng hơn. Từ ngoài cửa bước vào sẽ thấy ngay ba chữ được khảm ố xà cừ: “Thiện tối lạc”, dịch nghĩa: “Làm việc thiện sẽ rất vui”.

Nói về cách bảo quản nhiều loại gỗ và những chi tiết được chạm trổ công phu, bà Ngô cho biết để bảo quản ngôi nhà có tuổi thọ đã 120 năm, bà đã dùng thuốc chống mối mọt để xua đuổi, thêm nữa là lau chùi quét dọn sạch sẽ. Ở những chi tiết nhỏ, bà dùng cây cọ nhỏ để quét.



Phía trước Nhà Trăm Cột (sggp.org.vn)

Theo các tài liệu nghiên cứu, nhà 100 cột là một ngôi nhà có kiểu thức thời Nguyễn, về tổng quan mang dấu ấn rõ rệt của phong cách Huế. Nhưng do được làm theo đơn đặt hàng của gia chủ trong bối cảnh Nam bộ thời Pháp thuộc, nên có nhiều nét thay đổi trong đề tài trang trí, tạo được sự phong phú và đa dạng.

Qua hơn 100 năm tồn tại, phần nội thất bên trong của ngôi nhà vẫn còn chắc chắn, tuy nhiên những hạng mục khác như gạch ngói và những phần chịu nhiều nắng mưa bên ngoài đã có phần xuống cấp. Sau khi tham quan tìm hiểu và lắng nghe những chia sẻ của bà Trần Thị Ngô về những nét đặc sắc trong kiến trúc của ngôi nhà, rõ ràng đây là một công trình có sự kết hợp hài hòa giữa kiến trúc Trung và Nam Bộ, cùng nội dung sâu sắc ẩn chứa bên trong những đường nét chạm trổ tinh xảo và độc đáo. Đây sẽ là một địa điểm không thể bỏ lỡ đối với những ai có cơ hội đặt chân đến mảnh đất Cần Đước, Long An.

(Quang Khoa, Theo <https://www.sggp.org.vn>, xuất bản 06/02/2019)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định thể loại và phương thức biểu đạt chính của văn bản trên.

Câu 2. Văn bản cung cấp thông tin về đối tượng nào? Chỉ ra phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ được sử dụng trong văn bản.

Câu 3. Nhận xét về nhan đề của văn bản.

Câu 4. Theo bạn, cần làm gì để quảng bá những di tích lịch sử - văn hoá của dân tộc?

Câu 5. Văn bản trên gợi ra cho anh/chị bài học gì?

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) làm rõ câu tứ của bài thơ sau:

<i>Áo trắng đơn sơ, mộng trắng trong,</i>	<i>Em nói, anh nghe tiếng lẫn lời;</i>
<i>Hôm xưa em đến, mắt như lòng</i>	<i>Hồn em anh thả ở trong hơi.</i>
<i>Nở bừng ánh sáng. Em đi đến,</i>	<i>Nắng thơ dẹt sáng trên tà áo,</i>
<i>Gót ngọc dồn hương, bước toả hồng.</i>	<i>Lá nhỏ mừng vui phát cửa ngoài.</i>

<i>Em đẹp bàn tay ngón ngón thon;</i>	<i>Đôi lúa thân tiên suốt một ngày.</i>
<i>Em duyên đôi má nắng hoe tròn.</i>	<i>Em ban hạnh phúc chứa đầy tay.</i>
<i>Em lừa gió biếc vào trong tóc</i>	<i>Dịu dàng áo trắng trong như suối</i>
<i>Thổi lại phòng anh cả núi non.</i>	<i>Toả phát đôi hồn cánh mộng bay.</i>

(Áo trắng, Huy Cận, in trong *Lửa thiêng*, Nxb Hội Nhà Văn)

Câu 2 (4,0 điểm)

Người ta thường nói: “Nếu bạn mở bàn tay ra, giọt nắng sẽ ở trong lòng bàn tay bạn. Nếu bạn nắm lại, giọt nắng sẽ ra khỏi lòng tay”

(Dẫn theo Nguyễn Quang Thiều – “Xin hãy mở bàn tay”,
Chuyên đề mùa xuân 2023)

Quan điểm trên gợi cho anh chị suy nghĩ gì về cách con người ứng xử với cái đẹp trong đời sống?

-----Hết-----

ĐỀ 21*(Đề gồm 03 trang)***ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT****THEO CẤU TRÚC MINH HỌA****MÔN: NGỮ VĂN***(Thời gian làm bài: 120 phút; Không kể thời gian phát đề)*

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)**Đọc văn bản sau:****ÔNG NGOẠI**

(Tóm tắt đoạn đầu: Gia đình cậu mợ của Dung đậu phồng vắn và đi định cư nước ngoài. Mẹ Dung quyết định cho Dung sang ở với ông Ngoại để tiện bề trông nom ông. Dung dù không muốn nhưng vẫn nghe lời mẹ.)

Sang bên ấy được hai hôm, Dung chạy về mẹ, than thở lứt sứt: "Ở với ông ngoại buồn muốn chết, đi học về, mở karaoke lại sợ ồn, nói chưa được mấy câu thì hết chuyện. Chẳng lẽ con lại nói chuyện tình yêu với ông ngoại à? Bọn bạn không dám lại nhà chơi. Ông khó lắm. Con mở nhạc cũng ngại, con nấu cơm khét ông mắng cả buổi. Suốt ngày ông cứ lo tía tót cho mấy chậu kiểng, mấy con cá vàng. Con hỏi: "Ngoại chăm sóc hoài không chán sao?", Ngoại nói "Cây cũng có linh hồn. Con không tin, ghé tai vào nghe thử, có cây nào than buồn, có cây nào thèm nghe Michael Jackson đâu".

Mẹ cười:

- Con vì ông một chút, ông cũng vì con thôi, thử xem.

(...)

Thế nghĩa là có hai thế giới ở trong ngôi nhà. Thế giới của ông là mấy ông bạn già, là mấy chồng nhứt báo, là cái radio đầu hồi còn đánh nhau, là trầm tư suy ngẫm, là mảnh sân hoa trái. Thế giới của Dung là tiếng nhạc gào thét xập xình, là sắc màu xanh đỏ, là quả đất như nằm gọn trong bàn tay. Sáng nó dậy thật sớm để nấu cơm, sau đó đi học, chiều lại học, buổi tối nó vù xe đến bạn chơi hoặc về nhà nghe mấy đĩa em cãi nhau ỏm tỏi. Hai thế giới vừa giành giật vừa hòa tan nhau.

(...)

Hôm bữa Dung nói với ông:

- Sao ông Chín bên nhà rủ ngoại đi tham gia câu lạc bộ gì đó, ngoại không đi?

Ông nhìn Dung thật lâu: "Ngoại sợ con ở nhà một mình buồn". Dung chột dạ, có bao giờ đi chơi mà mình nghĩ tới ông không.

(...)

Có những sự thay đổi Dung không thể ngờ được. Bây giờ mỗi đêm Dung trở mình nghe ông ngoại ho khục khặc. Nghe cây mai nhỏ nứt mình, nảy chồi. Dung nghiện hương trầm tối tối ông thấp lên bàn thờ bà ngoại. Lắm khi lũ em Dung sang, chúng nó phá phách quậy tung cả lên, Dung mắng, chúng nó trề môi "Chị hai khó như một bà già", Dung giật mình. Có lẽ quen với cái tĩnh lặng trong sân mà mỗi chiều Dung giúp ông tưới cây, cái khoảng không xanh lục lờng trong khói bụi, đầu đó, trên tầng me già, dăm chú chim hót líu lo Dung quen dáng ông ngoại với mái tóc bạc, với đôi mắt hờm, cái cằm vuông, quen mỗi tháng một lần cộc cạch lên phường nhận lương hưu. Có một điều Dung ngày càng nhận ra tiếng ho của ông ngày càng khô và rời rạc như lời kêu cứu. (...)

Ngày 18 tháng 12, Dung mở tờ lịch mới, hôm nay là sinh nhật của nó. Hôm qua, mẹ cho Dung một món tiền kha khá, bọn bạn reo lên inh ỏi: "Party nghe Dung, làm xôm tụ, tụi này kéo lại". Dung nói với ông, ông gật đầu:

- Ừ thì sinh nhật mà, con có mua bánh kem chưa? Ông biết làm đấy.

Dung tròn mắt:

- Thật ư?

Ông khẽ cốc đầu nó.

- Đừng có khinh ngoại.

Nói rồi hai ông cháu lặn vào khuấy bột, trộn sữa. Tay ông nhẹ nhàng, nắn nót mười tám nụ hồng trên mặt bánh, Dung thơm thềm mãi. Buổi sinh nhật thật rôm rả, bọn Dung khiêu vũ với nhau ông ngoại cũng nhảy, ông mặc chiếc áo màu xanh thắt nơ hoa rất đẹp. Lúc ông nắm tay nó, nhạc dạo bài Tango "Xa vắng". Dung ngạc nhiên và buồn cười đến nỗi giẫm lên cả chân ông. Bọn bạn reo ầm lên, chúng khen bánh kem ngon, khen ông nhảy giỏi, Dung hãnh diện lắm....

(Trích Ông ngoại, Nguyễn Ngọc Tư)

Thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 5 (Trình bày ngắn gọn)

Câu 1. Xác định ngôi kể được sử dụng trong đoạn trích.

Câu 2. Người kể chuyện chủ yếu đặt điểm nhìn ở đâu khi miêu tả sự thay đổi trong cảm xúc và nhận thức của Dung?

Câu 3. Nêu chủ đề của truyện thông qua đoạn trích.

Câu 4. Chi tiết: "Có lẽ quen với cái tĩnh lặng trong sân mà mỗi chiều Dung giúp ông tưới cây, cái khoảng không xanh lục lờng trong khói bụi, đầu đó, trên tầng me già, dăm chú chim hót líu lo Dung quen dáng ông ngoại với mái tóc bạc, với đôi mắt hờm, cái cằm vuông, quen mỗi tháng một lần cộc cạch lên phường lương hưu. Có một điều Dung ngày càng nhận ra tiếng ho của ông ngày càng khô và rời rạc như lời kêu cứu." cho thấy Dung là một cô bé như thế nào?

Câu 5. Trong đoạn trích có một câu văn gợi suy ngẫm: “*Thế nghĩa là có hai thế giới ở trong ngôi nhà*”. Anh/ Chị sẽ làm gì để gắn kết gia đình và rút ngắn “khoảng cách thế hệ”?

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết một đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày cảm nhận của bản thân về hình ảnh người mẹ trong bài thơ sau:

*Mỗi lần nắng mới hắt bên song
Xao xác gà trưa gáy náo nùng;
Lòng rười buồn theo thời dĩ vãng.
Chập chờn sống lại những ngày không.*

*Tôi nhớ Mẹ tôi thuở thiếu thời,
Lúc Người còn sống, tôi lên mười;
Mỗi lần nắng mới reo ngoài nội,
Áo đỏ Người đưa trước giậu phơi.*

*Hình dáng Mẹ tôi chưa xóa mờ
Hãy còn mường tượng lúc vào ra
Nét cười đen nhánh sau tay áo
Trong ánh trưa hè, trước giậu thưa.*

(Nắng mới, Lưu Trọng Lư)

Câu 2 (4,0 điểm)

Hiện nay, một số học sinh có thói quen gian lận trong thi cử. Anh (chị) hãy viết một bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) thuyết phục học sinh từ bỏ thói quen đó.

-----Hết-----

ĐỀ 22
(Đề gồm 03 trang)

ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT
THEO CẤU TRÚC MINH HỌA
MÔN: NGỮ VĂN

(Thời gian làm bài: 120 phút; Không kể thời gian phát đề)

I. PHÂN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

Mùa hè năm đó là mùa hè quê ngoại.

Cuối năm lớp chín, tôi học bù đầu, người xanh như tàu lá. Ngày nào mẹ tôi cũng mua bí đỏ về nấu canh cho tôi ăn. Mẹ bảo bí đỏ bổ óc, ăn vào học bài sẽ mau thuộc. Trước nay, tôi vốn thích món này. Bí đỏ nấu với đậu phộng thêm vài cọng rau om, ngon hết biết. Nhưng ngày nào cũng phải buộc ăn món đó, tôi đâm ngán. Hơn nữa, dù dạ dày tôi bấy giờ tuyên một màu đỏ, trí nhớ tôi vẫn chẳng khá lên chút nào. Tôi học trước quên sau, học sau quên trước. Vì vậy tôi phải học gấp đôi những đứa khác.

Tối, tôi thức khuya lơ khuya lác. Sáng, tôi dậy từ lúc trời còn tờ mờ. Mắt tôi lúc nào cũng đỏ kè. Ba tôi bảo:

- Nhất định đầu tháng Chương bị hở một chỗ nào đó. Chử nghĩa đỏ vô bao nhiêu rớt ra bấy nhiêu. Thế nào sang năm cũng phải hàn lại.

Mẹ tôi khác ba tôi. Mẹ không phải là đàn ông. Mẹ không nở bông phèng¹ trước thân hình còm nhom² của tôi. Mẹ xích lại gần tôi, đưa tay nắn nắn khớp xương đang lồi ra trên vai tôi, bùi ngùi nói:

- Mà học hành cách sao mà càng ngày càng giống con mắm vậy Chương ơi!

Giọng mẹ tôi như một lời than. Tôi mỉm cười trấn an mẹ:

- Mẹ đừng lo! Qua kỳ thi này, con lại mập lên cho mẹ coi!

Không hiểu mẹ có tin lời tôi không mà tôi thấy mắt mẹ rung rung. Thấy mẹ buồn, tôi cũng buồn lây. Nhưng tôi chẳng biết cách nào an ủi mẹ. Tôi đành phải nín thở nuốt trọn một tô canh bí đỏ cho mẹ vui lòng.

Dù sao, công của tôi không phải là công cốc. Những ngày thức khuya dậy sớm đã không phản bội lại tôi. Kỳ thi cuối năm, tôi xếp hạng khá cao.

Ba tôi hào hứng thông báo:

- Sang năm ba sẽ mua cho con một chiếc xe đạp.

Mẹ tôi chẳng hứa hẹn gì. Mẹ chỉ “thương” tôi một cái cốc trên trán:

¹ Bông phèn: bông đùa một cách dễ dãi, tùy tiện, chỉ để cho vui.

² Còm nhom: gầy còm quá mức, trông thiếu sức sống.

- Cha mày! Từ nay lo mà ăn ngủ cho lại sức nghe chưa!

Ba tôi vui. Mẹ tôi vui. Nhưng tôi mới là người vui nhất. Tôi đang hoảng chia tay với những tô canh bí đỏ mà không sợ mẹ tôi thử dài. Dù sao thì cũng cảm ơn mày, con ác mộng của tao, nhưng bây giờ xin tạm biệt nhé! Tôi cúi đầu nói thầm với trái bí cuối cùng đang nằm lẩn lóc trong góc bếp trước khi cung tay cốc cho nó một phát.

(Trích *Hạ đỏ*, Nguyễn Nhật Ánh, Nxb Trẻ, 2019)

Thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 5 (Trình bày ngắn gọn)

Câu 1. Đoạn trích được kể bằng lời của người kể chuyện ở ngôi thứ mấy?

Câu 2. Người kể chuyện trong đoạn trích chủ yếu trần thuật theo điểm nhìn của ai?

Câu 3. Phân tích thái độ, cảm xúc của nhân vật tôi qua chi tiết “Tôi đang hoảng chia tay với những tô canh bí đỏ mà không sợ mẹ tôi thử dài”?

Câu 4. Thông điệp ý nghĩa nhất mà bạn rút ra được sau khi đọc đoạn trích *Hạ đỏ*? Lí giải?

Câu 5. Qua nhân vật tôi, bạn có suy nghĩ gì về những phẩm chất cần có của con người trong cuộc sống hiện nay?

PHẦN VIẾT (6.0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích giá trị nội dung và nghệ thuật đặc sắc của bài thơ sau:

Lời ru ản nơi nào

Giữa mệnh mang trời đất

Khi con vừa ra đời

Lời ru về mẹ hát

Lúc con nằm ảm ảp

Lời ru là tấm chăn

Trong giấc ngủ êm đềm

Lời ru thành giấc mộng

Khi con vừa tỉnh giấc

Thì lời ru đi chơi

Lời ru xuống ruộng khoai

Ra bờ ao rau muống

Và khi con đến lớp

Lời ru ở cổng trường

Lời ru thành ngọn cỏ

Đón bước bàn chân con

Mai rồi con lớn khôn

Trên đường xa nắng gắt

Lời ru là bóng mát

Lúc con lên núi thăm

Lời ru cũng gập ghềnh

Khi con ra biển rộng

Lời ru thành mệnh mông.

(*Lời ru của mẹ* - Thơ Xuân Quỳnh, NXB Đồng Nai, 1997)

Câu 2. (4,0 điểm)

Sự tử tế luôn hiện hữu trong cuộc sống bằng những hành động thiết thực nhất. Anh/chị hãy viết một bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bàn về ý nghĩa của *sự tử tế* trong đời sống con người.

-----Hết-----

ĐỀ 23*(Đề gồm 04 trang)***ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT****THEO CẤU TRÚC MINH HỌA****MÔN: NGỮ VĂN***(Thời gian làm bài: 120 phút; Không kể thời gian phát đề)*

I. ĐỌC – HIỂU (4,0 điểm)**Đọc văn bản sau:**

“Bây giờ chưa hết tháng ba nhưng mỗi tối từ chợ về, dì Diệu đã tranh thủ ngồi may đồ cho em bé. Đã biết là con gái nên bộ nào dì cũng dún bèo cổ, bèo tay, bèo lai áo... coi rất dễ thương ngộ mắt. Ban ngày, dì ra sạp vải, lúc nào có khách thì lo buôn bán, đo đất, lúc nào rảnh dì ngồi đơm nút, vắt khuy. Tay dì tần mẩn xỏ từng đường kim tí xúu. Dì vừa làm vừa mუმ mუმ cười một mình, rồi vui quá xá là vui, một mình vui không hết, dì Diệu khoe:

- Tui sắp có con gái rồi nghen.

Một người dòm lom com vô cái eo thon thả của dì rồi cười:

- Nói chơi hoài, có thấy bầu bì gì đâu...

Dì Diệu cười ngất nghẹo, cười đến khi cái mũi thon thon xinh xẻo của dì ửng đỏ lên:

- Bốn mươi mấy tuổi rồi, bầu bì gì nữa. Tui xin con nuôi.

Mấy bà bạn bàn ra bàn vô, nói chuyện tò vò nuôi con nhện, chuyện con quạ nuôi tu hú nhằm lung lạc dì, nhưng dì Diệu vẫn khẳng khẳng chắc lòng chắc dạ, làm như dì đã thấy ràng ràng một tương lai chắc chắn rồi vậy. Thấy dì Diệu cười cười hoài, kiểu “chuyện của tui, chị em sao biết được”, thấy tức chết.

(Lược một đoạn: Vì có một khối u nhỏ trong người, dì Diệu không thể có con. Dù chú Đức, chồng dì chỉ cần hai vợ chồng sống hạnh phúc nhưng dì Diệu luôn canh cánh trong lòng. Chị Lành là người lao động thuê nhà trong khu, là người phụ nữ quá lứa, khỏe mạnh, chất phác và rất hiền lành. Gia cảnh nhà chị khôn khó, chị lại đang cần tiền gửi cho ba má. Chị Lành đắn đo nhiều lẽ, chị sợ những thâm tình ràng buộc, không tròn lời hứa với dì Diệu, sợ bà con dị nghị không chồng lại có con, chị cần tiền nhưng cũng cần con... Nhưng vì dì Diệu quá tốt, chị cũng đồng ý thụ tinh nhân tạo và có em bé trong sự vui mừng của hai người đàn bà).

Dì Diệu bắt đầu chuẩn bị cho một đứa con ra đời. Dì mua mấy tấm hình em bé về dán trong căn nhà chị Lành. Đứa nào đứa nấy ú na ú nần, thấy cưng không chịu được. Dì biểu chị Lành phải siêng nhìn để sinh con ra nó sẽ xinh đẹp như thế. Chị Lành thắc mắc:

- Giống trong hình làm chi, giống ba giống má nó là được rồi.

Dì Diệu ngăn người, ờ, dì bắt đầu nghĩ, đứa bé sinh ra sẽ giống ai, giống chú Đức đẹp người, giống dì trong treo, trẻ trung hay giống

- Nó sẽ giống cả ba người.

Dì chắc chắn như vậy.

Chị Lành thường lén trốn dì Diệu đi gánh nước. Hồi chưa có bầu thì gánh đầy, bây giờ gánh lưng thùng. Chị muốn gởi về cho má nguyên số tiền đó mà không mẹ một đồng nào. Bây giờ, có con, chị thương má nhiều thiệt nhiều. Dì Diệu có hôm dọn hàng về sớm, thấy chị Lành vất vẻo đôi thùng trên đường mà lòng xót xa:

- Con của chị em mình giờ là cục máu mỏng manh lắm, em làm vậy không được đâu.

Chị Lành rân rân nước mắt cái câu “con của chị em mình”. Dì Diệu dỗ, “em mà khóc hoài, em bé sinh ra mặt sẽ buồn cho mà coi”. Rất nhẹ và dịu dàng, lòng hai người đàn bà tự dưng chỉ nghĩ về chỗ đứa con.

(...) Dì Diệu cười, rồi làm như một cơn gió từ đâu xộc tới, tìm dì riết lại một nỗi đau. Dì thêm biết bao nhiêu cái cảm giác che chở cho một sinh linh sống trong mình, để được thêm tới cùng, tới chảy nước dãi món ngọt, món chua, để có thể cảm nhận từ trái tim chứ không phải bằng bàn tay đôi bàn chân bé bỏng quẫy đạp bụng mình thon thoát. Đó là những thứ cảm giác thiêng liêng không vay mượn, thuê mượn được: cảm giác làm mẹ. Dì bắt đầu lo lắng, mình đã làm một việc đúng không.

Chỉ còn một tháng hai mươi ngày nữa, đứa bé sẽ ra đời. Dì Diệu tính từng ngày, từng bữa. Chị Lành tính từng ngày từng bữa. Người trông cho mau, người trông đừng bao giờ đến. Dì Diệu cố quên cái vẻ mặt buồn bã, van nài của chị Lành. Chị biết, khi đứa bé khóc ngoe ngoe cất tiếng khóc chào đời, là chị với nó sẽ phải chia lìa. Hợp đồng đã ghi rõ ràng như vậy. Chị thấy thương mình, thương con và thương dì Diệu. Chị rồi rít ăn, rồi rít ngủ vì biết rằng mai này rồi chẳng còn nhau...

Một sáng, chị Lành biến mất.

Dì Diệu kêu chú Đức về, nước mắt rờn rờn khi thấy bóng chồng qua cửa. Chú đau lòng bảo thôi bỏ đi, dì Diệu cãi, “em bỏ không đành, anh à”. Chú cũng thấy rằng bỏ không được. Máu mủ ruột ràng mình mà bỏ sao được. Hai người đi tìm xơ bơ xác bác. Không có, không gặp. Dì Diệu về quê, bà mẹ già chị Lành tay run bần, vừa đau vừa xót.

- Vậy ra nó không nói gì với cô sao... Tui hay tin nó hư hỏng, tui từ nó rồi, tui tính bỏ nó luôn, nhưng thiệt tình tui thương nó lắm, phải nó về, tui cũng nuôi.

Dì Diệu lau nước mắt cho mẹ chị Lành, lòng nghĩ, làm sao mình lại để ra nông nổi này. Dì không tiếc tiền của, công sức, dì cũng không tiếc tình thương dồn đắp cho chị Lành, dì chỉ cảm thấy xót xa cho mình “làm người thì ai lại đi giành con với người ta”, dì luôn dẫn vật vậy.

Dì Diệu bỏ sạp vải tối ngày chạy xe long rong ngoài đường để may ra tìm được bóng người ...

Khi đã không trông chờ gì, một ngày, khi mở cửa, dì Diệu nhìn thấy chị Lành đang ngồi ngoài hàng ba và khóc.

Những người có tình có nghĩa, dễ gì bỏ được nhau.

Dì Diệu cắn cho môi vẫn đỏ dẫu rằng, dì ôm chị Lành vào lòng rất chặt. Dì cảm nhận được từ trái tim bàn chân bé bỏng của đứa bé đang lòi chòi. Nó háo hức nằm giữa hai tấm lòng của hai bà mẹ.

Dì Diệu đi lấy tờ hợp đồng ra và đốt cháy thành một tờ tro mỏng. Đôi khi người ta hay bày chuyện này chuyện nọ để làm xao động cuộc đời đang hết sức yên bình, lãng nhách vậy đó...”

(Trích *Làm mẹ* - Nguyễn Ngọc Tư)

Thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 5 (trình bày ngắn gọn):

Câu 1. Đoạn trích trên sử dụng những phương thức biểu đạt nào?

Câu 2. Xác định ngôi kể của đoạn trích.

Câu 3. Kết thúc tác phẩm là hành động dì Diệu: “*Dì Diệu đi lấy tờ hợp đồng ra và đốt cháy thành một tờ tro mỏng. Đôi khi người ta hay bày chuyện này chuyện nọ để làm xao động cuộc đời đang hết sức yên bình, lãng nhách vậy đó...*”. Anh/chị hãy nêu ý nghĩa kết thúc của tác phẩm?

Câu 4. Nhận xét nghệ thuật kể chuyện của Nguyễn Ngọc Tư trong tác phẩm “*Làm mẹ*”?

Câu 5: Thông điệp nào có ý nghĩa sâu sắc nhất với anh/chị sau khi đọc đoạn trích trên?

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) làm rõ nét đặc sắc trong nội dung, nghệ thuật của đoạn thơ sau:

*Xin chào Huế một lần anh đến,
Để ngàn lần anh mãi nhớ trong mơ.
Em rất thực nắng thì mờ ảo,
Xin đừng làm em với cổ đồ.*

*Áo trắng hơi thuở tìm em không thấy,
Nắng mình mang mấy nhịp Tràng Tiền.
Nón rất Huế nhưng đời không phải thế,
Mặt trời lên từ phía nón em nghiêng.*

Nhịp cầu cong và con đường thẳng

Một đời anh tìm mãi Huế nơi đâu?

Con sông dùng dằng, con sông không chảy

Sông chảy vào lòng nên Huế rất sâu!

(Trích *Tạm biệt Huế*, Thu Bồn)

Câu 2 (4,0 điểm)

Con người hiện nay đang đối diện với nỗi sợ mang tên “sợ bị thay thế bởi máy móc”. Nói về vấn đề này, Geogre Duhamel cho rằng: **“Đừng sợ máy móc bên ngoài. Hãy sợ máy móc của chính lòng mình”**.

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày quan điểm của anh chị về vấn đề được đặt ra.

-----Hết-----

ĐỀ 24*(Đề gồm 03 trang)***ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT****THEO CẤU TRÚC MINH HỌA****MÔN: NGỮ VĂN***(Thời gian làm bài: 120 phút; Không kể thời gian phát đề)*
-----**I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)****Đọc văn bản sau:****MÙI RƠM RẠ QUÊ MÌNH...*****Ngọc Bích***

(1) Tôi sinh ra từ một vùng sâu vùng xa ở vùng biển Đồng Tháp, lớn lên giữa hương đồng cỏ nội. Nơi tôi sống ruộng lúa không hẳn là thẳng cánh cò bay mà đủ ngan ngát mùi rơm rạ sau mỗi mùa gặt.

(2) Trong ký ức của tôi, bức tranh đồng quê sống động một cách kỳ lạ. Đó là những sân phơi trải đầy lúa vàng, túi con nít vẫn hay đi tới đi lui trên những thảm lúa ngoài sân để lúa mau khô, những bước chân nhỏ xinh in ngang dọc trên đệm lúa vàng. Chúng bước nhanh thật nhanh để tránh cái nắng trên đầu và cái nóng hừng hực dưới chân. Ngày mùa trong tôi còn là những ụ rơm, nhánh rạ trơ ra sau vụ gặt. Đâu đâu cũng thấy rơm rạ ngút ngàn, vàng những lối đi.

(3) Tôi thương cái mùi rơm rạ quê mình. Nó cứ thoang thoảng rồi loang dần, quấn chặt vào sống mũi. Mùi rơm rạ là mùi của đồng ruộng, mùi của mồ hôi ba ngày vác cuốc ra đồng, mùi của niềm vui mùa lúa trổing, mùi nỗi buồn nơi khoé mắt mẹ sau mỗi vụ thất thu.

(4) [...] Tôi lớn lên giữa mùi rơm rạ quê hương, mấy đứa bạn tôi giờ mỗi đứa một nơi. Có đứa qua xứ Tây Đô lập nghiệp, có đứa đi làm dâu tận vùng miệt thứ Cà Mau. Còn tôi... sống và làm việc ở phố thị xa hoa, đêm đêm nhớ nhà, nhớ mùi rơm rạ mà bật khóc. Chao ôi, cái mùi rạ nồng nồng khó tả.

(5) Mỗi lần về nhà đúng mùa gặt lúa, tôi hít lấy một hơi thật sâu như muốn nuốt hết cái không khí ấy, nhớ về mình còn là đứa trẻ của những tháng năm xưa. Những tháng năm đầu trần ngồi máy kéo ra đồng nghịch rơm, những tháng năm còn được nằm trọn trong vòng tay của ba mẹ.

(6) Có sợi rơm nào bay theo gió vương qua cành lá non, phảng phất hương vị của mùa mới, mùa của yêu thương, ước vọng và hy vọng. Tôi mang theo những khát khao, những ước mơ của mình gửi vào hương vị đó để thấy ấm áp, góp nhặt yêu thương cho riêng mình.

(7) Những kí ức tuổi thơ gắn liền với mùi rơm rạ quê hương bỗng chốc ủa về làm cho con đường đến sân bay trở nên ngắn ngủi. Tôi và anh tài xế công nghệ kia tạm gác lại những

ký ức miền Tây thân thương của mình để hoà vào nhịp sống hối hả. Tôi tin là nó chỉ tạm lắng lại trong tâm thức mỗi người rồi đến khi gặp người “rà đúng tần số” hoặc đôi khi chỉ cần nhắc về hai tiếng miền Tây thì những ký ức thân thương ấy lại ào ạt ùa về. Đã là tuổi thơ, là quê hương thì làm sao mà quên cho được.

(Nhiều tác giả, *Nghĩa tình miền Tây*, NXB Hồng Đức, 2022, tr. 41-44)

Thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 5 (Trình bày ngắn gọn):

Câu 1: Xác định ngôi kể của văn bản?

Câu 2: Tác giả đã lựa chọn những hình ảnh gì để thể hiện và gửi gắm tình yêu quê hương sâu sắc của mình?

Câu 3: Phân tích tác dụng của một biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn văn sau:

“Tôi thương cái mùi thơm rạ quê mình. Nó cứ thoang thoảng rồi loang dần, quẩn chặt vào sống mũi. Mùi thơm rạ là mùi của đồng ruộng, mùi của mồ hôi ba ngày vất vả cuốc ra đồng, mùi của niềm vui mùa lúa trổ, mùi nỗi buồn nơi khoé mắt mẹ sau mỗi vụ thất thu”.

Câu 4: Anh/chị có đồng tình với quan điểm của tác giả rằng: những ký ức “chỉ tạm lắng lại trong tâm thức mỗi người” bởi “đã là tuổi thơ, là quê hương thì làm sao mà quên cho được”? Vì sao?

Câu 5: Trong văn bản, tác giả đã gửi vào ký ức tuổi thơ “những khát khao, những ước mơ” để “thấy ấm áp, góp nhặt yêu thương cho riêng mình”. Còn với anh/chị, ký ức tuổi thơ có ý nghĩa gì trong cuộc sống con người? Hãy viết câu trả lời trong một đoạn văn từ 8 – 10 dòng.

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) làm rõ những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản sau:

Tác đất Thành cổ

Phạm Đình Lân

*Nhẹ bước chân và nói khẽ thôi
Cho đồng đội tôi nằm yên dưới cỏ
Trời cũng tự trong xanh và lồng gió
Dấu ồn ào dừng lay mạnh hàng cây*

*Nhẹ bước chân và nói khẽ thôi
Thành cổ rộng sao đồng đội tôi nằm chặt
Mỗi tác đất là một cuộc đời có thật
Cho hôm nay tôi đến ghen ngào*

*Bạn nằm lại nơi này, nơi nao?
Phía đông thành, tây thành hay dưới dòng Thạch Hãn
Tám mươi một ngày đêm đất trời ken dày bom đạn
Cát trắng rang vàng, nghiêng lệch cả dòng sông
(...)
Bạn nằm lại nơi đồng đất quê hương
Nơi chiến tuyến lẫn ranh sông Bến Hải
Súng trong tay và đôi mắt rực lửa
Trút hận xuống đầu thù rồi ngã xuống bình yên*

*Nhẹ bước chân và nói khẽ thôi
Cho đồng đội tôi nằm yên dưới cỏ
Trời Quảng Trị trong xanh và lộng gió
Ru mãi bài ca Bất tử đến vô cùng.*

Tháng 7-2002

Câu 2. (4,0 điểm)

Viết một bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bày tỏ ý kiến của anh/chị về ý nghĩa của việc vượt qua những giới hạn trong cuộc sống.

----- **Hết** -----

(Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Giám thị coi thi không giải thích gì thêm.)

ĐỀ 25

(Đề gồm 03 trang)

**ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT
THEO CẤU TRÚC MINH HỌA
MÔN: NGỮ VĂN**

(Thời gian làm bài: 120 phút; Không kể thời gian phát đề)

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)**Đọc văn bản sau:****TƯ CÁCH MỠ**

“Bây giờ thì hấn trở thành mỗ thật rồi. Một thằng mỗ đủ tư cách mỗ, chẳng chịu kém một anh mỗ chính tông một tí gì: cũng đề tiện, cũng lầy lã, cũng tham ăn. (...)”

Không! Lộ sinh ra là con một ông quan viên tử tế, hấn hoi. Và chỉ mới cách đây độ ba năm, hấn vẫn còn được gọi là anh cu Lộ. (...)

Những lời tiếng mĩa mai truyền từ người nọ đến người kia. Lộ thấy những bạn bè cứ lảng dần. Những người ít tuổi hơn, nói đến hấn, cũng gọi bằng thằng. (...) Một hôm, trong một đám khao, Lộ vừa chực ngồi cỗ thì ba người ngồi trước đứng cả lên. Lộ ngồi trơ lại một mình. Mặt hấn đỏ bừng lên. Hấn do dự một lúc rồi cũng phải đứng lên nốt, mặt bẽn lẽn cúi gằm xuống đất. Chủ nhà hiểu ba anh kia có ý gai ngạnh không chịu ngồi chung với mỗ. Ông tìm một người khác, xếp vào cho đủ cỗ và an ủi Lộ:

- Chủ ăn sau cũng được.

Lộ âm ỉ cho xong chuyện, rồi nhàn một lúc không ai để ý, lén ra về. Hấn tâm tức rất lâu. Trông thấy vợ, hấn cúi mặt, không dám nhìn thị, làm như thị đã rõ cái việc nhục nhã vừa rồi. Hấn thở ngắn thở dài, lắm lúc hấn muốn bỏ phắt việc, trả lại vườn cho họ đỡ tức. Nhưng nghĩ thì cũng tiếc. Hấn lại tặc lưỡi một cái, và nghĩ bụng: “Mặc chúng nó!...” Hấn chỉ định từ giờ chẳng đi ăn cỗ đám nào nữa là ổn chuyện... Nhưng khổ một nỗi, không đi, không được. Đám nào có ăn, tất nhiên chủ nhân không chịu để hấn về. Làm cỗ cho cả họ ăn còn được, có hẹp gì một cỗ cho thằng sãi? Để nó nhịn đói mà về, nó chửi thề cho. Mà thiên hạ người ta cũng cười vào mặt, là con người bủn xỉn... Ấy, người ta cứ suy hơn, tính thiệt như vậy, mà nhất định giữ thằng sãi lại. Không ai chịu ngồi với hấn, thì hấn sẽ ngồi một mình một cỗ trong bếp, hay một chỗ nào kín đáo cho hấn ngồi...

Mới đầu, Lộ tưởng ngồi như thế, có lẽ là yên ổn đấy. Nhưng người ta tội lắm. Người ta nhất định bêu xấu hấn. Trong nhà đám, một chỗ dù kín đáo thế nào, mà chả có người chạy qua, chạy lại. Mỗi người đi qua lại hỏi hấn một câu:

- Lộ à, mày?

Cũng có người để thêm:

- Chà! Cô to đấy nhỉ? Đẳng ấy hoá ra lại ... bỏ!

A! Thế ra họ nói kháy anh cu Lộ vậy, cái lăm. Hấn tặc lưỡi một cái và nghĩ bụng: “Muốn nói, ông cho chúng mày nói chán! Ông cần gì...” Hấn lập tức bê cổ về sân, đặt lên phản, ung dung ngồi. Nói thật ra, thì hấn cũng không được ung dung lắm. Tai hấn vẫn đỏ như cái hoa mào gà, và mặt hấn thì bẽn lẽn muốn chữa thẹn, hấn nhai nhồm nhoàm và vênh vênh nhìn người ta, ra vẻ bất cần ai. Sau cái bữa đầu, hấn thấy thế cũng chẳng sao, và bữa thứ hai đã quen quen, không ngượng nghịu gì mấy nữa. Bữa thứ ba thì quen hấn...

- Mẹ kiếp! Không trách được người ta bảo: “Tham như mỡ”.

A! Họ bảo hấn là mỡ vậy... Tham như mỡ vậy!... Đã vậy thì hấn tham cho mà biết!... Từ đấy, không những hấn đòi cổ to, lúc ăn hấn lại còn đòi xin thêm xôi, thêm thịt, thêm cơm nữa. Không đem lên cho hấn thì tự hấn xông vào chỗ làm cỗ mà xúc lấy. Ăn hết bao nhiêu thì hết, còn lại hấn gói đem về cho vợ con ăn, mà nếu vợ con ăn không hết, thì kho nấu lại để ăn hai ba ngày... Hà hà! Phong lưu thật!... Cho chúng nó cứ cười khoẻ đi!

Cứ vậy, hấn tiến bộ mãi trong nghề nghiệp mỡ. Người ta càng khinh hấn, càng làm nhục hấn, hấn càng không biết nhục. Hời ôi! Thì ra lòng khinh, trọng của chúng ta có ảnh hưởng đến cái nhân cách của người khác nhiều lắm; nhiều người không biết gì là tự trọng, chỉ vì không được ai trọng cả; làm nhục người là một cách rất diệu để khiến người sinh đề tiện...

(Nam Cao, Trích *Tư cách mỡ*, NXB Hội nhà văn 1993)

Thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 5 (Trình bày ngắn gọn:

Câu 1: Xác định ngôi kể trong văn bản?

Câu 2: Xác định điểm nhìn trần thuật trong các câu sau: “A! Họ bảo hấn là mỡ vậy... Tham như mỡ vậy!... Đã vậy thì hấn tham cho mà biết!... Từ đấy, không những hấn đòi cổ to, lúc ăn hấn lại còn đòi xin thêm xôi, thêm thịt, thêm cơm nữa. Không đem lên cho hấn thì tự hấn xông vào chỗ làm cỗ mà xúc lấy”?

Câu 3: Chỉ rõ và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu: “Một thằng mỡ đủ tư cách mỡ, chẳng chịu kém một anh mỡ chính tông một tí gì: cũng đề tiện, cũng lầy lã, cũng tham ăn”?

Câu 4: Phân tích những đặc điểm của ngôn ngữ nói được ghi lại trong đoạn trích sau:

Mỗi người đi qua lại hỏi hấn một câu:

- Lộ à, mày?

Cũng có người để thêm:

- Chà! Cô to đấy nhỉ? Đẳng ấy hoá ra lại ... bỏ!

Câu 5: Anh/chị có đồng tình với câu nói: “*Thì ra lòng khinh, trọng của chúng ta có ảnh hưởng đến cái nhân cách của người khác nhiều lắm*” không? Vì sao?

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) đánh giá về đẹp về nội dung và nghệ thuật của bài thơ sau:

Chiều Xuân

Anh Thơ

Mưa đổ bụi êm êm trên bến vắng,
Đò biếng lười nằm mặc nước sông trôi;
Quán tranh đứng im lìm trong vắng lặng
Bên chòm xoan hoa tím rụng tơi bời.
Ngoài đường đề cỏ non tràn biếc cỏ,
Đàn sáo đen sà xuống mổ vu vơ
Mấy cánh bướm rập rờn trôi trước gió.
Những trâu bò thông thả cúi ăn mưa.
Trong đồng lúa xanh rờn và ướt lặng
Lũ cò con chốc chốc vụt bay ra,
Làm giật mình một cô nàng yếm thắm.
Cúi cuốc cào cỏ ruộng sắp ra hoa.

Câu 2. (4,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về *sức mạnh niềm tin của giới trẻ hiện nay*.

-----Hết-----

ĐỀ 26

(Đề gồm 02 trang)

ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT**THEO CẤU TRÚC MINH HỌA****MÔN: NGỮ VĂN**

(Thời gian làm bài: 120 phút; Không kể thời gian phát đề)

I. ĐỌC – HIỂU (4,0 điểm)**Đọc đoạn trích:**

Dì Hảo chẳng nói năng gì. Dì nghiêng chặt răng để cho khỏi khóc nhưng mà dì cứ khóc. Chao ôi! Dì Hảo khóc. Dì khóc nức nở, khóc nấc lên, khóc như người ta thổ. Dì thổ ra nước mắt. Nhưng đã vội phí nước mắt làm gì nhiều đến thế. Vì dì còn phải khóc hơn thế nhiều, khi hấn chán chửi, bỏ nhà mà đi, bỏ dì bơ vơ, đau ốm, để tìm cơm rượu. Trách làm gì hấn, cái con người bắt buộc phải tàn nhẫn ấy? Hấn phải ăn, phải uống, phải vui thú, đó là đời của hấn. Dì Hảo què liệt không còn những cái ấy để mà cho. Không, dì có trách chi con người tàn nhẫn ấy. Cũng như dì đã không trách bà tôi đã làm ngơ không cấp đỡ cho dì. Bà tôi có còn giàu như trước nữa đâu? Người đã già, đã ốm yếu, và khổ cực thay! Đã nghèo như lúc còn hăm hai. Cái cơ nghiệp người gây dựng thầy tôi buôn bán thua lỗ, chúng tôi học hành tốn phí nhiều, đã tan tác đi theo gió bốn phương. Người chỉ có thể đem đến cho dì Hảo mỗi ngày một xu quà và rất nhiều nước mắt. Và rất nhiều lời than thở...

(Trích Dì Hảo - Tuyển tập truyện ngắn Đôi mắt, Nam Cao, NXB VH, 201, tr.208)

Trả lời các câu hỏi sau:**Câu 1:** Xác định ngôi kể của văn bản trên?**Câu 2:** Tìm những từ ngữ diễn tả tâm trạng của dì Hảo?**Câu 3:** Tình cảnh của dì Hảo giúp anh/chị hiểu gì về thân phận người nông dân trong xã hội Việt Nam trước Cách mạng?**Câu 4:** Anh/chị hãy phân tích tác dụng của biện pháp tu từ nghịch ngữ trong câu văn: “Người chỉ có thể đem đến cho dì Hảo mỗi ngày một xu quà, và rất nhiều nước mắt.”.**Câu 5:** Qua đoạn trích trên, anh/chị hãy nêu nhận xét về nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật của Nam Cao.**II. PHẢN VIẾT****Câu 1. (2,0 điểm)**

Viết một đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) làm rõ vẻ đẹp nội dung và nghệ thuật của văn bản sau:

BUỔI GẶT CHIỀU*Anh Thơ*

*Mặt trời lặn, mây còn tươi ráng đỏ,
Cò từng đàn bay trắng cánh đồng xa.
Tiếng diều sáo véo von cùng tiếng gió,
Hoà nhịp nhàn giọng ả hái dâu ca.*

*Trong đồng lúa tươi vàng bông rủ chín,
Những trai tơ từng bện gặt vui cười.
Cùng trong lúc ông già che nón kín,
Ngồi đầu bờ hút thuốc thổi từng hơi.*

*Trên đê trắng, chòm đầu phơ phát gió,
Lũ cu con mê mãi chạy theo diều.
Bỏ mặc cả trâu bò nằm vệ cỏ,
Mắt mơ màng trong gợn gió hiu hiu.*

(Bức tranh quê, NXB Hội Nhà văn)

Câu 2. (4.0 điểm)

Viết bài luận (khoảng 600 chữ) để thuyết phục người khác từ bỏ quan niệm: Với xu hướng hiện nay, chỉ cần biết ứng dụng công nghệ số để phát triển kinh tế, không cần mất thời gian nuôi dưỡng tâm hồn qua những lời ru, câu hát.

-----**Hết**-----

ĐỀ 27*(Đề gồm 03 trang)***ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT****THEO CẤU TRÚC MINH HỌA****MÔN: NGỮ VĂN***(Thời gian làm bài: 120 phút; Không kể thời gian phát đề)*

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)**Đọc văn bản sau:**

*Ngày còn bé ta mơ trăng tháng tám
Giữa đêm rằm bầy cổ, vui chơi
Cùng bạn nhỏ rước đèn múa hát
Trống ếch lòng tùng nào nức trăng vui*

*Khi lớn khôn ước mơ càng cháy bỏng
Vai kề vai nghe rộn tiếng tim yêu
Trái tâm tư dưới trời trăng sáng
Cuộc đời ơi, đẹp biết bao nhiêu!*

*Chỉ thế thôi ư? Ta còn mơ ước
Thành nhà thơ ca ngợi cuộc đời
Những vần thơ cùng du hành vũ trụ
Sưởi ấm vùng trăng lạnh niềm vui*

*Đâu chỉ lên trăng, thơ ta còn bay khắp
Theo những con tàu cập bến các vì sao
Như lòng ta chẳng bao giờ nguôi khát vọng
Biết bay rồi, ta lại muốn bay cao.*

*(Khát vọng, Xuân Quỳnh,**Trích từ tập Chồi biếc, NXB văn học, 1963)***Thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 5 (trình bày ngắn gọn):****Câu 1:** Bài thơ được viết theo thể thơ gì?**Câu 2:** Hãy chỉ ra những hình ảnh thể hiện ước mơ của nhân vật “ta” những ngày còn thơ bé.

Câu 3: Chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ so sánh được sử dụng trong khổ thơ cuối.

Câu 4: Ở 3 khổ thơ đầu tác giả sử dụng từ "mơ", "mơ ước", hoặc "ước mơ" nhưng đến khổ cuối lại dùng từ "khát vọng". Theo em sự thay đổi này có dụng ý gì?

Câu 5: Qua văn bản trên tác giả muốn gửi đến chúng ta thông điệp gì? Thông điệp ấy có ý nghĩa gì với anh (chị)?

II. PHẢN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) làm rõ một số nét đặc sắc trong nội dung và nghệ thuật của văn bản sau:

Hồng đang thẩn thơi chơi một mình ở trong vườn... Ít lâu nay, những lúc được đi chơi, Hồng chỉ chơi có một mình. Chị Thảo về rồi. (Thảo là con ở trước kia vẫn giữ em Hồng). Thằng em chưa biết đi. Còn thầy u thì bây giờ hay gắt quá. Hồng cũng chẳng hiểu tại sao lại thế. [...] Động một tí gì u cũng mắng. Nói một mình, mắng! Vấp ngã, mắng! Đi chậm, mắng! Bữa ăn, không có thức ăn, ngả ngón không ăn được: mắng!... Như vậy kể cũng còn đáng tội. Nhưng lại còn những cái không phải tội Hồng: thí dụ như nhà bẩn, nhà lấm ruồi vào, con chó bới vườn trầu, hay thằng Thiên ngã, thằng Thiên khóc.... Hồng làm sao cho không thể được?

[....]

- Cái Hồng đi đâu rồi?

(...)

- Mày luống cuống gì mãi thế? Cái tay trông đẹp nhỉ? Lớn đầu bằng ấy mà không biết cầm cái chổi! Chỉ ăn là nhen thôi!... Được rồi. Quét đi!

[....] Hồng quét. Nhưng nó vẫn lơ lơ, lúng túng. Cái chổi ngấp ngừng trên mặt đất, không biết nên đi lối nào cho phải. Người mẹ thấy khắp người ngứa ngáy. Thị không còn nhịn được, nước mắt thị ứa ra một chút. Thị tức tối đập vào mình đánh đét. Hồng giật mình, đánh rơi cả chổi. Ấy thế là đét!... thêm tiếng nữa. Lần này thì cái bàn tay dấn vào một bên má búp bê của con bé từ trước đến nay chỉ nhận được những cái tát yêu của bố. Nó cúi người đi một cái và òa lên khóc. Người mẹ sừng sốt như chợt nhận ra cái cử chỉ vô lý và tàn nhẫn quá. Thị đứng ngây người ra một chút. Rồi thị vô lấy cái chổi, quét như điên, như dại. Mặt thị co rúm lại chực khóc. Nước mắt, nước mũi chảy ròng ròng xuống đất. Thị vừa quét vừa rên nho nhỏ.

- Giời ơi! Giời ơi!... Giời làm khổ tôi thế này!

Người bố chỉ lẳng lặng nhìn tất cả tấn bi kịch đang diễn ra trước mắt. Y thấy lòng đau quặn quặn.

Tối hôm ấy, sau khi đã uể oải ăn xong bữa cơm nguội rắc vừng, Hồng uống nước rồi lẳng lặng vào giường ngủ. Một lát sau, người bố vào, nằm bên con, quạt cho con. Một bàn tay y vuốt ve những sợi tóc mềm như tơ. Con bé nhắm nghiền đôi mắt, không dấy động. Nhưng nó chưa ngủ hẳn... Bỗng nó nghe thấy mẹ khẽ bảo:

- Hôm nay, tôi tức quá, tát cái Hồng một cái, rồi thương đứt ruột. Suốt hôm, nghĩ đến lúc nào, tôi lại khóc. Không biết tôi điên hay sao ấy.

Thầy Hồng bảo:

- Đây là mình lo lắng quá. Tôi cũng vậy: lắm lúc tôi biết mình mắng nó bất công mà cứ mắng; tại ruột mình lúc nào cũng nóng như lửa đốt; hơi một tí là mình cáu.

(...)

- Thì đã bảo: điên mà lại! Con bé thật có nét. Chỉ vì mình túng cho nên nó khổ... Mẹ nó! Ấy thế mà ngủ ù ì như lợn rồi đấy!...

Thật ra Hồng có ngủ đâu. Nó nghe thấy tất. Tự nhiên nó thấy nước mắt rì rì chảy ra đầy má. Nó không dám chùi, sợ thầy nó biết. Nhưng bỗng thầy nó quay vào, ôm lấy nó, áp môi vào má nó, ngạc nhiên một thoáng rồi bùi ngùi bảo:

- Tội nghiệp con tôi! Đang khóc mê đây này...

(Tiểu thuyết thứ bảy số 473 (7-8-1943))

(Bài học quét nhà – Nam Cao,
Tuyển tập Nam Cao, Tập 2, NXB Văn học, 1993)

Câu 2. (4,0 điểm)

Viết một bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ ý nghĩa sự phấn đấu không ngừng của con người trong cuộc sống.

-----Hết-----

ĐỀ 28
(Đề gồm 03 trang)

ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT
THEO CẤU TRÚC MINH HỌA
MÔN: NGỮ VĂN

(Thời gian làm bài: 120 phút; Không kể thời gian phát đề)

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

NẮNG ĐÃ HẠNH RỜI

Vũ Quần Phương

*Nắng đã vàng hanh như phấn bay
Đã nghe tiếng sếu vọng sông gày
Trước sân mây trắng về đông lấm
Em ở xa nhà em có hay*

*Em có hình dung những mái tranh
Nắng lên khói ủ mộng yên lành
Vườn sau tre mía xôn xao lá
Anh chẳng là cây cũng trĩu cành
Em có cùng anh lên núi không
Có nghe thăm thẳm tiếng rừng thông
Nắng chiều ngả bóng thông in đất
Anh ngả vào đâu nỗi nhớ mong
Xuân sắp sang rồi xuân sắp qua
Một năm năm mới lại năm qua
Mà sao nắng cứ như tơ ấy
Rung tự trời cao xuống ngõ xa.*

Thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 5 (trình bày ngắn gọn):

Câu 1. Chỉ ra 2 phương thức biểu đạt nổi bật trong bài thơ?

Câu 2. Thiên nhiên trong bài thơ được quan sát, miêu tả vào mùa nào?

Câu 3. Chỉ ra và nêu hiệu quả của phép tu từ được sử dụng trong câu thơ: “*Trước sân mây trắng về đông lấm*”?

Câu 4. Nhận xét về cách gieo vần và tác dụng của cách gieo vần đó trong bài thơ?

Câu 5. Qua bài thơ em có suy nghĩ gì về mối quan hệ giữa thiên nhiên và con người?

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) làm rõ một số nét đặc sắc trong nội dung và nghệ thuật của văn bản sau:

Bài học tuổi thơ

Thằng con tôi 11 tuổi, học lớp sáu. Qua mùa thi chuyển cấp, nhân một buổi chiều cho con đi chơi mát, nó kể... Đang hỏi nó về chuyện thi cử, nó chợt hỏi lại tôi:

- Ba! Có bao giờ thấy có một bài luận văn nào điểm không không ba? Con số không cô cho bự bằng quả trứng gà. Không phải cho bên lẻ, mà một vòng tròn giữa trang giấy. Thiệt đó ba. Chuyện ngay trong lớp của con, chứ không phải con nghe kể đâu.

Tôi chưa kịp hỏi, nó tiếp:

- Còn thua ba nữa đó, ba. Ít nhất ba cũng được nửa điểm. Còn thằng bạn của con, con số không bự như quả trứng.

Thằng con tôi ngửa mặt cười, có lẽ nó thấy thú vị vì thời học trò của ba nó ít nhất cũng hơn được một đứa.

Số là cách đây vài năm, có một nhà xuất bản gửi đến các nhà văn nhà thơ quen biết trong cả nước một câu hỏi, tôi còn nhớ đại ý, nhà văn nhà thơ thời thơ ấu học văn như thế nào, nhà xuất bản in thành sách "Nhà văn học văn". Đọc qua, nghe các nhà văn nhà thơ kể, tất nhiên là mỗi người có mỗi cuộc đời, mỗi người mỗi giọng văn, nhìn chung thì người nào, lúc còn đi học, cũng có khiếu văn, giỏi văn. Nếu không thì lấy gì làm cơ sở để sau này trở thành nhà văn? Rất lô-gích và rất là tự nhiên vậy. Duy chỉ có bài của tôi hơi khác, có gì như ngược lại. Tôi kể, hồi tôi học ở trường trung học Nguyễn Văn Tố (1948 - 1950), tôi là một học sinh trung bình, về môn văn không đến nổi liệt vào loại kém, nhưng không có gì tỏ ra là người có khiếu văn chương. Và có một lần, bài luận văn của tôi chỉ được có một điểm trên hai mươi (1/20). Đó là kỷ niệm không quên trong đời học sinh của tôi, môn văn.

Khi con tôi đọc bài văn đó, con tôi hỏi:

- Sao bây giờ ba là nhà văn? Và bạn bè cũng hỏi như vậy. Tôi cũng đã tự lý giải về mình, và lời giải cũng đã in vào sách rồi, xin không nhắc lại.

Tôi hỏi con tôi:

- Luận văn cô cho khó lắm hay sao mà bạn con bị không điểm.

- Luận văn cô cho "Trò hãy tả buổi làm việc ban đêm của bố".

- Con được mấy điểm?

- Con được sáu điểm.

- Con tả ba như thế nào?

- Thì ba làm việc làm sao thì con tả vậy.

- Mấy đứa khác, bạn của con?

Thằng con tôi như chợt nhớ, nó liền thoáng:

- A! Có một thằng ba nó không hề làm việc ban đêm mà nó cũng được sáu điểm đó ba.

- Đêm ba nó làm gì?

- Nó nói, đêm ba nó toàn đi nhậu.

- Nó tả ba nó đi nhậu à?

- Dạ không phải. Ba nó làm việc ban ngày nhưng khi nó tả thì nó tả ba nó làm việc ban đêm, ba hiểu chưa?

- Còn thằng bạn bị không điểm, nó tả như thế nào?

- Nó không tả không viết gì hết, nó nộp giấy trắng cho cô.

- Sao vậy?

Hôm trả lại bài cho lớp, cô gọi nó lên, cô giận lắm, ba. Cô hét: "Sao trò không làm bài". Nó cúi đầu làm thinh. Cô lại hét to hơn: "Hả?". Nó cũng làm thinh. Tụi con ngồi dưới, đứa nào cũng run.

- Nó là học trò loại "cá biệt" à?

- Không phải đâu ba, học trò tiên tiến đó ba.

- Sao nữa? Nó trả lời cô giáo như thế nào?

Nó cứ làm thinh. Tức quá, cô mới quát cây thước xuống bàn cái chát: "Sao trò không làm bài?" Tới lúc đó nó mới nói: "Thưa cô, con không có ba". Nghe nó nói, hai con mắt của cô con mở tròn như hai cái tô. Cô đứng sững như trời trồng vậy ba!

Tôi bỗng nhập vai là cô giáo. Tôi thấy mình ngã quỵ xuống trước đứa học trò không có ba.

Sau đó cô và cả lớp mới được biết, em mồ côi cha khi vừa mới lọt lòng mẹ. Ba em hi sinh trên chiến trường biên giới. Từ ấy, má em ở vậy, tần tảo nuôi con...

Có người hỏi em: "Sao mày không tả ba của đứa khác". Em không đáp, cúi đầu, hai giọt nước mắt chảy dài xuống đôi má.

Chuyện của đứa học trò bị bài văn không điểm đã để lại trong tôi một nỗi đau. Em bị không điểm, nhưng với tôi, người viết vẫn là một bài học, bài học trung thực. Sáng tạo không đồng nghĩa với bịa đặt.

Giữa những dòng chữ bịa đặt và trang giấy trắng, tôi xin để trang giấy trắng trung thực trên bàn viết.

(Mùa thu, 1990- Truyện ngắn Nguyễn Quang Sáng)

Câu 2 (4,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý nghĩa của việc hiểu mình và hiểu người.

-----Hết-----

ĐỀ 29*(Đề gồm 03 trang)***ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT****THEO CẤU TRÚC MINH HỌA****MÔN: NGỮ VĂN***(Thời gian làm bài: 120 phút; Không kể thời gian phát đề)*
-----**I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)****Đọc văn bản sau:****ÁO TRẮNG**

*Áo trắng đơn sơ, mộng trắng trong,
Hôm xưa em đến, mắt như lòng
Nở bừng ánh sáng. Em đi đến,
Gót ngọc dồn hương, bước toả hồng.*

*Em đẹp bàn tay ngón ngón thon;
Em duyên đôi má nắng hoe tròn.
Em lùa gió biếc vào trong tóc
Thổi lại phòng anh cả núi non.*

*Em nói, anh nghe tiếng lẫn lời;
Hồn em anh thở ở trong hơi.
Nắng thơ dẹt sáng trên tà áo,
Lá nhỏ mừng vui phát cửa ngoài.*

*Đôi lúa thân tiên suốt một ngày.
Em ban hạnh phúc chứa đầy tay.
Dịu dàng áo trắng trong như suối
Toả phát đôi hồn cánh mộng bay.*

(Huy Cận)

Thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 5 (trình bày ngắn gọn):**Câu 1.** Bài thơ trên được viết theo thể thơ nào?**Câu 2.** Xác định hình ảnh trung tâm của bài thơ?

Câu 3. Chỉ ra ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh “áo trắng” trong bài thơ?

Câu 4. Nhận xét về tình cảm của nhân vật trữ tình với người con gái được thể hiện trong bài thơ?

Câu 5. Từ bài thơ, anh/ chị có suy nghĩ gì về ý nghĩa của tình yêu chân chính trong cuộc đời mỗi người (trả lời trong khoảng 5-7 dòng)?

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) luận phân tích nhân vật bà cụ trong văn bản sau:

MÂY TRẮNG CÒN BAY

Bảo Ninh

Máy bay cất cánh trong mưa. Tiếng còi bánh xe gấp lại có vẻ mạnh hơn bình thường dội độ rung vào thân máy bay. Tôi tiếc là đã không nghe lời vợ. Đáng lý nên trả vé, dừng theo chuyến này. Ngày xấu, giờ xấu, thời tiết xấu.

(...)- Mây ngay ngoài, các bác kia! - bà cụ ngồi ở ghế trong cùng, kê cửa sổ, thốt kêu lên.

Chiếc TU đã lấy được độ cao cần thiết, bắt đầu bay bằng. Hàng chữ điện “Cài thắt lưng an toàn” đã được tắt đi. Nhưng ngoài cửa sổ vẫn cuộn cuộn mây.

- Mây cận quá, bác nhỉ, với tay ra là với được - Bà cụ nói - Y thế cây lá ngoài vườn.

Tay vận complet nhắc mi mắt lên. Môi y mím chặt, vẻ căng thẳng đổi thành quàu quau.

- Vậy mà sao nhiều người họ kháo là tàu bay trời cao được hơn mây bác nhỉ?

Tay nọ làm thình.

- Chẳng biết đâu trời đâu đất thế này biết lối nào mà về bến, thưa các bác?

Không được trả lời, bà cụ chẳng dám hỏi han gì thêm. Bà ngồi im, ôm chặt trong lòng một chiếc làn mây. Hình vóc bé nhỏ, teo tóp của bà như chìm lấp vào thân ghế. Khi cô tiếp viên đẩy xe đưa bữa điểm tâm đến, bà không muốn nhận khay đồ ăn. Bà bảo cơm nước lạ kiểu chẳng đũa bát gì chẳng quen, mấy lại đã ăn no bụng hồi sớm, mấy lại cũng thực tình là già chẳng có lắm tiền. Cô gái ân cần giải thích để bà cụ yên tâm rằng giá của suất ăn này đã được tính gộp trong tiền vé.

- Thảo nào hai lượt tàu bay những triệu bạc - bà cụ nói - Vậy mà lúc biểu già tẩm vé các chú không quân cùng đơn vị với con trai già ngày nọ bảo là tốn có trăm ngàn. Các chú ấy cho già thì có, chứ còn tính ở quê đừng nói triệu với trăm ngàn, ngàn với trăm cũng khó.

(...)Bà hỏi cô tiếp viên:

- Đã sắp đến sông Bến Hải chưa con?

- Dạ thưa - Cô gái nhìn đồng hồ đeo tay - Còn chừng dăm phút nữa ạ. Nhưng thưa cụ vì chúng ta bay trên biển nên không ngang qua sông mà sẽ chỉ ngang qua vùng trời vĩ tuyến 17.

- Lát qua đây con bật dùm già cái cửa tròn này con nhé, cho thoáng.

- Ấy chết, mở thế nào được ạ. Cô gái bật cười.

Ngoài cửa sổ nắng loé lên, cánh máy bay lấp lánh, nhưng chỉ trong chốc lát. Trên rất cao này, trời vẫn còn mây. (...)

- Làm cái gì vậy? Hả! Cái bà già này!

Tôi giật bản mình. (...)

- Nay, cô kia, cô nhân viên! - Y sang trọng đứng dậy mắng - Tội mà nhìn! Đây là hàng không hay là cái xô bếp? Là phi cơ hay là cái miếu thờ thế này, hả?

- Van bác... - Bà cụ sợ sệt - Bác ơi, van bác... Chẳng là, bác ạ, bữa nay giỗ thằng cả nhà tôi. Non ba chục năm rồi, bác ơi, tôi mới lên được đến miền cháu khuất.

Tay nó gần như bước xéo lên đùi tôi, xắn ra lổ đi. Bộ mặt hồng hào bưng bưng giận dữ và khinh miệt. Bà cụ ngồi, lặng phất, lưng còng xuống, hai bàn tay chấp lại, gầy guộc. Trên chiếc bàn gấp bày đĩa hoa cúng, nải chuối xanh, mấy cái phẩm oản và ba cây nhang cắm trong chiếc cốc thủy tinh đựng gạo. Một bức ảnh ép trong tấm kính cỡ bàn tay để dựng vào thành cốc. Cô tiếp viên vội đi tới. Cô đứng sững bên cạnh tôi. Không hề kêu lên, không thốt một lời, cô lặng nhìn.

Máy bay vươn mình nâng độ cao vượt qua trần mây. Sàn khoang dốc lên. Cái bàn thờ nhỏ bé bóng của bà cụ già hơi nghiêng đi. Tôi xoay người sang giữ lấy cái khung ảnh. Tấm ảnh được cắt ra từ một tờ báo, đã cũ xưa, nhưng người phi công trong ảnh còn rất trẻ...

Câu 2 (4,0 điểm)

“Giá trị lớn nhất của một trái tim biết yêu thương là sự chân thành.” (C. Dickens)
Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bày tỏ ý kiến của anh/chị về nhận định trên.

-----Hết-----

ĐỀ 30
(Đề gồm 03 trang)

ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT
THEO CẤU TRÚC MINH HỌA
MÔN: NGỮ VĂN

(Thời gian làm bài: 120 phút; Không kể thời gian phát đề)

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

*Thăm thăm trời xanh lộng đáy hồ,
Mùi hoa thiên lý thoảng chiều thu.
Con cò bay lả trong câu hát,
Giấc trẻ say dài nhịp võng ru.*

*Lá thấp cành cao gió đuổi nhau,
Góc vườn rưng vội chiếc mo cau.
Trái na mở mắt, nhìn ngơ ngác,
Đàn kiến trường chinh tự thuở nào.*

*Lúa trở đồng tơ, ngậm cốm non,
Lá dài vươn sắc lưỡi gươm con.
Tiếng chim mách lẻo cây hồng chín,
Điểm nhạt da trời những chấm son. (...)*

(Trích *Chiều thu*, Nguyễn Bính thơ và đời, NXB Văn học, tr.126)

Trả lời câu hỏi từ câu 1 đến câu 5 (trình bày ngắn gọn):

Câu 1. Văn bản được viết theo thể thơ nào?

Câu 2. Tìm những từ chỉ sự vật trong khổ thơ:

*Lá thấp cành cao gió đuổi nhau,
Góc vườn rưng vội chiếc mo cau.
Trái na mở mắt, nhìn ngơ ngác,
Đàn kiến trường chinh tự thuở nào*

Câu 3. Chỉ rõ và nêu tác dụng một biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu thơ sau:

*Trái na mở mắt, nhìn ngơ ngác,
Đàn kiến trường chinh tự thuở nào.*

Câu 4. Nhà thơ cảm nhận mùa thu bằng những giác quan nào? Hãy nhận xét cách cảm nhận đó?

Câu 5. Bức tranh mùa thu gợi những tình cảm gì cho anh/chị?

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) làm rõ những nét đặc sắc về nội dung, nghệ thuật của văn bản sau:

Quê Hương

Giang Nam

Thuở còn thơ ngày hai buổi đến trường
 Yêu quê hương qua từng trang sách nhỏ:
 “Ai bảo chăn trâu là khổ?”
 Tôi mơ màng nghe chim hót trên cao
 Những ngày trốn học
 Đuổi bướm cầu ao
 Mẹ bắt được...
 Chưa đánh roi nào đã khóc!
 Có cô bé nhà bên
 Nhìn tôi cười khúc khích...

 Cách mạng bùng lên
 Rồi kháng chiến trường kỳ
 Quê tôi đầy bóng giặc
 Từ biệt mẹ tôi đi
 Cô bé nhà bên - (có ai ngờ!)
 Cũng vào du kích
 Hôm gặp tôi vẫn cười khúc khích
 Mắt đen tròn (thương thương quá đi thôi!)
 Giữa cuộc hành quân không nói được một lời
 Đơn vị đi qua, tôi ngoái đầu nhìn lại...
 Mưa đầy trời nhưng lòng tôi ấm mãi...
 (...)
 Hôm nay nhận được tin em

*Không tin được dù đó là sự thật
Giấc bản em rồi quăng mất xác
Chỉ vì em là du kích, em ơi!
Đau xé lòng anh, chết nửa con người!*

*Xưa yêu quê hương vì có chim có bướm
Có những ngày trốn học bị đòn roi...
Nay yêu quê hương vì trong từng nắm đất
Có một phần xương thịt của em tôi*

1960

Câu 2. (4,0 điểm)

Trong thời gian gần đây một số hoa hậu, á hậu khi đăng quang đã có những phát ngôn ngây ngô, thiếu hiểu biết.

Viết một bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày quan điểm của anh/chị về vấn đề trên.

-----Hết-----

ĐỀ 31*(Đề gồm 03 trang)***ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT****THEO CẤU TRÚC MINH HỌA****MÔN: NGỮ VĂN***(Thời gian làm bài: 120 phút; Không kể thời gian phát đề)*

I. PHÂN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)**Đọc văn bản sau:**

Ta lớn lên bằng niềm tin rất thật
 Biết bao nhiêu hạnh phúc có trên đời
 Dầu phải khi cay đắng dập vùi
 Rằng cô Tấm cũng về làm hoàng hậu
 Cây khế chưa có đại bàng đến đậu
 Chim ăn rồi trả ngon ngọt cho ta
 Đất đai cỗi cằn thì người sẽ nở hoa
 Hoa của đất, người trồng cây dựng cửa
 Khi ta đến gõ lên từng cánh cửa
 Thì tin yêu ngay thẳng đón ta vào
 Ta ghen ngào, Đất Nước Việt Nam ơi!...
 Ta lớn lên khao khát những chân trời
 Những mảnh đất chân mình chưa bén được
 Những biển khơi chứa mặt trời đỏ rực
 Những ngàn sao trôi miết giữa màu xanh...

(Trích **Mặt đường khát vọng**, Nguyễn Khoa Điềm,
 NXB Văn nghệ giải phóng, 1974, tr.35-36)

Thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 5 (trình bày ngắn gọn)**Câu 1.** Phương thức biểu đạt chính của văn bản là gì?**Câu 2.** Chỉ ra những hình ảnh được lấy từ chất liệu văn học dân gian trong văn bản.**Câu 3.** Anh/chị hiểu như thế nào về nội dung câu thơ: “Đất đai cỗi cằn thì người sẽ nở hoa”?**Câu 4.** Nêu tác dụng nghệ thuật của phép điệp trong các câu thơ sau:

Ta lớn lên khao khát những chân trời
 Những mảnh đất chân mình chưa bén được
 Những biển khơi chứa mặt trời đỏ rực
 Những ngàn sao trôi miết giữa màu xanh...

Câu 5. Rút ra thông điệp ý nghĩa với anh/chị qua đoạn thơ trên. Lí giải.

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) làm rõ những nét đặc sắc về nội dung, nghệ thuật của văn bản sau:

TIẾNG CHỖI TRE

Tố Hữu

(1)

Những đêm hè
Khi ve ve
Đã ngủ
Tôi lắng nghe
Trên đường Trần Phú
Tiếng chổi tre
Xao xác
Hàng me
Tiếng chổi tre
Đêm hè
Quét rác...

(2)

Những đêm đông
Khi cơn dông
Vừa tắt
Tôi đứng trông
Trên đường lặng ngắt
Chị lao công
Như sắt
Như đồng
Chị lao công
Đêm đông
Quét rác...

(3)

Sáng mai ra
Gánh hàng hoa
Xuống chợ
Hoa Ngọc Hà
Trên đường rực nở
Hương bay xa
Thơm ngát
Đường ta
Nhớ nghe hoa
Người quét rác
Đêm qua.

Nhớ em nghe
Tiếng chổi tre
Chị quét
Những đêm hè
Đêm đông gió rét
Tiếng chổi tre
Sớm tới
Đi về
Giữ sạch lẽ
Đẹp lối
Em nghe!

(Trích *Thơ Tố Hữu*, NXB Văn học, 2007)

Câu 2. (4,0 điểm)

Tác giả Hamlet Trương cho rằng: *“Đỉnh núi thì cao, nhưng leo đỉnh núi thì vui [...] Quan trọng là trải nghiệm và tận hưởng hành trình của mình nhé.”*

Viết một bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/ chị về ý kiến trên.

-----**Hết**-----

ĐỀ 32
(Đề gồm 02 trang)

ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT
THEO CẤU TRÚC MINH HỌA
MÔN: NGỮ VĂN

(Thời gian làm bài: 120 phút; Không kể thời gian phát đề)

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

*Năm ấy lụt to tận mái nhà
Mẹ con lên chạn – Bố đi xa
Bón bề nước réo, nghe ghê lạnh
Tay mẹ trùm con, tựa mẹ già.*

*Mẹ cắn bầm môi cho khỏi khóc
Thương con lúc ấy biết gì hơn?
Nước mà cao nữa không bè thúng
Nếu chết trời ơi! Ôm lấy con.*

*Gọi với láng giềng, lời mẹ dặn
“Xảy chi cứu giúp lấy con tôi!”
Tiếng dòn giữa nước mênh mông trắng
Đáp lại từ xa một tiếng “ời”*

*Nước, nước... lạnh tê như số phận
Lắt lay còn ngọn mảy hàng cau
Nhưng mà mẹ thức ngồi canh chạn
Mắt mẹ trừng sâu hơn nước sâu. [...]*

(Trích *Nhớ mẹ năm lụt*, Huy Cận)

(Nguồn: <https://www.thivien.net/Huy-Cận/Nhớ-mẹ-năm-lụt/poem-r8tKUOEamujkUSlutjmiEw>)

Trả lời các câu hỏi sau từ câu 1 đến câu 5 (trình bày ngắn gọn):

Câu 1. Đoạn trích được viết theo thể thơ nào?

Câu 2. Trong đoạn trích, người mẹ đã nhờ láng giềng giúp điều gì?

Câu 3. Câu thơ “*Nếu chết trời ơi! Ôm lấy con*” thể hiện tình cảm gì của người mẹ dành cho con?

Câu 4. Đoạn trích giúp anh/chị hiểu được điều gì về bản phận của người làm con đối với cha mẹ?

Câu 5. Dựa vào nội dung đoạn trích, anh/chị hãy lý giải vì sao tình mẫu tử có vai trò quan trọng trong cuộc sống con người.

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích, đánh giá những nét đặc sắc về cấu tứ và hình ảnh trong văn bản sau:

XUÂN VỀ

*Đã thấy xuân về với gió đông
Vội trên màu má gái chưa chồng.
Bên hiên hàng xóm, cô hàng xóm
Ngước mắt nhìn giời, đôi mắt trong.*

*Từng đàn con trẻ chạy xun xoe,
Mưa tạnh giời quang, nắng mới hoe
Lá nỡn, nhành non ai trắng bạc?
Gió về từng trận, gió bay đi...*

*Thong thả, dân gian nghỉ việc đồng,
Lúa thì con gái mượt như nhung
Đầy vườn hoa bưởi hoa cam rụng,
Ngào ngạt hương bay, bướm vẽ vòng.*

*Trên đường cát mịn, một đôi cô,
Yếm đỏ, khăn thâm, trẩy hội chùa.
Gậy trúc dắt bà già tóc bạc,
Tay lần tràng hạt miệng nam vô.*

Trích *Thi nhân Việt Nam*, Hoài Thanh- Hoài Chân,
NXB Văn học, tái bản 2022)

Câu 2 (4,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bày tỏ suy nghĩ của mình về vấn đề: Tự tin là chính mình.

-----Hết-----

ĐỀ 33
(Đề gồm 03 trang)

ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT
THEO CẤU TRÚC MINH HỌA
MÔN: NGỮ VĂN

(Thời gian làm bài: 120 phút; Không kể thời gian phát đề)

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

(1) Thái độ sống tích cực chính là chìa khóa của hạnh phúc mà qua đó bạn nhìn cuộc đời tốt hay xấu, đưa đến cho bạn những cách nhìn nhận và giải quyết vấn đề khác nhau. Nếu người có thái độ tích cực nhìn cuộc sống bằng lăng kính lạc quan, màu sắc rực rỡ, thì người tiêu cực lại chỉ thấy một màu xám xịt, ảm đạm mà thôi.

(2) Thái độ sống tích cực còn giúp ta nhìn được những cơ hội trong khó khăn cũng như không cảm thấy khó chịu, than trách cuộc sống. Ngoài ra, thái độ sống tích cực còn có thể giúp cho chúng ta cảm thấy yêu đời, yêu cuộc sống và biết quan tâm những người xung quanh hơn.

(3) Người có thái độ sống không tốt thường nhìn nhận tiêu cực về các vấn đề, họ cho rằng không thể giải quyết được và tự tăng mức độ trầm trọng lên. Những người này luôn chú ý đến những nhược điểm của bản thân, có thái độ nuối tiếc, suy nghĩ về những điều mất mát và lo sợ điều tồi tệ sẽ xảy đến.

(4) Trong cuộc sống, vốn dĩ hai mẫu người này đã có sự khác nhau về cách cư xử, suy nghĩ, cách giao tiếp... Nhưng đến khi họ cùng gặp một vấn đề, sự khác biệt này mới thể hiện rõ và từ đó, cuộc sống của họ cũng được tạo nên từ những yếu tố này.

(Mac Anderson, Điều kì diệu của thái độ sống,
NXB Tổng Hợp TP.HCM, năm 2016, tr.17)

Thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 5 (trình bày ngắn gọn):

Câu 1. Xác định thể loại của văn bản.

Câu 2. Xác định luận điểm trong đoạn (1) của văn bản.

Câu 3. Mục đích của văn bản là gì? Tác giả đã bày tỏ thái độ, quan điểm như thế nào đối với vấn đề được nêu trong văn bản?

Câu 4. Anh/chị hiểu như thế nào về câu “Thái độ sống tích cực chính là chìa khóa của hạnh phúc”?

Câu 5. Anh/chị có đồng ý với ý kiến “Thái độ sống tích cực còn giúp ta nhìn được những cơ hội trong khó khăn cũng như không cảm thấy khó chịu, than trách cuộc sống” không? Vì sao?

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết một đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) làm rõ đặc điểm của cấu tứ và hình ảnh trong văn bản sau:

VIẾT CHO CON

Dạ Quỳnh

*Mẹ không cho con được cả bầu trời xanh
Nhưng sẽ mang ngọt lành ươm mầm tưới nước
Đường con đi và đôi chân con bước
Dẫu có gập ghềnh, được - mất mẹ kề bên.*

*Giấc mơ con mẹ kê gối, đắp mền
Tuổi hồn nhiên hương con niềm tin mới
Phía trước là biển xanh, là trời cao vời vợi
Là tia nắng mặt trời rọi sáng những ước mơ.*

*Có con trên đời để mẹ viết vần thơ
Dẫu có nhọc nhằn oằn vai nặng gánh
Tuổi thơ con thảo thơm từng tấm bánh
Là buổi tan tầm, chóng vánh kịp giờ cơm.*

*Con tặng mẹ là những trang giấy thơm
Là điểm chín, mười vười nụ cười rạng rỡ
Là những cánh hoa con ép vào trang vở
Là những đợi chờ theo năm tháng con cao.*

*Mẹ không dám mong những điều quá lớn lao
Chẳng dám mong con đỗ đạt cao vinh hiển
Bơi trong tim mẹ, còn là điều vĩnh viễn
Là chuyện kể đời mình, mẹ đã viết thành thơ.*

(<https://toplist.vn/top-list/bai-tho-hay-cua-nha-tho-da-quynh-25858.htm>)

Câu 2. (4,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày quan điểm của anh/chị về lối sống biết trân trọng những điều bình dị trong cuộc sống.

-----**Hết**-----

ĐỀ 34*(Đề gồm 03 trang)***ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT****THEO CẤU TRÚC MINH HỌA****MÔN: NGỮ VĂN***(Thời gian làm bài: 120 phút; Không kể thời gian phát đề)***I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)****Đọc văn bản sau:****TUỔI THƠ**

Trong giấc ngủ của con
Đỏ ối trời hoa gạo
Nhớ mẹ nhớ bà những năm giông bão
Mùi rơm rạ huây hoai
Mùi bùn non ngậy ngái
Tuổi thơ con lấm láp bãi bồi
Cho chuồn ngô cắn rốn
Tương sông Hồng hẹp hơn
Thân chuối lác đã vớt con lúc đuối.
Trong giấc ngủ của con
Đỏ rát trời đạn lửa
Thương mẹ thương bà những năm chiến tranh
Tắt tả gánh gồng xuôi ngược
Cháu con một đầu, nồi cháo một đầu
Con ngồi hát giữa chập chèng xoong chậu

Con đâu hay bà và mẹ khóc thầm
Tưởng khóc thế là chiến tranh mau hết
Nhưng bom đạn dường như không cần biết.
Trong giấc ngủ của con
Không có bà Tiên, cô Tấm
Chỉ có u u những hồi còi báo động
Và chiếc chạc xoan muốn được hóa nỏ thần
Chỉ là giấc mơ thôi nhưng bà, mẹ vẫn tin
Cái khao khát thơ ngây cũng giúp người lớn sống
Đất nước trường tồn từ chất chiu hy vọng
Trong mỗi căn hầm
Có tiếng dế tuổi thơ con!

(Trương Nam Hương, *Viết tặng những mùa xưa*,
 NXB Thanh niên 1999)

Thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 5 (trình bày ngắn gọn):**Câu 1.** Nhân vật trữ tình trong bài thơ trên là ai?**Câu 2.** Trong giấc ngủ của con không xuất hiện những hình ảnh nào?**Câu 3.** Câu thơ “*Trong giấc ngủ của con*” được lặp lại 3 lần đóng vai trò gì trong cấu tứ của bài thơ?

Câu 4. Từ những câu thơ:

*Trong giấc ngủ của con
Không có bà Tiên, cô Tấm
Chỉ có u u những hồi còi báo động*

anh/chị có suy nghĩ gì về tuổi thơ của những đứa trẻ lớn lên trong thời chiến tranh.

Câu 5. Theo anh/chị, “*cái khao khát thơ ngây*” có giúp mỗi người vượt lên những khó khăn, thử thách của cuộc sống hay không? Vì sao?

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết một đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày cảm nhận về tình yêu quê hương của tác giả trong văn bản sau:

“Quê hương là gì hở mẹ
Mà cô giáo dạy phải yêu
Quê hương là gì hở mẹ
Ai đi xa cũng nhớ nhiều

Quê hương là chùm khế ngọt
Cho con trèo hái mỗi ngày
Quê hương là đường đi học
Con về rợp bướm vàng bay

Quê hương là con diều biếc
Tuổi thơ con thả trên đồng
Quê hương là con đò nhỏ
Êm đềm khua nước ven sông

Quê hương là cầu tre nhỏ
Mẹ về nón lá nghiêng che
Là hương hoa đồng cỏ nội
Bay trong giấc ngủ đêm hè

Quê hương là vàng hoa bí
Là hồng tím giậu mồng tơi
Là đỏ đôi bờ dâm bụt
Màu hoa sen trắng tinh khôi

Quê hương mỗi người chỉ một

Như là chỉ một mẹ thôi

Quê hương nếu ai không nhớ..."

(Bài học đầu cho con - Đỗ Trung Quân)

Câu 2. (4,0 điểm)

Lòng tốt của con người có thể chữa lành các vết thương nhưng lòng tốt cũng cần đôi phần sắc sảo, nếu không chẳng khác nào con số không tròn trĩnh.

Viết một bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày quan điểm của anh/chị về nhận định trên.

-----Hết-----

ĐỀ 35
(Đề gồm 02 trang)

ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT
THEO CẤU TRÚC MINH HỌA
MÔN: NGỮ VĂN

(Thời gian làm bài: 120 phút; Không kể thời gian phát đề)

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

(...) Với học sinh, thách thức của các em cũng vô cùng to lớn. Là thế hệ của thế kỷ XXI, các em sẽ phải đối mặt với một thế giới đầy biến động. Trong thế kỷ của mình, các em đang chứng kiến những biến đổi khí hậu bất thường, nguồn tài nguyên đang cạn kiệt, môi trường đang ô nhiễm và bị tàn phá ghê gớm. Ngoài ra, những định hướng nghề nghiệp em chọn cho mình trong hôm nay, chưa chắc có thể tồn tại ở ngày mai.

Trong một công trình nghiên cứu của mình, Howard Gardner, cha đẻ của thuyết đa trí tuệ đã từng chỉ ra: đến năm 2030, 47% nghề nghiệp hiện nay sẽ bị biến mất. Nghĩa là có những nghề nghiệp mới ra đời và thay thế nghề nghiệp cũ, em đã chuẩn bị tâm thế cho mình trước sự thay đổi đó chưa?

Lại thêm một câu hỏi nữa đặt ra “Liệu chúng ta, thế hệ của một Việt Nam đầy sức trẻ có tụt hậu với cuộc cách mạng 4.0 như khi ta tụt hậu với cuộc cách mạng 3.0 hay không?”. Cốt lõi của sự thay đổi là sự dũng cảm của mỗi người. Dũng cảm để thừa nhận, dũng cảm để học hỏi, dũng cảm để tìm giải pháp, cách thức, dũng cảm để đổi đầu.

(...) Các em dũng cảm để đối mặt với việc lười nhác, với việc học tập thụ động. Đối mặt với những thói hư tật xấu của mình và xã hội. Đối mặt với sự vô cảm của mình ngay cả với những người thân yêu nhất. Đối mặt để các em nhận ra mình thiếu tư duy phản biện, một phẩm chất không thể thiếu của công dân thế kỷ XXI.

(Bài phát biểu trong Lễ khai giảng năm học 2017-2018,
Nhà giáo Nguyễn Minh Quý - Hiệu trưởng Trường
THPT Trần Nguyên Hãn - Hải Phòng, 05/9/2017)

Thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 5 (trình bày ngắn gọn):

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích trên.

Câu 2. Trong đoạn trích, người viết đã chỉ ra những thách thức nào mà học sinh phải đối mặt ở thế kỉ XXI?

Câu 3. Nêu hiệu quả của việc sử dụng câu hỏi tu từ trong câu văn sau: *Liệu chúng ta, thế hệ của một Việt Nam đầy sức trẻ có tụt hậu với cuộc cách mạng 4.0 như khi ta tụt hậu với cuộc cách mạng 3.0 hay không?*

Câu 4. Anh/Chị có đồng tình với quan điểm: *Những định hướng nghề nghiệp em chọn cho mình trong hôm nay, chưa chắc có thể tồn tại ở ngày mai?* Vì sao?

Câu 5. Thông điệp mà anh/chị tâm đắc nhất qua văn bản. Lí giải.

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) làm rõ những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản

(1) *Khi con tu hú gọi bầy
Lúa chiêm đang chín, trái cây ngọt dần
Vườn râm dậy tiếng ve ngân
Bắp rây vàng hạt đầy sân nắng đào
Trời xanh càng rộng càng cao
Đôi con diều sáo lộn nhào từng không...*

(2) *Ta nghe hè dậy bên lòng
Mà chân muốn đạp tan phòng, hè ôi!
Ngột làm sao, chết uất thôi
Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu!*

(*Khi con tu hú*, Tố Hữu, in trong *Từ ấy*, NXB Văn học, Hà Nội, 1971)

Câu 2. (4,0 điểm)

“Cuộc sống không phải để sợ, mà là để hiểu. Đây chính là lúc chúng ta cần phải tìm hiểu nhiều hơn về cuộc sống để làm vơi bớt mọi nỗi sợ hãi.” (Marie Curie)

Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) để trình bày suy nghĩ của bản thân về ý kiến trên.

-----Hết-----

ĐỀ 36
(Đề gồm 03 trang)

ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT
THEO CẤU TRÚC MINH HỌA
MÔN: NGỮ VĂN

(Thời gian làm bài: 120 phút; Không kể thời gian phát đề)

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

Cùng với những thói ích kỷ, đố kỵ, xu nịnh, a dua, thói đạo đức giả là một thói xấu đang hoành hành mối quan hệ giữa con người và con người. Nó làm mất dần vẻ chân thực vốn có của đời sống xã hội. Có một nhà kinh tế đã nói, đại ý: nạn hàng giả làm suy sụp cả một nền kinh tế của một đất nước. Ta cũng có thể cảnh báo: nạn đạo đức giả sẽ làm suy yếu nền văn hóa của một đất nước...

Thói đạo đức giả có mặt ở khắp mọi nơi, mọi chốn. Trong cơ quan, có những người làm việc thì qua loa tắc trách, trong lòng đầy thói ghen ghét đố kỵ, luôn âm mưu hãm hại người này người khác để rắp tâm thực hiện ý đồ cá nhân nhưng lại luôn mang một bộ mặt hiền nhân quân tử. Trong mối quan hệ gia đình, bạn bè, làng xóm là những mối quan hệ thân tình, trong trẻo mà nhiều khi cũng bị thói đạo đức giả len vào.

Phải thừa nhận một điều, thói đạo đức giả rất khó bị phát giác. Người có tính nóng nảy, thô thiển... rất dễ bị người đời chỉ mặt đặt tên. Nhưng buồn thay, thói đạo đức giả lại vẫn thường chung sống với cộng đồng một cách... vui vẻ. Con người dễ bị thói xấu này dối lừa là bởi cái mặt nạ giả nhân giả nghĩa của nó. Với vẻ bề ngoài, thói đạo đức giả cũng phô diễn vẻ đẹp của nhân cách, của luân thường đạo lý. Vì vậy dễ chiếm được sự đồng cảm của số đông. Điều khác biệt tuyệt đối là đạo đức nhằm hướng thiện còn thói đạo đức giả thực hành cái ác.

Thói đạo đức giả là bạn đồng hành với tâm lý cả tin. Ở đâu có sự cả tin thì ở đó thói đạo đức giả còn đất sống.

Đạo đức XHCN hướng con người tới tinh thần cao cả của tâm hồn, văn hóa. Bởi vậy, trong cuộc sống luôn đòi hỏi sự rèn luyện. Cảnh giác và tẩy trừ thói đạo đức giả là điều vô cùng cần thiết, trước hết là sự cảnh giác với chính bản thân mình.

Nhà văn HỒ THỦY GIANG - Báo Văn nghệ, số 13, ngày 29/3/2008

Thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 5 (trình bày ngắn gọn):

Câu 1. Chỉ ra 2 phép liên kết trong đoạn văn.

Câu 2. Theo tác giả, điều khác biệt giữa đạo đức và đạo đức giả là gì?

Câu 3. Theo em tại sao thói đạo đức giả rất khó bị phát giác?

Câu 4. Vì sao người viết cho rằng: “Ở đâu có sự cả tin thì ở đó thói đạo đức giả còn đất sống.”?

Câu 5. Qua văn bản, thể hiện suy nghĩ của em về lời cảnh báo của tác giả: nạn đạo đức giả sẽ làm suy yếu nền văn hóa của một đất nước.

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) làm rõ đặc điểm của nhân vật trữ tình trong văn bản sau:

ĐÒ LÈN

Nguyễn Duy

*Thuở nhỏ tôi ra cống Na câu cá
niều vảy bà đi chợ Bình Lâm
bắt chim sẻ ở vành tai tượng Phật
và đôi khi ăn trộm nhãn chùa Trần*

*Thuở nhỏ tôi lên chơi đèn Cây Thị
chân đất đi đêm xem lễ đèn Sòng
mùi huệ trắng quyện khói trầm thơm lắm
điệu hát văn lảo đảo bóng cô đồng*

*Tôi đâu biết bà tôi cơ cực thế
bà mò cua xúc tép ở đồng Quan
bà đi gánh chè xanh Ba Trại
Quán Cháo, Đồng Giao thập thững những đêm hàn*

*Tôi trong suốt giữa hai bờ hư - thực
giữa bà tôi và tiên Phật, thánh thần
cái năm đôi củ dong riềng luộc sượng
cứ nghe thơm mùi huệ trắng hương trầm*

*Bom Mỹ dội, nhà bà tôi bay mất
đèn Sòng bay, bay tuốt cả chùa chiền
thánh với Phật rủ nhau đi đâu hết
bà tôi đi bán trứng ở ga Lèn*

*Tôi đi lính, lâu không về quê ngoại
dòng sông xưa vẫn bên lở bên bồi
khi tôi biết thương bà thì đã muộn
bà chỉ còn là một nắm cỏ thôi!*

9-1983

Câu 2. (4,0 điểm)

“Cái rễ của học hành thì cay đắng nhưng quả của nó thì ngọt ngào”.

(Ngạn ngữ Hy Lạp)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bày tỏ ý kiến của anh/chị về nhận định trên.

-----Hết-----

ĐỀ 37

(Đề gồm 03 trang)

ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT

THEO CẤU TRÚC MINH HỌA

MÔN: NGỮ VĂN

(Thời gian làm bài: 120 phút; Không kể thời gian phát đề)

I. PHẦN ĐỌC (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

VỪA NHẮM MẮT VỪA MỞ CỬA SỔ¹(Trích, *Nguyễn Ngọc Thuần*²)

{...} Thằng Tí hay đem cho bố tôi những trái ổi. Nó trèo cây giỏi lắm, nhà nó có một vườn ổi. Những trái ổi to được nó lựa để dành cho bố đều có bịch ni lông lại đàng hoàng. Những trái ổi như thế bao giờ cũng vừa to vừa mềm, cắn vào rất đã. Bố tôi ít khi vào ăn ổi, nhưng vì nó, bố ăn.

Tôi nói:

- Sao bố kính trọng nó quá vậy?

Bố cười xòa:

- Không phải đâu, bố không cưỡng lại được trước món quà. Một món quà bao giờ cũng đẹp. Khi ta nhận hay cho một món quà, ta cũng đẹp lây vì món quà đó - Bố còn nói thêm - Một nụ hôn cũng là một món quà sang trọng. Một giấc ngủ của tôi cũng chính là một món quà, cả con người tôi đều là món quà cho bố.

Tôi đi nhẹ ra vườn. Tôi hiểu, khu vườn là món quà bất tận của tôi. Mỗi một bông hoa là một món quà nhỏ, một vườn hoa là món quà lớn. Tôi nhắm mắt và chạm tay rồi gọi tên từng món quà. Tôi chạm phải bố. Tôi la lên:

- A! Món quà của tui đây rồi. Ôi cái món quà này bự quá!

Bố lại nghĩ ra trò chơi khác. Thay vì chạm vào hoa, bây giờ tôi chỉ ngửi rồi gọi tên nó. Bố đưa bông hoa trước mũi tôi rồi nói, hoa gì? Trò chơi chứ được diễn ra liên tục cho đến hồi tôi nhận diện được tất cả mùi hương của các loài hoa.

¹ “Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ” gồm những câu chuyện ngắn được kể bằng lời của nhân vật Dũng – một cậu bé mười tuổi có tâm hồn trong sáng, tinh tế. Cậu bé kể về những trải nghiệm, những vui buồn trong cuộc sống hằng ngày. Qua cái nhìn trong trẻo, ấm áp của trẻ thơ, cả một thế giới hiện lên vừa gần gũi, thân thương vừa phong phú, bí ẩn, đầy sức cuốn hút.

² Nguyễn Ngọc Thuần sinh năm 1972 ở Bình Thuận. Ông là cây bút chuyên sáng tác cho trẻ em. Tác phẩm của Nguyễn Ngọc Thuần mang đến một thế giới trong trẻo, tươi mới, ấm áp, đầy chất thơ. Nhiều tác phẩm viết cho thiếu nhi của Nguyễn Ngọc Thuần được độc giả rất yêu thích: *Một thiên năm mộng* (2001), *Trên đôi cao chân bầy thiên sứ* (2003), *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ* (2004).

Đêm, tôi mở cửa sổ và nói:

- Hoa hồng đang nở kìa bố ơi!

Bố không tin, xách đèn ra soi và đúng vậy. Những bông hoa cứ đem hương đến cửa sổ như báo cho tôi biết từng mùa. Hoa gì nở sớm, hoa gì nở muộn. Tôi còn phân biệt từng lúc những hoa gì đang nở. Bố nói tôi có cái mũi tuyệt nhất thế giới!

Bạn hãy tưởng tượng, một buổi sáng mờ sương. Bạn vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ, và bạn chợt hiểu khu vườn nói gì. Bạn hiểu bây giờ là mùa gì và bông hoa nào đang nở, tên gì. Từng tiếng bước chân trong vườn, bạn biết chính xác người có bước chân đó cách xa bạn bao nhiêu mét. Bạn còn biết tiếng chân đó là của ai, bố hay mẹ. Bạn sẽ giả vờ hỏi:

- Ai đó? Có phải là người khách lạ không?

- Không. Tôi là khách quen! - Người đó trả lời.

Bạn sẽ nói:

- Khách quen sao tui không biết vậy cà? Tui nghe bước chân lạ lắm.

- Đó là tại vì tui đang hồi hộp. Tui thấy khu vườn nở nhiều hoa quá.

- Hoa hồng và mào gà phải không?

- Ôi! Sao anh biết hay quá vậy?

Bạn sẽ nói to lên:

- Tại vì tôi có con mắt thần.

- Con mắt thần nằm ở đâu vậy?

- Nằm ở mũi tui.

Đó chính là điều bí mật mà tôi muốn chia sẻ cùng với bạn. Bạn hãy thử đi rồi sẽ thấy, khu vườn sẽ lớn lên rất nhiều. Những bông hoa thơm hơn và khi nhắm mắt, bạn vẫn nhìn thấy nó. Không chỉ vậy, bạn còn thấy nguyên cả khu vườn. Bạn có thể nhìn thấy bông hồng ngay trong đêm tối. Đêm bạn nằm, đắp chăn kín người nhưng bạn vẫn có thể đi dạo. Bạn sẽ không bao giờ đi lạc trong bất cứ một khu vườn nào, bởi vì, những bông hoa sẽ chỉ lối cho bạn một lối đi an toàn và thơm ngát.

Và lúc đó bạn sẽ tiếc lắm nếu thế giới này vắng đi những bông hoa. Bạn sẽ tự hỏi, tại sao trong khu vườn không có người *dẫn lối*? Người ta sẽ ngạc nhiên hỏi lại, người *dẫn lối* nào? Bạn sẽ từ từ nói, đó là NHỮNG BÔNG HOA....

Những bông hoa chính là người *đưa đường*!

(Nguyễn Ngọc Thuần, *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ*, NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2014, tr. 41- 49)

Thực hiện yêu cầu từ câu 1 đến câu 5 (Trình bày ngắn gọn):

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên?

Câu 2. Đoạn trích trong truyện *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ* được kể theo ngôi kể nào?

Câu 3. Nhân vật “tôi” đã được bố dạy cho cách nhìn đặc biệt như thế nào để nhận ra những bông hoa trong vườn?

Câu 4. Cho biết những cảm nhận của anh/chị về nhân vật “tôi” trong đoạn trích?

Câu 5. Anh/chị có đồng tình với những điều nhân vật người bố nói về các “món quà” không? Vì sao?

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm) Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) làm rõ đặc điểm chủ thể trữ tình trong văn bản thơ sau:

CẢNH RỪNG VIỆT BẮC

Hồ Chí Minh

*Cảnh rừng Việt Bắc thật là hay,
Vượn hót chim kêu suốt cả ngày,
Khách đến thì mời ngô nếp nướng,
Săn về thường chén thịt rừng quay,
Non xanh, nước biếc tha hồ dạo,
Rượu ngọt, chè tươi mặc sức say.
Kháng chiến thành công ta trở lại,
Trăng xưa, hạc cũ với xuân này.*

(Hồ Chí Minh - Thơ, NXB Văn học, Hà Nội, 1970)

Câu 2. (4,0 điểm) Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày tầm quan trọng của việc biết cân bằng cảm xúc.

----- Hết -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm
Họ và tên thí sinh: SBD:

ĐỀ 38
(Đề gồm 03 trang)

ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT
THEO CẤU TRÚC MINH HỌA
MÔN: NGỮ VĂN

(Thời gian làm bài: 120 phút; Không kể thời gian phát đề)

I. PHẦN ĐỌC (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

KHẮC DẤU MẠN THUYỀN

(Trích) Bảo Ninh

Đời tôi, đi đây đó đã nhiều, nhưng lại rất hiếm dịp được thấy Hà Nội. Chỉ một lần thuở bé, rồi một lần hồi chiến tranh, và mấy năm sau này thêm đôi lần nữa. Thành thử, ở Hà Nội, ngoài hồ Hoàn Kiếm với cầu Long Biên, tôi chỉ đại khái biết một ngôi nhà là nhà ga Hàng Cỏ và một con đường là đường xe điện. Nhưng, mặc dù như vậy, mỗi khi nhắm mắt lại nhìn sâu vào những nẻo đường của ký ức, bao giờ tôi cũng thấy hiện lên, tuy rất đổi mơ hồ, bóng dáng của Hà Nội phổ xá. Cái thành phố sâu thẳm, xa lạ, chẳng chút thân thuộc ấy, từ lâu lắm rồi đã lắng lặng ăn vào đời tôi như là một trong những miền đất thân yêu nhất, dấu rằng đây là một tình thân yêu tưởng như không đâu, một duyên nợ hầu như vô cớ. Không hẳn là một nỗi niềm mà chỉ là băng quơ một cảm giác, không thành một câu chuyện mà chỉ như là một nốt sâu còn vương lại của thời trai trẻ chiến tranh, một thời tuổi trẻ đã hoàn toàn mai một nhưng dư âm vọng suốt đời. Như tiếng mưa rơi. Như tiếng gió lùa. Như tiếng lá rụng. Mà không bao giờ quên.

Từ bấy tới nay, thời gian mất đi đã hai chục năm tròn. Hà Nội thuở đó với Hà Nội bây giờ có lẽ đã như là một trời một vực.

Ngày ấy, từ mặt trận Quảng Trị, tôi lái xe đưa chỉ huy sư đoàn ra họp Bộ tư lệnh đang đóng ở rìa thủ đô. Khi chúng tôi ra tới nơi, thành phố đang ngất trời bom đạn. Đây thực sự là cuộc đụng đầu sống mái, một trận quyết chiến vì lẽ mất còn. Giữa hướng cảnh chung nước sôi lửa bỏng như thế, chẳng dám màng gì một chuyến về quê, tôi chỉ xin được rảo vào phố để rải non chục lá thư của anh em đồng đội người Hà Nội đã gửi gắm. Tôi muốn trao thư tận tay các gia đình, để có thể nhận được ngay hồi âm mang ngược vào đơn vị cho lính ta sướng. Lựa ngày Nô-en, cấp trên thuận cho tranh thủ. Hạn đến 0 giờ phải trở về trình diện.

Tôi vào thành phố, dưới mưa chiều. Mưa phùn mùa đông buồn bã. Mái nhà, lòng đường, vòm cây một màu thăm ướt. Xe cộ phóng rất nhanh, người đi bộ gập bước.

Mặc dù không biết phố nào vào với phố nào, lại ôm trong mình những chín lá thư, nhưng thoạt đầu tôi nghĩ không việc gì phải lo. Chỉ cần hỏi tôi một địa chỉ, rồi từ đấy lần

lượt nhờ người ở địa chỉ trước đưa mình đến địa chỉ sau. Không dè, rớt cuộc, cả chín lá thư tôi đều phải lùa vào phòng qua khe cửa. Ngày hôm ấy, dường như cả Hà Nội đã khoá trái cửa, bỏ nhà đấy mà đi.

Xong được lá thư chót, trời đã tối sẫm. Phố dài vắng ngắt ngâm mình trong mưa, từ mù những vùng đèn đường. Tôi hỏi được về Vọng. Một anh dân phòng diện ủng, vận áo toí bọt, tận tình dẫn tôi đi một đoạn khá xa đường. Đến ngã ba nọ, trước khi chia tay, anh chỉ xuống cặp ray đường tàu điện chạy sát vỉa hè và bảo tôi cứ bám theo đó mà đi là đến.

Sụp mũ cúi xuống, dựng cổ áo lên, tôi lặn sâu vào trong màn mưa phùn mờ mông dưới trời đêm lạnh buốt. Hai vệt ray loáng ướt, chẳng khác nào một lối mòn độc đạo xuyên qua rừng rậm nhà cửa tối đen. Thành phố chiến tranh như bên bờ vực, hun hút hoang vắng. Tôi cảm cúi bước, thui thui, tê dại. Thăm thẳm nổi nhau những chặng đường khuya không ánh sáng đèn, không một bóng bộ hành, không bóng một hàng quán. Hơi thở lạnh ngắt của đêm mưa ngấm vào tận cái da dày tôi trống rỗng. Các khớp xương cóng như cứng đờ như đang rời cả ra và rơi rụng. Con sốt âm ỉ từ chiến trường dâng lên dọc sống lưng, tôi sờn gai ốc, và không ngớt rung mình. Đầu óc chậm chạp chung chiêng, đầu gối những muốn khuỵu xuống. Đi chưa được mấy đường, tôi đã bắt đầu đếm bước. Màn đêm ướt át như đông lại. Không nhìn thấy gì trước mắt, suýt nữa thì tôi đã xô người tới va mặt vào một cái đầu tàu điện đen ngòm đậu chết cứng giữa lòng đường.

Chuyện choang, tôi rẽ lên vỉa hè, rồi lao đảo tấp vào dưới mái hiên một ngôi nhà. Răng va lập cập trong miệng, tôi tựa lưng vào cánh cửa đóng chặt, rồi từ từ trượt người xuống, ngồi phệt lên cái bậc tam cấp ướt đẫm hơi mưa và lạnh như một cây nước đá. Rét mướt buốt tim, tôi rên hừ hừ và rồi cũng không rên nổi nữa. Cũng không sao ghìem lại được cơn run, cứ run bắn lên, run cầm cập. Thân nhiệt của mình lúc này có lẽ chỉ còn bằng với người đang ngắc ngoải, cái đầu đã tê cóng của tôi lơ dờ nghĩ, không khéo mà khốn đến nơi rồi, không khéo mà là một cơn ác tính. Những người bị sốt rét ác tính nằm chết trên vũng giữa rừng sâu, còn mình thì chết ngồi, chắc thế, và sẽ hoá thành tảng đá co ro trước cửa nhà người ta.

Trên đầu tôi, mái tôn rách nát run bần bật. Dưới vẫn mưa gió. Gió phả mưa vào tận thêm. Đã ướt lại ướt thêm một lượt nữa, tôi thở hắt, mặt mày xây xẩm. Biết là cần phải dốc toàn lực bình sinh mà đứng dậy và bước đi, song hết rồi, nghị lực đã tê bại. Sinh lực xuống nhanh như mực nước trong một cái bình bị đập vỡ đáy, sự sống trong tôi xoay tròn một vòng và từ từ, lặng lẽ lật nghiêng. Đúng khi đó, sau lưng tôi, cửa kẹt mở. Tôi nghe thấy nhưng mà không ý thức được tiếng động ấy. Con choáng ngất gần như là một nỗi yếu mềm, một sự buồng lơi, như thể một tiếng thở phào, nhẹ nhàng ru tôi ra khỏi tôi...

(Trích Khắc dấu mạn thuyền, Bảo Ninh)

Thực hiện yêu cầu từ câu 1 đến câu 5 (Trình bày ngắn gọn):

Câu 1. Xác định ngôi kể của văn bản truyện trên.

Câu 2. Trong văn bản, bức tranh Hà Nội được miêu tả vào thời gian nào?

Câu 3. Anh/chị chỉ ra tình huống trong truyện trên.

Câu 4. Cảm nhận của anh/chị về vẻ đẹp của người lính lái xe trong đoạn trích trên?

Câu 5. Nêu suy nghĩ của anh/chị về ý nghĩa sự hi sinh thầm lặng trong cuộc sống.

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm) Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) làm rõ vẻ đẹp của nhân vật trữ tình trong văn bản thơ sau:

ĐI ĐƯỜNG

(TẮU LỘ - Hồ Chí Minh)

*Tầu lộ tài tri tàu lộ nan
Trùng san chi ngoại hựu trùng san
Trùng san đẳng đảo cao phong hậu
Vạn lý dư đồ cố miện gian.*

Dịch nghĩa:

*Có đi đường mới biết đường đi khó,
Hết lớp núi này lại tiếp đến lớp núi khác;
Khi đã vượt các lớp núi lên đến đỉnh cao chót,
Thì muôn dặm nước non thu cả vào tầm mắt.*

Dịch thơ:

*Đi đường mới biết gian lao,
Núi cao rồi lại núi cao trập trùng;
Núi cao lên đến tận cùng,
Thu vào tầm mắt muôn trùng nước non.*

(Dịch thơ, Nam Trân)

(Hồ Chí Minh toàn tập (tập 3), NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000)

Câu 2. (4,0 điểm)

“Những gì bạn nhận được khi hoàn thành mục tiêu không quan trọng bằng bạn trở nên như thế nào sau khi đạt được mục tiêu”(Henry David Thoreau).

Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của mình về ý kiến trên.

----- **Hết** -----

ĐỀ 39*(Đề gồm 02 trang)***ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT****THEO CẤU TRÚC MINH HỌA****MÔN: NGỮ VĂN***(Thời gian làm bài: 120 phút; Không kể thời gian phát đề)*
-----**I. PHẦN ĐỌC (4,0 điểm)****Đọc văn bản sau:**

1) Học vấn không chỉ là chuyện đọc sách, nhưng đọc sách vẫn là một con đường quan trọng của học vấn. Bởi vì học vấn không chỉ là việc cá nhân, mà là việc của toàn nhân loại. Mỗi loại học vấn đến giai đoạn hôm nay đều là thành quả của toàn nhân loại nhờ biết phân công, cố gắng tích lũy ngày đêm mà có. Các thành quả đó sợ dĩ không bị vùi lấp đi, đều là do sách vở ghi chép, lưu truyền lại. Sách là kho tàng quý báu cất giữ di sản tinh thần nhân loại, cũng có thể nói đó là những cột mốc trên con đường tiến hoá học thuật của nhân loại. Chúng ta mong tiến lên từ văn hoá, học thuật của giai đoạn này, thì nhất định phải lấy thành quả nhân loại đã đạt được trong quá khứ làm điểm xuất phát. Nếu xoá bỏ hết các thành quả nhân loại đã đạt được trong quá khứ thì chưa biết chừng chúng ta đã lùi điểm xuất phát về đến mấy trăm năm, thậm chí là mấy nghìn năm trước. Lúc đó, dù có tiến lên cũng chỉ là đi giạt lùi, làm kẻ lạc hậu.

(2) Đọc sách là muốn trả món nợ đối với thành quả nhân loại trong quá khứ, là ôn lại kinh nghiệm, tư tưởng của nhân loại tích lũy mấy nghìn năm trong mấy chục năm ngắn ngủi, là một mình hưởng thụ các kiến thức, lời dạy mà biết bao người trong quá khứ đã khổ công tìm kiếm mới thu nhận được. Có được sự chuẩn bị như thế thì một con người mới có thể làm được cuộc trường chinh vạn dặm trên con đường học vấn, nhằm phát hiện thế giới mới.

(Chu Quang Tiềm – Bàn về đọc sách)

Thực hiện yêu cầu từ câu 1 đến câu 5 (Trình bày ngắn gọn):

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên?

Câu 2. Trong đoạn (1), tác giả chủ yếu sử dụng thao tác lập luận nào?

Câu 3. Vấn đề nghị luận trong đoạn trích trên là gì?

Câu 4. Theo anh/chị tại sao tác giả cho rằng: “*Học vấn không chỉ là chuyện đọc sách nhưng đọc sách vẫn là con đường quan trọng của học vấn. Bởi vì học vấn không chỉ là việc cá nhân, mà là việc của toàn nhân loại*”

Câu 5. Em có đồng ý với quan niệm của tác giả: Sách là kho tàng quý báu cất giữ di sản tinh thần nhân loại hay không? Vì sao?

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm) Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) cho biết cảm xúc của nhà thơ trong văn bản sau:

VIẾNG LĂNG BÁC

Viễn Phương

*Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác
Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát
Ôi! Hàng tre xanh xanh Việt Nam
Bão táp mưa sa, đứng thẳng hàng.*

*Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng
Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ
Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ
Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân...*

*Bác nằm trong giấc ngủ bình yên
Giữa một vầng trăng sáng dịu hiền
Vẫn biết trời xanh là mãi mãi
Mà sao nghe nhói ở trong tim.*

*Mai về miền Nam thương trào nước mắt
Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác
Muốn làm đoá hoa toả hương đâu đây
Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này...*

4-1976

Chú thích:

Năm 1976, sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ kết thúc thắng lợi, đất nước thống nhất, lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng vừa khánh thành, Viễn Phương ra thăm miền Bắc, vào lăng viếng Bác Hồ. Bài thơ này được sáng tác trong dịp đó và in trong tập thơ Như mây mùa xuân (1978).

Câu 2. (4,0 điểm)

Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bày tỏ suy nghĩ ý nghĩa của những việc làm thiện nguyện trong cuộc sống.

----- **Hết** -----

ĐỀ 40*(Đề gồm 03 trang)***ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT****THEO CẤU TRÚC MINH HỌA****MÔN: NGỮ VĂN***(Thời gian làm bài: 120 phút; Không kể thời gian phát đề)*
-----**I. PHẦN ĐỌC (4,0 điểm)****Đọc văn bản sau:****LỄ HỘI THỐI CƠM THI Ở ĐỒNG VÂN**

(1) Ở xã Đồng Tháp huyện Đan Phượng có làng Đồng Vân bên dòng sông Đáy. Nhân dân sinh sống bằng cấy lúa, trồng màu và có nghề đan rổ rá. Hằng năm, cứ đến ngày rằm tháng giêng, làng Đồng Vân thường mở hội rước nước, hát chèo và thối cơm thi. Hội thối cơm thi ở đây có nhiều nét độc đáo về quy trình lấy lửa cũng như cách nấu, đậm màu sắc hài hước dân gian.

(2) Người dự thi được tuyển chọn từ các xóm trong làng. Bắt đầu vào hội thi, trống chiêng điểm ba hồi, các đội hình dự thi xếp hàng trang nghiêm làm lễ dâng hương trước cửa đình để tưởng nhớ vị thành hoàng làng có công cứu dân, độ quốc. Hội thi bắt đầu bằng việc lấy lửa trên ngọn cây chuối cao. Khi tiếng trống hiệu vừa dứt, bốn thanh niên của bốn đội nhanh thoăn thoắt leo lên thân cây chuối rất trơn vì đã bôi mỡ. Có người leo lên, tụt xuống, lại leo lên, ... Có người phải bỏ cuộc, người khác lại leo lên, quang cảnh hết sức vui nhộn. Khi lấy được nén hương mang xuống, ban tổ chức phát cho ba que diêm châm vào hương cháy thành ngọn lửa. Người trong đội vót mảnh tre già thành những đũa bông châm lửa và đốt vào những ngọn đuốc. Trong khi đó, người trong nhóm dự thi nhanh tay giã thóc, giã sàng thành gạo, lấy nước và bắt đầu thối cơm. Những nồi cơm nho nhỏ treo dưới những cành cong cong hình cánh cung được cắm rất khéo từ dây lưng uốn về phía trước mặt. Tay cầm cần, tay cầm đuốc đứng đưa cho ánh lửa bập bùng. Các đội thối cơm đan xen nhau uốn lượn trên sân đình trong sự cổ vũ nồng nhiệt của người xem hội.

(3) Khoảng sau một giờ rưỡi, những nồi cơm lần lượt được đem trình trước cửa đình. Ban giám khảo mở nồi cơm chấm theo ba tiêu chuẩn: gạo trắng, cơm dẻo và không có cơm cháy. Các nồi cơm được đánh số tương ứng với người dự thi để giữ bí mật với ban giám khảo. Cuộc thi nào cũng hồi hộp và việc giật giải đã trở thành niềm tự hào khó có gì sánh nổi với dân làng.

(4) Hội thối cơm thi ở Đồng Vân là sinh hoạt văn hóa cổ truyền được bắt nguồn từ các cuộc trẩy quân đánh giặc của người Việt cổ bên dòng sông Đáy xưa. Hội thi là dịp trai tráng trong làng đua tài khỏe mạnh, thông minh khi lấy lửa, là dịp gái làng thể hiện bàn tay khéo

léo để có cơm dẻo tiếp binh lương. Hội còn vang lên những trận cười hồn nhiên, sáng khoải của người nông dân sau những ngày lao động mệt nhọc. Với những nét đặc sắc của mình, hội thổi cơm thi Đồng Văn đã góp phần giữ gìn và phát huy những nét đẹp cổ truyền trong sinh hoạt văn hóa hiện đại hôm nay.

(Theo Minh Nhung)

Thực hiện yêu cầu từ câu 1 đến câu 5 (Trình bày ngắn gọn):

Câu 1. Hội thổi cơm thi ở làng Đồng Văn diễn ra ở đâu? Vào thời gian nào?

Câu 2. Anh/chị hãy chỉ ra một số hoạt động diễn ra trong Hội thổi cơm thi ở Đồng Văn?

Câu 3. Thái độ của tác giả được thể hiện qua văn bản như thế nào?

Câu 4. Theo anh/chị, việc dâng hương trước khi diễn ra lễ hội thổi cơm thi có ý nghĩa gì?

Câu 5. Việc gìn giữ và duy trì những lễ hội truyền thống trong cuộc sống hiện đại ngày nay có còn cần thiết không? Vì sao?

II. PHẢN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm) Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) làm rõ những khát vọng của nhân vật trữ tình trong văn bản sau:

KHÁT VỌNG

Phạm Minh Tuấn

*Hãy sống như đời sông để biết yêu nguồn cội
Hãy sống như đôi núi vươn tới những tầm cao
Hãy sống như biển trào, như biển trào để thấy bờ bến rộng
Hãy sống như ước vọng để thấy đời mệnh mông
(Điệp khúc)
Và sao không là gió, là mây để thấy trời bao la
Và sao không là phù sa rót mỡ màu cho hoa
Sao không là bài ca của tình yêu đôi lứa
Sao không là mặt trời gieo hạt nắng vô tư
Và sao không là bão, là giông, là ánh lửa đêm đông
Và sao không là hạt giống xanh đất mẹ bao dung
Sao không là đàn chim gọi bình minh thức giấc
Sao không là mặt trời gieo hạt nắng vô tư.*

Nhạc sĩ Phạm Minh Tuấn quê gốc ở vùng đất cách mạng huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định. Ông sáng tác ca khúc này vào năm 1985, khi đất nước đang ở thời kỳ bao cấp đầy những khó khăn, thử thách và lòng ông cũng bộn bề những suy nghĩ. Một hôm, ông tình cờ

đọc bài thơ “Nhờ Đảng, tôi biết được” của nhà thơ Đặng Viết Lợi đăng trên báo Tuổi trẻ, dường như có một điều gì đó trùng với mong muốn bấy lâu nay của ông là phải viết một ca khúc thể hiện được những khát vọng cống hiến, dựng xây quê hương, đất nước với quan niệm “sống trên đời thì phải có ích cho đời”.

Câu 2. (4,0 điểm)

Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày quan điểm của bản thân về chủ đề: Tuổi trẻ - Tận hiến hay tận hưởng?

----- **Hết** -----

ĐỀ 41
(Đề gồm 04 trang)

ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT
THEO CẤU TRÚC MINH HỌA
MÔN: NGỮ VĂN

(Thời gian làm bài: 120 phút; Không kể thời gian phát đề)

I. PHẦN ĐỌC (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

HẠT GỬI MÙA SAU

Nguyễn Ngọc Tư

Ông già như lật tung cái nhà lên. Ông chui xuống gầm giường, ông thò đầu vào lục lọi trong tủ chén. Đầu vướng đầy mạng nhện, ông cần nhần cử như, rõ ràng, mình cật ở đây, sao bây giờ nó mất biệt rồi, kỳ quá, kỳ quá. Tụi nhỏ cũng chạy lại, nghiêng chỗ này, ngó chỗ kia, cũng nói lạ quá trời, tự nhiên mất vậy cả. Nói, mà sợ tím ruột bầm gan, vì cái vật mà ông già muốn tìm tụi nhỏ đã cương quyết giấu biệt rồi.

Ai mà biết ông già coi trọng mớ bông vụn thọ, mỏng gà khô đó dữ vậy, tụi nhỏ chống chế. Nhưng rõ ràng, tụi nhỏ biết. Sống chung một nhà, làm gì mà không rõ mỗi lần chim én bay hấp háy, đậu trên đám chà dưới mé sông, ông già lại đi lật lịch thăm chừng. Một tháng trước Tết, ông vác cuốc ra sân, tụi nhỏ dù muốn dù không cũng phải vác cuốc đi theo, xới như mảnh sân trước nhà, lụi hụi tưới nước cho mềm xộp lại. Ông già đi lục lọi mớ bông để giống từ Tết năm ngoái, rải hạt. Kế Tết, lúc ông già đứng tựa lại hàng bông búp, bông lỏng đèn thì bông vụn thọ, mỏng gà, sao nhái đã nở rục cả vạt sân. Bông móng tay thấy thân phận nhột nhạt của mình, nép thành một hàng dài dọc đường đi. Nghỉ tay, ông đứng chống nạnh, khoan khoái đứng ngắm bông, hết đứng gần rồi lại lùi ra, cười khà khà khà, khoái trá.

Với ông, Tết mà không trông bông thì mất vui đi. Dù cực, dù ngày mấy lượt khệ nệ xách thùng đi tưới. Có cho đi, thì mới nhận lại, thử hỏi, ba ngày Tết, ngồi khè khè mấy ly trà, ngó ra cái sân vàng rục mênh mông, bông chặt ních con mắt, có sướng không? Sướng! Vì vậy mà khi trời bắt đầu trở chướng, ông già thì trở... chứng, không chịu ở trong nhà. Suốt ngày tha thân ngoài sân, sửa sang, uốn lại mấy bụi chùm rùm, tỉa hai cây sộp, chăm sóc đám bông... Ông gọi là bông thì tụi nhỏ không được gọi hoa, ông nói hoa là hoa hồng hoa huệ gì đó, còn mỏng gà, vụn thọ hay sao nhái thì phải kêu bằng bông, cũng như nùm mối mà cứ học đòi nắm mối, cái thứ dân dã, mọc vườn hoang phải kêu sao cho dân dã, dễ nghe...

Đám trẻ tịt ngòi. Tụi nó thấy đám bông đúng là mang rắc rối tới cho tụi nó. Mấy bữa ông đi đám giỗ xa, về nhà, thấy bông héo, ông rầy tụi nó cả buổi. Mà, tụi nhỏ thấy bông cũng có ích lợi gì lắm đâu, ừ, có bông thì nhà sẽ đẹp mấy ngày Tết, nhưng mắc công. Sau Tết, bông tàn, lại

phải chọn những bông lớn nhất, đẹp nhất, già nhất đem phơi khô, lại phải nhỏ bỏ đám cây rui lá, dọn dẹp cho sạch, chuẩn bị sân phơi lúa. Tụi nhỏ nghĩ, đẹp, mà không ăn được, thì cũng phí.

Một phần, tụi nhỏ thương ông già, cứ lụi hụi cho cực thân. Ba năm rồi, đất nhiễm mặn, tan hoang, trồng bông cũng không nước tưới. Ngày xưa còn bờ dừa còn liếp chuối, bông trên sân phối hợp với cảnh chung quanh, giờ cây cỏ đều hiu, cái màu vàng rực lên của sao nhái, vạn thọ càng làm khó chịu, chói gắt con mắt. Một bữa dọn dẹp ổ mối trong tủ, tụi nhỏ lén đem cái gói bông khô giấu trên giàn củi. Và ông già tìm kiếm trong tuyệt vọng.

Không thể tưởng tượng được, Tết này lại không có bông, ông già râu rĩ, nằm gác tay lên trán. Ngày dài, nằm chán, ông già ra đứng trước, nhìn cái sân chang chang nắng, thở dài ứ ứ, mắt hoang vắng, thất thần. Tụi nhỏ đã dự tính trước, ông già sẽ buồn, nhưng nghĩ nổi buồn qua mau, mai mốt ông quên tuốt. Nhưng ngó bộ dạng ông vẫn long đong tìm kiếm, tụi nó hoảng hồn, Tết sau, sau nữa, ông cũng sẽ nhớ hoài mùa bông cũ. Tụi nhỏ nhận ra, ông già trồng bông không hẳn vì chúng đẹp (bởi thật ra chúng đâu có đẹp, thậm chí, bông vạn thọ hôi rình), trồng để thấy tuổi xế bóng còn làm được việc thần kỳ, còn có thể vun đắp sự sống từ bàn tay cứng quèo, gân guốc, trồng bông để nhớ cái thời sạ lúa trên đồng, và bông như một món quà Tết duy nhất ông có thể làm cho con cháu.

Bữa sau, ông tìm được gói bông khô trên cái gióng cá khô treo đầu bếp. Ông mừng quýnh, nói kỳ quá, kỳ quá, tao kiếm ở đây nát hết mà không thấy, vậy mà bây giờ tự nhiên nằm chình ình, y như ma giấu. Tụi nhỏ ngó nhau cười cười, mếu mếu.

Lại phải phụ ông già cuốc đất, lại gieo, lại đeo cây nước bơm từng thùng đem tưới. Bông lại nở rực trước sân nhà. Và Tết tàn, ông già lại nâng niu đi hái từng bông hoa héo khô, rũ cánh, giữ hạt cho mùa sau. Nghe như một người tàn và bông hoa tàn đang hát thảm bại ca cuộc sống.

Tụi nhỏ ngậm ngùi, ông già dường như làm điều gì lớn lao hơn là giữ hạt. Giữ cho tụi nhỏ không xuề xòa, lười biếng (bệnh này đang lan nhanh dữ dội từ hồi chuyển sang làm ruộng nuôi tôm). Giữ một nếp nhà, giữ phong tục cũ...

Giữ cho cái sân bông rực rỡ, lung linh trong kỷ ức của những đứa trẻ xa nhà...

Chú thích:

1. Nguyễn Ngọc Tư sinh năm 1976 tại Đầm Dơi, Cà Mau. Là nữ nhà văn trẻ của Hội nhà văn Việt Nam. Với niềm đam mê viết lách, chị miệt mài viết như một cách giải tỏa và thể nghiệm, chị biết rằng chị muốn viết về những điều gần gũi nhất xung quanh cuộc sống của mình. Giọng văn chị đậm chất Nam Bộ, là giọng kể mềm mại mà sâu cay về những cuộc đời éo le, những số phận chìm nổi. Cái chất miền quê sông nước ngấm vào các tác phẩm, thấm đẫm cái tình của làng, của đất, của những con người chân chất hồn hậu nhưng ít nhiều gặp những bất hạnh. Chị đã nhận giải Nhất cuộc thi Văn học tuổi 20 của NXB Trẻ, trở thành tâm điểm của sự hi vọng vào một nền văn trẻ đương đại. Tập truyện ngắn “Cánh

đồng bất tận” của chị gây được tiếng vang lớn, nhận được nhiều giải thưởng cũng như chuyển thể thành kịch, phim điện ảnh.

2. Truyện ngắn “Hạt gửi mùa sau” tiêu biểu cho vẻ đẹp của con người Nam Bộ chân chất, thật thà, giàu tình cảm.

Thực hiện yêu cầu từ câu 1 đến câu 5 (Trình bày ngắn gọn):

Câu 1. Xác định ngôi kể và người kể chuyện trong văn bản?

Câu 2. Tâm trạng của “ông già” khi không tìm thấy mớ bông hạt giống?

Câu 3. Nêu ngắn gọn nội dung chính của văn bản.

Câu 4. Anh/chị có cảm nhận như thế nào trước hành động trồng bông của ông già?

Câu 5. Thông điệp nào trong văn bản có ý nghĩa nhất với anh/chị? Vì sao?

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm) Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) làm rõ tâm trạng của nhân vật trữ tình trong đoạn thơ sau:

TỪ ẤY

(Trích) *Tổ Hữu*

*Từ ấy trong tôi bừng nắng hạ
Mặt trời chân lý chói qua tim
Hồn tôi là một vườn hoa lá
Rất đậm hương và rộn tiếng chim...*

*Tôi buộc lòng tôi với mọi người
Để tình trang trải với trăm nơi
Để hồn tôi với bao hồn khổ
Gần gũi nhau thêm mạnh khối đời...*

Tháng 7-1938

Tổ Hữu, *Từ ấy*, NXB Văn học, 1959

Chú thích:

Từ ấy là bài thơ có ý nghĩa mở đầu cho con đường cách mạng, con đường thi ca của Tố Hữu, là cái mốc đánh dấu thời điểm (1937) và được kết nạp Đảng năm 1938 - Tố Hữu giác ngộ và gặp ánh sáng lí tưởng cộng sản. Đó cũng chính là tuyên ngôn nghệ thuật của Tố Hữu. Tự nhận định về Từ ấy, Tố Hữu viết: "Từ ấy: là một tâm hồn trong trẻo của tuổi mười tám, đôi mươi đi theo lí tưởng cao đẹp, dám sống, dám đấu tranh".

Câu 2. (4,0 điểm)

R.W.Emerson cho rằng: “Đừng đi theo lối mòn, hãy băng qua những nơi không có dấu chân người để tạo ra những con đường” Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của bản thân về quan điểm trên.

----- **Hết** -----

ĐỀ 42
(Đề gồm 03 trang)

ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT
THEO CẤU TRÚC MINH HỌA
MÔN: NGỮ VĂN

(Thời gian làm bài: 120 phút; Không kể thời gian phát đề)

I. PHẦN ĐỌC (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

SÔNG BẠCH ĐẰNG LỊCH SỬ

Đặng Giang tự cổ huyết do hồng

(Bạch Đằng thuở trước máu còn loang)

Giang Văn Minh (1573 - 1638)

Sông Bạch Đằng là con sông nổi tiếng nhất trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc Việt. Sông có “tên hiệu” là sông Vân Cừ và tên “dân dã” là sông Rừng. Người Quảng Yên trước đây từng lưu truyền câu “Con ơi, nhớ lấy lời cha / Gió nổi, nước rặc chờ qua sông Rừng” để nói lên sự hiểm yếu của con sông này.

Cha ông ta xưa kia hiểu rất rõ “thủy chế” của sông Bạch Đằng dưới tác động của thủy triều, nên đã vận dụng vào những trận chiến bảo vệ Tổ quốc, đánh đuổi kẻ thù ở nơi cửa ngõ này. Sông đã ba lần lập chiến công, là mồ chôn quân giặc từ phương Bắc tới.

1. Trận Bạch Đằng năm 938

Năm 938, vua Nam Hán là Lưu Nghiễm phong cho con là Lưu Hoằng Tháo thống lĩnh hai vạn quân, tiến vào cửa sông Bạch Đằng, đánh chiếm nước ta.

Ngô Quyền cho quân sĩ đóng cọc bịt sắt nhọn xuống lòng sông Bạch Đằng. Khi thủy triều lên, bãi cọc không bị lộ.

Quân Nam Hán tiến vào. Ngô Quyền ra lệnh cho quân rút lên thượng lưu. Đợi đến khi thủy triều xuống, cọc đâm thủng. Lúc ấy Ngô Quyền mới tung quân ra tấn công dữ dội. Quân Nam Hán thua chạy, Lưu Hoằng Tháo bỏ mạng cùng với quá nửa quân sĩ.

2. Trận Bạch Đằng năm 981

Cuối năm 979, Đinh Tiên Hoàng và con là Đinh Liễn bị ám hại. Nhân khi Đại Cồ Việt có nội loạn, mùa thu năm 980, nhà Tống đem quân chia làm hai đạo tiến vào theo đường bộ và đường thủy. Cánh quân thủy do Hầu Nhân Bảo chỉ huy tiến vào cửa sông Bạch Đằng.

Ngày 28-4-981, trận quyết chiến diễn ra trên sông. Lê Hoàn cho một cánh quân ra khiêu chiến với Hầu Nhân Bảo, giả thua như quân địch đuổi theo. Khi đoàn chiến thuyền

của Hầu Nhân Bảo lọt vào trận địa mai phục, Lê Hoàn tung quân từ khắp các ngả tấn công quân Tống. Hầu Nhân Bảo bị giết chết trong cuộc hỗn chiến. Đám tàn quân hoảng sợ vội tháo lui ra biển. Nghe tin thất trận, các đạo quân Tống hoảng sợ rút lui, bị quân Đại Cồ Việt truy kích tiêu diệt quá nửa.

3. Trận Bạch Đằng năm 1288

Năm 1287, nhà Nguyên mở cuộc xâm lược Đại Việt lần thứ ba, nhưng chỉ chiếm được kinh thành Thăng Long không một bóng người. Đoàn thuyền lương của Trương Văn Hổ bị thủy quân Trần do Trần Khánh Dư chỉ huy đánh tan trong trận Vân Đồn. Trước tình thế bất lợi, quân Nguyên định tổ chức rút về Trung Quốc theo các hướng khác nhau.

Trần Hưng Đạo chỉ huy quân dân Đại Việt chuẩn bị trận địa mai phục trên sông Bạch Đằng. Các cây gỗ lim, gỗ táu đốn từ trên rừng được kéo về bến sông, tại đây cây được đẽo nhọn và cắm xuống lòng sông ở các cửa dẫn ra biển, chỉ để trống sông Đá Bạc cho quân Nguyên kéo vào.

Nhân lúc nước lớn, Ô Mã Nhi dẫn đoàn thuyền tiến vào sông Bạch Đằng. Thủy quân Trần tràn ra giao chiến, rồi giả thua chạy vào sâu bên trong. Ô Mã Nhi trúng kế thúc quân đuổi theo, tiến sâu vào khúc sông đã đóng cọc. Quân Trần đợi cho thủy triều xuống, nhất loạt quay thuyền lại đánh thẳng vào đội hình địch. Quân Nguyên hoảng loạn, bỏ thuyền lên bờ tìm đường chạy trốn, nhưng lại rơi vào ổ phục kích của quân Trần.

Hơn 4 vạn quân Nguyên bị loại khỏi vòng chiến, nhiều tướng Nguyên trong đó có Ô Mã Nhi bị bắt sống. Trận đại thắng trên sông Bạch Đằng của Trần Hưng Đạo được xem là trận thủy chiến lớn nhất trong lịch sử Việt Nam, và là thắng lợi tiêu biểu nhất của Đại Việt trong ba cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên Mông.

Gắn liền với những chiến thắng oanh liệt của dân tộc, sông Bạch Đằng xứng đáng được vinh danh trong bảng vàng lịch sử. Năm 1835, vua Minh Mạng cho đúc Cửu đỉnh đặt ở Thái Miếu trong kinh thành Huế. Nhà vua đã - cho chạm chín dòng sông tiêu biểu của Việt Nam lên Cửu đỉnh, gồm các sông Bến Nghé, sông Hương, sông Gianh, sông Mã, sông Lô, Bạch Đằng, Thạch Hãn, sông Lam, sông Hồng. Trong đó sông Bạch Đằng được khắc lên Nghị đỉnh.

(Nguyễn Như Mai, Nguyễn Huy Thắng, Nguyễn Quốc Tín,
Dạt dào sông nước, NXB Kim Đồng, 2015)

Thực hiện yêu cầu từ câu 1 đến câu 5 (Trình bày ngắn gọn):

Câu 1. Hãy liệt kê những trận chiến chống quân xâm lược diễn ra trên sông Bạch Đằng trong văn bản trên?

Câu 2. Dựa trên thông tin văn bản cung cấp, anh/chị nêu tên gọi khác của sông Bạch Đằng.

Câu 3. Thái độ, quan điểm của tác giả khi cung cấp thông tin về sông Bạch Đằng có ý nghĩa gì?

Câu 4. Về sơ đồ tóm tắt bố cục của văn bản, theo em bố cục đó có quan hệ như thế nào với nhan đề?

Câu 5. Cách trình bày dữ liệu và thông tin được thể hiện theo cấu trúc nào? Nhận xét về hiệu quả của các cách trình bày đó.

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm) Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) làm rõ cấu tứ và hình ảnh trong đoạn thơ sau:

BẦM ƠI! (Trích)

Tố Hữu

*Ai về thăm mẹ quê ta
Chiều nay có đưa con xa nhớ thăm...
Bầm ơi có rét không bầm!
Heo heo gió núi, lâm thâm mưa phùn
Bầm ra ruộng cấy bầm run
Chân lội dưới bùn, tay cấy mạ non
Mạ non bầm cấy mấy đon
Ruột gan bầm lại thương con mấy lần.
Mưa phùn ướt áo tứ thân
Mưa bao nhiêu hạt, thương bầm bấy nhiêu!
Bầm ơi, sớm sớm chiều chiều
Thương con, bầm chớ lo nhiều bầm nghe!
Con đi trăm núi ngàn khe
Chưa bằng muôn nỗi tái tê lòng bầm
Con đi đánh giặc mười năm
Chưa bằng khó nhọc đời bầm sáu mươi.
Con ra tiền tuyến xa xôi
Yêu bầm yêu nước, cả đôi mẹ hiền.
Nhớ thương con bầm yên tâm nhé!
Bầm của con, mẹ Vệ quốc quân...*

Câu 2. (4,0 điểm)

Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của bản thân về ý nghĩa sự trưởng thành của con người trong cuộc sống.

----- **Hết** -----

ĐỀ 43*(Đề gồm 03 trang)***ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT****THEO CẤU TRÚC MINH HỌA****MÔN: NGỮ VĂN***(Thời gian làm bài: 120 phút; Không kể thời gian phát đề)*

I. PHẦN ĐỌC (4,0 điểm)**Đọc văn bản sau:****LỤC BÁT YÊU THƯƠNG*****Dạ Quỳnh***

Cho con về lại ngày xưa
 Tìm hình dáng mẹ nắng mưa bốn mùa
 Vai gầy gánh buổi chợ trưa
 Áo nâu ướt đầm chẳng chừa chỗ khô.
 Ngoài đồng con điếc, con rô
 Bóng cha đổ xuống những bờ nương xanh
 Bao nhiêu hoa trái ngọt lành
 Com cha, áo mẹ kết thành đời con.
 Nửa đời chưa đủ vuông tròn
 Mẹ ơi! Má thắm môi son phai màu
 Vết thời gian thắm hằn sâu
 Mẹ ơi! con sợ bể dâu cuộc đời.
 Ngoài kia rộng lớn biển khơi
 Chẳng bằng cha mẹ... đất trời yêu thương...

Chú thích:

Nhà thơ Dạ Quỳnh tên thật là Phạm Thu Phương Sinh năm 1982 hiện đang sống và làm việc tại Đức Linh, Bình Thuận. Chị đến với thơ như một cách để chia sẻ những cảm nhận của chị về cuộc sống, về tình người. Thơ chị nhẹ nhàng pha một chút buồn man mác khiến cho người đọc cảm nhận được một tâm hồn trong sáng, lãng mạn ẩn chứa một hồn thơ dào dạt.

Thực hiện yêu cầu từ câu 1 đến câu 5 (Trình bày ngắn gọn):**Câu 1.** Đoạn thơ trên được viết theo thể thơ nào?**Câu 2.** Câu thơ: “Mẹ ơi! con sợ bể dâu cuộc đời.” thuộc kiểu câu gì?

Câu 3. Chỉ ra biện pháp tu từ có trong câu thơ sau và nêu tác dụng của biện pháp ấy?

“Ngoài kia rộng lớn biển khơi
Chẳng bằng cha mẹ... đất trời yêu thương.”

Câu 4. Nêu nội dung chính của đoạn thơ trên.

Câu 5. Từ văn bản trên, với bốn phận làm con, em sẽ làm gì để đáp lại tình cảm yêu thương của cha mẹ dành cho em?

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm) Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) nhận xét về vai trò của ngôi kể, điểm nhìn và lời trần thuật trong việc khắc họa nhân vật của văn bản sau:

CHẠY ĐI SÔNG ƠI!

Nguyễn Huy Thiệp

(Tóm tắt: Một cậu bé từ nhỏ đã bị mê hoặc bởi huyền thoại màu về con trâu đen. Con trâu có phép nhiệm màu ban sức mạnh thần kì cho con người. Và như lời chị Thắm nói, những người tốt sẽ được gặp con trâu kì diệu ấy. Thế rồi cậu bé đã quyết tâm theo đuổi, tìm kiếm. Nhưng kết quả thì sao? Giấc mộng ngọt ngào ấy đã không thể đến với một cậu bé đang sống trong cuộc đời trần tục, phũ phàng này. Người ta mãi mê tranh giành luồng cá mà bỏ mặc cậu rơi xuống sông, suýt chết đuối nếu như không có chị Thắm cứu giúp)

Khi tôi tỉnh dậy, tôi thấy mình nằm trên con đò ngang. Ngồi bên cạnh tôi là một phụ nữ khăn trùm kín mặt. Đôi mắt to đen nhìn tôi mừng rỡ: – Thế là tỉnh rồi....Em ăn một tí cháo nhé?

Tôi cố nhồm dậy, bụng dạ trống rỗng và đau cồn cào, chân tay tôi run bần bật. Tôi đón bát cháo cá nóng mà cảm không vững.

- Để chị bón cho - Người phụ nữ nói dịu dàng- Chị tưởng em chết. Chân tay em cứng đờ ra..Lão Tảo dốc trong bụng em đến nửa vại nước. Em là liều lắm! đi đánh cá đêm với lão trùm Thịnh có ngày chết toi mất xác!

- Chị cứu em à?- Tôi hỏi. - ừ...chị nghe thấy em kêu cứu

- Bọn đánh cá đêm ác lắm chị ạ - Tôi buồn rầu nói- Họ nghe thấy em kêu cứu mà cứ lờ đi....

- Đừng trách họ thế- Người phụ nữ an ủi tôi, giọng nói ngân nga như hát- có ai yêu thương họ đâu...Họ đói mà ngu muội lắm.....

Thế là từ đấy tôi quen chị Thắm. Chị Thắm nhà trong bến Cốc. Nhà chị nghèo lắm. Suốt ngày ở trên con đò ngang, một tấm khăn vuông đen trùm kín mặt.Có lần tôi hỏi chị Thắm về chuyện trâu đen.

Chị bảo:

-Trâu đen có thực! Nó ở dưới nước. Khi nó lên bờ là nó mang cho người ta sức mạnh....Nhưng nhìn thấy nó, được nó ban điều kỳ diệu phải là người tốt. Tôi tin lời chị. Lòng tôi vẫn hằng ấp ủ trông thấy điều kỳ diệu ấy. Con người ta tối tăm lắm... Chị nói với tôi khi

hai chị em ngồi trên mũi đò chờ khách sang sông. Con người vô tâm nhiều như bụi bặm trên đường.

Mùa hè năm ấy nhà tôi chuyển về thành phố. Thế là tôi xa bến Cốc, xa chị Thắm. Khi tôi ra đi, chị Thắm gọi tôi xuống đò cho ăn cháo cá. Tôi cũng không ngờ đó là bát cháo cá mời cuối cùng tôi ăn trong thời trai trẻ. Một cuộc sống mới mở oà trước mặt tôi. Thành phố cũng bán cá mời nhưng là thứ cá đã được ướp khô, rút ruột....

Năm ngoái, bỗng nhiên tôi có dịp trở về bến Cốc. Bây giờ tôi đã trưởng thành. Tôi làm công chức ở sở, lấy vợ, đẻ một đàn con đông đúc. Cuộc sống trưởng giả no đủ bao bọc lấy tôi. Có lẽ tôi cũng chẳng có gì phàn nàn cuộc sống. Ước mơ tuổi trẻ nhường chỗ cho bao nhu cầu thiết thực. Bến Cốc vẫn hệt như xưa. Cá mời phơi trắng trên bờ. Bến đò rất ít những người qua lại. Cây gạo vẫn đứng cô đơn chốn cũ, màu hoa rực đỏ xao xuyến bốn chôn. Tôi bước xuống đò mà lòng bồi hồi khôn tả. Trên đò, một bà cụ già đang ngồi tư lự.

Tôi bước lại gần khẽ hỏi: - Cụ ơi, chị Thắm lái đò còn ở đây không?

- Thắm ư?

- Bà cụ thoáng nổi ngạc nhiên. Tôi đứng lặng người khi nhận ra con đò cũ. Kỷ niệm ấu thơ bỗng vụt hiện về. – ông quen nhà Thắm ư ông?

- Bà cụ hỏi tôi, giọng nói nghẹn ngào

- Bao nhiêu năm nay chẳng hề có ai hỏi thăm nhà Thắm....Nhà Thắm chết đuối hai chục năm rồi!

Tôi oà lên khóc nức nở. Xung quanh sông nước nhòa đi. Bà cụ lái đò vẫn đang rầu rầu kể lể: - Khốn nạn! nhà Thắm cứu được không biết bao người ở khúc sông này...Thế mà cuối cùng nó lại chết đuối mà không ai cứu...

Bên sông lại vẳng tiếng hát thuở nào tê tái:

Chảy đi sông ơi

Băn khoăn làm gì

Rồi sông dải hết

Anh hùng còn chi?

Tôi muốn gào lên chua xót. Tôi bỗng nhiên thấy cuộc sống hiện giờ của tôi vô nghĩa xiết bao. Con trâu đen, con trâu đen trong thời thơ ấu của tôi nay ở đâu rồi?

Bên sông có tiếng gọi đến là ráo riết: – Đò ơi....ơi đò! Đò ơi! Ơi đò!

(Trích trong truyện “Chảy đi sông ơi”- Nguyễn Huy Thiệp, nguồn <https://dienbd.violet.vn/entry/chay-di-song-oi-nguyen-huy-thiep-4832463.html>)

Câu 2. (4,0 điểm)

Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của bản thân về ý nghĩa việc giữ trong lòng ánh sáng của niềm tin trong cuộc sống.

----- Hết -----

ĐỀ 44
(Đề gồm 04 trang)

ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT
THEO CẤU TRÚC MINH HỌA
MÔN: NGỮ VĂN

(Thời gian làm bài: 120 phút; Không kể thời gian phát đề)

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

HÀ NỘI HOA

Nguyễn Văn Thọ

1.

Trên thế gian này, là con người, đâu chẳng yêu hoa!

Nhưng Tết tới thì người Việt Nam mình cái sự yêu, chơi hoa nơi ngựa xe như nước áo quần như nêm, bao giờ chả rộn ràng hơn.

Hà Nội của tôi những năm xa lắc ấy, nếp chơi hoa đào và quất, vẫn để hai loài cây thả sức mà tung tăng đi đến từng nhà. Nhưng cũng tùy cảnh, tùy người, chọn cho mỗi ai, mỗi gian phòng vui Tết, thưởng hoa, đào to đào nhỏ, đào cắm hay đào cây, Hà Nội Tết Hoa vốn dĩ tùy cảnh tùy người?!

Nhà tôi cả thấy bốn lần chuyển nhà trên phố phường; bốn lần là bốn chỉ số phòng khách và phòng ăn hay phòng làm việc khác nhau, để rồi Tết ấy, xuân ấy, định kì đến hẹn, cha tôi tha thân ở chợ hoa mà im lặng chọn ra cho mình một dáng, vừa vặn nơi ông dùng hoa làm duyên cho xuân, vui Tết. Có năm hoa đào vươn ra, hai vòng ôm không xuể; đào cắm mà rực rỡ no mắt cả nhà. Lâu quá rồi! Còn lại, hơn ba chục năm trên gác xép của ông chỉ là một cành đào khiêm tốn tới có thể. Sự tàn lụi của thời gian, có thể hẹp đi về kích cỡ, nhưng không thu hẹp tấm lòng hoa với người và, người với hoa. Chắc thế nên hôm nào, tôi cứ khoe mãi câu thơ mô côi của Nguyễn Duy trước một cành đào thắm nhỏ cao vừa đúng bốn năm gang góc xép của ông: Hạnh phúc lớn vòng tay ôm không xuể. Tết mà! Lại năm ấy là đào mua ở hoa rong. Năm nay rét thế, mấy kẻ chợ bán hoa rong còn không? Có bán hoa được không?

Cha tôi thích tất cả các loài đào. Đào thắm ông thường dùng năm lẻ, khi mà ai nam giới sinh ở năm lẻ, đều bị hợp sao tinh chiếu vào làm âm (âm nam). Ông ví như xuân thêm lửa. xua cái khí lạnh, giữ xuân ấy thêm ấm thêm nồng. Nhưng có lẽ ông yêu nhất, thứ đào phai. Tâm hồn hoa sĩ của ông rung động nhiều hơn khi rước hoa từ chợ về. Đốt gốc, mang cái cát-tút 105 li, mua ở chợ trời Ha-le rồi bảo tôi đánh sạch: tự ông cẩn thận chèn cành đào đứng thẳng giữa ống đồng sáng chói. Xuân đầy nụ, chớm hoa khoe cái màu hồng tường phai mà chưa khi nào phai trước thời gian! ngấm đi con! Những giọt hoa đọng lại, lấp lánh cơn mưa ông phun bằng cái máy xịt tay vẫn dùng xịt nước hành bảo quản tranh Sơn dầu.

Đào phai loại cánh kép, phơn phớt trước Tết rồi qua Tết, sang xuân mỗi bông tàn, chậm chậm nhả buồng từng lớp cánh, dần dần rụng xuống sàn đá lạnh. Và, một hôm bất chợt he hé cái mầm quả xanh, để theo sau Tết, hình thành một trái Đào. Đào phai, từng bông nở chậm, khoe sắc ăm nồng cũng chậm chậm từng lớp, phai dần ở lớp cánh đầu tiên, chứ không nở bùng ra màu đỏ thắm khoảnh nhà, để mà tàn, ứa rụng chốc lát, tan nát cả xuống đất một lần. Sự sống của hoa đào phai cánh kép, làm ông gật gù bảo, cái kiếp một bông hoa, một loài cây, dâng hiến cho đời từng lớp, từng lớp, cả màu lẫn cánh... để cuối cùng hiện ra mầm sống mới, tựa hệt như vòng luân hồi của kiếp con người.

2.

Trước Tết vài ngày, mẹ tôi cũng chọn chợ Đồng Xuân để sắm hàng Tết. Rồi tới cận ba mươi mới ra đầu chợ Hôm mà mua hoa cúng. Người chủ gia đình đàn ông đàn ang, sắm đào thì thôi quá. Người mẹ của chúng tôi lo hoa cho bàn thờ tổ tông. Bà chọn từng cành Huệ rất cẩn thận. Những búp hoa trắng muốt thoang thoảng hương thanh bạch, e ấp dấu mình trong kẽ xanh chỉ đợi hơi hương khói là nhao ra trắng muôn muốt.

Bắt đầu từ chiều ba mươi tới tận hôm hoá vàng, những bông huệ cứ ăm thắm nhuộm một thứ hương như vậy loanh quanh bàn thờ. Có thay hoa mới cho lọ lục bình cổ, với các đường góm ngọc rạn nứt, thì vẫn là những cành huệ, tươi mon môn, xanh như trước Tết, để khi nào cũng tinh khiết độc một loài hương. Thay vì lòng thành với tổ tiên đa dạng nữa, bên kia là những đoá hồng vàng hay thắm đỏ. Hoa cúng chọn cẩn trọng. Không cần to lắm, nhưng phải đều đặn công phu.

Mẹ tôi chưa khi nào quên đĩa hoa cho chùa Hai Bà hay chùa Vua gần đó. Thường là tháng ba mới rộ ngâu. Nhưng muốn tìm vẫn có. Những cành ngâu nhỏ, hoa vàng bé xiu, chín thoang thoảng, đặt bên những bông hồng cũng nhỏ, cẩn thận xếp bày lên đĩa “cho hộ vào chiếc làn để mợ sớm mai mồng một ra chùa”. Bông hồng thì nở, bông nhài thì thơm, hoa đại định hình từ lúc mới ra bé xiu, móng rồng cũng vậy, cho tới sồi, ngâu, mộc không nhìn rõ trong lớp lá, phải tựa vào hương mới biết là hoa, đều gọi chung là chìn. Ngâu vừa chìn con ời. Cha tôi bảo.

3.

Thường là ở phòng khách bao giờ cũng có lọ hoa lớn. Cha tôi rất thường đặt tại đó một bình violet. Mầu tím ngắt lốm đốm trong sắc xanh nhọn chũa chũa vươn lên từ cái bình góm mầu không chỉ ăm lòng bè bạn, không chỉ cho khách xuân thực sự nào xuân. Cũng phải chọn đúng mầu bình. Đừng lạnh mà cũng không nóng quá, vì cái thứ pha mầu giữa nơi đặt nó đứng đấy cũng nghiêm cần làm sao. Đôi năm ông chơi cúc. Những đoá cúc đại đoá thường trầm tĩnh đứng trong phòng tranh. Đại đoá mua tới hơn vài chục bông, phải hướng cho từng đoá không chen nhau san sát để từng bông khoe hết vẻ đẹp riêng mình. Chơi cúc lâu tàn. Nó giữ xuân ở lại miên man sau Tết, để Tết lặn vào những bức tranh khi hết ngày rong chơi.

Anh tôi thì lại khác. Anh cứ thích giữa bàn nhà, phòng chính một bình hoa nhiều loại. Dăm bông Đồng tiền. Vài cành đủ nụ đủ hoa, đủ mầu Thược dược. Giữa dăm loài hoa “quần chúng” ấy, dân dã ấy, anh tôi vẫn dành lại, vượt lên là dăm cành vi-ô-lét, chắc là trọng cái

nết yêu hoa của cha tôi. Để ông và tôi cứ tùm tùm cười với nhau, và tôi khi nhớ ra ngày Tết vẫn cười đến tận giờ.

Vâng khi năm nay, bạn ơi - Hà Nội Hoa, tôi không về hương Tết, hoa Tết và ngoài kia tuyết gió hai tuần gào rú thổi...

Nước Đức, giáp Tết Mậu Tý

(Hà Nội hoa - Nguyễn Văn Thọ, in trong 36 tập văn, tùy bút Hà Nội, Quốc Văn (Tuyển chọn), NXB Thanh niên, 2010, tr.248 đến 252.)

Trả lời các câu hỏi sau:

Câu 1. Viết Hà Nội hoa, tác giả đã cho ta thấy thú chơi nào của người Hà Nội trong dịp tết?

Câu 2. Xác định thể loại của văn bản.

Câu 3. Theo nhân vật tôi, người cha thích nhất là *thứ đào phai*, vì sao?

Câu 4. Qua văn bản, tác giả thể hiện tình cảm, thái độ gì?

Câu 5. Theo em, thú chơi hoa tết có tồn tại ở địa phương của em không? Em cảm nhận như thế nào về thú chơi này?

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) làm rõ chủ đề của đoạn thơ sau:

*Tình ta như hàng cây
Đã qua mùa gió bão
Tình ta như dòng sông
Đã yên ngày thác lũ*

*Thời gian như là gió
Mùa đi cùng tháng năm
Tuổi theo mùa đi mãi
Chỉ còn anh và em*

*Chỉ còn anh và em
Cùng tình yêu ở lại...
– Kìa bao người yêu mới
Đi qua cùng heo may*

(Trích *Thơ tình cuối mùa thu* - Xuân Quỳnh)

Câu 2 (4,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về: ***sự cần thiết phải tôn trọng sự khác biệt.***

----- Hết -----

ĐỀ 45

(Đề gồm 03 trang)

ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT**THEO CẤU TRÚC MINH HỌA****MÔN: NGỮ VĂN**

(Thời gian làm bài: 120 phút; Không kể thời gian phát đề)

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)**Đọc đoạn trích sau:**

(...) Vào hạ, sự chuyển dịch của trời đất như chùng lại trên cây cối; vẻ bay bướm xuân thì đã qua đi, thiên nhiên ổn định hẳn trong màu lục trầm trầm của lá già. Vườn lá không đẹp, dù vậy, nó chưa bao giờ làm cho tôi chán mắt; bởi nó toát ra khí mạnh của nhựa cây, và trong những ổ lá rậm rịt kia, các loại trái đang lớn lên dưới sức nóng hun đúc. Hạ chỉ trở đi, vườn An Hiên vào mùa quả, khởi đầu là mùa thơm: giống thơm Nguyệt Biểu vỏ chín đỏ như lửa cắt ra từng lát tròn to vừa lòng cái đĩa bàn, vàng rệu màu mật ong, tưởng chừng có cô gái nào đó ở trong cây đã làm sẵn hoàn chỉnh một chiếc bánh kem sinh nhật. Dâu chín vào tháng năm, tháng sáu. Cây dâu Truồi ở vườn bà Lan Hữu rất đẹp, tán lá khum khum úp sát mặt đất kín mít, bên trong rỗng, trái chín vàng hương từng chuỗi dài đỏ úp thành đồng quanh gốc cây. Nhìn đồng quả đầy ứ như là ai đã hái sẵn đỏ ra kia, tôi chợt mỉm cười với một ý nghĩ lạ lùng: giả như đời chẳng còn nhiệm vụ gì, tôi sẽ trải một tấm chiếu nhỏ dưới vòm lá kín đáo kia, nằm đó đọc sách ăn dâu. Suốt mùa hè. Sau vườn, cạnh giếng nước, có một vạt đất trồng mứt làm chái cho những loại cây leo: hồ tiêu, thanh long v.v... Cây thanh long đặc sản nổi tiếng vùng Nha Trang, có lẽ là giống cây hiền lành nhất trong vườn: thân nhánh dài ngoằng nằm úp đồng trên chạc cây mứt trông như một đồng dây chao; trồng một lần rồi chẳng bao giờ cần ngó lại, nó sống như một vật bỏ quên sau vườn, đến mùa lại cho con người hoa trái. Cây xấu xí mà hoa đẹp thế, hoàn toàn giống hoa quỳnh, cũng nở và tàn trong một đêm nên nhiều khi muốn ngắm hoa, bà Lan Hữu đã phải thắp đèn ra vườn lúc nửa đêm. Trái Thanh Long màu cánh sen chín vào những ngày nóng nhất của mùa hè, ruột trong như bột lọc, làm mát và khỏe người; ấy là món quà hảo tâm của thiên nhiên dành cho người làm vườn. Cuối hạ, mỗi hoàng hôn, lũ dơi lại xuất hiện, đảo liệng khắp vườn rồi chui vào những vòm lá tối, nơi đó tỏa ra mùi vải chín. Hè năm ngoái, tôi về huyện Nam Thanh, Hải Hưng; miền quê cây trái hào hiệp, mời khách ăn vải thiều không tiếc của, cứ đổ luôn trên mặt bàn thành đồng cao như khoai như ngô. Giống trái quý này xưa kia dùng để tiến nạp cho vua ăn, bây giờ chúng tôi được đãi theo lối xả láng, ăn đến no bụng. Giống vải thiều Hưng Yên đưa vào Huế vẫn giữ được phẩm chất của nó, quả lớn hạt nhỏ cùi trắng nõn trông như một miếng mỡ, thơm và ngọt lịm. Vườn An Hiên còn có mấy cây vải Phụng Tiên, giống vải Huế quả lớn hơn quả nhãn một chút, hạt bé bằng hạt tiêu, hương vị không kém vải thiều xứ Bắc. Giống vải này được xếp vào dòng quý tộc, xưa chỉ trồng nơi cung cấm; bà Lan Hữu xin lại từ vườn của một viên thái giám. Đối ứng với mấy cây vải thiều miền Bắc, góc vườn

bên kia có hai cây sầu riêng Lái Thiêu; bà Lan Hữu mang về trồng đã hai mươi năm, cách đây vài năm mới cho mùa quả đầu, trái to mùi thơm không khác trái vườn trong Nam.

Càng vào thu, khu vườn càng hiện ra trong vẻ đẹp của trái, càng gọi cho người đi dạo vườn cái cảm giác khinh khoái của một phòng trưng bày tranh tĩnh vật. Cam và thanh trà làm khu vườn nặng trĩu xuống khác với dạo đầu mùa hạ; và đến cuối tháng tám, những cây thị nhưng chỉ chít những quả đỏ. Loại thị này, giống như quả táo tây, cũng là một loại cây trái lạ, do mấy ông cố đạo mang đến từ một xứ nhiệt đới xa xôi nào đó. Cuối vụ thu là mùa hái hồng. Mấy cây hồng này già tuổi nhất trong vườn, vốn là quà tặng của cụ Nghè Mai - chất nội cụ Nguyễn Du - tặng cho chồng bà Lan Hữu ngày mới lập vườn. Hồng Tiên Điền là giống của quê hương Nghệ Tĩnh ngàn vạn trái không có một hạt, trái chín lùn, dài vẫn dính chặt vỏ, không bị tróc mất như các loại hồng thường. Sau mùa trái nó trút hết lá, cây cỗi cằn trơ, nhìn cứ tưởng là nó đã chết khô. Qua tiết đông, thoát cái nó nẩy lộc chỉ chít, mười hôm sau lá đã phủ kín cây; lá hồng tròn dày, xanh bóng, nhạy cảm với từng tia nắng, sáng trưng lên trong niềm vui phục sinh của mùa xuân. Tháng hai hồng ra hoa, trong lòng mỗi đoá hoa xanh biếc đã kết một trái non. Từ đó đến lúc chín, trái non rụng dần, rụng như một hành động tự đào thải tàn nhẫn. (...)

(Trích *Hoa trái quanh tôi*, Hoàng Phủ Ngọc Tường,
Tạp chí Sông Hương, số 3 (T.10-1983))

Trả lời các câu hỏi sau:

Câu 1. Đối tượng chủ yếu mà đoạn trích đề cập đến là gì?

Câu 2. Đoạn trích có sử dụng kết hợp các phương thức biểu đạt nào?

Câu 3. Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu văn sau: *Giống vài thiều Hưng Yên đưa vào Huế vẫn giữ được phẩm chất của nó, quả lớn hạt nhỏ cùi trắng nõn trông như một miếng mỡ, thơm và ngọt lịm.*

Câu 4. Nêu chủ đề của văn bản?

Câu 5. Từ nội dung văn bản, bạn có suy nghĩ gì về vai trò của thiên nhiên đối với cuộc sống con người?

II. LÀM VĂN (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) làm rõ vẻ đẹp của cấu tứ và hình ảnh trong đoạn thơ sau:

*Con tàu này lên Tây Bắc, anh đi chẳng?
Bạn bè đi xa, anh giữ trời Hà Nội
Anh có nghe gió ngàn đang rú gọi
Ngoài cửa ô? Tàu đòi những vành trăng*

Đất nước mệnh mỏng, đời anh nhỏ hẹp
 Tàu gọi anh đi, sao chứa ra đi?
 Chẳng có thơ đâu giữa lòng đóng khép
 Tâm hồn anh chờ gặp anh trên kia

Trên Tây Bắc! Ôi mười năm Tây Bắc
 Xứ thiêng liêng rừng núi đã anh hùng
 Nơi máu rỏ tâm hồn ta thấm đất
 Nay rạt rào đã chín trái đầu xuân

Ôi kháng chiến! Mười năm qua như ngọn lửa
 Nghìn năm sau, còn đủ sức soi đường
 Con đã đi nhưng con cần vượt nữa
 Cho con về gặp lại mẹ yêu thương

(Trích *Tiếng hát con tàu*, Chế Lan Viên)

Câu 2 (4,0 điểm)

[...] Hiện nay, có nhiều người xem “không gian mạng” là nơi để nói xấu, trút giận, thậm chí xúc phạm người khác bằng nhiều hình thức. Có lẽ, người ta vẫn nghĩ: “mạng ảo” nên cứ xúc phạm nhau đi, nào ai làm gì được mình?. Với sự “vào hùa” của cộng đồng mạng, người ta lôi kéo nhau cùng phán xét và thậm chí tự cho mình quyền trở thành “quan tòa mạng”. Dường như, không ít người còn hả hê vì “chiến thắng ảo” do mạng xã hội mang lại mà không quan tâm đến cảm xúc của người bị hại [...].

(Trích Chuyên mục “Văn hóa và đời sống”- Báo Thanh Hóa).

Từ thực trạng trên, anh/chị hãy viết một bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ về việc: **làm như thế nào để học sinh sử dụng mạng xã hội một cách văn minh.**

----- Hết -----

ĐỀ 46
(Đề gồm 03 trang)

ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT
THEO CẤU TRÚC MINH HỌA
MÔN: NGỮ VĂN

(Thời gian làm bài: 120 phút; Không kể thời gian phát đề)

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

RÁC THẢI NHỰA - THẢM HỌA TOÀN CẦU

Theo thống kê của tổ chức quốc tế nghiên cứu về môi trường - SPREP, mỗi năm nhân loại sử dụng 5 triệu tỷ tấn túi nilon. Riêng ở Mỹ, khối lượng túi nilon được sản xuất và sử dụng là 100 tỷ tấn. Những chiếc túi tương như quen thuộc và vô hại, thường được làm từ polyethylene, cần phải có nhiên liệu hóa thạch để sản xuất. Để tạo ra 14 chiếc túi nilon, nhà sản xuất cần lượng nhiên liệu tương đương cần thiết để lái chiếc xe 1 dặm. Vấn đề nằm ở chỗ, chúng ta chỉ đơn giản là dùng túi nilon một lần rồi thải ra môi trường. Mỗi tấn túi nilon được tái chế sẽ giúp tiết kiệm năng lượng tương đương với 11 thùng dầu, nhưng chúng ta chỉ tái chế khoảng 1% số lượng túi nilon sử dụng mỗi năm. Theo bà Nguyễn Thị Lệ Thu, chuyên gia quản lý môi trường cấp cao của Ngân hàng Thế giới (World Bank), rác thải nhựa đại dương phần lớn xuất phát từ lục địa, nên để giảm thiểu rác thải nhựa, nhất thiết phải thay đổi thói quen tiêu dùng của người dân. Ô nhiễm môi trường biển là vấn đề xa lạ với nhiều người, nhưng lại bắt nguồn từ những hành động gần gũi nhất. Ai cũng biết công dụng và mức độ tiện lợi của túi nilon, nhưng không phải ai cũng nhận thức được vòng đời của chúng sau khi bị con người bỏ vào thùng rác. Những chiếc túi ấy sẽ được đưa vào các bãi chôn lấp hoặc bị thổi bay ra môi trường xung quanh, hòa vào những loại rác thải nhựa mà chúng ta vứt bỏ mỗi năm. Khoảng 10% tổng số rác thải nhựa này sẽ trôi ra biển. Ước tính có khoảng 300 triệu túi nhựa mỗi năm trôi dạt trên vùng biển Đại Tây Dương, trong số hàng triệu tấn nhựa được sản xuất gây ô nhiễm đại dương trên toàn cầu mỗi năm. Ở rãnh Mariana - nơi sâu nhất dưới đáy đại dương (độ sâu khoảng 10.975m), túi nilon cũng đã được tìm thấy. Tuy nhiên, hiện nay chính xác có bao nhiêu túi nilon ở đại dương là câu hỏi rất khó để trả lời.

Các nhà khoa học đã ghi nhận tác động tiêu cực của túi nilon và các loại ô nhiễm nhựa khác trong đại dương. Kể cả tồn tại ở dạng túi nilon hay hạt vi nhựa, rác thải nhựa đại dương đều tiềm ẩn mối đe dọa với hệ sinh thái biển, gồm các động thực vật hoang dã dưới lòng biển cùng sức khỏe con người. Động vật hoang dã, chẳng hạn như rùa biển, có thể chết hoặc bị thương nếu vướng vào rác thải nhựa, trong đó có các loại túi nilon. Rất nhiều loài động vật biển bị ảnh hưởng bởi rác thải nhựa, từ chim đến rùa, cá voi và các loại sinh vật biển khác. Chúng ăn phải rác thải nhựa vì lầm tưởng là con mồi, rồi chết đói do nhựa

tích tụ trong hệ tiêu hóa của chúng. Ăn phải nhựa cũng dẫn đến nguy cơ nhiễm trùng và các vấn đề vận động đối với nhiều động vật có vú trên biển và các sinh vật khác. Năm 2019, các nhà khoa học phát hiện một chú cá voi bị chết và trôi dạt vào vùng biển Midanao (Philippines). Nguyên nhân được cho là bị mất nước và đói sau khi nuốt vào bụng hơn 40kg các loại túi nilon, gồm 16 bao tải gạo, vỏ ngũ cốc và các loại nhựa tổng hợp.



(Xác một chú chim trên đảo Midway Atoll tại khu vực Thái Bình Dương)

Tuy nhiên, tác hại của nhựa không chỉ dừng ở mức gây nguy hại đến sức khỏe đơn thuần. Theo Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF), ô nhiễm nhựa đại dương có thể gây ra biến đổi khí hậu. Năm 2019, Trung tâm Luật môi trường quốc tế (CIEL) ước tính quá trình sản xuất và đốt rác thải nhựa sẽ thải ra thêm 850 triệu tấn khí nhà kính vào bầu khí quyển - tương đương với khối lượng khí thải của 189 nhà máy nhiệt điện than. Đến năm 2050, con số này có thể tăng lên 2,8 triệu tỷ tấn carbon dioxide mỗi năm - tương đương của 615 nhà máy nhiệt điện than...

*(Trích từ bài viết của tác giả **Hồng Nam**,
theo <https://vtc.vn/rac-thai-nhua-dai-duong-moi-de-doa-cua-toan-nhan-loai-ar702209.html>, 03/10/2022)*

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản.

Câu 2. Tác giả đã chỉ ra rác thải nhựa là thảm họa toàn cầu, điển hình là loại rác thải nào?

Câu 3. Nêu suy nghĩ của em về hai chi tiết: “Năm 2019, các nhà khoa học phát hiện một chú cá voi bị chết và trôi dạt vào vùng biển Midanao (Philippines). Nguyên nhân được cho là bị mất nước và đói sau khi nuốt vào bụng hơn 40kg các loại túi nilon, gồm 16 bao tải gạo, vỏ ngũ cốc và các loại nhựa tổng hợp.” và hình ảnh xác một chú chim bụng chứa đầy rác thải nhựa trên đảo Midway Atoll tại khu vực Thái Bình Dương.

Câu 4. Em có đồng tình với nhận định: “Ô nhiễm môi trường biển là vấn đề xa lạ với nhiều người, nhưng lại bắt nguồn từ những hành động gần gũi nhất.” không? Vì sao?

Câu 8. Bài học ý nghĩa nhất mà em rút ra sau khi đọc văn bản trên là gì?

II. VIẾT (6,0 điểm)**Câu 1 (2,0 điểm)**

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích hình ảnh cổng làng trong bài thơ:

CỔNG LÀNG

Bàng Bá Lân

*Chiều hôm đón mát cổng làng,
Gió hiu hiu đẩy mây vàng êm trôi
Đồng quê vờn lượn chân trời,
Đường quê quanh quất bao người về thôn.*

*Sáng hồng lơ lửng mây son,
Mặt trời thức giấc véo von chim chào.
Cổng làng rộng mở. Ôn ào,
Nông phu lững thững đi vào nắng mai.*

*Trưa hè bóng lặng nắng oi,
Mái gà cục cục tìm mỗi đất con.
Cổng làng vài chị gái non
Dừng chân uể oải chờ cơn gió nồm.*

*Những khi gió lạnh mưa buồn,
Cổng làng im im bên đường lội trơn.
Nhưng khi trăng sáng chập chờn,
Kìa bao nhiêu bóng trên đường thướt tha.*

*Ngày mùa lúa chín thơm đưa...,
Rồi Đông gầy chết, Xuân chưa vội vàng.
Mừng xuân ngày hội cổng làng,
Là nơi chen chúc bao nàng ngây thơ.*

*Ngày nay dù ở nơi xa,
Nhưng khi về đến cây đa đầu làng;
Thì bao nhiêu cảnh mơ màng,
Hiện ra khi thoáng cổng làng trong tre.*

(Dẫn theo *Thơ mới (1932-1945)* Tác giả và tác phẩm,
NXB Hội nhà văn, 2004)

Câu 2 (4,0 điểm)

“Nếu bạn chưa từng khóc, đôi mắt của bạn không thể đẹp” (Sophia Loren)

Anh/Chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ về ý kiến trên.

----- **Hết** -----

ĐỀ 47
(Đề gồm 04 trang)

ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT
THEO CẤU TRÚC MINH HỌA
MÔN: NGỮ VĂN

(Thời gian làm bài: 120 phút; Không kể thời gian phát đề)

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

NẠN BUÔN BÁN NGƯỜI: TỪ BẦY "VIỆC NHỆ LƯƠNG CAO"
ĐẾN NẠP MÌNH CHO TỘI PHẠM

Khoảng 1 triệu người bị mua bán trên thế giới mỗi năm

Khu vực châu Á - Thái Bình Dương, nhất là các nước Tiểu vùng sông Mekong (trong đó có Việt Nam), tình hình tội phạm mua bán người ngày phức tạp, tinh vi. Tiếp cận, rủ rê, lôi kéo đi du lịch, đi làm thuê thu nhập cao, xuất khẩu lao động với chi phí thấp... nhưng để lừa bán, ép buộc, cưỡng bức lao động.

Nhiều đường dây buôn bán người bất hợp pháp liên tục bị triệt phá nhờ sự phối hợp chặt chẽ của cơ quan chức năng của Việt Nam với các cơ quan nước ngoài trong việc giải cứu, bảo vệ, hỗ trợ nạn nhân.

Đây là một nhiệm vụ khó khăn phức tạp, đặc biệt là trong xu thế tình hình tội phạm trên thế giới và khu vực ngày càng gia tăng.

Theo ước tính của Liên Hợp Quốc (LHQ), mỗi năm trên thế giới có khoảng 800.000 đến 1 triệu người bị mua bán. Như vậy có khoảng 3.000 người bị mua bán mỗi ngày. Song số vụ việc được đưa ra "ánh sáng" vẫn ở mức thấp so với thực tế và những đối tượng này vẫn nhón ngoài vòng pháp luật.



(Nguồn: ảnh internet)

Khách quan mà nói, rõ ràng đây là thách thức với bất kỳ quốc gia nào. Cơ quan Cảnh sát châu Âu ước tính rằng hơn 90% người di cư, trên hành trình đi tìm "miền đất hứa", đã ít nhất một lần sử dụng "dịch vụ" của những kẻ buôn người.

Hơn 150 quốc gia ở tất cả các châu lục đang phải đối mặt với loại hình tội phạm mua bán người. Theo thống kê của LHQ, có khoảng gần 25 triệu nạn nhân của nạn mua bán người trên khắp thế giới, trong đó có lao động cưỡng bức, nô lệ tình dục, buôn bán nội tạng, bắt cóc...

Tuy nhiên, chỉ có khoảng 50.000 nạn nhân mua bán người được phát hiện, trong khi số tội phạm bị xử lý chỉ ở mức 3.500 trong số khoảng 510 đường dây buôn người trên toàn cầu. Trong số nạn nhân này, gần một nửa là phụ nữ, và gần 20% là trẻ em gái.

Đại dịch COVID-19 đã làm trầm trọng thêm và tạo ra các lỗ hổng cho nạn mua bán người như tạo thêm bất ổn, nghèo đói, khiến các nhóm dễ bị tổn thương dễ trở thành các con mồi của các tổ chức tội phạm. Đại dịch khiến các nạn nhân giảm 73% khả năng tiếp cận các dịch vụ y tế, 70% khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội, 63% khả năng tiếp cận các trợ giúp pháp lý. Báo cáo của UNODC trích dẫn thống kê từ 1 tổ chức nhân quyền, số vụ mua bán người tại Mỹ trong giai đoạn dịch COVID-19 đã tăng 185% so với trước đó.

Những năm gần đây, khu vực châu Á - Thái Bình Dương, nhất là các nước Tiểu vùng sông Mekong (trong đó có Việt Nam), tình hình tội phạm mua bán người rất phức tạp. Số nạn nhân bị mua bán khoảng là 11,7 triệu người, trong đó 55% là phụ nữ và trẻ em gái; 45% là nam giới.

Do siêu lợi nhuận thu được từ hoạt động mua bán người; tình trạng mất cân bằng về giới và các tác động khác, các hoạt động mua bán người ở Việt Nam cũng vì thế mà gia tăng về số vụ và tính chất phức tạp. Gần 85% số vụ mua bán người ra nước ngoài, tập trung chủ yếu qua các tuyến biên giới giữa Việt Nam với Campuchia, Lào và Trung Quốc, trong đó, sang Trung Quốc chiếm 75%. Gần 85% số vụ mua bán người ra nước ngoài, tập trung chủ yếu qua các tuyến biên giới giữa Việt Nam với Campuchia, Lào và Trung Quốc, trong đó, sang Trung Quốc chiếm 75%.



(Nguồn: ảnh internet)

Nhiều thủ đoạn tiếp cận, lừa đảo tinh vi của các đường dây tội phạm

Kể từ năm 2011, Việt Nam đã có Luật phòng chống mua bán người, các quy định để xử lý loại tội phạm nguy hiểm và phi nhân tính này. Cơ quan chức năng cũng nỗ lực trong việc ngăn chặn và xử lý nghiêm các vụ việc mua bán người. Tuy nhiên, việc đi lại giữa các quốc gia, các châu lục ngày càng mở rộng như hiện nay một mặt tạo điều kiện thúc đẩy các hoạt động giao thương, du lịch ngày càng thuận lợi; mặt khác nó cũng khiến cho hoạt động mua bán người ngày càng trở nên tinh vi và phức tạp, khó đối phó.

Phần lớn nạn nhân bị lừa bán sang Campuchia thời gian gần đây đều thông qua mạng xã hội. Các đối tượng sử dụng thông tin giả để dụ dỗ, tạo lòng tin, lừa gạt nạn nhân. Nhẹ dạ với lời hứa việc nhẹ, lương cao, nhiều người vượt biên trái phép, tự nạp mình cho đường dây tội phạm.

Phần lớn nạn nhân bị lừa bán sang nước ngoài thời gian gần đây đều thông qua mạng xã hội. Họ vừa là nạn nhân, vừa vi phạm pháp luật. Việc giải cứu họ khỏi những "miệng hổ tử thần" vì thế tùy thuộc rất nhiều vào sự phối hợp của lực lượng chức năng sở tại.

(...) Việc điều tra, xử lý các đối tượng theo đúng tội danh mua bán người cũng không đơn giản. Bởi các đối tượng sử dụng những thủ đoạn tiếp cận, lừa đảo, tổ chức mua bán tinh vi, lại diễn ra trên nước khác.

(<https://vtv.vn/xa-hoi/nan-buon-ban-nguoi-tu-bay-viec-nhe-luong-cai-den-nap-minh-cho-toi-pham-2022073011291047.htm>)

Trả lời các câu hỏi sau:

Câu 1: Văn bản trên cung cấp cho người đọc thông tin cơ bản gì?

Câu 2: Chỉ ra các yếu tố hình thức trong văn bản trên.

Câu 3: Lí giải ý nghĩa nhan đề của văn bản.

Câu 4: Xác định một trích dẫn trong văn bản và cho biết tác dụng của cách trích dẫn đó.

Câu 5: Nhận xét thái độ, quan điểm của người viết đối với nạn buôn người?

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) làm rõ những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ sau:

Bữa nay lạnh, mặt trời đi ngủ sớm;
Anh nhớ em, em hỡi! Anh nhớ em.
Không gì buồn bằng những buổi chiều êm.
Mà ánh sáng đều hòa cùng bóng tối.
Gió lướt thướt kéo mình qua cỏ rỗi;

Vài miếng đêm u uất lẫn trong cảnh.
Mây theo chim về dãy núi xa xanh;
Từng đoàn lớp nhíp nhàng và lặng lẽ.
Không gian xám tưởng sắp tan thành lệ.

(Trích *Tương tư chiều* - Xuân Diệu)

Câu 2 (4,0 điểm)

Viết 21 bài học cho thế kỉ XXI, nhà sử học người Israel, Yuval Noah Harari cho rằng: ***Trong vài ngàn năm, các triết gia và nhà tiên tri đã thúc giục mọi người phải biết mình. Nhưng lời khuyên này chưa bao giờ cấp thiết như trong thế kỉ 21.*** (Theo 21 bài học cho thế kỉ XXI, Yuval Noah Harari, NXB Thế giới 2020, tr. 328-329)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về vấn đề trên.

----- **Hết** -----

ĐỀ 48
(Đề gồm 03 trang)

ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT
THEO CẤU TRÚC MINH HỌA
MÔN: NGỮ VĂN

(Thời gian làm bài: 120 phút; Không kể thời gian phát đề)

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản dưới đây:

CHỢ TÌNH KHAU VAI

(1) Chợ tình Kha Vai thuộc xã Kha Vai, huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang. Đây là một phiên chợ tình độc đáo của Việt Nam nói riêng và thế giới nói chung.

(2) Mới 3 giờ chiều ngày 26/3 (âm lịch), phiên chợ Kha Vai nằm trong làng người Nùng, trong một thung lũng khá rộng và bằng phẳng đã chật người. Đủ màu sắc phục trang của các dân tộc H'Mông, Dao, Giáy, Tày, Nùng... khiến cả phiên chợ cứ rực lên như rừng hoa chuối. Các cô gái, chàng trai thậm chí cả người già, người trung tuổi ai nấy đều không giấu nổi được nét rạo rực, bồn chồn trên khuôn mặt, trong bộ quần áo mới phẳng phiu, có lẽ đã được dành cất cả năm đến phiên chợ trọng đại này mới đem ra dùng.

(3) Từ ngày hôm trước, lều quán đã được dựng khắp thung lũng nhưng nhiều nhất vẫn là những quán rượu ngô, thắng cố, nơi dừng chân đầu tiên của những cặp tình nhân trẻ cũng như già, mới cũng như cũ. Và cũng ngay từ chiều hôm trước, nhiều cặp vợ chồng, tình nhân vì đường xa, đã “xôi dầm, ngô nắm” lên yên ngựa hoặc thong thả theo đường núi cho kịp chợ tình trong tiếng khèn, tiếng sáo réo rắt suốt ngày đêm không tắt trên các triền núi xa xa dẫn đến Kha Vai ngày chợ.

(4) Cuộc sống ở vùng cao thường rất buồn tẻ. Cả năm mới có một phiên chợ, lại là phiên chợ tình, bởi vậy, có nhiều gia đình cả bố, mẹ, con dâu, con trai dắt díu nhau đến chợ vui như trảy hội. Thậm chí có nhiều cặp vợ chồng lấy nhau từ hơn chục năm nay, đã có với nhau bốn mặt con và sống cách chợ Kha Vai gần hai ngày đường cũng lặn lội đến đây tìm niềm vui...

(5) Bóng chiều chạng vạng bắt đầu đổ xuống thung lũng Kha Vai trong thanh âm nhộn nhịp tiếng nói cười, đi lại, gọi nhau và cả tiếng lục lạc, vó ngựa của phiên chợ lúc nào cũng nhộn nhịp đông vui nhất. Đó đây trong các lều quán bắt đầu xuất hiện các cặp tình nhân ngồi sát bên nhau, vừa chụm đầu trò chuyện vừa nhắm thức ăn và... uống rượu. Rượu được rót tràn bát, như tình cảm của người vùng cao lúc nào cũng lai láng không bến bờ. Họ uống cho ngày gặp lại sau một năm xa cách, có thể đắng đắng, đầy nhớ nhung, đến khi nào

không thể uống và không nên uống nữa, họ sẽ dắt tay nhau ra ngọn núi phía xa kia để tự tình thâm đến sáng mới trở về với vợ, chồng mình.

(6) Những người già nhất xã Khau Vai bây giờ cũng không ai biết chợ tình Khau Vai có từ bao giờ. Chỉ biết rằng, từ lúc còn để chòm họ đã thấy có chợ tình rồi. Truyền thuyết bắt nguồn phiên chợ là câu chuyện tình của một người con trai H'Mông và một người con gái Giáy yêu nhau. Song, tình yêu của họ đã gây ra hiềm khích giữa hai bộ tộc. Để tránh cuộc đối đầu đẫm máu, họ buộc phải rời xa nhau. Tuy nhiên, chàng trai và cô gái thề nguyện rằng, dù không lấy được nhau và phải lập gia đình với người khác thì mỗi năm họ sẽ gặp nhau một lần vào đêm 26/3 tại chợ Khau Vai bây giờ. Chợ tình Khau Vai được hình thành từ đó, mới đầu chỉ là nơi hẹn hò của những người đã lỡ dở tình duyên với nhau và là đêm chợ truyền thống của người dân tộc H'Mông nhưng sau đó được các dân tộc khác hưởng ứng. Đến bây giờ Khau Vai đã trở thành phiên chợ hẹn hò, tìm kiếm tình yêu của tất cả mọi người từ thanh niên cho đến người đã có gia đình.

(7) Phiên chợ tình Khau Vai càng về đêm càng trở nên sôi lắng, chỉ có tiếng trò chuyện thì thầm và tiếng khèn, tiếng hát réo rắt gọi bạn tình vang lên từ những ngọn núi, đôi xa xa. Du khách đầu một lần đến với chợ tình Khau Vai hẳn sẽ không quên được những phút giây đầy thi vị này.

(Nguồn: Theo Lễ hội văn hoá và du lịch Việt Nam, NXB Lao Động, 2009, tr.131-133)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản?

Câu 2. Hãy chỉ ra bố cục của văn bản?

Câu 3. Tại sao tác giả lại cho rằng chợ tình Khau Vai là phiên chợ tình độc đáo?

Câu 4. Sau khi đọc văn bản trên anh/chị suy nghĩ như thế nào về vai trò của Chợ tình Khau Vai đối với đời sống của cộng đồng các dân tộc sinh sống trên vùng cao nguyên đá?

Câu 5. Bài học ý nghĩa nhất mà anh/chị rút ra khi đọc văn bản trên là gì?

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) làm rõ chủ đề của đoạn trích sau:

(...)

Con bé Em cười tủm tỉm khi nghĩ tới cái áo đầm màu hồng mà má nó mới mua cho:

- Tết này, mình mà mặc cái áo đó đi chơi, đẹp như tiên cho mà coi.

Nó nghĩ và nó muốn chia sẻ với con Bích, bạn nó.

Con Bích ở trong hẻm, nhà nó nghèo, má nó đi bán bắp nướng ngoài đầu hẻm, con bé Em thích con Bích vì nó hiền, với lại ngồi kế nhau từ lớp một tới lớp năm, làm sao mà không

thân cho được. Hôm hai mươi sáu, học buổi cuối năm, hai đứa nôn Tết quá trời nên tính trước, nếu mừng một con bé Em đi về ngoại thì mừng hai hai đứa đi tới nhà cô giáo. Bây giờ con bé Em tính trong đầu, tới bữa đó chắc nhiều bạn nữa, cho nên nó sẽ mặc cái áo đầm mới thất nơ, bầu viền kim tuyến cho tụi bạn lé con mắt luôn.

Con Bích đang ngồi nướng bắp thế cho má nó đi xách cặn cho heo. Bé Em muốn khoe liền nhưng bày đặt nói gièm:

- Còn mấy ngày nữa Tết rồi hen, mày có đồ mới chưa?

- Có, má tao đưa vải cho cô Ba thợ cắt rồi, má tao nói gần Tết đồ nhiều, dồn đóng, chắc tới hai mươi tám mới lấy được.

- Vậy mày được mấy bộ?

- Có một bộ hà.

Con bé Em trợn mắt:

- Ít quá vậy?

- Con Út Mót với Con Út Hết được hai bộ. Tao lớn rồi, nhường cho tụi nó.

- Vậy à?

Bé Em mát hứng hân, nó lạng khựng nửa muốn khoe, nửa muốn không.

Nhưng rõ ràng là con Bích không quên nó:

- Còn mấy?

- Bốn bộ. Má tao mua cho đủ mặc từ mừng một tới mừng bốn, bữa nào cũng mặc đồ mới hết trơn. Trong đó có bộ đầm hồng nổi lắm, hết sảy luôn.

- Mày sướng rồi.

Con Bích nói xong vẫn cười nhưng mắt nó xịu xuống, buồn hân. Nhà nó nghèo, sao bì được với nhà con bé Em. Hồi nhỏ nó chuyên mặc áo con trai của anh hai nó để lại. Áo nó thì chuyền cho mấy đứa em, tới con Út Hết là đồ đã cũ mềm, mỏng tang, kéo nhẹ cũng rách. Được cái mấy chị em nó biết thân, lo học chớ không so đo chuyện cũ mới. Má nó nói hoài: “Nhà mình nghèo quá hà, ráng vài năm nữa, khá giả rồi má sắm cho”. Con bé Em nhìn con Bích lom lom rồi cúi xuống, trở trở trái bắp nướng:

- Bộ đồ mày may chắc đẹp lắm, bữa mừng hai mày mặc bộ đó đi nhà cô hen?

Rồi tới mừng một, mừng hai, bé Em lại rủ con Bích đi chơi. Hai đứa mặc đồ hơi giống nhau, chỉ khác là con Bích mặc áo trắng bầu sen, con bé Em thì mặc áo thun có in hình mèo bự. Cô giáo tụi nó khen:

- Coi hai đứa lớn hết trơn rồi, cao nhòng.

Hai đứa cười. Lúc đó con bé Em nghĩ thầm, mình mà mặc bộ đầm hồng, thế nào cũng mát vui. Bạn bè phải vậy chớ. Đứa mặc áo đẹp, đứa mặc áo xấu coi gì được, vậy sao coi là

bạn thân. Nhưng Bích lại nghĩ khác, bé Em thương bạn như vậy, tốt như vậy, có mặc áo gì Bích vẫn quý bé em. Thiệt đó.

(*Áo Tết*, Nguyễn Ngọc Tư,
in trong *Bánh trái mùa xưa*, NXB Văn học)

Câu 2 (4,0 điểm)

Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) về *sự cần thiết của tình thân hợp tác trong cuộc sống*.

----- **Hết** -----

ĐỀ 49

(Đề gồm 03 trang)

**ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT
THEO CẤU TRÚC MINH HỌA
MÔN: NGỮ VĂN**

(Thời gian làm bài: 120 phút; Không kể thời gian phát đề)

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)**Đọc văn bản sau:****CHUYẾN DU HÀNH VỀ TUỔI THƠ**

“Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ” như một chuyến tàu đưa ta trở về với tuổi thơ. Ta vừa vui sướng khi gặp lại hình ảnh của chính ta ngày thơ bé vừa bồi hồi vì những ngày tháng ấy sao mà xa xôi quá!

1. Với “Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ”, Nguyễn Nhật Ánh đã trao tận tay độc giả chiếc vé quý giá trở về những ngày ấu thơ xa vắng, cùng sống lại với những kỉ niệm tinh khôi, cùng đắm mình trong dòng suối mát của những năm tháng thiếu thời vô lo nghĩ. Một cuốn sách đáng đọc “cho tất cả những ai đã từng là trẻ con”.

2. Cuốn sách là lời tự thuật của cả Mùi bé và Mùi lớn, một là cậu bé tám tuổi tinh nghịch, lấm đề, hai là người đàn ông trải đời, biết suy nghĩ. Xuôi theo dòng hồi tưởng của Mùi về những năm tháng quá khứ, người đọc có dịp được tham gia vào thế giới đầy màu sắc của Mùi và những người bạn – Hải cò, con Tún và Tí sún. Ở đó không có những nỗi lo thường trực về vật chất, cũng chẳng có những rạn vỡ đau đớn về tinh thần, có chăng cũng chỉ là những nỗi buồn băng quơ khi trốn học đi chơi bất thành, khi bị cha mẹ la mắng và cùng lắm là ê ẩm mình mẩy khi bị phết nhẹ mấy roi vào mông.

Mỗi ngày mới trong thế giới kỳ diệu kia, lạ lùng thay, lại đều bắt đầu bằng những lời than thở: “Một ngày, tôi chợt nhận thấy cuộc sống thật là buồn chán và tẻ nhạt”. Tuy nhiên, cái tẻ nhạt và buồn chán ấy không phải là cảm giác vô vị, bất lực trước cuộc đời mà nó thuần túy chỉ là vẻ chán ngán bởi phải thực hiện hàng tá những hành động lặp đi lặp lại: tỉnh giấc, ăn sáng, đi học, ngủ trưa, đi học rồi lại học bài, đi ngủ và tỉnh giấc. Bởi vậy, cậu chàng quyết định sẽ lấp đầy những ngày buồn tẻ bằng những “phi vụ” nghịch ngợm mà cũng hết sức đáng yêu. Bắt đầu từ trò chơi giả bộ làm phụ huynh, rồi tới việc đặt tên đồ vật bằng những cái tên chẳng-liên-quan-tạo-nào, chưa kể tới việc xới tung cả khu vườn để lùng tìm một thùng báu vật không có thật, nuôi nấng một đàn chó hoang, hay thậm chí là mở cả tá phiên tòa để “xét xử” tội danh người lớn.

3. Từng câu chữ, từng trang viết trong “Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ” đều thấm đượm dư vị ngọt ngào của những ngày tám bé, đều phảng phất hương thơm dịu ngọt của những kỷ

niệm đẹp dễ khó có thể phai mờ, khiến người đọc không khỏi bật cười thích thú. Đọc cuốn sách này, ta vừa vui sướng khi bắt gặp hình ảnh của chính bản thân ta, vừa ngỡ ngàng vì những tháng ngày xưa nhìn vậy sao mà xa xôi quá.

4. “Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ” thực sự là một tác phẩm nhỏ xinh cho những ai mong muốn được trở về những ngày tháng xưa, được lắng đọng vài giây để chiêm nghiệm về quá trình trưởng thành của mỗi con người.

(Trần Mạnh Cường, nguồn: nxbtre.com.vn)

Câu 1. Văn bản trên có sự kết hợp giữa các phương thức biểu đạt nào? (0,5 điểm)

Câu 2. Văn bản trên được trình bày theo cách thức nào?

Câu 3. Nhận xét về các đặt nhan đề của tác giả?

Câu 4. Mục đích của tác giả khi viết văn bản trên là gì? (1,0 điểm)

Câu 5. Bạn có cảm nghĩ như thế nào về quyển sách sau khi đọc văn bản trên? (Viết khoảng 5 – 7 dòng)

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) nêu cảm nhận về hình ảnh *dấu chân* và *trắng cỏ* trong bài thơ:

DẤU CHÂN QUΑ TRẮNG CỎ

Thanh Thảo

Buổi chiều qua trắng cỏ voi	Chiếc bóng con đưng những gì
Ngước nhìn mút mắt khoảng trời long lanh	Mà đi cuối đất mà đi cùng trời
Gió nghiêng ngả giữa màu xanh	Mang bao khát vọng con người
Tiếng bày chim kết bồng thành mênh mang	Dấu chân nho nhỏ không lời không tên
	Thời gian như cỏ vượt lên
Lối mòn như sợi chỉ giăng	Lối mòn như sợi chỉ bền kéo qua
Còn in đậm đặc vô vàn dấu chân	Ai đi gần ai đi xa
Dấu chân ai đọc nên vằn	Những gì gọi lại chỉ là dấu chân.
Nên nào ai biết đi gần đi xa.	
Cuộc đời trải mút mắt ta	Vùi trong trắng cỏ thời gian
Lối mòn nhỏ cũng dẫn ra chiến trường	Vẫn âm thầm trải mút tầm mắt ta
	Vẫn đầm hơi ẩm thiết tha
Những người sốt rét đang con	Cho người sau biết đường ra chiến trường...
Dấu chân bấm xuống đường trơn, có nhoè?...	

(Trương Sơn - *đường khát vọng*, NXB Chính trị quốc gia, 2009)

Câu 2 (4,0 điểm)

Rất lâu trước điện thoại thông minh, Anber Anhxtanh từng tuyên bố “*Tôi sợ một ngày nào đó công nghệ sẽ lấn át sự tương tác của con người. Thế giới sẽ có một thế hệ những kẻ ngốc*”

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về nhận định trên của Anber Anhxtanh?

----- **Hết** -----

ĐỀ 50*(Đề gồm 04 trang)***ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT****THEO CẤU TRÚC MINH HỌA****MÔN: NGỮ VĂN***(Thời gian làm bài: 120 phút; Không kể thời gian phát đề)*

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)**Đọc văn bản sau:****BỨC TRANH ĐẶC ĐIỂM TÂM LÝ GEN Z**

Chủ trương sống của Gen Z bây giờ bên cạnh hướng đến những giá trị thực tế cũng hướng đến việc đi tìm kiếm hạnh phúc. Vì vậy, đây cũng là một vấn đề họ quan tâm tìm đọc.

Thanh niên thế hệ Z là những người sinh ra trong giai đoạn 1997 đến 2006. Đây là độ tuổi bao gồm chủ yếu là học sinh THPT, sinh viên và một số người mới đi làm. Gen Z về cơ bản có bố mẹ thuộc thế hệ Gen X (sinh ra trong khoảng thời gian từ 1965 – 1980).

Theo một số nghiên cứu của các tác giả như Arora và cộng sự 2019; Chillakuri, 2020; Desjardins, 2019; Dimmock, 2019; Dwivedula và cộng sự (2019) chúng ta có thể tổng hợp nhìn vào bức tranh đặc điểm tâm lý của Gen Z với 9 điểm đặc trưng như sau:

Thứ nhất, Gen Z sinh ra trong nền kinh tế thị trường, khi khoảng cách bất bình đẳng về thu nhập ngày càng lớn nên họ luôn có động lực về kinh tế, quan tâm lớn đến tư duy tài chính từ khi còn nhỏ. GenZ thực dụng và thực tế hơn, tham gia kiếm tiền sớm hơn. Họ không còn quá coi trọng học đại học so với thế hệ trước đây.

Hình tượng về một con người thành đạt và giỏi giang luôn là hình ảnh giàu sang. Gen Z hiện bị ảnh hưởng và định hướng lớn bởi tinh thần doanh nhân khởi nghiệp, họ có mong muốn trở thành doanh nhân, cho rằng làm giàu là vinh quang. Chính vì vậy, dự báo là Gen Z có nhu cầu tìm đọc các tài liệu liên quan đến tư duy tài chính từ sớm hơn.

Thứ hai, với thế hệ Gen Z, tỉ lệ sinh ít hơn, nhiều gia đình chỉ có một con, cấu trúc gia đình trở nên gãy vỡ - cha mẹ bận việc, không có thời gian quan tâm con; sân chơi vật lý bị thu hẹp – ích kỷ hơn, ít gắn bó với cha mẹ và ít coi trọng giá trị gia đình. Vì vậy, Gen Z là những tôn sùng chủ nghĩa cá nhân hơn, thích thể hiện cá tính bản sắc độc đáo của bản thân. Họ tự lập tự chủ nhiều hơn, nhưng sống cũng hiện sinh hơn, sống tập trung vào hiện tại.

Thứ ba, thế hệ Gen Z sinh ra vốn đã là công dân số, họ thoải mái kết nối trên các nền tảng mạng xã hội (MXH) – nghiện MXH nhiều hơn, gặp nhiều rủi ro trên MXH cũng nhiều hơn. Ngoài giờ học, điện thoại/ipad là thứ đồ chơi công nghệ phổ biến và gần gũi nhất. Nhiều người cho rằng giới trẻ hiện tương tác 3 - 4 màn hình cùng lúc.

Vì vậy Gen Z tiếp cận và tiêu thụ thông tin nhanh và nhiều hơn (tuy nhiên việc xử lý thông tin cũng vì vậy mà được dành ít thời gian hơn). Thói quen làm việc đa nhiệm, và tốc độ dẫn đến văn hóa đọc lướt tăng, đọc nghiền ngẫm đi xuống. Kỹ năng viết ngày càng kém vì đã quen với việc gõ bàn phím trên mạng.

Bộ phận lớn Gen Z chưa ý thức về bảo mật thông tin, sẵn sàng chia sẻ thông tin khắp các nền tảng MXH, sẵn sàng đánh đổi rủi ro thông tin lấy những phần thưởng ảo trên mạng. Vì vậy nên có thể Gen Z thích đọc các tài liệu số hơn là các tài liệu giấy truyền thống.

Việc đọc bây giờ giới trẻ không thích đọc chữ mà đọc biểu tượng và hình ảnh, không thích đọc bằng mắt mà nghe bằng tai sách nói.

Thứ tư, phụ huynh của Gen Z chủ yếu là Gen X với nhiều người được hấp thụ nền văn hóa phương Tây và tạo nên một tầng lớp trung lưu mới... Gen X đầu tư rất nhiều vào giáo dục cho con cái (gen Z). Có những thống kê cho thấy họ thậm chí dành 70-80% tiền tiết kiệm cho giáo dục của con cái, xu hướng tìm kiếm giáo dục chất lượng nhưng không tin nhiều vào giáo dục nội địa. Họ tìm đọc các lý thuyết và tài liệu nước ngoài.

Bản thân Gen Z bây giờ cũng không còn thích học hàn lâm nữa mà học theo kiểu “cầm tay chỉ việc”(on job training)... Nên Gen Z thích đọc về các kỹ năng cụ thể, hướng dẫn để làm việc được luôn, kiếm tiền được ngay như học các thủ thuật, các mẹo, học kỹ năng nghề dịch vụ, làm đẹp...

Thứ năm, thế hệ Gen Z quan tâm và lo lắng nhiều hơn về vấn đề an ninh phi truyền thống (như an ninh lương thực, an ninh khí hậu, an ninh biển đảo...). Hiện giới trẻ bắt đầu thử các cách sống khác nhau như “sống xanh”, “sống tối giản”, “sống độc thân”, “sống thực dưỡng”, ăn kiêng Keto, sống chậm, trở về với thiên nhiên, coi chạy như là lễ sống....

Họ thích sống với lối sống YOLO (you only live once) - bạn chỉ sống có một lần. Vì thế có lẽ Gen Z sẽ có xu hướng tìm đọc hoặc sở hữu những tác phẩm thể hiện quan điểm phong cách sống như một cách khẳng định bản thân.

Thứ sáu, niềm tin của Gen Z về các vấn đề tín ngưỡng tôn giáo cũng cởi mở và đa dạng hơn, quan tâm nhiều hơn về các vấn đề thời sự của đất nước hơn (Ví dụ các vấn đề chung toàn cầu, ý thức về biến đổi khí hậu, rác thải...). Gen Z cũng coi trọng sự khác biệt, ủng hộ hôn nhân đồng giới, ủng hộ chuyển giới, ủng hộ sống thử, hẹn hò qua tinder, chấp nhận lối sống độc thân nhiều bạn tình.... Những vấn đề này cũng là những chủ đề được Gen Z quan tâm tiếp cận.

Thứ bảy, thế hệ Gen Z cũng đang gặp nguy cơ cao hơn về tổn thương sức khỏe tâm thần (20-30%) vì ngày ngày phải xử lý một lượng thông tin quá tải. Họ cũng đối diện với nhiều áp lực hơn từ lạm dụng chất kích thích, bạo lực học đường, áp lực bạn bè, cạnh tranh việc làm, ly hôn và nghèo đói, bạo lực, khó chịu và bệnh mãn tính, sự bất định của cuộc sống.

Nỗi sợ thất bại trong cuộc đời của thanh niên chưa bao giờ nhiều như hiện nay. Luôn có nỗi sợ FOMO và FOLO (Fear of missing out và fear of living offline). Họ luôn sợ bị bỏ lỡ việc gì đó vui vẻ, cảm thấy cuộc sống nhạt nhẽo khi bị ngắt khỏi mạng internet. Chính vì vậy, họ cũng quan tâm hơn nhiều đến các lĩnh vực tâm lý, sức khỏe tâm thần và các tác phẩm nổi tiếng về chủ đề này.

Thứ tám, với Gen Z, dường như khẳng định về diện mạo bên ngoài là một nỗi ám ảnh. Họ bị ảnh hưởng nhiều hơn bởi người nổi tiếng, bởi dòng phim Hàn quốc trên truyền hình, xu hướng thích đồ hiệu theo trend. Thương hiệu giờ là khẳng định đẳng cấp; nhu cầu sử dụng đồ độc bản vì vậy họ có xu hướng chi tiêu cho những thứ làm nổi bật cá tính qua hình thức bên ngoài ngày càng nhiều. Và các cuốn sách cũng có thể được sở hữu không phải vì nội dung kiến thức mà vì một “phong cách” mà nó mang lại.

Thứ chín, những giá trị mà Gen Z coi trọng là trung thành, nhân ái, chu đáo, cởi mở, có trách nhiệm, quyết đoán, yêu nước và biết ơn. Nhưng thứ hạng của các giá trị cuộc sống được sắp xếp gồm thành công của bản thân, sức khỏe của thành viên gia đình, những vấn đề chung của thế giới như sống xanh, môi trường và sự phát triển bền vững và cuối cùng là đóng góp cho quê hương.

Chủ trương sống của Gen Z bây giờ bên cạnh hướng đến những giá trị thực tế cũng hướng đến việc đi tìm kiếm hạnh phúc. Vì vậy, đây cũng là một vấn đề họ quan tâm tìm đọc.

Thế hệ Z là những công dân số sống và học tập trong một không gian công nghệ tiên tiến có khả năng mở rộng các cơ hội truy cập thông tin không giới hạn. Điều này cũng ảnh hưởng đến thói quen và đặc điểm của họ đối với việc đọc đặc biệt là đọc sách.

Sự chú ý của gen Z ngày càng trở nên ngắn hơn, họ có xu hướng tìm kiếm những thông tin hấp dẫn về mặt hình ảnh hơn là âm thanh hay con chữ, được cá nhân hóa theo sở thích.

(PGS.TS Trần Thành Nam - Trường Đại học Giáo dục,
ĐH Quốc gia Hà Nội)

Trả lời các câu hỏi sau:

Câu 1. Xác định thể loại của văn bản trên.

Câu 2. Đề đưa ra được 9 đặc điểm tâm lý của gen Z, tác giả bài viết đã dựa vào những nghiên cứu nào?

Câu 3. Việc tác giả cung cấp các đặc điểm tâm lý của gen Z và phân tích từng đặc điểm nhằm mục đích gì?

Câu 4. Cách trình bày dữ liệu và thông tin được thể hiện theo cấu trúc nào? Nhận xét về hiệu quả của các cách trình bày đó.

Câu 5. Viết đoạn văn khoảng 10 – 12 câu, trình bày quan điểm của em về vấn đề được đề cập trong bài viết: “Gen Z thực dụng và thực tế hơn, tham gia kiếm tiền sớm hơn. Họ không còn quá coi trọng học đại học so với thế hệ trước đây.”

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày quan niệm về Đất nước của nhà thơ Thanh Thảo trong đoạn thơ sau:

<i>với những thằng con trai mười tám tuổi</i>	<i>không thể chết vì tiền bạc</i>
<i>đất nước là nhịp tim có thể khác thường</i>	<i>chúng tôi lạ xa với những tin tưởng điên</i>
<i>là một làn mây mỏng đến băng khuâng</i>	<i>cuồng</i>
<i>là mùi mồ hôi thật thà của lính</i>	<i>những liều thân vô ích</i>
<i>đôi khi là một giọng nữ cao nghe từ Hà Nội</i>	<i>đất nước đẹp mênh mang</i>
<i>hay một bữa cơm rau rừng</i>	<i>đất nước thấm tự nhiên đến tận cùng máu</i>
<i>chúng tôi không muốn chết vì hư danh</i>	<i>thịt</i>
	<i>chỉ riêng cho Người, chúng tôi dám chết</i>

(Trích “Thử nói về hạnh phúc”, Thanh Thảo)

Câu 2 (4,0 điểm)

Nhà thơ Nguyễn Quang Thiều đã từng tâm sự:

“Có không ít người già đi mà không lớn lên được. Chúng ta không phải làm gì, cứ ngồi yên một chỗ thì vẫn già đi mỗi ngày. Nhưng để lớn thêm được một chút là chúng ta phải sống đến tận cùng trong mọi nghĩa”. (Một lời thú nhận)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về quan niệm sống trên?

----- Hết -----

PHẦN 2

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

ĐỀ 1
(Gồm 05 trang)

HƯỚNG DẪN CHĂM LUYỆN THI TỐT NGHIỆP
THPT THEO CẤU TRÚC MINH HỌA
MÔN: NGŨ VĂN

Phần	Câu/Ý	Nội dung trình bày	Điểm
I	ĐỌC		4,0
	1	Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên là: Nghị luận	0,5
	2	Từ “ <i>thuồng</i> ” trong câu: <i>Ai có guom dùng guom, không có guom thì dùng cuốc, thuồng, gậy gộc</i> là thuộc loại từ: Danh từ (dụng cụ đào đất gồm một lưỡi sắt nặng, hơi uốn lòng máng, lắp vào cán dài)	0,5
	3	Câu văn: <i>Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc.</i> Biện pháp tu từ: Liệt kê: <i>đàn ông, đàn bà, người già, người trẻ, tôn giáo, đảng phái, dân tộc.</i> Tác dụng: biện pháp liệt kê nói lên sứ mệnh thiêng liêng của mỗi người đối với đất nước, không phân biệt con người cụ thể. Điều quan trọng mọi người có tinh thần yêu nước, đồng lòng chống giặc ngoại xâm bảo vệ đất nước.	1,0
	4	Xác định vấn đề nghị luận và các luận điểm chính của văn bản trên. - Vấn đề nghị luận: Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến - Luận điểm chính: + Nguyên nhân: Tình thế buộc chúng ta phải kháng chiến. + Giải pháp: kêu gọi toàn quốc kháng chiến, mọi người đồng lòng, đồng sức quyết tâm kháng chiến. + Tinh thần kháng chiến: niềm tin vào chiến thắng của dân tộc...	1,0

	5	Ý nghĩa Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh là: - Văn bản khẳng định khát vọng hòa bình, ý chí và quyết tâm sắt đá bảo vệ nền độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam. - Lời khẳng định đó là sự kết tinh của truyền thống hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam. => Có thể khẳng định, đây là lời hịch cứu nước, có tác dụng cổ vũ, thôi thúc và động viên toàn dân tộc nhất tề đứng lên đánh giặc. Lời hiệu triệu của Người là tiếng gọi thiêng liêng của non sông, đất nước, thôi thúc cả dân tộc bước vào cuộc chiến đấu chống thực dân Pháp xâm lược.	1,0
II	VIẾT		6,0
	1	Anh/Chị hãy viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) làm rõ đặc điểm chủ thể trữ tình trong văn bản Chôn quê - Nguyễn Khuyến:	2,0
		<i>a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng đoạn văn;</i> Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng-phân-hợp, móc xích hoặc song hành.	0.25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: làm rõ đặc điểm chủ thể trữ tình trong văn bản Chôn quê- Nguyễn Khuyến.</i>	0.25
		<i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận</i> - Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận, sau đây là một số gợi ý: Chủ thể trữ tình trong văn bản Chôn quê- Nguyễn Khuyến trong bài thơ là: + Nhà thơ tái hiện chân thực cuộc sống đói nghèo, cực nhọc, vất vả, lo toan bộn bề, mất mùa mà nộp tô thuế cho thực dân Pháp của người nông dân.	0,5

		+ Thể hiện sự thấu cảm, yêu thương của tác giả với những người dân tội nghiệp đó. + Đồng thời đó cũng là tiếng lòng cất lên lên án xã hội phong kiến bất công luôn chà đạp lên quyền sống con người. - Sắp xếp được hệ thống ý hợp lí theo đặc điểm bố cục của kiểu đoạn văn.	
		<i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu:</i> - Lựa chọn được các thao tác lập luận trong phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận: đặc điểm của chủ thể trữ tình thể hiện trong văn bản Chốn quê- Nguyễn Khuyến. - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng.	0,5
		<i>đ. Diễn đạt:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	0,25
		<i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
	2	Trì hoãn công việc là một thói quen không tốt. Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) thuyết phục mọi người từ bỏ thói quen này.	4,0
		a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài: <i>Nghị luận xã hội</i>	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: <i>thuyết phục mọi người từ bỏ thói quen trì hoãn công việc.</i>	0,5
		c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết: - Sắp xếp được cá ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận: * Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề. * Triển khai vấn đề nghị luận - Giải thích: Trì hoãn trong công việc: là kéo dài thời gian, là chần chừ, lè mè, rề rà, chưa muốn bắt tay vào	1,0

	làm ngay một công việc nào đó hoặc có tâm lí chờ và để một thời gian mới thực hiện. Đây là thói quen xấu mà rất nhiều người mắc phải. - Biểu hiện: Bỏ dở công việc giữa chừng, tránh né việc học, né tránh việc thay đổi bản thân... * Bàn luận, mở rộng - Những lí do để mọi người nên từ bỏ thói quen trì hoãn công việc: (Tác hại) - Tác hại với cá nhân: + Thói quen trì hoãn công việc làm nảy sinh tính bê trễ, thiếu kỉ luật, trách nhiệm với bản thân cũng như với công việc được giao, từ đó hình thành tâm lí ỷ lại, lười biếng. + Khiến chúng ta giậm chân tại chỗ, không hoàn thành nhiệm vụ đúng thời hạn, không đạt được những gì mình mong ước. + Trì hoãn khiến cho con người bỏ lỡ những cơ hội, những điều kiện tốt để phát triển và khẳng định giá trị của bản thân. - Tác hại với tập thể, xã hội: công việc của tập thể chậm tiến độ, khó hoàn thành mục tiêu đã đặt ra đúng hạn. Thói quen xấu này là lực cản, làm tụt lùi sự phát triển của xã hội. * Dự đoán lập luận của người có thói quen trì hoãn công việc - Người có thói quen trì hoãn công việc có thể đưa ra lời biện minh: Vì trong cuộc sống có thể có những điều bất thường xảy ra nằm ngoài dự tính; áp lực công việc, không có đủ thời gian để hoàn thành công việc nên phải tạm thời trì hoãn; còn nhiều thời gian nên chưa vội làm việc đó.. - Người viết có thể phản biện lại: Thời gian không chờ đợi ai. Chỉ khi bắt tay vào hành động thì ta mới tháo gỡ được những khó khăn và giải quyết được công việc, bạn phải có trách nhiệm với công việc đó.	
--	--	--

		* Làm thế nào để từ bỏ thói quen trì hoãn trong công việc? (Giải pháp) + Mỗi người cần học tập, tu dưỡng, rèn luyện kỹ năng, tiếp thu lĩnh hội kiến thức mới mẻ để không trì hoãn công việc mỗi khi thấy khó. Nỗ lực học hỏi, sáng tạo, giải quyết nhanh công việc, không để tồn đọng công việc sẽ gây ảnh hưởng đến người khác. + Hãy nghĩ tới tương lai, đích đến, cảm giác chinh phục được mục tiêu của mình sẽ rất tuyệt vời. + Và quan trọng là hãy bắt tay vào việc, đừng trì hoãn, vì nó phục vụ cuộc sống tương lai của bạn	
		d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau: - Triển khai được ít nhất 2 luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng. Lưu ý: Học sinh có thể trình bày quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	1,5
		đ. Diễn đạt: Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết trong văn bản.	0,25
		e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
		I+II	10,0

ĐỀ 2
(Gồm 04 trang)

HƯỚNG DẪN CHẤM LUYỆN THI TỐT NGHIỆP
THPT THEO CẤU TRÚC MINH HỌA
MÔN: NGỮ VĂN

Phần	Câu/Ý	Nội dung trình bày	Điểm
I	ĐỌC		4,0
	1	Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên là: Nghị luận	0,5
	2	Đoạn trích đã chỉ ra những hiện tượng nào trong cuộc sống bị người an phận thờ ơ: ô nhiễm môi trường, chặt phá rừng, tệ nạn xã hội, kẹt xe, tham nhũng...	0,5
	3	Hiểu về câu nói: <i>“Số phận đặt chúng ta vào chung một cộng đồng, gắn liền vận mệnh với nhau”</i> - Cộng đồng là một thể thống nhất các đối tượng (người, thực vật, động vật...) sống trong cùng một môi trường; đặc tính chung của cộng đồng được thể hiện theo những cách khác nhau với từng đối tượng cụ thể. - Do vậy, các thành viên trong cộng đồng luôn có những tương tác không tránh khỏi, những mối liên hệ tất nhiên hoặc ngẫu nhiên, trực tiếp hoặc gián tiếp, vận mệnh của họ, vì thế nhiều khi cũng có sự gắn kết không thể phủ nhận, chối bỏ.	1,0
	4	Câu văn sau: <i>“Thị dân an phận với văn phòng máy lạnh, nông dân an phận với đồng xanh, ngư dân an phận với biển cả, chúng ta luôn muốn an phận với những gì mình có và hạn chế tối đa việc “ăn cơm nhà vác tù và hàng tổng”</i> . Sử dụng các biện pháp tu từ sau: - Phép liệt kê: <i>nông dân, ngư dân, đồng xanh, biển cả...</i> - Phép điệp: điệp từ, điệp cấu trúc Tác dụng: các biện pháp tu từ trên, làm tăng thêm ấn tượng về cách sống đang mang tính phổ biến trong cộng đồng; và cách sống an phận thờ ơ vô cảm của một số người trong xã hội hiện nay...	1,0
	5	Học sinh có thể phát biểu một số ý nghĩa sâu sắc tiếp nhận từ đoạn trích và có lí giải hợp lí, sau đây là một số gợi ý:	1,0

		- Văn bản truyền tải thông điệp: Vì lợi ích của mỗi người và cộng đồng hãy chấm dứt cách sống thờ ơ, vô cảm. - Hãy biết trân quý những điều giản dị của cuộc sống, sống tích cực và ý nghĩa hơn....	
II		VIẾT	6,0
	1	Anh/Chị hãy viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) làm rõ đặc điểm chủ thể trữ tình trong văn bản Chạy giặc- Nguyễn Đình Chiểu:	2,0
		<i>a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng đoạn văn;</i> Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng-phân-hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i> làm rõ đặc điểm chủ thể trữ tình trong văn bản	0,25
		<i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận</i> - Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận, sau đây là một số gợi ý: + Chủ thể trữ tình trong văn bản Chạy giặc- Nguyễn Đình Chiểu trong bài thơ là nhà thơ tái hiện chân thực cảnh quê hương đang an bình thực dân Pháp đến tàn phá tan hoang, đau thương; + Tâm trạng đau đớn, xót xa trước cảnh nước mất nhà tan, kêu gọi những người có trách nhiệm đứng lên đánh giặc bảo vệ đất nước và thức tỉnh lòng yêu nước trong mỗi con người... - Sắp xếp được hệ thống ý hợp lí theo đặc điểm bố cục của kiểu đoạn văn.	0,5
		<i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu:</i> - Lựa chọn được các thao tác lập luận trong phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận: đặc điểm của chủ thể trữ tình thể hiện trong văn bản Chạy giặc- Nguyễn Đình Chiểu. - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý.	0,5

		- Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng.	
		<i>đ. Diễn đạt:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	0,25
		<i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
	2	Anh/Chị hãy viết bài nghị luận trình bày suy nghĩ về việc cố vũ tinh thần cho chính mình.	4,0
		a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài: <i>Nghị luận xã hội</i>	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: <i>thuyết phục mọi người từ bỏ thói quen trì hoãn công việc.</i>	0,5
		c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết: - Sắp xếp được cá ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận: * Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề. * Triển khai vấn đề nghị luận - Giải thích vấn đề nghị luận: Cố vũ tinh thần cho chính mình có thể hiểu là cách con người thể hiện những suy nghĩ, hành động tích cực nhằm truyền năng lượng, làm phần chấn tinh thần của bản thân trong cảnh huống khó khăn, thử thách. - Thể hiện quan điểm người viết có thể theo một số gợi ý sau: + Trong cuộc sống ta gặp phải khó khăn, thử thách, niềm vui, nỗi buồn, sự thất bại, thậm chí tuyệt vọng nên việc cố vũ tinh thần cho chính mình là cần thiết. + Cố vũ tinh thần cho chính mình chúng ta sẽ có được sự chủ động trong việc tự kiểm soát bản thân. + Người có khả năng cố vũ chính mình sẽ giảm được tác động tiêu cực, sự chi phối từ bên ngoài lên chính mình. + Sống lạc quan hơn, biết trân trọng giá trị của mình từ đó khơi dậy niềm tin, động lực phấn đấu trở nên tốt đẹp hơn.	1,0

		+ Việc vũ tinh thần cho chính mình góp phần giúp ta vượt lên khó khăn, khiến ta mạnh mẽ hơn trong mọi cảnh huống của cuộc sống. + Khi động viên bản thân mình cũng có khả năng truyền năng lượng tích cực, sự lạc quan đến người khác và lan tỏa điều tốt đẹp hơn. * Mở rộng, trao đổi với quan điểm trái chiều hoặc ý kiến khác để có cái nhìn toàn diện. - Tuy nhiên, trong cuộc sống không hẳn ai cũng có niềm lạc quan, tự cổ vũ tinh thần mình khi gặp khó khăn, thất bại, còn nhiều người chán nản bi quan, sống tiêu cực... Đó là cách sống cần thay đổi để mỗi chúng ta sống có nghĩa hơn. * Khẳng định lại quan điểm cá nhân đã trình bày và rút ra bài học cho bản thân.	
		<i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Triển khai được ít nhất 2 luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng. Lưu ý: Học sinh có thể trình bày quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	1,5
		<i>đ. Diễn đạt:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết trong văn bản.	0,25
		<i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
		I+II	10,0

ĐỀ 3
(Gồm 03 trang)

HƯỚNG DẪN CHẤM LUYỆN THI TỐT NGHIỆP
THPT THEO CẤU TRÚC MINH HỌA
MÔN: NGỮ VĂN

Phần	Câu	Nội dung trình bày	Điểm
I		ĐỌC	4,0
	1	Văn bản trên viết về lễ hội Lim, ở tại thị trấn Lim, Tiên Du, Bắc Ninh.	0,5
	2	Lễ hội Lim bao gồm hai phần Đó là phần lễ và phần hội.	0,5
	3	Trong văn bản liệt kê các trò chơi dân gian như <i>đấu võ, đấu vật, đấu cờ, đu tiên, thi dệt cửi, nấu cơm</i> trong hội Lim có ý nghĩa là: Nhấn mạnh đến những trò thi dân gian phong phú, đa dạng trong lễ hội Lim; gợi ra những nét đẹp văn hóa truyền thống dân tộc và phát huy những giá trị văn hóa của dân tộc.	1,0
	4	Kể tên một số lễ hội dân gian tiêu biểu của nước ta: Lễ hội Đền Hùng, Lễ hội chùa Hương, Hội chùa Keo, Hội hát Xoan Phú Thọ, Lễ hội Hoa Ban...	1,0
	5	Hs có thể chọn nội dung thông tin ấn tượng nhất trong văn bản và có lí giải phù hợp.	1,0
II		VIẾT	6,0
	1	Anh/Chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) làm rõ đặc điểm của nhân vật thần thoại trong văn bản Thần Lúa	2,0
		a. <i>Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng đoạn văn;</i> Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng-phân-hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		b. <i>Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i> làm rõ đặc điểm đặc điểm nhân vật thần thoại trong văn bản Thần Lúa	0,25
		c. <i>Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận</i> - Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận, sau đây là một số gợi ý: - Nhân vật là vị thần có khả năng phi thường, có thể thay đổi mọi thứ, nhằm thể hiện chủ đề văn bản.	0,5

		- Câu chuyện lí giải hoạt động trồng và thu hoạch lúa, Lễ cúng thần Lúa (Lễ cúng cơm mới). - Thông qua câu chuyện, dân gian mới gửi thông điệp: Phải biết nâng niu, trân trọng hạt lúa- sản phẩm của mồ hôi công sức lao động vất vả. - Sắp xếp được hệ thống ý hợp lí theo đặc điểm bố cục của kiểu đoạn văn.	
		<i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu:</i> - Lựa chọn được các thao tác lập luận trong phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận: đặc điểm của nhân vật thần thoại thể hiện trong văn bản thần Lúa. - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng.	0,5
		<i>đ. Diễn đạt:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	0,25
		<i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
	2	Hãy viết một bài nghị luận (khoảng 600 chữ) thuyết phục một người bạn từ bỏ một thói quen tùy tiện trong phát ngôn.	4,0
		a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài: <i>Nghị luận xã hội</i>	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: <i>thuyết phục mọi người từ bỏ thói quen tùy tiện trong phát ngôn.</i>	0,5
		c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết: - Sắp xếp được cá ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận: * Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề. * Triển khai vấn đề nghị luận - Giải thích: Tùy tiện trong phát ngôn là nói ra những điều chưa suy nghĩ kĩ, chưa xác thực làm tổn thương người khác. - Những biểu hiện của thói quen tùy tiện trong phát ngôn: + Không quan tâm tới thái độ của người nghe + Không suy nghĩ đến hậu quả lời nói	1,0

		+ Không chịu trách nhiệm về lời mình nói ra. - Tác hại của việc giữ thói quen: + Làm tổn hại danh dự bản thân + làm tổn thương người khác - Lợi ích của việc từ bỏ thói quen + Khiến bản thân trưởng thành hơn + Khiến bạn bè tôn trọng, yêu mến - Giải pháp để từ bỏ: + Suy nghĩ kĩ trước khi nói + Học tập cách giao tiếp văn minh, biết nói lời hay ý đẹp. + Chú ý đến thái độ của người nghe để “lựa lời”... * Mở rộng, trao đổi với quan điểm trái chiều hoặc ý kiến khác để có cái nhìn toàn diện.	
		<i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Triển khai được ít nhất 2 luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng. Lưu ý: Học sinh có thể trình bày quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	1,5
		<i>đ. Diễn đạt:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết trong văn bản.	0,25
		<i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
		I+II	10,0

ĐỀ 4
(Gồm 04 trang)

HƯỚNG DẪN CHĂM LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT
THEO CẤU TRÚC MINH HỌA
MÔN: NGỮ VĂN

Phần	Câu/Ý	Nội dung trình bày	Điểm
I	ĐỌC		4,0
	1	Thể loại của văn bản là: Sử thi	0,5
	2	Nhân vật chính trong văn bản trên là: Xing Nhã	0,5
	3	Đoạn văn: “<i>Xing Nhã quay khiên múa. Đất bụi bay mù mịt như mây trời tháng Bảy. Xing Nhã nhảy qua trái núi, lượn qua con suối, phăng qua đầu đèo, nhanh hơn bầy chim diều chim ó.</i>” - Biện pháp nghệ thuật: + So sánh: <i>Đất bụi bay mù mịt như mây trời tháng Bảy,</i> + Phóng đại: “<i>Xing Nhã quay khiên múa. Đất bụi bay mù mịt như mây trời tháng Bảy. Xing Nhã nhảy qua trái núi, lượn qua con suối, phăng qua đầu đèo, nhanh hơn bầy chim diều chim ó.</i>” - Tác dụng: + Các biện pháp tu từ trên làm tăng sức gợi hình, gợi cảm về việc múa khiên phi thường của nhân vật Xing Nhã. + Nhấn mạnh Xing Nhã là một anh hùng có sức mạnh phi thường vì anh có khả năng bảo vệ mọi người.	1,0
	4	Chủ đề của đoạn trích trên: Ca ngợi anh hùng Xing Nhã chiến đấu anh dũng, đòi lại công bằng bảo cho cha mẹ và mọi người.	1,0
	5	Thí sinh nêu ngắn gọn, hợp lí, sau đây là một số gợi ý: - Có thể khẳng định Xing Nhã là một anh hùng có sức mạnh phi thường vì anh có khả năng bảo vệ mọi người bằng chính sức lực của mình, gan dạ, dũng cảm, đánh thắng cái ác, bảo vệ cho công lí và chính nghĩa... - Sự tin tưởng, ca ngợi, tự hào về người anh hùng của đồng bào Tây Nguyên.	1,0

II	VIẾT	6,0
1	Anh/Chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) cảm nhận về con người Nguyễn Khuyến trong bài thơ khuyên học	2,0
	<i>a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng đoạn văn;</i> Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng-phân-hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
	<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i> làm rõ đặc điểm đặc điểm nhân vật thần thoại trong văn bản khuyên học	0,25
	<i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận</i> - Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận, sau đây là một số gợi ý: Nguyễn Khuyến là một nhà thơ tài năng, có cốt cách thanh tao. Cũng như các nhà nho đương thời khác, ông mang trong mình tư tưởng nam nhi chí ở bốn phương, lập công làm nên sự nghiệp, lập danh để lại tiếng thơm cho đời. Sự học đối với Nguyễn Khuyến là một điều vô cùng quan trọng. Chính vì vậy, để con cái được nên người, Nguyễn Khuyến cũng đã truyền cho con cái sự hiếu học, dùng lời thơ khuyên bảo nhẹ nhàng để con hiểu được tầm quan trọng của việc học, của công danh, sự nghiệp. Đây là nhận thức đúng đắn, sáng suốt của Nguyễn khuyến. - Sắp xếp được hệ thống ý hợp lí theo đặc điểm bố cục của kiểu đoạn văn.	0,5
	<i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu:</i> - Lựa chọn được các thao tác lập luận trong phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận: đặc điểm của nhân vật thần thoại thể hiện trong văn bản. - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng.	0,5

		<i>đ. Diễn đạt:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	0,25
		<i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
	2	Hiện nay còn có nhiều người sống không có khát vọng. Vậy anh/chị hãy viết bài văn nêu suy nghĩ của mình về ý nghĩa của khát vọng sống đối với mỗi người.	4,0
		a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài: <i>Nghị luận xã hội</i>	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: <i>thuyết phục mọi người sống có khát vọng.</i>	0,5
		c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết: - Sắp xếp được cá ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận: * Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề. * Triển khai vấn đề nghị luận - Giải thích: + Khát vọng là mong muốn những điều lớn lao, tốt đẹp trong cuộc sống, biểu tượng cho những gì lớn lao, tốt đẹp mà con người ta hướng đến cho bản thân và cho cộng đồng. + Khát vọng có giá trị vì nó là những điều mà chúng ta nên hướng đến để đạt được giá trị của cuộc sống. - Bàn luận: + Khát vọng là biểu hiện tích cực của tâm lý con người, thể hiện giá trị cao đẹp của con người. + Những người có khát vọng sống có trái tim say mê, luôn sống hết mình để giúp đỡ mọi người và nhận thức được lợi hại trong cuộc sống. + Khát vọng thúc đẩy con người nỗ lực và tinh táo tránh được những rủi ro không đáng có. + Khát vọng mang đến sự lạc quan nhất định và hướng đến những điều tốt đẹp nhất cho nhân loại, dù có thực hiện được hay không. + Dẫn chứng: Nguyễn Sơn Lâm. Nick Vujicic...	1,0

		* Mở rộng, trao đổi với quan điểm trái chiều hoặc ý kiến khác để có cái nhìn toàn diện.	
		<i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Triển khai được ít nhất 2 luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng. Lưu ý: Học sinh có thể trình bày quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	1,5
		<i>đ. Diễn đạt:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết trong văn bản.	0,25
		<i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
		I + II	10,0

ĐỀ 5
(Gồm 05 trang)

HƯỚNG DẪN CHĂM LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT
THEO CẤU TRÚC MINH HỌA
MÔN: NGỮ VĂN

Phần	Câu/Ý	Nội dung trình bày	Điểm
I	ĐỌC		4,0
	1	Phương thức biểu đạt chính của văn bản là: Tự sự/ Phương thức tự sự.	0,5
	2	Theo văn bản, Tê-dê có nguồn gốc xuất thân: là con vua Ê-giê ở A-ten, nước Hy Lạp.	0,5
	3	Câu nói của người dân ở A –ten: “ <i>Không có việc gì mà không có Tê-dê</i> ” có ý nghĩa: - Khẳng định sự nghiệp lẫy lừng của Tê-dê. - Tôn vinh, ngưỡng mộ người anh hùng Tê –dê.	1,0
	4	Theo anh/chị mục đích của thử thách đầu tiên mà cha Tê-dê đặt ra cho con trai là: - Mục đích: muốn kiểm tra cậu con trai xem có đủ sức mạnh về thể chất, đủ ý chí, đủ trưởng thành để đối mặt với những khó khăn thử thách trên đường đi tìm cha hay không.	1,0
	5	Câu nói của Tê -dê: “ <i>Đi bằng thuyền như thế là sự lẩn trốn gian nguy một cách hèn hạ</i> ” có thể hiểu là: Trong cuộc sống, con người luôn phải đối mặt với những khó khăn thử thách, thay vì tìm cách né tránh, chúng ta phải có bản lĩnh, ý chí, nghị lực để đối mặt với nó và vượt qua nó để đi tới thành công.	1,0
II	VIẾT		6,0
	1	Anh/Chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) cảm nhận về hình ảnh đất nước trong văn bản thơ <i>Định nghĩa về Đất Nước- Lê Minh Quốc</i>.	2,0
		a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng đoạn văn; Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng-phân-hợp, móc xích hoặc song hành.	0.25

	<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i> làm rõ đặc điểm đặc điểm nhân vật thần thoại trong văn bản thơ <i>Định nghĩa về Đất Nước- Lê Minh Quốc</i>.	0.25
	<i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận</i> - Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận, sau đây là một số gợi ý: + Đất nước là những điều bình dị, giản đơn gắn bó từ tấm bé đến khi lớn lên là: một chú dế mèn, là trái bồ kết gọi đầu, là tiếng gà gáy, là đường đi học, là cây cỏ không tên, là đêm trăng, là hình ảnh con trâu đi trước cái cày... + Đất nước của thần thoại, của con Rồng cháu Tiên... + Đất nước của ân nghĩa tình chồng, nghĩa vợ, muối mặn, gừng cay, tỏi lửa tắt đèn... + Đất nước của truyền thống chống giặc ngoại xâm, là nhỏ tre đánh giặc. -> Đất nước là những gì thân thuộc, bình dị mà nặng sâu trong mỗi người. + Hình ảnh đất nước được tái hiện bằng ngôn ngữ thơ giản dị, gần gũi; các biện pháp tu từ điệp, liệt kê; hình ảnh giàu tính tượng hình, biểu cảm -> thể hiện niềm yêu mến, tự hào về đất nước. + Sắp xếp được hệ thống ý hợp lí theo đặc điểm bố cục của kiểu đoạn văn.	0,5
	<i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu:</i> - Lựa chọn được các thao tác lập luận trong phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận: đặc điểm của nhân vật thần thoại thể hiện trong văn bản. - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng.	0,5
	<i>đ. Diễn đạt:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	0,25
	<i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25

	2	Anh/Chị hãy viết một bài văn trình bày quan điểm của mình về mối quan hệ và trách nhiệm cá nhân với đất nước trong cuộc sống hôm nay.	4,0
		a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài: <i>Nghị luận xã hội</i>	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: <i>thuyết phục mọi người sống có khát vọng.</i>	0,5
		c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết: - Sắp xếp được cá ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận: * Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề. * Triển khai vấn đề nghị luận theo các cách khác nhau nhưng đảm bảo các ý chính như gợi ý sau: Giải thích + Cá nhân là một cá thể riêng biệt, có những suy nghĩ, quan điểm và hành động riêng, mà không có cá thể nào khác trong xã hội trùng lặp. + Đất nước là không gian sống của một cộng đồng người trong một dân tộc. Đất nước có sự thống nhất các phương diện địa lí, văn hoá truyền thống, phong tục, các sinh hoạt... trong cuộc sống đời thường của mỗi người. + Mối quan hệ giữa cá nhân và trách nhiệm với đất nước là mối quan hệ mang tính quy luật, nó được biểu hiện một cách cụ thể từ sự tự ý thức của mỗi cá nhân về trách nhiệm của mình với đất nước. - Mối quan hệ giữa cá nhân và đất nước: + Trong thực tế, không thể tồn tại một cá nhân nằm ngoài mối quan hệ với đất nước. Bởi vì con người dù là một cá thể riêng biệt, nhưng họ sinh sống, làm việc, vận hành các mối quan hệ trong phạm vi đất nước mà họ thuộc về. + Mỗi cá nhân không thể sống tách biệt, không thể đặt cái "tôi" cá nhân của mình lên cao nhất, mà phải biết dung hòa giữa lợi ích cá nhân với lợi ích của dân tộc, của đất nước.	1,0

	- Trách nhiệm của cá nhân với đất nước: + Thời đại ngày nay, xu thế toàn cầu là xu thế hội nhập, khoa học kĩ thuật phát triển với tốc độ cao, vậy mỗi cá nhân cần phải học tập tích lũy tri thức để góp phần phát triển đất nước theo kịp thời đại, hội nhập với xu thế phát triển chung của quốc tế. + Bên cạnh đó, phải rèn luyện sức khỏe, tu dưỡng đạo đức, rèn luyện kĩ năng để có khả năng cống hiến bảo vệ và phát triển đất nước. + Đồng thời mỗi cá nhân cũng cần quan tâm theo dõi đến tình hình chung của đất nước, tỉnh táo trước hành động của mình không bị kẻ xấu lợi dụng. - Ý nghĩa khi xác định được mối quan hệ giữa cá nhân và trách nhiệm với đất nước: + Mỗi người một hành động, dù nhỏ dù lớn của cá nhân nhưng cùng hướng về một mục tiêu xây dựng nước nhà giàu đẹp sẽ khiến cho cộng đồng tốt đẹp và vững mạnh hơn. + Mỗi người khi học tập, lao động, tạo lập cho mình một cuộc sống tốt đẹp cũng chính là cống hiến cho tổ quốc. <i>(Dẫn chứng)</i> - Bàn luận, mở rộng: Bên cạnh đó vẫn còn có nhiều người chưa có nhận thức đúng đắn về trách nhiệm của mình đối với quê hương, đất nước, chỉ biết sống cho riêng mình, coi vấn đề của đất nước là công việc của người khác,... những người này đáng bị xã hội lên án. - Bài học nhận thức và hành động: + Đất nước là máu thịt, là tâm hồn, là tất cả những gì thiêng liêng nhất. Vì vậy chúng ta phải tích cực học tập, lao động và rèn luyện hơn nữa để góp phần vào sự phát triển của quê hương, đất nước... + Luôn đặt lợi ích cá nhân đi cùng lợi ích của quê hương đất nước. Trong những hoàn cảnh đặc biệt khi đất nước lâm nguy, chúng ta phải biết hi sinh lợi ích của cá nhân để bảo vệ lợi ích của dân tộc, của quê hương đất nước.	
--	--	--

		+ Mỗi người sống một cuộc sống có ý nghĩa, cũng chính là cách chúng ta đang âm thầm đóng góp vào sự phát triển chung của đất nước.	
		<i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Triển khai được ít nhất 2 luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng. Lưu ý: Học sinh có thể trình bày quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	1,5
		<i>đ. Diễn đạt:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết trong văn bản.	0,25
		<i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
		I + II	10,0

ĐỀ 6
(Gồm 05 trang)

HƯỚNG DẪN CHẤM LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT
THEO CẤU TRÚC MINH HỌA
MÔN: NGỮ VĂN

Phần	Câu/Ý	Nội dung trình bày	Điểm
I	ĐỌC		4,0
	1	Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên là: Biểu cảm/ Phương thức biểu cảm.	0,5
	2	Nhân vật trữ tình trong đoạn trích là: người con	0,5
	3	Câu thơ: “ <i>Nếu chết trời ơi! Ôm lấy con</i> ” thể hiện sự hoảng sợ, tuyệt vọng của người mẹ khi nghĩ đến trường hợp xấu nhất có thể xảy ra là phải chết trong trận lụt. Hành động “ôm lấy con” cho thấy sự lo lắng, xót thương và tình yêu bao la, vô bờ bến của người mẹ dành cho con.	1,0
	4	Học sinh trình bày được cách hiểu của mình về bổn phận của người làm con đối với cha mẹ, miễn là tích cực, phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật. * Gợi ý: Làm con có bổn phận yêu thương, kính trọng, biết ơn đối với cha mẹ; Phải phụng dưỡng cha mẹ, giữ gìn danh dự và truyền thống tốt đẹp của gia đình; cần hiếu thảo với cha mẹ; chăm lo cho gia đình, san sẻ, gánh vác đời sống vật chất của gia đình với bố mẹ...	1,0
	5	Học sinh triển khai vấn đề theo nhiều cách để lí giải “Vì sao tình mẫu tử có vai trò quan trọng trong cuộc sống con người”; hợp lí, thuyết phục; phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật. */ <u>Gợi ý</u> : - Tình mẫu tử có vai trò quan trọng trong cuộc sống con người vì: - Tình mẫu tử là điểm tựa tinh thần và tiếp thêm động lực cho ta mỗi khi gặp khó khăn, giúp cuộc sống có ý nghĩa hơn. - Tình mẫu tử giúp chúng ta có thể thoát khỏi những cám dỗ của cuộc đời. - Tình mẫu tử góp phần tạo niềm tin, động lực và là mục đích sống cho những nỗ lực và sự khát khao của chúng ta.	1,0

II		VIẾT	6,0
	1	Viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) làm rõ những nét đặc sắc trong nghệ thuật kể chuyện của đoạn văn.	2,0
		<i>a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng đoạn văn;</i> Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng-phân-hợp, móc xích hoặc song hành.	0.25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i> làm rõ những nét đặc sắc nghệ thuật kể chuyện trong văn bản.	0.25
		<i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận</i> - Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận, sau đây là một số gợi ý: <i>* Phân tích nét đặc sắc trong nghệ thuật kể chuyện của đoạn trích</i> - Mô tả, đánh giá cách tác giả xây dựng truyện kể: Cốt truyện đơn giản, xoay quanh việc nhân vật Thanh tìm đến nhà của người phu xe Dư và nhận ra hậu quả nghiêm trọng của cơn giận vô cớ vài ngày trước -> dụng ý nghệ thuật của nhà văn, chỉ tập trung thể hiện diễn biến tâm trạng nhân vật. - Đặc điểm của người kể chuyện: + Ngôi kể: ngôi thứ nhất, vừa kể lại câu chuyện, vừa trực tiếp tham gia vào các sự kiện thông qua mối quan hệ với các nhân vật khác -> thúc đẩy cốt truyện phát triển, khắc họa diễn biến tâm trạng và hành động của nhân vật <i>tôi</i> ; đồng thời thay tác giả đưa ra nhận xét, đánh giá về hậu quả của việc mất kiểm soát bản thân khi giận dữ, tạo nên những bài học sâu sắc. + Điểm nhìn: Sử dụng điểm nhìn linh hoạt, có sự kết hợp của nhiều loại điểm nhìn: bên ngoài, bên trong, không gian, thời gian..., phù hợp với nội dung trần thuật, cuối truyện chủ yếu sử dụng điểm nhìn bên trong bộc lộ nội tâm nhân vật -> tăng tính khách quan, lôi cuốn cho câu chuyện; góp phần thể hiện cảm hứng chủ đạo của toàn tác phẩm: lên án, phê phán các hành động gây tổn thương tới người khác, quan tâm đến những số phận nghèo khổ, cơ cực.	0,5

		- Vai trò của ngôi kể, điểm nhìn và lời kể trong việc xây dựng nhân vật: Tái hiện tâm trạng xấu hổ, đau đớn và nỗi ân hận của nhân vật Thanh sau hành động đối với người phu xe. - Giọng điệu kể chuyện nhẹ nhàng, sâu lắng, vừa chiêm nghiệm, thấm thía, vừa trần trờ, suy tư. + Sắp xếp được hệ thống ý hợp lí theo đặc điểm bố cục của kiểu đoạn văn.	
		<i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu:</i> - Lựa chọn được các thao tác lập luận trong phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận: đặc điểm của nhân vật thần thoại thể hiện trong văn bản. - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng.	0,5
		<i>đ. Diễn đạt:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	0,25
		<i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
	2	<i>Không có kho báu nào quý bằng học thức. Hãy tích lũy nó bất cứ lúc nào có thể. (Rudasky)</i> Anh/chị có đồng ý với ý kiến trên không? Hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) để bày tỏ suy nghĩ của mình về vai trò của học thức đối với mỗi con người.	4,0
		a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài: <i>Nghị luận xã hội</i>	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: <i>thuyết phục mọi người sống có khát vọng.</i>	0,5
		c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết: - Sắp xếp được cá ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận: * Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề. * Triển khai vấn đề nghị luận theo các cách khác nhau nhưng đảm bảo các ý chính như gợi ý sau:	1,0

	Giải thích: – Học thức: là tri thức, những kiến thức bổ ích về con người và thế giới xung quanh. – Tích lũy tri thức là việc bồi đắp, làm giàu vốn hiểu biết, nâng cao giá trị của bản thân; có cái nhìn khoa học về thế giới. => Như vậy, câu nói đã khẳng định ý nghĩa quan trọng của tri thức và khuyên con người luôn có ý thức học hỏi, luôn coi việc học của bản thân là chưa đủ để cố gắng phấn đấu. Bàn luận: - Lí giải nguyên nhân, vai trò của lời khẳng định “Không có kho báu nào quý bằng học thức” - Lí giải những căn cứ, giá trị của lời khuyên “Hãy tích lũy nó bất cứ lúc nào có thể” - Đưa ra những dẫn chứng, biểu hiện chứng minh: Nhìn nhận vấn đề ở những khía cạnh khác nhau để nhận ra mặt đúng hoặc chưa hợp lí của nói. Đánh giá: Câu nói đề cập đến một vấn đề quan trọng của mỗi con người trong cuộc sống: bằng ý thức học hỏi, tích lũy tri thức con người sẽ tự nâng cao giá trị của chính mình và là cơ sở để đạt được thành công. * Bài học nhận thức và hành động: - Nhận thức: luôn ý thức được tầm quan trọng của việc học; luôn coi những hiểu biết của bản thân là hữu hạn, cần bồi đắp. - Hành động: học tập không ngừng nghỉ; có phương pháp học tập hiệu quả; biết vận dụng vào thực tiễn “học đi đôi với hành”.	
	<i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Triển khai được ít nhất 2 luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng.	1,5

		Lưu ý: Học sinh có thể trình bày quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	
		đ. Diễn đạt: Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết trong văn bản.	0,25
		e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
		I + II	10,0

ĐỀ 7
(Gồm 04 trang)

HƯỚNG DẪN CHẤM LUYỆN THI TỐT NGHIỆP
THPT THEO CẤU TRÚC MINH HỌA
MÔN: NGỮ VĂN

Phần	Câu/Ý	Nội dung trình bày	Điểm
I	ĐỌC		4,0
	1	Văn bản trên được viết theo thể thơ: Thể thơ 8 chữ	0,5
	2	Cảnh “buổi gặt chiều” trong khổ (2) được gợi lên qua các hoạt động: Bọn trai tơ vui cười gặt lúa, ông già che nón kín ngồi hút thuốc, thổi từng hơi.	0,5
	3	- Biện pháp tu từ đảo ngữ “ <i>Cò từng đàn...</i> ” - Hiệu quả: + Nhấn mạnh, làm nổi bật được vẻ đẹp của bức tranh thiên nhiên nơi làng quê - cánh đồng lúa rộng lớn ngập tràn màu trắng của những cánh cò. + Thể hiện sự quan sát tỉ mỉ, tinh tế và tâm hồn nhạy cảm, tình yêu thiên nhiên của nhà thơ. + Làm cho câu thơ gợi hình, gợi cảm, sinh động.	1,0
	4	- Hai câu thơ cho thấy vẻ đẹp của con người lao động: + Trẻ trung, yêu đời, tràn đầy sức sống + Có tình yêu công việc, tinh thần lao động tươi vui, phấn khởi.	1,0
	5	Học sinh trình bày được một thông điệp phù hợp, liên quan đến nội dung của văn bản và có giải thích hợp lý.	1,0
II	VIẾT		6,0
	1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày cảm nhận của anh/chị về hình ảnh người mẹ trong truyện ngắn Nghề của mẹ.	2,0
		a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng đoạn văn; Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn	0.25

		theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng-phân-hợp, móc xích hoặc song hành.	
		<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i> làm rõ hình ảnh người mẹ trong truyện ngắn Nghề của mẹ.	0,25
		<i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận</i> - Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận, sau đây là một số gợi ý: + Hình ảnh người mẹ tảo tần, lam lũ, vất vả, chịu thương chịu khó mưu sinh bằng nghề bán cá. + Người mẹ với tình yêu thương con vô bờ, dẫu nghèo khó vẫn dành những gì tốt đẹp nhất cho con qua hình ảnh gói xôi, cái bánh. → Nhà văn ca ngợi vẻ đẹp phẩm chất và tâm hồn của người mẹ và tình mẫu tử thiêng liêng. + Sắp xếp được hệ thống ý hợp lí theo đặc điểm bố cục của kiểu đoạn văn.	0,5
		<i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu:</i> - Lựa chọn được các thao tác lập luận trong phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận: đặc điểm của nhân vật thân thoai thể hiện trong văn bản. - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng.	0,5
		<i>đ. Diễn đạt:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	0,25
		<i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
	2	Hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) về sự cần thiết đối diện với thử thách của mỗi người trong cuộc sống.	4,0
		a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài: <i>Nghị luận xã hội</i>	0,25
		b. <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</i> sự cần thiết đối diện với thử thách của mỗi người trong cuộc sống.	0,5

	<i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết:</i> - Sắp xếp được cá ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận: * Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề. * Triển khai vấn đề nghị luận theo các cách khác nhau nhưng đảm bảo các ý chính như gợi ý sau: - Cần phải có can đảm để đối mặt với tất cả các loại khó khăn, thử thách - Can đảm chấp nhận những thách thức là một trong những cách để bản thân được mau chóng trưởng thành. - Phải thực sự nắm bắt được cốt lõi của từng vấn đề, tìm thấy những điều quan trọng nhất đối với mình. - Suy nghĩ tích cực để đối mặt với những khó khăn mà mình gặp phải - Sẵn sàng để chấp nhận thay đổi, bình thản đối diện với cuộc đời, bất kể những thất bại và hoàn cảnh khó khăn ập đến như thế nào. - Cố gắng học hỏi, làm việc chăm chỉ, sẵn sàng chịu đựng gian khổ, cuối cùng sẽ có thể để có được những thành quả của thành công. - Dẫn chứng: Nguyễn Sơn Lâm, Jacma... - Phê phán: Lối sống thiếu nghị lực, bản lĩnh, dựa dẫm... - Bài học nhận thức và hành động phù hợp	1,0
	<i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Triển khai được ít nhất 2 luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng. Lưu ý: Học sinh có thể trình bày quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	1,5

		<i>đ. Diễn đạt:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết trong văn bản.	0,25
		<i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
		I + II	10,0

ĐỀ 8
(Gồm 04 trang)

HƯỚNG DẪN CHẤM LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT
THEO CẤU TRÚC MINH HỌA
MÔN: NGỮ VĂN

Phần	Câu/Ý	Nội dung trình bày	Điểm
I		ĐỌC	4,0
	1	Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên là: Tự sự/ Phương thức tự sự	0,5
	2	Các nhân vật giao tiếp trong câu chuyện: Tượng cẩm thạch và đá cẩm thạch	0,5
	3	- Để được mọi người trầm trồ ngưỡng mộ, tượng cẩm thạch đã trải qua điều sau: Tượng cẩm thạch không từ chối các dụng cụ, chịu đựng đau đớn khi những dụng cụ đó gọt giũa vào thân mình.	1,0
	4	Theo em, tượng cẩm thạch và đá cẩm thạch gọi liên tưởng đến những kiểu người nào trong cuộc sống: - Tượng cẩm thạch và đá cẩm thạch gọi liên tưởng đến những kiểu người: - Nhân vật đá cẩm thạch: kiểu người lười biếng, không dám đối mặt với thử thách, không muốn đánh đổi nhưng lại vẫn muốn bản thân trở nên thành công và tỏa sáng. - Nhân vật tượng cẩm thạch: kiểu người dũng cảm, dám đối diện và vượt qua khó khăn, thử thách, đánh đổi để đạt được thành công.	1,0
	5	Thông điệp ý nghĩa mà câu chuyện về đá cẩm thạch và tượng cẩm thạch mang đến. Học sinh có thể trả lời khác nhau nhưng phải lí giải phù hợp, chặt chẽ. Gợi ý thông điệp ý nghĩa: Nếu muốn thành công, con người phải chấp nhận đánh đổi, vượt qua thử thách và khó khăn; nếu không chịu đánh đổi, không dám vượt qua thử thách, chúng ta sẽ không thể nào thành công và trở thành người có giá trị được.	1,0

II		VIẾT	6,0
	1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày cảm nhận của Anh/chị về hình ảnh người lính biển trong văn bản Thơ tình người lính biển, Trần Đăng Khoa	2,0
		<i>a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng đoạn văn;</i> Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng-phân-hợp, móc xích hoặc song hành.	0.25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: trình bày cảm nhận của Anh/chị về hình ảnh người lính biển trong văn bản Thơ tình người lính biển, Trần Đăng Khoa</i>	0.25
		<i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận</i> - Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận, sau đây là một số gợi ý: Họ đang ngày đêm làm nhiệm vụ thiêng liêng cho Tổ Quốc. Họ hi sinh thầm lặng để canh giữ biển trời Tổ Quốc. Họ đối mặt với nhiều khó khăn, thử thách để giữ vững chủ quyền. Họ là những người lính kiên cường đối mặt với quân thù và bão tố. Họ có tình yêu lý tưởng và tình yêu đất nước, yêu Tổ Quốc thiết tha. Chúng ta cảm thông, chia sẻ, cảm phục, trân trọng, biết ơn những người lính biển. + Sắp xếp được hệ thống ý hợp lý theo đặc điểm bố cục của kiểu đoạn văn.	0,5
		<i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu:</i> - Lựa chọn được các thao tác lập luận trong phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận: đặc điểm của nhân vật thần thoại thể hiện trong văn bản. - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng.	0,5

		<i>đ. Diễn đạt:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	0,25
		<i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
	2	Sử dụng túi ni lông vô tội vạ là một thói quen phổ biến của nhiều người hiện nay. Anh/Chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) thuyết phục mọi người từ bỏ thói quen này.	4,0
		a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài: <i>Nghị luận xã hội</i>	0,25
		b. <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</i> thuyết phục mọi người từ bỏ thói quen sử dụng túi ni lông vô tội vạ.	0,5
		c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết: - Sắp xếp được cá ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận: * Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề. * Triển khai vấn đề nghị luận theo các cách khác nhau nhưng đảm bảo các ý chính như gợi ý sau: * Thực trạng sử dụng bao bì ni lông hiện nay: - Sử dụng khắp mọi nơi, trong các khu chợ, quầy tạp hóa, gia đình,... - Trung bình cứ một người thì một ngày sử dụng tám túi ni lông, một phút có khoảng một triệu túi ni lông được dùng. - Lượng rác thải từ túi ni lông thải ra vô cùng lớn, đặc biệt tại hai thành phố lớn tập trung đông dân cư. * Tác hại của túi ni lông: - Đối với môi trường: + Khả năng phân hủy trong môi trường không cao. + Ngăn cản sự sinh trưởng của các loài thực vật, hạn chế khả năng hấp thụ dinh dưỡng từ môi trường của cây trồng. + Cỏ cây bị ngăn cản không có khả năng bám chặt vào đất dẫn đến tình trạng gây đổ, xói mòn đất đai khi mưa lớn lũ về. + Lượng túi ni lông thải xuống sông biển lớn mà chưa được	1,0

		phân hủy kịp thời, gây ô nhiễm môi trường nước, môi trường biển, các loài sinh vật dần mất đi môi trường sống. - Đối với sức khỏe con người: + Khói đốt từ ni lông có chứa chất độc đi-ô-xin gây nên các bệnh về hô hấp như khó thở, ho ra máu và các dị tật cho trẻ. + Thức ăn đựng trong túi ni lông có thể bị nhiễm độc, gây ung thư, làm suy giảm hệ miễn dịch con người. * Giải pháp: - Quán triệt sử dụng bao bì ni lông đúng cách, đề ra luật cấm sử dụng bao bì ni lông trong đời sống. - Tổ chức các cuộc thi, các cuộc vận động tìm hiểu về tác hại của bao bì ni lông, nâng cao ý thức của mỗi người trong việc sử dụng túi ni lông. - Tuyên truyền và khuyến khích người dân sử dụng bao bì tự hủy sinh học thay thế các loại ni lông này.	
		<i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Triển khai được ít nhất 2 luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng. Lưu ý: Học sinh có thể trình bày quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	1,5
		<i>đ. Diễn đạt:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết trong văn bản.	0,25
		<i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
		I + II	10,0

ĐỀ 9
(Gồm 05 trang)

HƯỚNG DẪN CHẤM LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT
THEO CẤU TRÚC MINH HỌA
MÔN: NGỮ VĂN

Phần	Câu/Ý	Nội dung trình bày	Điểm
I		ĐỌC	4,0
	1	Thể thơ của bài thơ trên là: Thất ngôn	0,5
	2	Những từ ngữ, hình ảnh chỉ cuộc sống của nhà thơ khi lui về sống nhàn ả: <i>Một mai, một cốc, một căn cầu, ta tìm nơi vắng vẻ, tìm nơi vắng vẻ, Thu ăn măng trúc, đông ăn giá, Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao, xem phú quý tựa chiêm bao...</i>	0,5
	3	Chỉ ra và nêu tác dụng của 01 biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu thơ: Thu ăn măng trúc, đông ăn giá, Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao. - Biện pháp tu từ: Liệt kê/ phép đối Liệt kê: bốn mùa: thu, đông, xuân, hạ; món ăn dân dã: măng trúc, giá, sinh hoạt: tắm hồ sen, tắm ao. Phép đối: Thu/ Xuân, đông/ hạ; ăn măng trúc/ ăn giá; tắm hồ sen/ tắm ao. - Tác dụng: + Liệt kê: Tăng giá trị biểu cảm cho câu thơ/ Phép đối: Tạo nên sự đăng đối, hài hòa, tăng hiệu quả biểu đạt cho các câu thơ. + Gọi cuộc sống đạm bạc mà thanh cao, mùa nào thức ấy ở nơi thôn dã; sống giản dị, hòa hợp với thiên nhiên mà không phải mưu cầu, tranh đoạt. + Qua đó, tác giả thể hiện quan niệm sống nhàn, sự hài lòng với lối sống giản dị mà thanh cao, tự do, ung dung, tự tại.	1,0
	4	Hai câu thơ: <i>Ta đại, ta tìm nơi vắng vẻ/Người khôn, người đến chốn lao xao</i> có ý nghĩa: - Nghệ thuật: Đối lập: “ta” – “người”, “đại” – “khôn”, “nơi vắng vẻ” – “chốn lao xao”	1,0

		+ Ta đại – người khôn: cách nói ngược, hóm hỉnh, tinh táo trong sự chọn lựa (đại mà khôn, khôn mà đại). + nơi vắng vẻ - chốn lao xao (nơi vắng vẻ: nơi quê nhà vắng vẻ, nơi tĩnh tại của thiên nhiên, nơi tâm hồn tìm thấy sự thanh thoi; chốn lao xao là nơi quan trường, bon chen quyền lực và danh lợi) => Hai câu thơ thể hiện quan niệm của nhà thơ về đại/khôn. Qua đó khẳng định vẻ đẹp nhân cách của Nguyễn Bình Khiêm: tìm đến sự thanh cao, tìm thấy sự thư thái của tâm hồn, xa lánh chốn quan trường hiểm ác, không màng danh lợi, tìm về nơi vắng vẻ, sống hòa hợp với thiên nhiên để “di dưỡng tinh thần”.	
	5	Quan niệm nhân của Nguyễn Bình Khiêm trong bài thơ trên mang ý nghĩa là: Khi xã hội nhiều thay đổi, sẵn sàng lui về ở ẩn, sống hòa hợp với thiên nhiên, sống đạm bạc mà thanh nhàn, dám phủ nhận danh lợi, phú quý để giữ cốt cách thanh cao, lối sống ung dung tự tại.	1,0
II		VIẾT	6,0
	1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về nội dung, ý nghĩa truyện Muối	2,0
		<i>a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng đoạn văn;</i> Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng-phân-hợp, móc xích hoặc song hành.	0.25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: trình bày suy nghĩ của mình về nội dung, ý nghĩa của truyện.</i>	0.25
		<i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận</i> - Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận, sau đây là một số gợi ý: + Câu chuyện kể về cách thầy giáo già giúp anh thanh niên giải quyết khó khăn trong cuộc sống: có thể <i>những khó khăn đó giống như thìa muối. Nhưng mỗi người hoà tan nó theo một cách khác nhau. Những người có tâm hồn</i>	0,5

		<i>rộng mở giống như một hồ nước thì nỗi buồn không làm họ mất đi niềm vui và sự yêu đời. Nhưng với những người tâm hồn chỉ nhỏ như một cốc nước họ sẽ tự biến cuộc sống của mình trở thành đắng chát và chẳng bao giờ học được điều gì có ích."</i> => Con người cần có thái độ ứng xử cần thiết khi đứng trước những khó khăn, thử thách trong cuộc sống. + Con người không nên để những khó khăn, thử thách thành những gánh nặng trong lòng. + Sắp xếp được hệ thống ý hợp lí theo đặc điểm bố cục của kiểu đoạn văn.	
		<i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu:</i> - Lựa chọn được các thao tác lập luận trong phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận: đặc điểm của nhân vật thân thoại thể hiện trong văn bản. - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng.	0,5
		<i>đ. Diễn đạt:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	0,25
		<i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
	2	Trong cuộc sống nhiều người có tính chủ quan. Anh/Chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) giúp mọi người nhận thấy hậu quả của tính chủ quan.	4,0
		a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài: <i>Nghị luận xã hội</i>	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: giúp mọi người nhận thấy hậu quả của tính chủ quan.	0,5

	c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết: - Sắp xếp được cá ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận: * Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề. * Triển khai vấn đề nghị luận theo các cách khác nhau nhưng đảm bảo các ý chính như gợi ý sau: Giải thích: - Sự chủ quan là việc con người ta hành động một cách đơn giản, nóng vội, đốt cháy giai đoạn, không suy xét kĩ những mặt lợi hại, đúng- sai, dẫn đến bỏ sót kiến thức, không đánh giá đúng năng lực của bản thân để tìm kiếm một phương pháp hiệu quả, thậm chí chủ quan đem đến thất bại. Bàn luận: Hậu quả của tính chủ quan. - Sự chủ quan trong công việc, cuộc sống khiến con người ta mất cảnh giác với những mối nguy hiểm luôn rình rập, sống thiếu thận trọng, buông thả bản thân và dần đánh mất những năng lực, giá trị của chính mình. - Tính chủ quan đe dọa đến cả sự sống còn của một tập thể, thậm chí sự phát triển của một quốc gia dân tộc. - Tính chủ quan nếu không được phát hiện, sửa chữa kịp thời có thể đẩy con người ta vào thất bại hay hậu quả đáng tiếc. - Dẫn chứng: * Bài học nhận thức và hành động: - Nhận thức: luôn ý thức được hậu quả của tính chủ quan; luôn coi những hiểu biết của bản thân là hữu hạn, cần bồi đắp. - Hành động: học tập không ngừng nghỉ; có phương pháp học tập hiệu quả; biết lắng nghe ý kiến đóng góp của người khác.	1,0
	d. <i>Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Triển khai được ít nhất 2 luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân.	1,5

		- Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng. Lưu ý: Học sinh có thể trình bày quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	
		d. Diễn đạt: Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết trong văn bản.	0,25
		e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
		I + II	10,0

ĐỀ 10
(Gồm 05 trang)

HƯỚNG DẪN CHẤM LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT
THEO CẤU TRÚC MINH HỌA
MÔN: NGỮ VĂN

Phần	Câu/Ý	Nội dung trình bày	Điểm
I	ĐỌC		4,0
	1	Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên là: Tự sự/ Phương thức tự sự	0,5
	2	Nhân vật chính trong đoạn trích là: Dung	0,5
	3	Người kể chuyện chủ yếu đặt điểm nhìn khi miêu tả sự thay đổi trong cảm xúc và nhận thức của Dung là: - Người kể chuyện đặt điểm nhìn ở nhân vật Dung và điểm nhìn bên ngoài, bên trong. - Người kể chuyện nương theo điểm nhìn của nhân vật Dung, cả điểm nhìn bên ngoài và điểm nhìn bên trong, qua ngôn ngữ đối thoại và độc thoại nội tâm để khắc họa chân dung một bạn trẻ với tính cách, tâm lí, hành vi,... đúng với lứa tuổi mới lớn; khắc họa sự biến đổi từng ngày trong cảm xúc và nhận thức cho thấy quá trình trưởng thành của nhân vật Dung; song song đó là nhân vật người ông yêu thương cháu, quan tâm chăm sóc cháu, cố gắng hòa hợp với cháu.	1,0
	4	Theo anh/chị câu văn “ <i>Thế nghĩa là có hai thế giới ở trong ngôi nhà</i> ” có ý nghĩa: - Khẳng định sự khác biệt trong suy nghĩ, lối sống của các thế hệ khác nhau trong cùng một nhà. - Cần có sự hòa nhập và nối kết giữa các thế hệ để tạo mối gắn kết đồng cảm, yêu thương trong gia đình.	1,0
	5	Học sinh có thể rút ra những thông điệp khác nhau nhưng cần lí giải hợp lí, phù hợp chuẩn mực đạo đức, văn hóa, pháp luật... sau đây là một số gợi ý: - Thông điệp biết yêu thương, trân trọng người thân trong gia đình. - Biết hi sinh, chia sẻ, quan tâm, gắn kết các thành viên trong gia đình.	1,0

II	VIẾT	6,0
1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) làm rõ những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ Trưa hè - Bằng Bá Lân	2,0
	<i>a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng đoạn văn;</i> Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng-phân-hợp, móc xích hoặc song hành.	0.25
	<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i> làm rõ những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ.	0.25
	<i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận</i> - Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận, sau đây là một số gợi ý: * Nội dung: - Bài thơ "Trưa hè" đã phác họa bức tranh về cuộc sống nông thôn Việt Nam vào mùa hè, một bức tranh thật bình dị, mộc mạc nhưng cũng không kém phần nên thơ, căng tràn sức sống. + Khung cảnh thiên nhiên ngày hè được kết nối bởi những hình ảnh quen thuộc của cuộc sống làng quê như cây đa, đàn trâu, đàn ruồi say nắng, bầu trời cao vút, cánh đồng cỏ với những đàn cào cào phô cánh, những cánh đồng lúa êm đềm,...đã tạo nên một không gian chân thực với cuộc sống con người. + Không gian đặc trưng của mùa hè cũng được miêu tả chi tiết qua những hình ảnh như ánh nắng mặt trời, cây xanh um tùm mang lại bóng mát, những con ong bướm bay tự do, tiếng chim hót vang lên trong không gian menh mông. + Những âm thanh của tiếng gà gáy, của những chú ve cất lên giai điệu gọi hè hay tiếng nhạc ngựa đã làm cho khung cảnh ngày hè trở nên sống động, phá vỡ không gian tĩnh lặng, đem đến một sức sống mới cho thiên nhiên.	0,5

		* Nghệ thuật - Đoạn thơ xây dựng hệ thống hình ảnh thơ giàu sức gợi chân thực, sống động, gần gũi, quen thuộc đem lại một không gian làng quê êm đềm, yên ả. - Vận dụng thành công các biện pháp tu từ như so sánh, nhân hóa, ẩn dụ làm cho khung cảnh ngày hè trở nên sinh động, hấp dẫn hơn + Sắp xếp được hệ thống ý hợp lí theo đặc điểm bố cục của kiểu đoạn văn.	
		d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu: - Lựa chọn được các thao tác lập luận trong phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận: đặc điểm của nhân vật thần thoại thể hiện trong văn bản. - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng.	0,5
		đ. Diễn đạt: Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	0,25
		e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
	2	Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về hiện tượng con người đang phá hủy môi trường tự nhiên xung quanh mình.	4,0
		a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài: <i>Nghị luận xã hội</i>	0,25
		b. <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</i> suy nghĩ của anh/chị về hiện tượng con người đang phá hủy môi trường tự nhiên xung quanh mình.	0,5

		c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết: - Sắp xếp được cá ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận: * Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề. * Triển khai vấn đề nghị luận theo các cách khác nhau nhưng đảm bảo các ý chính như gợi ý sau: Giải thích: Môi trường tự nhiên là toàn bộ các yếu tố tự nhiên tạo thành những điều kiện sống bên ngoài, là tất cả những gì xung quanh ta: đất nước, không khí, cây cối... Bàn luận: - <i>Vai trò của môi trường với đời sống con người:</i> + Cung cấp yếu tố cần thiết đảm bảo cho sự sống còn của con người: đất nước, không khí, ánh sáng... + Cung cấp nguồn tài nguyên phục vụ con người như nước, thủy sản, lâm sản... + Là không gian sống làm việc, thưởng ngoạn, vui chơi của con người... - <i>Thực trạng môi trường tự nhiên hiện nay:</i> + Thế giới: Rừng bị tàn phá, nước bị ô nhiễm, ô nhiễm đất, ô nhiễm không khí, khai thác tài nguyên cạn kiệt, mất cân bằng sinh thái khiến trái đất ngày một nóng lên. + Việt Nam: cũng tương tự, rừng đầu nguồn mất dần, nước sông quanh các khu đô thị ô nhiễm nặng, đất đai cằn cỗi do xói mòn, khí thải độc hại từ các nhà máy, các phương tiện giao thông ngày càng tăng ở các đô thị... - <i>Nguyên nhân, thực trạng:</i> + Do con người một số nơi không có ý thức, thiếu hiểu biết về môi trường, + Do sự thiếu ý thức của con người, bất chấp tất cả vì lòng tham, vì lợi ích cá nhân, lợi ích nhóm... + Do chưa có chế tài nghiêm khắc với những hành vi phá hoại môi trường. - <i>Hậu quả:</i> + Ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phát triển kinh tế.	1,0
--	--	---	-----

		+ Là nguyên nhân trực tiếp ảnh hưởng tới sức khỏe, tính mạng con người. + Đe dọa nghiêm trọng đến đời sống con người bởi những thảm họa môi trường do thiên tai, hạn hán, lũ lụt, bão gió, động đất, sóng thần... - Các biện pháp bảo vệ môi trường tự nhiên: + Ưu tiên sử dụng các sản phẩm có nguồn gốc tự nhiên, hạn chế sử dụng các loại túi ni lông, hộp xốp... + Hạn chế sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật, ưu tiên sử dụng các sản phẩm sinh học, hữu cơ... + Sử dụng các thiết bị điện năng từ năng lượng mặt trời, gió, nước... + Phân loại các rác thải trước khi đưa ra môi trường tự nhiên... + Tăng cường trồng cây xanh, bảo vệ môi trường, phổ biến giám sát việc thực hiện luật bảo vệ môi trường... + Thực hiện các chế tài nghiêm khắc trong việc quản lý khai thác tài nguyên khoáng sản, việc xây dựng các công trình thủy điện, quản lý, quy hoạch, sử dụng quỹ đất, bảo vệ các danh lam thắng cảnh và cảnh quan thiên nhiên.	
		<i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Triển khai được ít nhất 2 luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng. Lưu ý: Học sinh có thể trình bày quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	1,5
		<i>đ. Diễn đạt:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết trong văn bản.	0,25
		<i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
		I + II	10,0

Đề 11
(Gồm 05 trang)

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT
THEO CẤU TRÚC MINH HỌA
MÔN: NGỮ VĂN

Phần	Câu	NỘI DUNG	Điểm
I			4,0
	1	- Nhân vật trữ tình trong bài thơ trên là: <i>con/người con</i> .	0,5
	2	- Những từ ngữ, hình ảnh miêu tả người mẹ trong bài thơ trên là: <i>ngồi già gạo ru con, một đời khổn khó, giàu những tiếng ru nôi, áo mẹ bạc phơ bạc phếch, vãi nâu bạc mỗi chỉ sòn, một đời cay đắng, lời mẹ vẫn thảo thơm, tóc mẹ - một màu trắng đến nôn nao, lưng mẹ cứ còng dần xuống</i> .	0,5
	3	- Biện pháp tu từ nhân hóa: <i>Thời gian - chạy</i> . (0,25 điểm) - Hiệu quả: + Làm cho câu thơ sinh động, giàu giá trị gợi hình, gợi cảm. (0,25 điểm) + Làm nổi bật sự chảy trôi nhanh chóng của thời gian, làm cho mẹ già đi. Qua đó, câu thơ thể hiện niềm xót xa, tình cảm yêu thương và niềm biết ơn sâu nặng của người con dành cho mẹ. (0,5 điểm, mỗi ý cho 0,25 điểm).	1,0
	4	- Hai câu thơ viết về hình ảnh người mẹ vất vả, gian lao nuôi con trưởng thành, khôn lớn. (0,25 điểm) - Hai câu thơ có ý nghĩa: + Ngợi ca sự hi sinh, tình yêu con sâu nặng của mẹ. (0,25 điểm) + Khơi gợi, đánh thức trong mỗi người con tình yêu thương, lòng biết ơn và ý thức trách nhiệm với người mẹ. (0,5 điểm) Lưu ý: Chấp nhận cách diễn đạt khác nhưng hiểu đúng bản chất vẫn cho điểm tối đa.	1,0
	5	- Những thông điệp nào được nhà thơ Trương Nam Hương gửi gắm trong bài thơ trên là: + Hãy luôn yêu thương và trân trọng khi còn có mẹ. + Luôn ghi nhớ công ơn nuôi dưỡng và giáo dục của mẹ.	1,0

		+ Lời ru con là một nét đẹp trong văn hóa dân tộc cần gìn giữ và phát huy. - Những thông điệp còn nguyên giá trị đối với cuộc sống hiện nay vì: người mẹ dành trọn cuộc đời để sinh ra, nuôi dưỡng và dạy con nên người. Nhưng đâu đó, trên thế giới này, vẫn còn tồn tại những người con cư xử chưa đúng, làm mẹ phiền lòng,...	
II	1	Viết đoạn văn khoảng 200 chữ phân tích, đánh giá hình ảnh mẹ Lê trong đoạn trích “Nhà mẹ Lê ... như để nhớ lại một chuyện gì đã lâu lắm”	2,0
		<i>a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng đoạn văn:</i> Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng-phân-hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i> làm rõ hình ảnh mẹ Lê trong văn bản Nhà mẹ Lê của Thạch Lam.	0,25
		<i>c. Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Dưới đây là một vài gợi ý:</i> + Mẹ Lê là một người phụ nữ cực khổ, lao động vất vả (Nhà đông con, nghèo đói, phải đi làm thuê làm mướn) + Mẹ Lê là người mẹ giàu tình thương con, chịu thương chịu khó. - Nghệ thuật: + Miêu tả sinh động những biến đổi tinh tế của cảnh vật và tâm trạng của con người. + Ngôn ngữ giàu hình ảnh, tượng trưng. + Giọng điệu thủ thỉ, thấm đượm chất thơ chất trữ tình sâu sắc. - Đánh giá chung: + Sự thiêng liêng cao cả của tình mẫu tử. + Tình cảm nhân đạo sâu sắc của tác giả: Yêu thương, xót xa, ái ngại cho cảnh ngộ nghèo khổ nhà bác Lê.	0,5

		<i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu:</i> - Lựa chọn được các thao tác lập luận trong phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận: hình ảnh nhân vật mẹ Lê trong đoạn trích. - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng.	0,5
		<i>đ. Diễn đạt:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	025
		<i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
	2	Trong cuốn sách <i>Đủ nắng thì hoa nở</i>, tác giả Ba Gàn viết: “Đừng tìm bình an, mà hãy chủ động an bình trước mọi hoàn cảnh”. Từ câu nói trên, hãy viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của anh/chị về cách sống chủ động của con người trong xã hội hiện đại.	4,0
		<i>a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài: Nghị luận xã hội</i>	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i> Cách sống chủ động của con người trong xã hội hiện đại.	0,5
		<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> HS có thể trình bày bài viết theo nhiều cách trên cơ sở đảm bảo những yêu cầu sau: * Giải thích: - Chủ động: là tự mình hành động, không bị chi phối bởi người khác hoặc hoàn cảnh bên ngoài. - Bình an: là bình yên, không gặp những điều không hay xảy ra. → Câu nói khuyên con người không nên mong muốn một cuộc sống nhẹ nhàng, êm ái mà lựa chọn cách sống chủ động tìm bình yên trong mọi hoàn cảnh, thử thách của cuộc sống. → Câu nói khẳng định ý nghĩa quan trọng của cách sống chủ động trong cuộc sống. Đó là cách sống con người làm chủ được hoàn cảnh, cuộc sống, dám nghĩ, dám hành động.	1,0

		* Bàn luận: - Biểu hiện: Sống ở thế chủ động là hành động độc lập với hoàn cảnh xung quanh, làm chủ được tình thế, dám nghĩ, dám hành động trên tất cả mọi lĩnh vực, chủ động tìm tòi, chủ động đề nghị, chủ động dẫn thân... - Cách sống chủ động có ý nghĩa quan trọng trong cuộc sống hiện đại: + Cuộc sống hiện đại với nhiều thay đổi, luôn tồn tại những thách thức, tiềm ẩn rủi ro,... Cách sống chủ động giúp con người không bối rối, lúng túng. Từ đó, con người bình tĩnh, linh hoạt tìm được cách giải quyết. + Sống chủ động giúp con người nắm bắt được những cơ hội đạt thành công. + Người sống ở thế chủ động sẽ phát huy được năng lực của bản thân, hoàn thành mục tiêu, khát vọng, ước mơ. + Xã hội có nhiều cá nhân sống chủ động sẽ tạo ra một bầu không khí dám nghĩ, dám làm tạo đà cho những thành tựu lớn lao và sự phát triển của đất nước. - Để rèn luyện được cách sống chủ động, con người cần: + Thấy được tác dụng to lớn của việc chủ động an bình trước mọi hoàn cảnh. + Cần rèn luyện phẩm chất, trau dồi tri thức, tích lũy kinh nghiệm để chủ động đối mặt với mọi hoàn cảnh. - Mở rộng: + Con người không nên sống thụ động, dựa dẫm, thiếu tự tin,... + Sống chủ động là quan trọng, nhưng cần thiết phù hợp với hoàn cảnh. Sống chủ động không có nghĩa là liều lĩnh, bất chấp hoàn cảnh... * Bài học: Chủ động là cách sống đúng đắn, cần có ở mỗi người. Tuổi trẻ hãy tự tin, dám nghĩ, dám làm, chủ động sáng tạo tìm kiếm những cơ hội và xây dựng kế hoạch để chinh phục ước mơ.	
--	--	---	--

		<i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Triển khai được ít nhất 2 luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng. Lưu ý: Học sinh có thể trình bày quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	1,5
		<i>đ. Diễn đạt:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết trong văn bản.	0,25
		e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
		I + II	10,0

Đề 12
(Gồm 04 trang)

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT
THEO CẤU TRÚC MINH HỌA
MÔN: NGỮ VĂN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Thể thơ: bảy chữ (thất ngôn)	0,5
	2	Những câu thơ có nhắc đến hình ảnh “máu”: - Bao giờ mặt nhật tan thành máu - Sao bông phượng nở trong màu huyết	0,5
	3	- Các biện pháp tu từ: câu hỏi tu từ, điệp từ, so sánh. - Hiệu quả nghệ thuật: + Tăng sức gợi hình, gợi cảm cho câu thơ; Tạo giọng điệu buồn thương, day dứt, ám ảnh. + Diễn tả nỗi đau đớn, tuyệt vọng trong tâm hồn thi nhân bởi được “yêu vì” mà trong hoàn cảnh khắc nghiệt của mình ông không có cơ hội đền đáp; nhà thơ khao khát để cõi lòng khô cứng và những vết thương lòng không nhói đau, khao khát thoát khỏi nỗi đau; đó cũng chính là tình yêu, sự gắn bó thiết tha với cuộc đời của thi nhân.	1,0
	4	Nội dung 2 câu thơ: - Câu thơ là sự thú nhận của nhà thơ đối với sự mất mát. Bởi chính sự mất mát này đã làm cho nhà thơ yếu đuối và đại khờ. - Tâm trạng buồn, tuyệt vọng trước sự chia li.	1,0
	5	Tâm trạng của nhà thơ: Một cảm giác hẫng hụt đầy bi thương mất mát, con người cảm thấy mình thật nhỏ bé trước vũ trụ bao la.	1,0
II		LÀM VĂN	6,0
	1	Viết đoạn văn khoảng 200 chữ trình bày cảm nhận của anh/chị về đoạn thơ: “Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu/.../Sông dài trời rộng bến cô liêu” (Tràng giang – Huy Cận)	2,0
		<i>a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng đoạn văn;</i>	0,25

		Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng-phân-hợp, móc xích hoặc song hành.	
		<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i> làm rõ giá trị nội dung, nghệ thuật của đoạn thơ.	0,25
		<i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận</i> - Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận, sau đây là một số gợi ý: + Cảnh còn bên đìu hiu, hoang vắng, tĩnh lặng; không gian mở rộng đến khôn cùng, lấn át sự sống của con người. + Tâm trạng của thi nhân: cô đơn trước cái rộn ngợp của không gian vũ trụ bao la, rộng lớn; gợi nỗi buồn nhân thế, nỗi buồn về sự sống quá nhỏ nhoi, rất hữu hạn trong thiên nhiên. + Nghệ thuật: Đảo ngữ, kết hợp từ lạ, sử dụng từ láy hiệu quả, đối,...	0,5
		<i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu:</i> - Lựa chọn được các thao tác lập luận trong phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận: phân tích nội dung, nghệ thuật của đoạn thơ trong bài thơ Tràng giang – Huy Cận. - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng.	0,5
		<i>đ. Diễn đạt:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	0,25
		<i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
	2	Anh/chị hãy viết một bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bàn về ý nghĩa của lòng khoan dung trong cuộc sống.	4,0
		<i>a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài: Nghị luận xã hội</i>	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Vấn đề cần nghị luận: ý nghĩa của lòng khoan dung trong cuộc sống.	0,5
		<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận</i>	1,0

	Học sinh có thể vận dụng các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách. Có thể trình bày theo hướng sau: * Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề. * Triển khai vấn đề nghị luận - Giải thích: Lòng khoan dung là tấm lòng rộng lượng, sẵn sàng tha thứ, bỏ qua cho lỗi lầm của người khác; đồng thời người có lòng khoan dung là người có tấm lòng nhân hậu với mọi người. - Ý nghĩa của lòng khoan dung: + Lòng khoan dung là một trong những đức tính tốt, là biểu hiện của lối sống đẹp, vị tha, vì người khác. + Trong cuộc sống, ai cũng có lúc phạm phải sai lầm, nên việc bao dung, tha thứ là điều cần thiết đối với con người. + Lòng khoan dung, tha thứ cho những sai lầm của người khác sẽ khiến cho mối quan hệ giữa con người trở nên tốt đẹp hơn. + Nếu không biết tha thứ, bỏ qua cho người khác và hẹp hòi, con người sẽ luôn sống trong sự hận thù, mối quan hệ giữa con người sẽ trở nên áp lực, căng thẳng. - Phản đề: Tuy nhiên, lòng khoan dung cũng cần đặt đúng người, đúng việc nếu không sẽ là sự tiếp tay cho cái xấu, cái ác. - Bài học nhận thức và hành động: + Chúng ta cần mở rộng lòng mình để sẵn sàng tha thứ, bỏ qua sai lầm của người khác. + Giúp đỡ người khác nhận ra và khắc phục những sai lầm. - Khẳng định lại vấn đề	
	<i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Triển khai được ít nhất 2 luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng.	1,5

		<i>Lưu ý: Học sinh có thể trình bày quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</i>	
		<i>đ. Diễn đạt:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết trong văn bản.	0,25
		<i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
		I + II	10,0

Đề 13
(Gồm 05 trang)

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT
THEO CẤU TRÚC MINH HỌA
MÔN: NGỮ VĂN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
		ĐỌC HIỂU	4,0
I	1	Thể thơ tự do.	0,5
	2	Hình tượng xuyên suốt đoạn thơ: cỏ/cỏ dại.	0,5
	3	- Biện pháp tu từ liệt kê: <i>dáng mây, dòng sông, ngọn núi, rừng cây, làn khói, mùi hương trong gió</i> . - Tác dụng: + Tạo giọng điệu tha thiết, suy tư + Gọi lên những hình ảnh quen thuộc của quê hương, những hình ảnh gợi thương gợi nhớ vẫn vương lòng người đặc biệt trong hoàn cảnh xa nhà, xa quê. + Gợi tình cảm yêu thương, gắn bó sâu sắc với quê hương của người chiến sĩ.	1,0
	4	Tình cảm của người chiến sĩ đối với quê hương: - Yêu quê hương tha thiết. - Luôn nhớ về quê hương. - Xót xa khi quê nhà bị tàn phá. - Đau đáu hướng về sự hồi sinh của quê hương	1,0
	5	Học sinh rút ra bài học phù hợp về lẽ sống tích cực. Có thể là: - Bài học về ý chí, nghị lực. - Bài học về sự kiên cường. - Bài học về sự dũng cảm. - Bài học về sức sống mãnh liệt. * Phải lí giải được vì sao lựa chọn thông điệp đó.	1,0
II		VIẾT	6,0
	1	Viết đoạn văn nghị luận khoảng 200 chữ phân tích, đánh giá tình huống truyện trong truyện ngắn <i>Đau gì như thể...</i> của Nguyễn Ngọc Tư	2,0

	<i>a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng đoạn văn;</i> Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng-phân-hợp, móc xích hoặc song hành. <i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i> phân tích, đánh giá tình huống truyện Đau gì như thế... (Nguyễn Ngọc Tư) <i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> HS có thể viết bài nhiều cách trên cơ sở kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm; đảm bảo các yêu cầu sau: - Miêu tả tình huống truyện: ông Tư Nhỏ bị hiểu lầm là người làm cho con gái riêng của vợ cũ có bầu. - Chỉ ra chức năng, nêu đánh giá hiệu quả của tình huống truyện trong tác phẩm: + Là “chìa khóa” giúp vận hành cốt truyện + Khơi gợi suy tưởng, hứng thú diễn giải, khám phá tác phẩm ở người đọc + Góp phần làm rõ tính cách nhân vật ông Tư Nhỏ: hiền hậu, bao dung, tuy nghèo khổ, yếu thế nhưng luôn coi trọng danh dự, phẩm cách. + Góp phần thể hiện chủ - Khẳng định giá trị nghệ thuật của truyện: + gửi gắm đến người đọc triết lí của nhà văn về việc sống trong dư luận của xã hội, đôi lúc, con người cần vượt lên những định kiến, dị nghị để sống an nhiên. Bên cạnh đó, mỗi cá nhân cũng cần tránh cái nhìn phiến diện, chủ quan khi nhìn nhận một sự việc, đánh giá một con người. + là một trong những truyện ngắn tiêu biểu, góp phần làm nên nét đặc trưng trong phong cách sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư. <i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu:</i> - Lựa chọn được các thao tác lập luận trong phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận: phân tích, đánh giá tình huống truyện của truyện ngắn <i>Đau gì như thế ...</i> của Nguyễn Ngọc Tư. - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý.	0,25 0,25 0,5 0,5
--	---	---

		- Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng.	
		<i>đ. Diễn đạt:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	0,25
		<i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
	2	Viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của bạn về lối sống biết trân trọng những điều bình dị trong cuộc sống.	4,0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc của một bài văn nghị luận xã hội</i> Có đầy đủ <i>Mở bài</i> , <i>Thân bài</i> , <i>Kết bài</i> . <i>Mở bài</i> giới thiệu được vấn đề, <i>Thân bài</i> triển khai được vấn đề, <i>Kết bài</i> khái quát được vấn đề.	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Lối sống biết trân trọng những điều bình dị trong cuộc sống.	0,5
		<i>c. Triển khai vấn đề cần nghị luận thành các luận điểm</i> Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Dưới đây là một vài gợi ý: * Giải thích: - <i>Trân trọng:</i> thái độ nâng niu, coi trọng, <i>điều bình dị:</i> những điều nhỏ bé, giản dị xung quanh cuộc sống mỗi con người. - <i>Trân trọng những điều bình dị trong cuộc sống</i> là thái độ coi trọng, nâng niu, trân quý những điều nhỏ bé, giản dị xung quanh cuộc sống mỗi con người. * Bàn luận: - <i>Vì sao cần trân trọng những điều bình dị trong cuộc sống?</i> + Cuộc sống là bức tranh muôn màu, là sự tổng hòa của những điều lớn lao và nhỏ bé bình dị, đời thường. Những điều bình dị thuộc về một phần tất yếu của cuộc sống. + Mỗi con người chỉ có duy nhất một lần để sống trên cõi đời, bởi vậy cần trân trọng cuộc sống, mà trước hết là những điều nhỏ bé bình dị xung quanh. - <i>Ý nghĩa của sự trân trọng những điều bình dị trong cuộc sống</i> + Những điều bình dị xung quanh ta có thể là một nhánh cây, ngọn cỏ, một ánh mắt thân thương, một nụ cười ấm áp, một cuộc	1,0

	gặp gỡ bạn bè, một bữa cơm gia đình, một câu nói quan tâm,... Đó là những điều rất giản đơn, bình dị mà con người có thể gặp ở bất cứ đâu trong cuộc sống hàng ngày. + Những điều nhỏ bé là cơ sở, là nền tảng tạo nên những điều lớn lao (muôn triệu giọt nước tạo nên biển cả, muôn vạn cây xanh tạo nên cánh rừng bạt ngàn, những cử chỉ quan tâm tạo nên tình yêu thương gắn kết, những thành tựu vĩ đại được kiến tạo từ những suy nghĩ, hành động... chi tiết, giản đơn nhất...). + Trân trọng những điều bình dị là cách chúng ta thể hiện lòng biết ơn đối với cuộc sống, tạo thêm yêu thương và sự kết nối với cuộc sống đang diễn ra xung quanh, nhìn nhận cuộc đời tích cực, biết mở rộng tâm hồn, đón nhận cảm giác gần gũi, bình yên.... + Khi làm được những điều bình dị nhỏ bé, con người thêm tự tin vào bản thân mình; có động lực để vượt qua khó khăn, thử thách, phát huy hết khả năng tiềm ẩn trong mình để vươn tới những điều lớn lao, cao cả. Đó là khi con người được sống ý nghĩa, nhân văn... * Mở rộng: - Không trân trọng những điều bình dị xung quanh, thờ ơ với thế giới muôn màu sắc của cuộc sống, chúng ta dần trở nên lạc lõng trong chính cuộc sống của bản thân mình. Xem thường những điều bình dị nhỏ bé, chúng ta dần đánh mất đi giá trị của cuộc sống. - Phê phán những người quá mải mê chạy theo những gì lớn lao mà quên mất những điều nhỏ bé trong cuộc sống hàng ngày. - Tuy nhiên, trân trọng những điều bình dị không có nghĩa là bằng lòng với những gì vụn vặt, tầm thường hoặc không bao giờ biết mơ ước tới những điều lớn lao, kì vĩ, có ảnh hưởng tích cực cho cuộc sống của tất cả mọi người. * Bài học: - Nhận thức: cuộc sống được tạo thành từ những điều rất nhỏ. Đừng thờ ơ, cũng đừng vì chạy theo những điều lớn lao mà quên mất những điều bình dị quanh mình. - Biết tìm niềm vui trên cõi sống ngay từ những gì thân quen, trân trọng những gì nhỏ bé, lấy đó làm cơ sở để thực hiện những ước mơ, khát vọng lớn.	
--	---	--

		- Làm điều nhỏ bé: Học tập, rèn luyện, nỗ lực phấn đấu trở thành người có ích cho xã hội... riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật)	
		<i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Triển khai được ít nhất 2 luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng. Lưu ý: Học sinh có thể trình bày quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	1,5
		<i>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.	0,25
		<i>f. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ, sáng tạo.	0,5
		I + II	10,0

Đề 14
(Gồm 04 trang)

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT
THEO CẤU TRÚC MINH HỌA
MÔN: NGỮ VĂN

Phần	Câu	NỘI DUNG	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	- Đoạn trích được kể theo ngôi thứ nhất. - Đoạn trích chủ yếu được kể từ điểm nhìn của nhân vật “tôi”.	0.5
	2	Chi tiết khiến nhân vật “tôi” cảm thấy “ <i>vừa thương xót con chó, vừa thấy xấu hổ</i> ”: <i>Từ trong hai con mắt đờ đẫn của nó mấy giọt nước chảy ra. Lát sau thì nó không liếm được nữa, cái đuôi ngoáy yếu dần, yếu dần rồi im hẳn. Nó chết.</i>	0.5
	3	Đoạn trích kể lại tình huống khi chạy giặc, gia đình nhân vật “tôi” đã bỏ lại con chó xấu xí nhưng mặc dù bị bỏ lại nó vẫn cố lết về nhà chủ, gặp lại chủ rồi mới chết.	1,0
	4	- Chi tiết này có ý nghĩa: + thể hiện sự trung thành của con chó với chủ. + thể hiện sự cảm động, áy náy của nhân vật “tôi” và quyết tâm “sẽ nuôi” con chó khi trở lại. Chi tiết như lời hứa từ trong thâm tâm của nhân vật “tôi”, bỏ đi sẽ không thấy được sự vô tâm của nhân vật “tôi” khi hứa mà không làm. + khiến truyện trở nên hấp dẫn hơn.	1.0
	5	Học sinh tự rút ra bài học cho bản thân, miễn là tích cực, liên quan đến nội dung câu chuyện và lí giải được vì sao chọn bài học đó. Tham khảo: - Cần sống yêu thương, trân trọng mọi thứ xung quanh mình. - Cần sống có tình có nghĩa, biết giữ lời hứa, tránh xa lối sống vô cảm, thờ ơ, hời hợt...	1,0
II		VIẾT	6,0
	1	Anh/ chị hãy viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) làm rõ đặc trưng của thơ trữ tình qua đoạn thơ trên.	2.0
		a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn	0.25

		Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.	
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: đặc trưng của thơ trữ tình qua đoạn thơ	0.25
		c. Triển khai vấn đề nghị luận HS trình bày suy nghĩ về vấn đề nghị luận dựa trên những gợi ý sau đây: - Đặc trưng của thơ là bộc lộ cảm xúc, những rung động trong tâm hồn con người. Khổ thơ trên hấp dẫn bởi xúc cảm mãnh liệt của thi nhân, đó là tình yêu quê hương tha thiết. Mỗi câu thơ vẽ lên một khung cảnh thân thương với mỗi người: quê hương là chùm khế ngọt – hình ảnh gần gũi gợi kỷ niệm tuổi ấu thơ; quê hương là đường đi học – con đường tới trường, con đường đưa ta đến với tri thức và tương lai. - Khổ thơ còn hấp dẫn bởi ngôn ngữ thơ giản dị, tự nhiên mà hàm súc, giàu sức gợi; nghệ thuật so sánh độc đáo, biện pháp điệp cấu trúc...	0,5
		d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu: - Lựa chọn được các thao tác lập luận trong phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận: phân tích đặc trưng của thơ trữ tình qua đoạn thơ trong bài Quê hương của Đỗ Trung Quân. - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng.	0,5
		đ. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0.25
		e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ, có dẫn chứng thuyết phục.	0.25
2		Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về vấn đề: thói quen ỷ lại là căn bệnh đang dần huỷ diệt sức trẻ.	4.0
		a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận xã hội	0,25

	b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: thói quen ỷ lại – căn bệnh hủy diệt sức trẻ.	0,5
	c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm - Giải thích + <i>Ỡ lại</i>: là thụ động, dựa dẫm, trông chờ vào sự giúp đỡ của người khác mà không có ý thức trách nhiệm hay cố gắng. + <i>Căn bệnh đang hủy diệt sức trẻ</i>: là cách nói hình ảnh diễn tả tác hại của thói ỷ lại đến thể hệ trẻ, khiến họ trở nên thụ động, không có khả năng đối phó với những thử thách trong cuộc sống. → Câu nói nhấn mạnh đến tác hại của thói ỷ lại và cảnh báo về hiện tượng thói ỷ lại đang là căn bệnh nguy hiểm đối với con người, đặc biệt là thế hệ trẻ. - Thực trạng Hiện nay có nhiều bạn trẻ tự lập, tự làm việc và khẳng định chính mình nhưng cũng còn bộ phận không nhỏ những bạn trẻ sống ỷ lại, dựa dẫm vào người khác. Họ thờ ơ với cuộc sống, công việc học tập của chính mình, không suy nghĩ cho tương lai, để mặc bố mẹ sắp đặt mọi việc. Không khó để bắt gặp những cảnh tượng bố mẹ đưa đón con đi học mỗi ngày dù con đã học cấp ba. Ở nhà, họ không có ý thức tự giác giúp đỡ bố mẹ, ở trường không tự giác học tập, gặp bài tập khó thì nhờ bạn bè giải giúp... - Nguyên nhân + Do sự lười biếng trong cả vận động và tư duy. Họ thích sống dựa vào người khác, thiếu đi tính độc lập, tự chủ cần có. + Do được gia đình nuông chiều. Bố mẹ gần như quyết định hộ con cái mọi thứ và nhiệm vụ của đứa con chỉ là ngoan ngoãn làm theo ý cha mẹ, nếu có vấn đề gì thì cha mẹ sẽ là người chịu trách nhiệm. - Tác hại + Người sống ỷ lại, quen dựa dẫm thường lười lao động, suy nghĩ, tư duy, thiếu năng lực đưa ra quyết định trong những hoàn cảnh cần thiết. Từ đó, họ không làm chủ được cuộc đời, không có bản lĩnh, không có sáng tạo... dễ gặp thất bại trong mọi việc.	1,0

	+ Họ trở thành gánh nặng cho gia đình, xã hội. Họ giao phó vận mệnh của mình vào tay người khác và đánh mất hoàn toàn quyền tự chủ trong công việc cũng như trong cuộc sống. + Thói quen ỷ lại còn làm ảnh hưởng đến sự phát triển của xã hội. Tương lai của đất nước không thể tốt đẹp nếu những chủ nhân tương lai lười biếng, ỷ lại như vậy. - Bài học nhận thức và hành động + Thế hệ trẻ cần học cách tự đứng trên đôi chân của mình, không được tự biến mình thành cây tầm gửi trong cuộc sống. + Gia đình, nhà trường, xã hội cần thay đổi quan niệm về tình yêu thương và giáo dục, không nuông chiều hay quá bao bọc, cần hình thành và rèn luyện tính tự lập cho con em mình. + Bản thân mỗi chúng ta cần tích cực rèn luyện, trau dồi kiến thức, kỹ năng sống thật tốt để luôn là người có bản lĩnh, có chính kiến và chủ động đưa ra những quyết định tỉnh táo, sáng suốt trong mọi việc.	
	<i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Triển khai được ít nhất 2 luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng. Lưu ý: Học sinh có thể trình bày quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	1,5
	d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
	e. Sáng tạo: Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy.	0,5
	I + II	10.0

Đề 15
(Gồm 04 trang)

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT
THEO CẤU TRÚC MINH HỌA
MÔN: NGỮ VĂN**

Phần	Câu	NỘI DUNG	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Đề tài: người nông dân (trước CMT8)	0,5
	2	Nhân vật chính của truyện: bà lão	0,5
	3	- Điểm nhìn trần thuật: Có sự kết hợp linh hoạt giữa điểm nhìn của người kể chuyện (bên ngoài) và điểm nhìn của nhân vật bà lão (bên trong). - Tác dụng: + Tạo nên sự tự nhiên, linh hoạt, hấp dẫn cho lời kể. + Giúp truyện kể vừa có tính bao quát, khách quan vừa cho phép người kể chuyện đi sâu vào thế giới nội tâm bên trong của nhân vật để thấu hiểu cái cùng cực mà đời nghèo mang lại cũng như nỗi đau đớn, tủi nhục của người nông dân trước CMT8 khi phải đánh đổi liêm sỉ để có miếng ăn, để tồn tại.	1,0
	4	Qua nhân vật bà lão, nhà văn Nam Cao muốn nói lên hiện thực: - Cảnh sống nghèo đói, khốn cùng của người nông dân trước CMT8. - Người nông dân trước CMT8 vốn là những con người lương thiện nhưng dưới sự áp bức, bóc lột của chế độ TD nửa PK họ đã bị đẩy đến đường cùng, bị bần cùng hóa và bị tha hóa.	1,0
	5	- Rút ra bài học: Hoàn cảnh sống có tác động rất lớn đến nhân cách của con người. Vì miếng ăn, con người có thể sẽ tự đánh mất đi bản chất lương thiện của mình. - Lí giải	1,0
II		VIẾT	6,0
	1	Viết đoạn văn nghị luận khoảng 200 chữ phân tích tâm trạng của nhân vật Thúy Kiều trong đoạn trích sau: Biết bao bướm lả ong lơ/.../Thân sao bướm chán ong chường bấy thân (Truyện Kiều - Nguyễn Du)	2,0

	a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.	0.25
	b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Tâm trạng của Thúy Kiều qua đoạn thơ.	0.25
	c. Triển khai vấn đề nghị luận Học sinh trình bày suy nghĩ về vấn đề nghị luận dựa trên những gợi ý sau đây: - Nhân vật trữ tình là người trực tiếp thổ lộ những suy nghĩ, cảm xúc trong bài thơ. Trong đoạn thơ trên, nhân vật trữ tình chính là Thúy Kiều. - Tâm trạng của Thúy Kiều khi phải tiếp khách làng chơi: + Cảnh sống ô nhục, nhơ nhớp: <i>bướm lả - ong lơi, cuộc say, trận cười, sớm đưa Tống Ngọc, tối tìm Trường Khanh...</i> + Sự tự thương mình của Kiều > biểu hiện mới mẻ chủ nghĩa nhân đạo + Nỗi nhục nhã, ê chề khi Kiều nhìn lại bản thân ở hiện tại với quá khứ: <i>Mặt sao dày gió dạn sương, thân sao bướm chán ong chường.</i> => Đoạn trích thể hiện nỗi đau thân phận và sự tự thương mình của Kiều khi phải sống trong lầu xanh; Thể hiện sự đồng cảm, xót thương và niềm tin vào phẩm giá ở Kiều của Nguyễn Du. - Nghệ thuật: ngôn ngữ thơ hàm súc, ước lệ, giàu sức gợi; biện pháp đối, lặp cấu trúc, câu hỏi tu từ, điển tích điển cố... vừa giúp thể hiện chân thực, không né tránh cảnh sống ô nhục của Kiều vừa giữ được sự thanh cao cho nhân cách của Kiều.	0,5
	d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu: - Lựa chọn được các thao tác lập luận trong phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận: phân tích tâm trạng của Kiều trong đoạn trích. - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng.	0,5
	đ. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0.25

		e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ, có dẫn chứng thuyết phục.	0.25
	2	Viết một bài nghị luận khoảng 600 chữ với vấn đề: <i>Sự thích ứng của giới trẻ trong bối cảnh hội nhập hiện nay.</i>	4,0
		a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận xã hội	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: <i>Sự thích ứng của giới trẻ trong bối cảnh hội nhập hiện nay.</i>	0,5
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm <i>- Bối cảnh thời đại và thực tế hội nhập của Việt Nam trong những năm gần đây:</i> + Tham gia sâu rộng vào các diễn đàn quốc tế và quá trình toàn cầu hóa; + Mở rộng quan hệ đối ngoại theo phương châm đa phương hóa, đa dạng hóa... <i>- Vai trò/sự cần thiết phải thích ứng (và thay đổi) của giới trẻ trong bối cảnh hội nhập:</i> + Tuổi trẻ là trung tâm, là chủ thể, là nguồn lực quan trọng nhất của sự phát triển. Sự năng động tích cực của giới trẻ trong bối cảnh hội nhập sẽ bảo đảm cho sự phát triển bền vững của xã hội. + Thế giới đang thay đổi từng ngày, từng giờ, các cuộc cách mạng công nghệ phát triển như vũ bão; kinh tế, chính trị với rất nhiều các chính sách được hình thành và biến đổi không ngừng... Bối cảnh này buộc giới trẻ phải không ngừng linh hoạt thay đổi để thích ứng với cái mới. Nếu không làm mới mình, giới trẻ sẽ bị tụt hậu và dễ dàng bị đánh bật ra khỏi cuộc chơi trong công cuộc toàn cầu hóa. <i>- Giới trẻ cần làm gì để thích ứng và hội nhập:</i> + Trong bối cảnh hội nhập, giới trẻ cần linh hoạt thay đổi về mặt nhận thức, cần chủ động tham gia vào quá trình hội nhập quốc tế; tham gia giải quyết các vấn đề toàn cầu; tham gia vào công tác ngoại giao... để nâng tầm ảnh hưởng của quốc gia trên trường quốc tế. Đặc biệt, cần tích cực thay đổi về tư duy và hành động để chuẩn bị vững chắc các hành trang về ngoại ngữ, tin học, rèn luyện	1,0

	kĩ năng giao tiếp, kĩ năng làm việc chung để dễ dàng thích nghi trong bối cảnh hội nhập. + Tuy nhiên, bối cảnh hội nhập quốc tế và những biến động đa chiều của nó cũng đang tác động sâu sắc và đa chiều đến tư tưởng, tình cảm đạo đức và lối sống của nhiều tầng lớp trong xã hội, trong đó có giới trẻ... Vì vậy, vấn đề đặt ra, giới trẻ cần thay đổi linh hoạt để hòa vào sự phát triển chung, nhưng vẫn phải có ý thức giữ vững những giá trị thuộc về truyền thống, bản sắc tốt đẹp của dân tộc mình. Cần linh hoạt chủ động thay đổi để hòa nhập chứ không hòa tan. - Bài học nhận thức và hành động cho bản thân.	
	<i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Triển khai được ít nhất 2 luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng. Lưu ý: Học sinh có thể trình bày quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	1,5
	đ. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
	e. Sáng tạo: Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy.	0,5
I + II		10,0

Đề 16
(Gồm 04 trang)

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT
THEO CẤU TRÚC MINH HỌA
MÔN: NGỮ VĂN**

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Ngôi thứ nhất	0,5
	2	Bối cảnh không gian trong truyện: - Không gian: đường phố; dãy nhà thấp lè tè, xiêu vẹo của những người nghèo; trong căn nhà lụp xụp của người phu xe. - Thời gian: mùa đông rét mướt.	0,5
	3	Chủ đề của truyện ngắn <i>Một con giạn</i> : - Phê phán sự giận dữ của con người dẫn đến những lời nói, việc làm nhẫn tâm. - Niềm xót thương cho những cảnh đời nghèo khổ, dưới đáy xã hội thành thị.	1,0
	4	Ý nghĩa của việc di chuyển điểm nhìn từ nhân vật tôi sang nhân vật bà cụ: - Qua suy nghĩ, cách đánh giá của bà cụ, nhân vật tôi thấu rõ hơn nỗi khổ của gia đình anh phu xe cũng như hành động nhẫn tâm của chính mình. - Tạo nên sự đa dạng trong giọng điệu, làm tăng sức hấp dẫn cho câu chuyện.	1,0
	5	- Học sinh thể hiện rõ quan điểm đồng tình hay không đồng tình với câu nói của nhân vật tôi. - Có sự lí giải phù hợp, thuyết phục. Có thể theo hướng: khi nóng giận, người ta dễ mất đi lí trí, sẽ có những lời nói, hành động chỉ để giải tỏa những cảm xúc nhất thời, làm tổn hại đến người khác và chính bản thân mình...	1,0
II		VIẾT	6.0
	1	Viết đoạn văn nghị luận khoảng 200 chữ làm rõ nghệ thuật miêu tả nhân vật Từ Hải trong đoạn trích sau: Làn thâu gió mát trăng thanh,	2,0

	...	
	Gươm đàn nửa gánh, giang sơn một chèo (Trích Truyện Kiều - Nguyễn Du)	
	a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.	0.25
	b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: nghệ thuật miêu tả nhân vật Từ Hải trong đoạn trích.	0.25
	c. Triển khai vấn đề nghị luận Học sinh trình bày suy nghĩ về vấn đề nghị luận dựa trên những gợi ý sau đây: - Từ Hải là nhân vật chính diện - Từ Hải được xây dựng bằng bút pháp lãng mạn, lí tưởng hóa với các từ ngữ miêu tả ngoại hình, sức mạnh, hành động phi thường, phẩm chất của một người anh hùng cái thế: <i>râu hùm, hàm én, mày ngài, vai năm tấc rộng, thân mười thước cao, cón quyền hơn sức, gươm đàn nửa gánh...</i> - Từ Hải là hiện thân của giấc mơ tự do, công lí và Nguyễn Du muốn gửi gắm qua tác phẩm.	0,5
	d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu: - Lựa chọn được các thao tác lập luận trong phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận: nghệ thuật miêu tả nhân vật Từ Hải trong đoạn trích. - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng.	0,5
	đ. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0.25
	e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ, có dẫn chứng thuyết phục.	0.25
2	Từ nội dung truyện ngắn <i>Một cơn giận</i>, hãy viết bài văn nêu lên suy nghĩ của anh/ chị về tầm quan trọng của việc kiểm soát cơn nóng giận trong cuộc sống.	4,0

	<i>1. Đảm bảo cấu trúc bài nghị về một vấn đề đặt ra trong tác phẩm văn học</i> Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề	0,25
	<i>2. Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i> tầm quan trọng của việc kiểm soát cơn nóng giận của bản thân.	0,5
	<i>3. Triển khai vấn đề thành các luận điểm</i> HS có thể triển khai bài theo nhiều cách nhưng cần vận dụng linh hoạt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng, đảm bảo các yêu cầu sau: - Cơn giận của nhân vật tôi trong truyện ngắn <i>Một cơn giận</i>: + Vì mang trong mình nỗi bức tức, Thanh đã thản nhiên, phớt lờ sự thỉnh cầu của người phu xe, khiến anh ta bị cảnh sát bắt. + Sau khi cơn giận qua đi, Thanh mới thấy hối hận vì những việc mình làm, thấy khinh bỉ chính mình. Anh tìm đến nơi ở của người phu xe để chuộc lỗi. Ở đây, anh biết được tình cảnh thê thảm của gia đình anh phu xe mà nguyên nhân chỉ vì một câu nói của Thanh trong lúc nóng giận. + Chỉ vì sự giận dữ mà Thanh đã có hành động tàn nhẫn, để lại những hậu quả đáng tiếc, bản thân anh cảm thấy hối hận, tự trách. Câu chuyện của Thanh như lời cảnh tỉnh mỗi người về tầm quan trọng của việc kiểm soát cơn nóng giận của chính mình. - Giải thích: cơn nóng giận là trạng thái cảm xúc tiêu cực, sự bức bối, nóng nảy đến mức không kiểm soát được hành động, lời nói. Cơn nóng giận thường được hình thành khi người đó bị xúc phạm, lừa dối hay thất bại... - Tầm quan trọng của việc kiểm soát cơn nóng giận trong cuộc sống: + Kiểm soát cơn nóng giận giúp ta giữ được sự bình tĩnh, sáng suốt để giải quyết mọi vấn đề trong cuộc sống. + Giúp duy trì được trạng thái tích cực, là cơ sở xây dựng một cuộc sống hạnh phúc và thành công. + Việc kiểm soát cơn nóng giận giúp cải thiện các mối quan hệ xã hội, tạo điều kiện gỡ bỏ những mâu thuẫn, khúc mắc, góp phần tạo dựng một xã hội tốt đẹp, nhân văn. + Cơn nóng giận không được kiểm soát, sẽ làm mất đi sự tỉnh	1,0

	táo của lí trí; làm tổn hại đến người khác, và chính bản thân mình; làm rạn nứt các mối quan hệ; đánh mất đi cơ hội, đổ vỡ những điều tốt đẹp; làm xấu đi hình ảnh của chính bản thân. (HS lấy dẫn chứng thực tế để chứng minh) - Bài học nhận thức và hành động + Cần học cách kiềm chế cơn nóng giận, bình tĩnh xử lí và giải quyết vấn đề. + Không nên đưa ra những quyết định khi đang nóng giận; học cách im lặng để bình tĩnh lại và suy nghĩ thấu đáo mọi việc.	
	d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau: - Triển khai được ít nhất 2 luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng. Lưu ý: Học sinh có thể trình bày quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	1,5
	đ. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
	e. Sáng tạo: Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy.	0,5
	I + II	10,0

Đề 17
(Gồm 05 trang)

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT
THEO CẤU TRÚC MINH HỌA
MÔN: NGŨ VĂN

Phần	Câu	NỘI DUNG	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm	0,5
	2	Nhân vật trữ tình trong đoạn trích là Thúy Kiều	0,5
	3	- Các biện pháp tu từ: Đối, câu hỏi tu từ - Tác dụng: + Tạo nhịp điệu và âm hưởng day dứt, khắc khoải cho đoạn thơ + Nhấn mạnh sự đối lập giữa quá khứ tươi đẹp, êm đềm, hạnh phúc với hiện tại bể bàng, nhục nhã ê chề của Kiều. Kiều luôn tự ý thức sâu sắc về nỗi đau thân phận và nhân phẩm của mình. Nguyễn Du đồng cảm, xót thương Kiều.	1,0
	4	- Bút pháp ước lệ là cách dùng các hình ảnh ẩn dụ, các điển tích, điển cố như: "bướm lả ong lơ"; "lá gió cành chim"; "sớm đưa Tống Ngọc tới tìm Trường Khanh"... => Bút pháp ước lệ đã giúp cho Nguyễn Du miêu tả chốn "bụi trần" dơ bẩn mà câu thơ vẫn thanh cao, trang nhã. - Với việc sử dụng bút pháp ước lệ, tác giả đã miêu tả chốn lầu xanh mà không hề dung tục. Điều đó không phải là sự né tránh hiện thực nghiệt ngã mà nhân vật đang phải trải qua. Ngược lại Nguyễn Du giữ cho nhân vật của mình chân dung cao đẹp. Không những thế, bằng cách khắc họa tâm trạng, thái độ của Kiều, nhà thơ đã làm cho chân dung nàng trở nên ngời sáng giữa chốn bùn nhơ.	1,0
	5	- Giống nhau: bút pháp tả cảnh ngụ tình, một trong những đặc trưng cơ bản của thi pháp thơ trung đại. - Khác nhau: + Thơ của Đặng Trần Côn thể hiện mối quan hệ giữa cảnh và người. Cảnh buồn kéo theo người buồn. Sự mòn héo, tàn tạ của cảnh vật: cảnh cây sương đượm, tiếng trùng mưa phun làm cho lòng người chinh phụ càng tê tái trong lòng;	1,0

		+ Thơ của Nguyễn Du thể hiện mối quan hệ giữa người và cảnh. Người buồn thì cảnh cũng buồn theo. Cảnh vật trở thành linh hoạt như có một tâm hồn hay một nỗi xúc cảm riêng tư nào đó. Tâm trạng con người đã lan tỏa sang cảnh vật một cách thật tự nhiên và hợp lí.	
II	VIẾT		6,0
	1	Viết đoạn văn nghị luận khoảng 200 chữ làm rõ những đặc điểm của nhân vật trong bi kịch qua đoạn trích sau vở kịch Hồn Trương Ba, da hàng thịt – Lưu Quang Vũ	2,0
		a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.	0.25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: đặc trưng của nhân vật bi kịch qua đoạn trích	0.25
		c. Triển khai vấn đề nghị luận HS trình bày suy nghĩ về vấn đề nghị luận dựa trên những gợi ý sau đây: - Nhân vật chính trong bi kịch thường là nhân vật có phẩm chất, năng lực vượt trội, có khát vọng, lí tưởng đẹp đẽ nhưng phải đối đầu với mâu thuẫn, xung đột không thể hóa giải hoặc sai lầm của chính bản thân và vì thế phải chấp nhận thất bại hoặc cái chết bi thảm như một tất yếu. - Nhân vật trong đoạn bi kịch là nhân vật Trương Ba. Trương Ba hiền lành, tốt bụng, giỏi đánh cờ nhưng do sự tặc trách của Nam Tào, ông bị chết oan. Quan thiên đình sửa sai bằng cách cho ông nhập vào thân xác hàng thịt. Từ đó dẫn đến bao nhiêu khổ đau, ngang trái: Trương Ba đổi khác, xuất hiện nhiều tính xấu; người vợ buồn rầu, không thể quen nổi với hình hài mới của chồng; hạnh phúc gia đình có nguy cơ tan vỡ. - Nhân vật được xây dựng qua lời thoại và hành động kịch sinh động, hấp dẫn ⇒ Qua nhân vật Lưu Quang Vũ gửi gắm triết lí nhân sinh: con người không thể sống trái với lẽ tự nhiên: hồn nọ xác kia. Con người chỉ thực sự hạnh phúc khi được sống là chính mình.	0,5

	d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu: - Lựa chọn được các thao tác lập luận trong phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận: đặc điểm của nhân vật bị kịch trong đoạn trích. - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng.	0,5
	đ. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0.25
	e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ, có dẫn chứng thuyết phục.	0.25
2	Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của mình về vấn đề: Con người cần được sống là chính mình.	4,0
	a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận xã hội	0,25
	b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Suy nghĩ của mình về vấn đề: Con người cần được sống là chính mình.	0,5
	c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm Thí sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần giới thiệu được vấn đề cần bàn luận, hệ thống luận điểm chặt chẽ, lập luận thuyết phục, sử dụng dẫn chứng hợp lí. Sau đây là một hướng gợi ý: - Đảm bảo hình thức, cấu trúc của bài văn nghị luận. - Xác định đúng vấn đề: Con người cần được sống là chính mình Các ý cần đảm bảo: - Giải thích: Sống là chính mình là lối sống mà ở đó con người đạt được sự hài hòa giữa lời nói, hành động bên ngoài với suy nghĩ và tính cách bên trong của bản thân. Biểu hiện: người bộc trực thì trong mọi hoàn cảnh phải luôn nói lời thẳng thắn; người ghét cái xấu thì trong mọi hoàn cảnh phải luôn lên tiếng hoặc hành động để phê phán, chống lại cái xấu...	1,0

- Lợi ích của việc được sống là chính mình:
 - + Giúp con người thể hiện được sự thống nhất giữa suy nghĩ, tính cách bên trong và hành động bên ngoài, không phải đeo mặt nạ, không phải diễn, từ đó mà có đời sống thoải mái, hạnh phúc.
 - + Sống là chính mình giúp con người toàn tâm toàn ý để làm việc mình thích, theo đuổi cái mà mình đam mê, hành động vì những điều mà lương tri mình kêu gọi.
 - + Sống là chính mình sẽ tạo nên bản sắc riêng cho mỗi con người, tạo được ấn tượng trong lòng người khác, từ đó mà được người khác tôn trọng.
 - + Khi sống là chính mình, tức là ta sống trung thực với bản thân, những cái hay cái dở sẽ được bộc lộ rõ ràng, từ đó mà ta có thể nhận ra hoặc được người khác đánh giá để mà phát huy cái hay, khắc phục cái dở.
- Tác hại của việc không được sống là chính mình:
 - + Con người sẽ rơi vào sự dằn vặt, giằng xé do cái bên trong và cái bên ngoài không tìm được sự thống nhất, bên trong một đằng bên ngoài lại phải sống một nẻo
 - + Khi không được sống là chính mình, tức là con người không dám thể hiện bản chất thật của mình, từ đó tạo nên lối sống giả dối, nhu nhược
 - + Khi không được sống là chính mình trong một thời gian dài, con người có khả năng đánh mất con người thực của mình, trở nên ba phải, a dua, đánh mất bản sắc
 - + Người không được sống là chính mình, khi bị phát hiện, sẽ khiến người khác coi thường, xa lánh.
- Giải pháp để được sống là chính mình:
 - + Nhận thức được rằng chỉ khi sống đúng là chính mình, con người mới có được sự thanh thản và hạnh phúc.
 - + Xác định những giá trị cốt lõi của cuộc sống mà mình cần theo đuổi, từ đó hình thành nên một nhân cách độc đáo, một bản sắc riêng biệt và sống một cách trung thực với nhân cách và bản sắc đó.
 - + Dũng cảm sống đúng với bản chất của mình trong mọi hoàn cảnh, mọi tình huống, mọi mối quan hệ.

	- Mở rộng: Sống là chính mình không có nghĩa là bộc lộ mọi thói hư tật xấu, hiện thực hóa mọi suy nghĩ tiêu cực ra bên ngoài. Con người phải luôn biết hoàn thiện nhân cách, vươn tới những điều cao đẹp, và sống là chính mình chính là khi ta sống đúng với bản tính cao đẹp đó.	
	<i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Triển khai được ít nhất 2 luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng. Lưu ý: Học sinh có thể trình bày quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	1,5
	d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
	e. Sáng tạo: Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy.	0,5
	I + II	10,0

Đề 18
(Gồm 04 trang)

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT
THEO CẤU TRÚC MINH HỌA
MÔN: NGỮ VĂN**

Phần	Câu	NỘI DUNG	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Đoạn trích thuộc thể loại: Tùy bút	0,5
	2	Con sông Đà được nói tới với đặc điểm về màu sắc và độ dài	0,5
	3	- Các biện pháp tu từ: so sánh, nhân hóa - Tác dụng: + Làm cho câu văn thêm sinh động, gợi hình, gợi cảm. + Tô đậm vẻ đẹp mềm mại, duyên dáng, thơ mộng, trữ tình của con sông Đà. + Thể hiện sự say mê và tình yêu thiết tha của Nguyễn Tuân giành cho dòng sông.	1,0
	4	Chủ đề của đoạn trích: qua việc miêu tả con sông Đà từ trên cao nhìn xuống và từ trong rừng đi ra, tác giả đã làm nổi bật vẻ đẹp độc đáo và gợi cảm của con sông Đà, qua đó thể hiện sự quan sát tinh tế, sự hiểu biết sâu sắc của tác giả về con sông, đồng thời cũng bộc lộ tình yêu của mình đối với con sông Đà nói riêng và đất nước nói chung.	1,0
	5	Học sinh được tự do rút ra thông điệp và lí giải hợp lí, miễn là tích cực và có liên quan đến nội dung của văn bản. Tham khảo: Phải biết cảm nhận và trân trọng vẻ đẹp của đất nước.	1,0
II		VIẾT	6,0
	1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) làm rõ vẻ đẹp nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ trong bài <i>Tâm vế thống nhất dành cho cha</i> - Nguyễn Hữu Quý	2,0
		a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25

	b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: giá trị nội dung, nghệ thuật của đoạn trích	0,25
	c. Phân tích về đẹp nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ - Nội dung: + Đoạn thơ diễn tả cảm xúc của người con đối với người cha đã hi sinh của mình. Đó là tình yêu, niềm tự hào của người con về sự hi sinh của Cha. Sau bốn mươi năm đón Cha trở về quê hương trên con tàu Thống Nhất, vẫn là chiếc ba lô đã theo Cha đi đánh giặc, “<i>nay ấp iu Cha trong cuộc trở về</i>”. Con mua cho Cha tấm vé tàu “<i>cũng bình thường như bao tấm vé khác</i>”, nhưng “<i>nó không bị xé đi một góc khi Cha bước lên tàu</i>”, bởi chiếc ba lô ấy là hài cốt của Cha. Cảm xúc của con rung rung nghẹn ngào. + Đoạn thơ nói riêng, bài thơ nói chung là một lời tri ân đến những người cha đã hi sinh, để lại gia đình để ra đi chiến đấu. Tấm vé tàu Thống Nhất không chỉ là một tấm vé đưa người trở về, mà nó còn mang ý nghĩa to lớn hơn, là chứng minh thư của những người lính chiến trường. Tấm vé tàu Thống Nhất trở thành biểu tượng cho sự hi sinh và lòng trung thành của những người cha đã đi trước. - Về nghệ thuật: đoạn thơ được viết bằng thể thơ tự do, không có ràng buộc về độ dài và số lượng câu. Tác giả đã sử dụng các từ ngữ tươi sáng, đầy màu sắc để miêu tả những cảm xúc của mình. Những hình ảnh trong bài thơ cũng được tác giả sắp xếp một cách khéo léo, tạo nên một không gian thơ mộng và đầy cảm xúc. Đặc biệt hình ảnh tấm vé như một biểu tượng cho sự trở về, thống nhất nước nhà và ý nghĩa đoàn viên gia đình. Từ “Cha” được viết hoa đã thể hiện tình cảm thiêng liêng, trân trọng của người con trước sự hi sinh của người cha mình.	0,5
	d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu: - Lựa chọn được các thao tác lập luận trong phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận: đặc điểm của nhân vật bi kịch trong đoạn trích. - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng.	0,5

	d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0.25
	e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ, có dẫn chứng thuyết phục.	0.25
2	Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bàn về ý nghĩa của việc vượt qua những giới hạn trong cuộc sống.	4,0
	a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận xã hội	0,25
	b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Suy nghĩ của mình về vấn đề: Con người cần được sống là chính mình.	0,5
	Học sinh có thể trình bày bài viết theo nhiều cách trên cơ sở đảm bảo những yêu cầu sau: - Giới thiệu và dẫn dắt vào vấn đề cần nghị luận: - Triển khai vấn đề nghị luận. * Giải thích Giới hạn: một ngưỡng cao nhất trong khả năng của con người mà ta cảm nhận hoặc tự đặt ra cho mình. Giới hạn còn có nghĩa như con người cũng không được phép vi phạm, không thể bước qua. → Giới hạn có vai trò và ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với cuộc sống của con người. * Bàn luận - Giới hạn giúp con người nhận biết được bản thân mình đang ở đâu và làm được những gì; đồng thời là lời cảnh tỉnh người khác không được vượt qua những quy tắc mà bản thân mỗi người đặt ra. - Việc đặt ra giới hạn là cần thiết trong một số trường hợp: trong các mối quan hệ, giới hạn làm cho khoảng cách của con người dường như có xa nhau hơn một chút nhưng đó là khoảng cách cần thiết để con người được tự do sống với những suy nghĩ của mình, của bản thân. - Tuy nhiên, có vài khía cạnh chúng ta không nên đặt giới hạn cho mình trong việc chinh phục những đỉnh cao. Nếu ta đặt ra	1,0

	những giới hạn về khả năng mà như không cố gắng thì ta sẽ khó có được thành công. <i>* Mở rộng:</i> - Trong cuộc sống vẫn còn có nhiều người sống trong vòng an toàn, không chịu nỗ lực vươn lên để bứt phá, tạo ra giá trị tốt đẹp cho bản thân, cho xã hội. - Lại có những trường hợp cần có giới hạn ta lại xâm phạm qua giới hạn đó và gây nhiều hậu quả tai hại. - Liên hệ bản thân: Mỗi chúng ta hãy hiểu đúng về giá trị, ý nghĩa của “giới hạn”; biết đặt giới hạn đúng lúc, đúng chỗ, biết bứt phá khỏi giới hạn đúng trường hợp để có được một cuộc sống tốt đẹp, thành công, bền vững hơn. - Khẳng định lại lợi ích của vượt qua những giới hạn trong cuộc sống.	
	<i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Triển khai được ít nhất 2 luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng. Lưu ý: Học sinh có thể trình bày quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	1,5
	<i>đ. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
	<i>e. Sáng tạo:</i> Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy.	0,5
I + II		10,0

Đề 19
(Gồm 04 trang)

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT
THEO CẤU TRÚC MINH HỌA
MÔN: NGỮ VĂN**

Phần	Câu	NỘI DUNG	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Phương thức biểu đạt chính: nghị luận	0,5
	2	Đoạn trích trên bàn về vấn đề thơ Xuân Diệu	0,5
	3	- Biện pháp ẩn dụ: <i>con hổ ngự trị trên rừng xanh, con chim đại bàng bay một lần chín vạn dặm.</i> - Tác dụng: + Tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt + Hình ảnh “con hổ ngự trị trên rừng xanh”, “con chim đại bàng bay một lần chín vạn dặm” biểu tượng cho cuộc sống vĩ đại, lớn lao. Tác giả muốn nói rằng: để sống thực sự có ý nghĩa, con người vừa có thể sống một cuộc đời lừng lẫy, vừa lại có thể sống một cách tinh tế, cảm nhận một cách sâu sắc từ những thứ nhỏ bé nhất của cuộc sống.	1,0
	4	“Sự rung động tinh vi” mà tác giả nói tới trong đoạn trích có nghĩa là: Đó là sự nhạy cảm, tinh tế của tâm hồn Xuân Diệu. Ông cảm nhận được những sự vật, những trạng thái tinh vi nhất của sự vật, hiện tượng và thể hiện những cảm nhận ấy trong thơ của mình	1,0
	5	Học sinh được tự do rút ra và lí giải hợp lí bài học, miễn là tích cực và liên quan đến nội dung đoạn trích. Tham khảo: - Cần sống hết mình trong từng khoảnh khắc - Cần biết trân trọng cuộc sống	1,0
II		VIẾT	6,0
	1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích, đánh giá giá trị nội dung và nghệ thuật của đoạn trích “Tôi giấu giếm vợ tôi... Chỉ có tôi với Bình Tư hiểu” (Trích <i>Lão Hạc</i> , Nam Cao)	2,0
		<i>a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn</i>	0,25

	Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.	
	b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: giá trị nội dung và nghệ thuật của đoạn trích truyện ngắn Lão Hạc (Nam Cao)	0,25
	c. Triển khai vấn đề nghị luận: - Giá trị nội dung: + Đoạn trích phản ánh cuộc sống bị đẩy vào con đường bán cùng hóa của người nông dân nghèo trước CMT8. + Bị áp bức bóc lột, bị đẩy đến bước đường cùng, có những người nông dân đã bán rẻ nhân cách để có miếng ăn, để tồn tại như Binh Tư nhưng cũng có những con người như Lão Hạc dù phải chết cũng không từ bỏ sự lương thiện. Lão Hạc giàu lòng tự trọng, giàu tình thương, có trách nhiệm với con, đặc biệt có ý thức giữ gìn phẩm giá. + Ngợi ca Lão Hạc, Nam Cao thể hiện niềm tin vào bản chất lương thiện của con người vẫn luôn tồn tại và chiến thắng hoàn cảnh. Đoạn trích mang giá trị hiện thực và nhân đạo sâu sắc. - Giá trị nghệ thuật: Truyện được kể ở ngôi thứ nhất; ngôn ngữ giản dị; cốt truyện chặt chẽ, hấp dẫn; nhân vật có cá tính sắc nét; chi tiết đặc sắc; giọng văn lạnh lùng, khách quan nhưng bên trong ấm nóng yêu thương.	0,5
	d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu: - Lựa chọn được các thao tác lập luận trong phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận: đặc điểm của nhân vật bị kịch trong đoạn trích. - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng.	0,5
	đ. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25
	e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ, có dẫn chứng thuyết phục.	0,25

2	“Cuộc sống không phải để sợ, mà là để hiểu. Đây chính là lúc chúng ta cần phải tìm hiểu nhiều hơn về cuộc sống để làm vơi bớt mọi nỗi sợ hãi.” (Marie Curie) Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của bản thân về ý kiến trên.	4,0
	a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận xã hội	0,25
	b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Trình bày suy nghĩ về sự cần thiết phải biết trân trọng cuộc sống.	0,5
	c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm Thí sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần giới thiệu được vấn đề cần bàn luận, hệ thống luận điểm chặt chẽ, lập luận thuyết phục, sử dụng dẫn chứng hợp lí. Sau đây là một số gợi ý: I. MỞ BÀI - Nêu vấn đề xã hội cần nghị luận: Muốn sống một cuộc đời ý nghĩa, không hối tiếc, con người cần phải biết trân trọng cuộc sống. - Nêu tính cấp thiết của vấn đề: Trong xã hội xô bồ, hối hả hiện nay, trân trọng cuộc sống là một vấn đề có ý nghĩa vô cùng quan trọng. II. THÂN BÀI 1. Giải thích vấn đề: Trân trọng cuộc sống là sống một cách ý nghĩa trong từng khoảnh khắc của cuộc sống. 2. Sự cần thiết phải trân trọng cuộc sống: - Cuộc sống của mỗi con người chỉ có một quỹ thời gian hữu hạn, và một khi trôi qua thì chúng ta không thể lấy lại được. - Trân trọng cuộc sống giúp ta biết sử dụng từng khoảnh khắc của cuộc sống một cách ý nghĩa nhất - Trân trọng cuộc sống giúp chúng ta có thái độ cân trọng trước mọi lựa chọn trong cuộc đời - Trân trọng cuộc sống giúp chúng ta đạt được những mục tiêu mà mình đề ra	1,0

	- Trân trọng cuộc sống giúp chúng ta có đời sống nội tâm thanh thản, không dằn vặt, hối tiếc về quá khứ 3. Nêu giải pháp: - Cần ý thức được sự quý giá của cuộc sống, sự hữu hạn của đời người - Cần có những cảm nhận sâu sắc về mọi phút giây của cuộc sống, mọi sự vật, hiện tượng, sự kiện xảy ra trong mọi khoảnh khắc của cuộc sống - Cần có kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để chủ động hơn trong cuộc sống, từ đó để không lãng phí thời gian vô ích - Cần đầu tư bản thân vào những việc hữu ích, tránh xa những thứ vô bổ... III. KẾT BÀI - Khẳng định vấn đề: Trân trọng cuộc sống là một vấn đề có tầm quan trọng thiết yếu và có tính cấp bách đối với cuộc sống của mỗi con người. - Nêu ý nghĩa thực tiễn của vấn đề: Mỗi chúng ta, ngay từ bây giờ, cần ý thức được sự quý giá của thời gian, của cuộc sống, để sống một cách say mê, hữu ích, làm cho cuộc sống của chúng ta trở nên ý nghĩa hơn.	
	<i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Triển khai được ít nhất 2 luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng. Lưu ý: Học sinh có thể trình bày quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	1,5
	<i>đ. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
	<i>e. Sáng tạo:</i> Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy.	0,5
I + II		10,0

Đề 20
(Gồm 04 trang)

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT
THEO CẤU TRÚC MINH HỌA
MÔN: NGỮ VĂN

Phần	Câu	NỘI DUNG	Điểm
I	ĐỌC HIỂU		4,0
	1	Thể loại của văn bản: văn bản thông tin. Phương thức biểu đạt chính: thuyết minh	0,5
	2	Văn bản cung cấp thông tin về Nhà Trăm Cột. Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ được sử dụng trong văn bản: hai hình ảnh có chú thích (toàn cảnh và phía trước Nhà Trăm Cột)	0,5
	3	Nhan đề của văn bản đã khái quát được giá trị của đối tượng được hướng đến, đồng thời tạo được sự lôi cuốn, hấp dẫn đối với người đọc.	1,0
	4	Học sinh nêu những hành động cụ thể để quảng bá những di tích lịch sử - văn hoá của dân tộc một cách hợp lí, thuyết phục, có thể theo hướng: đầu tư xây dựng, tôn tạo di tích; tổ chức hoạt động du lịch, lễ hội gắn với các di tích lịch sử - văn hoá; các hoạt động quảng bá trên các kênh thông tin đại chúng...	1,0
	5	Học sinh trả lời theo suy nghĩ riêng của bản thân, đảm bảo hợp lí, thuyết phục, đúng hình thức đoạn văn. Có thể rút ra những bài học sau: - Cần trân trọng, tự hào về những giá trị văn hóa	1,0
II	VIẾT		6,0
	1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) làm rõ cấu tứ của bài thơ <i>Áo trắng – Huy Cận</i>.	2,0
		a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: cấu tứ của bài thơ <i>Áo trắng</i> (Huy Cận)	0,25
		c. Triển khai vấn đề	0,5

	- Bài thơ được triển khai theo cái tứ gặp gỡ: cô gái đến thăm chàng trai mình yêu. Cuộc gặp gỡ ấy được cảm nhận qua cái nhìn (từ xa đến gần), qua tâm trạng của chàng trai (từ ngạc nhiên ngỡ ngàng đến đắm say hạnh phúc). - Bắt đầu từ cái hình ảnh “nở bừng ánh sáng em đi đến” với “gót ngọc dồn hương”, “bước tỏa hồng”, rồi gần hơn với bàn tay “ngón ngón thon”, “đôi má nắng hoe tròn”, với mái tóc, rồi hơi thở, tiếng nói, rồi tất cả dần hòa quyện tạo thành một sự say đắm trong hạnh phúc hội ngộ. - Bài thơ kết thúc với sự hòa hợp và thăng hoa của hai tâm hồn tinh khôi: “Dịu dàng áo trắng trong như suối/ Tỏa phát đôi hồn cánh mộng bay”. => Với cấu tứ như vậy, bài thơ giống như một câu chuyện kể về sự diễn tiến của cuộc gặp gỡ, vừa thể hiện những bước đi của tình yêu từ chớm nở đến viên thành. Cấu tứ ấy cũng cho ta thấy được những cung bậc cảm xúc mỗi lúc một mãnh liệt của chàng trai đang yêu.	
	d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu: - Lựa chọn được các thao tác lập luận trong phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận: cấu tứ của bài thơ Áo trắng (Huy Cận). - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng.	0,5
	d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25
	e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ, có dẫn chứng thuyết phục.	0,25
2	Người ta thường nói: “Nếu bạn mở bàn tay ra, giọt nắng sẽ ở trong lòng bàn tay bạn. Nếu bạn nắm lại, giọt nắng sẽ ra khỏi lòng tay” (Dẫn theo Nguyễn Quang Thiều – “Xin hãy mở bàn tay”). Quan điểm trên gợi cho anh chị suy nghĩ gì về cách con người ứng xử với cái đẹp trong đời sống?	4,0

	a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức bài văn nghị luận văn học	0,25
	b. Xác định đúng yêu cầu của đề: cách con người ứng xử với cái đẹp trong đời sống	0,5
	c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm Học sinh có thể viết bài nhiều cách trên cơ sở kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm; đảm bảo các yêu cầu sau: * Giải thích: - Mở bàn tay tượng trưng cho rộng mở, đón nhận của tâm hồn, suy nghĩ, tư duy mở, có tinh thần tự do; Ngược lại đóng bàn tay - tượng trưng cho ứng xử cưỡng chế, dùng quyền lực sức mạnh để trói buộc; Giọt nắng là biểu tượng của cái đẹp. - Câu nói thiết lập những giả định nhưng khẳng định và khái quát 2 cách ứng xử nghịch lí trong hành trình đi tìm kiếm và sở hữu cái đẹp: Đối với cái đẹp, cũng như những giá trị chân chính, tâm hồn con người càng rộng mở, tư duy càng tự do thì càng có khả năng chạm tới và sở hữu ngược lại càng nắm chặt, sử dụng quyền lực để kiểm toả, tư duy khép kín con người càng không bao giờ có thể nắm bắt được nó. * Bàn luận: - Cái đẹp là một trong những giá trị thẩm mỹ đặc biệt mà con người luôn khao khát chạm tới, hay nắm bắt, nhưng không ai, không quyền lực nào có quyền chiếm hữu làm của riêng mình. - Càng kiểm toả, khống chế và tham vọng chiếm hữu, con người càng không sở hữu được cái đẹp. Sự ích kỉ hẹp hòi không bao giờ có thể chạm vào cái đẹp hay có thể nắm bắt trọn vẹn. Nếu sử dụng quyền lực chỉ có thể sở hữu được hình xác chứ không trói buộc được tinh thần, và nắm giữ được cái đẹp (Ví dụ: Câu chuyện Hitler sở hữu kho báu cái đẹp) - Ngược lại, con người chỉ có thể chạm vào cái đẹp, thậm chí sở hữu được nó khi con người có tấm lòng rộng mở, tư duy phóng khoáng, thấu hiểu cái đẹp trong tinh thần tự do. Tư duy mở, hay tinh thần tự do không chỉ tạo không gian cho cái đẹp hiện hữu, sinh tồn, nảy nở mà còn là cách để con người có thể mở rộng tầm đón ghi nhận, trân trọng và hưởng thụ được cái đẹp.	1,0

	- Lịch sử văn minh của loài người đã chứng minh, sức mạnh tự do của cái đẹp, không bạo chúa nào sở hữu được cái đẹp. - Ngày hôm nay, cái đẹp có nhiều đất để hiện hữu và được thể hiện phong phú hơn nhưng đối với con người cái thực thể đầy giới hạn mà tham vọng chiếm hữu thì không cùng, thì hành trình tạo ra tự do cho cái đẹp, tự do trong đón nhận nó vẫn vô cùng khó khăn. - Bài học bản thân: + Luôn có ý thức phát hiện, trân trọng cái đẹp. + Tu dưỡng để bản thân cũng là người nắm giữ cái đẹp.	
	<i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Triển khai được ít nhất 2 luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng. Lưu ý: Học sinh có thể trình bày quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	1,5
	<i>đ. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
	<i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
	I + II	10,0

Đề 21
(gồm 04 trang)

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT
THEO CẤU TRÚC MINH HỌA
MÔN: NGỮ VĂN

Phần	Câu	NỘI DUNG	ĐIỂM
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Ngôi kể thứ ba	0,5
	2	Người kể chuyện đặt điểm nhìn ở nhân vật Dung và điểm nhìn bên trong.	0,5
	3	Chủ đề: Qua quá trình rút ngắn khoảng cách thế hệ để thấu hiểu, yêu thương giữa Dung và ông ngoại, tác phẩm hướng tới đề cao những giá trị nhân văn truyền thống: tình cảm gia đình, tinh thần trách nhiệm, biết sẻ chia, hi sinh.	1,0
	4	Chi tiết cho thấy Dung là một cô bé: - Nhạy cảm, tinh tế; - Trưởng thành khi biết thấu hiểu, thương ông hơn; đã biết lo lắng, quan tâm đến sức khỏe của ông.	1,0
	5	- Nêu được từ 3-4 việc làm hoặc hành động cụ thể thể hiện sự gắn kết, rút ngắn khoảng cách thế hệ. <i>Gợi ý:</i> + Biết đặt mình vào vị trí của bố mẹ, ông bà để thấu hiểu, cảm thông nhiều hơn với những quan điểm của thế hệ trước. + Khi ở nhà, hạn chế sử dụng các thiết bị điện tử để dành thời gian bên người thân, cùng làm việc nhà, cùng vui chơi giải trí... + Nói nhiều hơn những lời hỏi thăm, chia sẻ với công việc của bố mẹ...	1,0
II		VIẾT	6,0
	1	Anh/chị hãy viết một bài văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày cảm nhận của bản thân về hình ảnh người mẹ trong bài thơ: “ <i>Mỗi lần nắng mới hắt bên song... Trong ánh trưa hè trước dậu thưa</i> ” (Nắng mới, Lưu Trọng Lư)	2,0

	a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
	b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: hình ảnh người mẹ trong bài thơ <i>Nắng mới</i> – Lưu Trọng Lư.	0,25
	c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm: <i>* Về nội dung:</i> - Bài thơ trải dài theo mạch cảm xúc, kết cấu đan xen giữa quá khứ và hiện tại như một hồi ức về người mẹ thân yêu của nhà thơ. - Qua hồi ức của nhà thơ, hình ảnh của người mẹ chỉ còn là chút kỉ niệm nhạt nhòa đọng lại trong tâm hồn non nớt, thơ ngây của đứa trẻ lên mười: + Đó là khi mẹ thường mang áo ra phơi để áo thơm mùi nắng sau những ngày đông rét mướt. + Hình ảnh người mẹ chưa hiện lên trực tiếp mà chỉ thoáng thoảng, lung linh sau màu áo đỏ, sau lưng giậu. Đó có lẽ cũng là hình ảnh đẹp đẽ nhất, triu mến thương yêu nhất mà nhà thơ còn lưu giữ, khắc sâu trong tâm trí. - Hình ảnh nét cười đen nhánh sau tay áo gợi hình ảnh người mẹ vừa lấp lánh tỏa sáng, vừa e ấp, kín đáo trong nụ cười tươi tắn, hiền hậu, mang nét đẹp của người phụ nữ Việt Nam xưa. <i>* Nghệ thuật:</i> - Thể thơ bảy chữ. - Từ ngữ giản dị, mang màu sắc của làng quê bắc bộ. - Ngắt nhịp linh hoạt, nhịp nhàng, phù hợp với tâm trạng của chủ thể trữ tình. - Cách gieo vần độc đáo: vần chân liền và vần chân cách tạo nhạc tính cho bài thơ. <i>* Đánh giá chung:</i> - Hình ảnh người mẹ trong bài thơ mang nét đẹp của người phụ nữ Việt Nam xưa. - Đó cũng chính là những dòng hồi tưởng đẹp, đầy xúc động về mẹ, qua đó thể hiện tình yêu mẹ của tác giả	0,5

	d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu: - Lựa chọn được các thao tác lập luận trong phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận: hình ảnh người mẹ trong bài thơ <i>Nắng mới</i> – Lưu Trọng Lư. - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng.	0,5
	đ. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25
	e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ, có dẫn chứng thuyết phục.	0,25
	2 Hiện nay, một số học sinh có thói quen gian lận trong thi cử. Anh (chị) hãy viết một bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) thuyết phục học sinh từ bỏ thói quen đó.	4,0
	a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội <i>Mở bài</i> nêu được vấn đề; <i>Thân bài</i> triển khai được vấn đề; <i>Kết bài</i> khái quát được vấn đề.	0,25
	b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: Mọi người phải biết mình	0,5
	c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Dưới đây là một vài gợi ý cần hướng tới: - Biểu hiện của thói quen gian lận trong thi cử (lén lút đem phao, tài liệu, sử dụng các thiết bị thông minh để tra cứu, nhìn bài, làm bài hộ nhau...) - Nguyên nhân của thói quen gian lận trong thi cử (từ ý thức của học sinh: ham chơi, lười học...; áp lực từ gia đình, bệnh thành tích...) - Phân tích lí do nên từ bỏ thói quen (hình thành thói quen xấu, không có kiến thức...)	1,0

	- Đề xuất cách từ bỏ thói quen (học sinh cần có ý thức học tập, phụ huynh, nhà trường quan tâm, tiêu diệt căn bệnh thành tích...) - Dự đoán sự đồng tình, ủng hộ của những người xung quanh khi người được thuyết phục từ bỏ thói quen gian lận trong thi cử (bày tỏ thái độ sẵn sàng giúp đỡ, hỗ trợ, cảm thông, chia sẻ của mình...)	
	<i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Triển khai được ít nhất 2 luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng. Lưu ý: Học sinh có thể trình bày quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	1,5
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
	<i>e. Sáng tạo:</i> Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy.	0,5
	I + II	10,0

Đề 22
(gồm 04 trang)

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT
THEO CẤU TRÚC MINH HỌA
MÔN: NGỮ VĂN

Phần	Câu	NỘI DUNG	ĐIỂM
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Đoạn trích được kể bằng lời của người kể chuyện ở ngôi thứ nhất	0,5
	2	Người kể chuyện chủ yếu trần thuật theo điểm nhìn của nhân vật “tôi” trong câu chuyện.	0,5
	3	Thái độ, cảm xúc của nhân vật tôi qua chi tiết “ <i>Tôi đang hoàng chia tay với những tô canh bí đỏ mà không sợ mẹ tôi thờ dài</i> ”: - Hân hoan vì thoát khỏi sự ngán ngẫm của món canh bí đỏ. - Vui mừng vì đã trút bỏ được gánh nặng thi cử, đáp lại sự kì vọng của người mẹ.	1,0
	4	Học sinh trình bày thông điệp ý nghĩa nhất với bản thân. Thông điệp phù hợp với nội dung tư tưởng của đoạn trích và mang tính đạo đức, thẩm mỹ. Gợi ý một số thông điệp sau: - Biết trân trọng tình cảm gia đình. Vì: Gia đình là nơi tiếp cho ta sức mạnh và niềm tin để vững bước trên đường đời, là chỗ dựa vững chắc để ta có thể dựa vào khi yếu đuối, và là nơi luôn chào đón mỗi lần ta quay về. Chính vì vậy, mẹ Tê-rê-sa đã từng nói: “ <i>Bạn có thể làm gì để xây dựng hòa bình thế giới? Hãy về nhà và yêu thương gia đình của mình</i> ”. - Sự nỗ lực vượt qua chính mình - Cách ứng xử của người con,...	1,0
	5	Gợi ý nội dung sau: - Những phẩm chất cần có của con người trong cuộc sống hiện nay: chăm chỉ, nỗ lực, biết yêu thương, trân trọng tình cảm gia đình... - Học sinh trình bày theo cách hiểu và có lí giải hợp lí, thuyết phục.	1,0

II	VIẾT	6,0
1	Anh/ Chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích giá trị nội dung và nghệ thuật đặc sắc của bài thơ sau: “Lời ru ản nơi nào... Lời ru thành mệnh mông” (Lời ru của mẹ, Xuân Quỳnh)	2,0
	a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
	b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: giá trị nội dung và nghệ thuật đặc sắc của bài thơ <i>Lời ru của mẹ</i> – Xuân Quỳnh.	0,25
	c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm: * <i>Giới thiệu khái quát về bài thơ:</i> Tác giả tác phẩm, hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ... * <i>Phân tích</i> - <i>Giá trị nội dung đặc sắc:</i> Qua hình ảnh lời ru, nhà thơ đã khắc họa chân thực và xúc động vẻ đẹp của tình mẫu tử: yêu thương vô bờ bến, hi sinh tất cả vì con, mong mỗi con bình yên, hạnh phúc và thành công + Mẹ ấp ủ yêu thương trong những tháng ngày hoài thai và chào đón con ra đời bằng lời ru ngọt ngào, ấm áp. (Khổ 1) + Mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng hình hài và bồi đắp tâm hồn, trí tuệ của con trong những tháng ngày tuổi thơ.(Khổ 2,3,4) + Mẹ đồng hành, chở che, dõi theo, giúp con vững bước trên đường đời vô vàn gian truân, thử thách.(Khổ 5) - <i>Một số nét đặc sắc về nghệ thuật:</i> sử dụng đắc địa thể thơ năm chữ; giọng điệu tha thiết, triu mến; lời thơ tự nhiên, giàu tính biểu cảm; hình ảnh thơ giản dị, gần gũi; nghệ thuật ẩn dụ, điệp từ, so sánh... - <i>Đánh giá chung:</i> Bài thơ là những suy tư, trải nghiệm lắng sâu và cảm động về tình mẫu tử; thể hiện rõ phong cách thơ Xuân Quỳnh, gợi những niềm rung động sâu xa trong lòng người đọc. - Liên hệ, thể hiện được những suy nghĩ, cảm nhận của người viết; rút ra được bài học, thông điệp ... * <i>Đánh giá nâng cao giá trị nội dung, nghệ thuật; khẳng định giá trị bài thơ, phong cách thơ của Xuân Quỳnh.</i>	0,5

	d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu: - Lựa chọn được các thao tác lập luận trong phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận: giá trị nội dung và nghệ thuật đặc sắc của bài thơ <i>Lời ru của mẹ</i> – Xuân Quỳnh - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng.	0,5
	đ. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25
	e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ, có dẫn chứng thuyết phục.	0,25
	2 Sự tử tế luôn hiện hữu trong cuộc sống bằng những hành động thiết thực nhất. Anh/chị hãy viết một bài văn nghị luận bàn về ý nghĩa của sự tử tế trong đời sống con người.	4,0
	<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội</i> Mở bài nêu được vấn đề; Thân bài triển khai được vấn đề; Kết bài khái quát được vấn đề.	0,25
	<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i> Mọi người phải biết mình	0,5
	<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> * Giải thích: - <i>Tử tế</i> có nghĩa là sự cẩn thận, chu đáo, thận trọng trong mọi công việc, trong lối sống và cách đối xử với mọi người xung quanh. - <i>Người tử tế</i> là người có tấm lòng nhân ái, luôn biết tôn trọng bản thân và người khác, có thái độ sống nhân hậu, hòa hợp với thế giới, đề cao giá trị đạo đức, sự lịch thiệp, nhã nhặn, tình yêu thương và lễ công bằng. Đặc biệt, họ luôn biết yêu thương, quý trọng những thứ nhỏ nhất, bình thường nhất để tạo nên lối sống đẹp. * Biểu hiện của sự tử tế: - Việc tử tế có thể bắt đầu từ những việc tốt nhỏ nhất, giản đơn, đời thường, bình dị nhất xung quanh chúng ta mỗi ngày.	1,0

	- Việc tử tế còn là những việc lớn lao, có sức tác động sâu rộng đến cộng đồng, xã hội. <i>* Ý nghĩa của sự tử tế:</i> - Tử tế giúp con người luôn biết đồng cảm, yêu thương, chia sẻ với nhau nhiều hơn trong mọi vấn đề, mọi tình huống; tử tế còn giúp mỗi người giao tiếp tốt và có lòng trắc ẩn sâu sắc, tạo ra nhiều nguồn lực tích cực hơn trong cuộc sống. - Tử tế còn khiến con người nhận thức hành động của bản thân, biết kiểm soát bản thân, đối nhân xử thế một cách đàng hoàng, tế nhị với nhau. Biết cống hiến nhiều hơn là thụ hưởng, cho đi nhiều hơn là nhận về để luôn làm đẹp cuộc sống xung quanh. - Sống tử tế giúp mỗi người sống vui vẻ, góp phần tạo nên mối quan hệ giữa người với người trở nên tốt đẹp hơn, xã hội tiến bộ, văn minh hơn. - Trong xã hội vẫn có không ít người có tính ích kỉ, nhỏ nhen, chỉ biết đến bản thân mình mà không cần suy nghĩ cho người khác, lại có những người vô cảm mặc kệ nỗi đau của đồng loại,... → những người này cần bị phê phán, chỉ trích. <i>* Bài học:</i> Mỗi người cần có nhận thức đúng đắn về ý nghĩa của sự tử tế trong đời sống; tránh lợi dụng hoặc bị lợi sự tử tế; có những hành động cụ thể để lan tỏa sự tử tế trong đời sống.	
	<i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Triển khai được ít nhất 2 luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng. Lưu ý: Học sinh có thể trình bày quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	1,5
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
	<i>e. Sáng tạo:</i> Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy.	0,5
	I + II	10,0

Đề 23
(gồm 05 trang)

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT
THEO CẤU TRÚC MINH HỌA
MÔN: NGỮ VĂN

Phần	Câu	NỘI DUNG	ĐIỂM
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Những phương thức biểu đạt: Tự sự, miêu tả, biểu cảm.	0,5
	2	Ngôi kể thứ 3	0,5
	3	Ý nghĩa kết thúc tác phẩm: Truyện kết thúc bằng hành động di Diệu đốt tờ hợp đồng sinh nở có ý nghĩa đặc biệt: - Về nghệ thuật: đây là một kết thúc mở, một kết thúc có hậu tạo sự lôi cuốn, hấp dẫn cho người đọc. - Về nội dung: + Nó khắc họa rõ nét hơn vẻ đẹp của di Diệu: sự thấu hiểu, chia sẻ cảm thông và sự trân trọng của di dành cho chị Lành. + Thể hiện thông điệp: đề cao vẻ đẹp của tình người, vẻ đẹp của tình mẫu tử.	1,0
	4	Nghệ thuật kể chuyện của Nguyễn Ngọc Tư trong tác phẩm Làm mẹ rất đặc sắc: - Xây dựng tình huống truyện ý nghĩa: xoay quanh hành trình kiếm tìm con của cặp vợ chồng vô sinh, kết cấu truyện bất ngờ, hợp lí, có sự đan xen của các lớp thời gian. - Nghệ thuật xây dựng nhân vật đặc sắc (nhân vật di Diệu, nhân vật chị Lành...) - Chi tiết truyện đặc sắc (cách di Diệu chuẩn bị đón đứa trẻ; tình yêu của chú Đức với di Diệu, hành động bỏ trốn của chị Lành; hành động đốt tờ giấy hợp đồng đẻ mướn giữa di Diệu và chị Lành thành một tờ tro mỏng;...) - Ngôn ngữ giản dị, biểu cảm, đậm chất Nam Bộ.	1,0
	5	- Học sinh tự lựa chọn thông điệp để lại ấn tượng sâu sắc nhất. Tham khảo: Cần có tấm lòng cảm thông, yêu thương, thấu hiểu, đồng cảm, sẻ chia với những người xung quanh ta; cần trân trọng tình mẫu tử...	1,0

		- Lí giải: HS tự lí giải thông điệp thuyết phục, hợp lý <i>Gợi ý:</i> Thông điệp có ý nghĩa nhất qua văn bản là mỗi chúng ta cần phải biết trân trọng tình mẫu tử. Bởi tình mẫu tử có ý nghĩa rất quan trọng và thiêng liêng đối với con người. Nó là nền tảng của tình yêu và sự hiểu biết, giúp con người có thể phát triển và trưởng thành trong cuộc sống. Tình mẫu tử cũng giúp con người trở nên chín chắn, kiên cường và đầy sức mạnh. Nhờ vào tình yêu và sự hỗ trợ của mẹ, con người có thể vượt qua những khó khăn và thử thách, trở thành người tự lập và đạt được thành công trong sự nghiệp và cuộc sống. Không phải ngẫu nhiên mà cha ông ta đã căn dặn: “<i>Lên non mới biết non cao/Nuôi con mới biết công lao mẹ hiền</i>”.	
II		VIẾT	6,0
	1	Viết bài văn nghị luận (khoảng 200 chữ) làm rõ giá trị nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ sau: “<i>Xin chào Huế một lần anh đến ... Sông chảy vào lòng nên Huế rất sâu</i>” (Tạm biệt Huế, Thu Bồn)	2,0
		a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: giá trị nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ <i>Tạm biệt Huế</i> – Thu Bồn.	0,25
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm: 1. Về nội dung - Chủ đề: Cảm xúc về Huế và các địa danh nổi tiếng ở Huế - Cảm xúc chủ đạo: Tình cảm triền miên trong lưu luyến của người sắp xa Huế. - Cấu tứ: Xuyên suốt bài thơ là các hình ảnh biểu trưng, các hình ảnh đặc trưng về Huế, gợi cảm xúc nhớ nhung thiết tha. Nhà thơ đã tìm thấy Huế từ trong chính ngọn nguồn, từ trong chính bản thể của Huế, mà một trong những biểu hiện đặc sắc đó là dòng Hương, dòng sông tâm thức, dòng sông tâm hồn, dòng sông bản thể của những gì “rất Huế”.	0,5

	2. Về nghệ thuật - Một số biện pháp nghệ thuật: <i>Nón rất Huế nhưng đời không phải thế</i> <i>Mặt trời lên từ phía nón em nghiêng</i> Với nghệ thuật tương phản, mấy đoạn thơ dẫn ra trên khắc họa những đường nét khác nhau hợp thành gương mặt Huế đa dạng, viên mãn: thực quyến với ảo, xưa gần với nay...Hai hình tượng thẩm mỹ “nón Huế” và “mặt trời” đặt cạnh nhau càng tô đậm nét Huế - thành phố trữ tình và khát vọng, “nữ tính” mà cháy bỏng. Đọc “Tạm biệt Huế” cho thấy Thu Bồn còn là một họa sĩ giỏi phối màu, phối cảnh. Trong bức tranh khéo phối màu về Huế, dĩ nhiên Thu Bồn không thể nào quên phối màu áo trắng ảo diệu của người con gái Huế: “Áo trắng hơi thuở tìm em không thấy”, cái màu trắng “sắc sắc, không không” mà Hàn Mặc Tử đã diễn tả thật thân tình trong bài thơ “Đây thôn Vĩ Dạ”: “Áo em trắng quá nhìn không ra, Ở đây sương khói mờ nhân ảnh”. Nhưng Thu Bồn không lặp lại lối diễn tả cũ về Huế, chỉ thiên về nét ảo, mà Thu Bồn đặt nét thực và nét ảo cạnh nhau, trong thế đối nghịch “gay gắt” tưởng như phủ định nhau mà hoá ra không phải: “Nón rất Huế nhưng đời không phải thế”. Giữa hai nét thực và ảo đó, Thu Bồn vẫn giành nhiều “điểm nhấn” cho nét thực, thể hiện qua lời nhắc khéo của người con gái Huế: “Xin đừng làm em với cổ đô”.	
	d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu: - Lựa chọn được các thao tác lập luận trong phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận: hình ảnh người mẹ trong văn bản đoạn trích <i>Tạm biệt Huế</i> – Thu Bồn. - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng.	0,5
	đ. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25
	e. Sáng tạo	0,25

	Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ, có dẫn chứng thuyết phục.	
2	Con người hiện nay đang đối diện với nỗi sợ mang tên “sợ bị thay thế bởi máy móc”. Nói về vấn đề này, Geogre Duhamel cho rằng: “Đừng sợ máy móc bên ngoài. Hãy sợ máy móc của chính lòng mình”. Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày quan điểm của anh chị về vấn đề được đặt ra.	4,0
	a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội Mở bài nêu được vấn đề; Thân bài triển khai được vấn đề; Kết bài khái quát được vấn đề.	0,25
	b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: Mọi người phải biết mình	0,5
	c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm 1. Giải thích – sợ: trạng thái lo lắng, hoang mang, bất an. – bị thay thế bởi máy móc: sợ bị lấn át, bị “vô hiệu hoá” khi máy móc ngày càng đa năng, thay con người làm nhiều việc. – máy móc bên ngoài: máy móc theo nghĩa thực, sự tồn tại mang tính vật chất của máy móc. – máy móc của chính lòng mình: máy móc theo nghĩa ẩn dụ, đó là sự rập khuôn, vô cảm, xơ cứng của tâm hồn mỗi con người. Vấn đề nghị luận: Một vấn đề của thời đại, hơn cả nỗi sợ bị thừa thải trước sự xuất hiện của máy móc, công nghệ, đó chính là hãy biết sợ sự chai sạn, máy móc hoá về tâm hồn. 2. Bàn luận – Nỗi sợ bị thay thế bởi máy móc là một nỗi sợ có cơ sở trong thời đại ngày nay. Thời đại công nghiệp hoá, số hoá lên ngôi đã hỗ trợ con người trong nhiều hoạt động sống. Đồng thời, con người rơi vào trạng thái tiêu cực trước nguy cơ trở nên thừa thãi, vô dụng trước sự tiện nghi của máy móc. – Tâm hồn trở thành máy móc mới là nỗi sợ đáng lo ngại hơn cả:	1,0

	+ Con người là chủ thể sáng tạo và điều khiển máy móc, máy móc bên ngoài không thể thay thế vai trò độc tôn của con người. + Những giá trị bên trong tâm hồn mới quyết định ý nghĩa cuộc sống. Khi để tâm hồn rơi vào chai lì, vô cảm, rập khuôn, bị động thì con người đang tự đánh mất đi đặc quyền của con người, rơi vào sống mòn, sống phí,... – Từ nỗi sợ máy móc của lòng mình, mỗi người cần luôn nuôi dưỡng xúc cảm với cuộc đời, phát huy tính sáng tạo, tâm thế chủ động... để tạo ra những giá trị sống đúng nghĩa cho chính mình và góp phần tạo ra xã hội văn minh, nhân ái. <i>Học sinh cần nêu được những dẫn chứng xác đáng, tiêu biểu từ đời sống, từ trải nghiệm cá nhân</i> – Phê phán: những con người bị động chìm đắm trong những nỗi sợ, những người sống hời hợt, vô cảm,... – Bên cạnh đó, con người cũng cần quan tâm đến những nỗi sợ khác: những hiểm họa của thiên nhiên, ...Nỗi sợ máy móc đôi khi cũng là điều cần thiết để ta làm chủ máy móc, làm chủ những phát minh của chính mình. 3. Bài học nhận thức, hành động – Ý thức đúng đắn vai trò của máy móc và về tình trạng sống của chính mình để thức dậy những giá trị người bên trong. – Cần có những hành động tích cực để tối ưu hóa chức năng của máy móc, thực hành lối sống yêu thương, sáng tạo, tự chủ,...	
	<i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Triển khai được ít nhất 2 luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng. <i>Lưu ý: Học sinh có thể trình bày quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</i>	1,5

		<i>d. Chính tả, ngữ pháp:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
		<i>e. Sáng tạo:</i> Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy.	0,5
		I+II	10,0

Đề 24
(gồm 06 trang)

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT
THEO CẤU TRÚC MINH HỌA
MÔN: NGỮ VĂN

Phần	Câu	NỘI DUNG	ĐIỂM
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Ngôi thứ nhất	0,5
	2	Những hình ảnh tác giả thể hiện và gửi gắm tình yêu quê hương sâu sắc của mình là: <i>cánh đồng, mùi rom rạ, nồi cơm mới thơm lừng...</i>	0,5
	3	- Học sinh nêu được một trong những biện pháp tu từ sau: + Biện pháp liệt kê (<i>đồng ruộng, mồ hôi ba, niềm vui mùa lúa trúng, nỗi buồn nơi khoé mắt mẹ</i>) + Điệp từ “mùi”. - Tác dụng: Tuỳ theo từng biện pháp tu từ, học sinh trình bày tác dụng khác nhau, song cần đáp ứng được các ý sau: + <i>Giúp tăng sức gợi hình, gợi cảm cho văn bản; tạo nên giọng điệu tha thiết, nhớ thương.</i> + <i>Nhấn mạnh ý mà tác giả muốn biểu đạt: những kỉ niệm thân thương gắn với mùi rom rạ, mùi hương rom rạ bao hàm tất cả những mùi hương khác của quê hương, gia đình; nhấn mạnh sự khắc sâu, không phai mờ của mùi rom rạ trong tâm trí tác giả.</i>	1,0
	4	- Học sinh nêu quan điểm của bản thân: đồng tình/ không đồng tình. - Học sinh lí giải hợp lí, thuyết phục bảo vệ ý kiến của bản thân. <u>Gợi ý:</u> Em hoàn toàn đồng tình với quan điểm của tác giả. Bởi “kí ức” là những sự kiện đặc biệt có ý nghĩa đã diễn ra trong một giai đoạn của cuộc đời con người điển hình là những kí ức về tuổi thơ. Chính vì vậy, con người ta dù có trưởng thành, có chầy trôi theo dòng đời đến đâu thì những kí ức ấy vẫn sẽ nằm yên trong một góc tâm hồn chứ không bao giờ bị quên lãng. Lưu giữ trong tâm hồn những kí ức của một thời đã qua cũng	1,0

		là cách để con người gom góp cho mình những yêu thương để không bị cuốn vào guồng quay vô hạn của cuộc sống mà đánh mất mình.	
	5	- Về hình thức, học sinh cần viết đúng hình thức đoạn văn, diễn đạt rõ ràng, trong sáng, mạch lạc, không mắc lỗi chính tả. - Về nội dung cần đảm bảo yêu cầu sau: + Nêu được ý nghĩa của kí ức tuổi thơ với cuộc sống con người. + Phân tích, lí giải được các ý nghĩa ấy. (<i>Vì sao kí ức tuổi thơ lại mang đến những ý nghĩa đó?</i>)	1,0
II		VIẾT	6,0
	1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) làm rõ đặc sắc nội dung và nghệ thuật bài “Tắt đất Thành Cổ” của Phạm Đình Lân.	2,0
		a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: làm rõ đặc điểm nội dung và nghệ thuật của bài “Tắt đất Thành Cổ”– của Phạm Đình Lân.	0,25
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm: Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Dưới đây là một vài gợi ý cần hướng tới: - Giá trị về nội dung: + Bài thơ có điểm nhìn đặc biệt, điểm nhìn của một con người trong cuộc, trong cuộc chiến đấu ác liệt năm xưa, nhưng may mắn được bước ra khỏi khói lửa chiến tranh, nay đứng ở hòa bình nhìn lại quá khứ, trực tiếp thể hiện những trải nghiệm sâu sắc, những xúc cảm mãnh liệt và những tư tưởng giàu giá trị nhân văn. + Tác giả đã tái hiện lại:	0,5

→ Hiện thực mùa hè đỏ lửa 1972 với 81 đại đội, 81 ngày đêm chiến đấu và hi sinh để giữ thành cổ, chiến tranh vô cùng khốc liệt, những tổn thất hi sinh, mất mát là vô kể vô biên.

Tám mươi một ngày đêm đất trời ken dày bom đạn.

Cát trắng rang vàng, nghiêng lệch cả dòng sông.

→ Hình tượng những người lính dũng mãnh của một thời trận mạc, những đồng đội mình từng chiến đấu hết mình, chiến đấu đến quên mình.

Súng trong tay và đôi mắt rực lửa

Trút hận xuống đầu thù rồi ngã xuống bình yên

→ Sự xúc động nghẹn ngào khi về với thành cổ, nhớ tiếc đồng đội, xót xa đau đớn vô bờ.

Thành cổ rộng sao đồng đội tôi nằm chặt

Mỗi tác đất là một cuộc đời có thật

Cho hôm nay tôi đến nghẹn ngào

→ Đứng từ hòa bình, tác giả khát khao những người đồng chí đồng đội hi sinh năm đó, nay nằm dưới cỏ xanh đó, mong lắm các bạn ra đi thanh thản, những người sống hãy gìn giữ bình yên cho họ, hãy xứng đáng với sự hi sinh của họ. Riêng những bạn về đây, họ nhấn nhủ, nhắc nhở nhau nhẹ bước chân và nói khẽ thôi...

- Giá trị nghệ thuật => giản dị, mộc mạc, gần gũi.

+ Thể thơ tự do, tạo sự phóng khoáng rộng mở cho không gian nghệ thuật và xúc cảm của nhân vật trữ tình.

+ Ngôn từ mộc mạc giản dị nhưng giàu giá trị nghệ thuật, gọi hình gọi cảm, gọi liên tưởng và rung động sâu xa.

+ Giọng điệu nhấn nhủ tâm tình giàu chất trữ tình: nhấn nhủ tới đồng đội những người đã chiến đấu và hi sinh, nhấn nhủ tới hôm nay với những người đang sống và đang được hưởng hòa bình, nhấn nhủ với chính mình, nhịp nối giữa 2 điểm cầu đó.

+ Những biện pháp tu từ được sử dụng linh hoạt tạo giá trị biểu hiện hiệu quả: điệp cấu trúc, điệp từ, ẩn dụ, so sánh, cường điệu...

	- Giá trị tư tưởng: + Biết ơn những thế hệ đã cống hiến hi sinh vì nền độc lập hòa bình ngày hôm nay. + Thế hệ mình phải sống cống hiến, sống có trách nhiệm, sống xứng đáng với máu xương của cha ông đã thấm trên từng tấc đất mình đứng lên hôm nay.	
	d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu: - Lựa chọn được các thao tác lập luận trong phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận: hình ảnh người mẹ trong văn bản <i>Nghề của mẹ</i> – Võ Thành An. - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng.	0,5
	đ. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25
	e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ, có dẫn chứng thuyết phục.	0,25
2	Viết một bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bày tỏ ý kiến của anh/chị về ý nghĩa của việc vượt qua những giới hạn trong cuộc sống.	4,0
	a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội Mở bài nêu được vấn đề; Thân bài triển khai được vấn đề; Kết bài khái quát được vấn đề.	0,25
	b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: Mọi người phải biết mình	0,5
	c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm * Giải thích Giới hạn: một ngưỡng cao nhất trong khả năng của con người mà ta cảm nhận hoặc tự đặt ra cho mình. Giới hạn còn có nghĩa như con người cũng không được phép vi phạm, không thể bước qua. → Giới hạn có vai trò và ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với cuộc sống của con người.	1,0

	<i>* Bàn luận</i> - Giới hạn giúp con người nhận biết được bản thân mình đang ở đâu và làm được những gì; đồng thời là lời cảnh tỉnh người khác không được vượt qua những quy tắc mà bản thân mỗi người đặt ra. - Việc đặt ra giới hạn là cần thiết trong một số trường hợp: trong các mối quan hệ, giới hạn làm cho khoảng cách của con người dường như có xa nhau hơn một chút nhưng đó là khoảng cách cần thiết để con người được tự do sống với những suy nghĩ của mình, của bản thân. - Tuy nhiên, có vài khía cạnh chúng ta không nên đặt giới hạn cho mình trong việc chinh phục những đỉnh cao. Nếu ta đặt ra những giới hạn về khả năng mà như không cố gắng thì ta sẽ khó có được thành công. <i>* Mở rộng:</i> - Trong cuộc sống vẫn còn có nhiều người sống trong vòng an toàn, không chịu nỗ lực vươn lên để bứt phá, tạo ra giá trị tốt đẹp cho bản thân, cho xã hội. - Lại có những trường hợp cần có giới hạn ta lại xâm phạm qua giới hạn đó và gây nhiều hậu quả tai hại. - Liên hệ bản thân: Mỗi chúng ta hãy hiểu đúng về giá trị, ý nghĩa của “giới hạn”; biết đặt giới hạn đúng lúc, đúng chỗ, biết bứt phá khỏi giới hạn đúng trường hợp để có được một cuộc sống tốt đẹp, thành công, bền vững hơn. - Khẳng định lại lợi ích của vượt qua những giới hạn trong cuộc sống.	
	<i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Triển khai được ít nhất 2 luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng. Lưu ý: Học sinh có thể trình bày quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	1,5

		<i>đ. Chính tả, ngữ pháp:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
		<i>e. Sáng tạo:</i> Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy.	0,5
I+II			10,0

Đề 25
(gồm 05 trang)

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT
THEO CẤU TRÚC MINH HỌA
MÔN: NGỮ VĂN

Phần	Câu	NỘI DUNG	ĐIỂM
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Ngôi kể trong văn bản: ngôi thứ 3	0,5
	2	Điểm nhìn trần thuật trong các câu văn trên là điểm nhìn của nhân vật Lộ	0,5
	3	- Biện pháp nghệ thuật: liệt kê <i>cũng đê tiện, cũng lầy lã, cũng tham ăn</i> (0,5 điểm) - Tác dụng: + Nhấn mạnh tư cách của một anh mỗ không kém so với anh mỗ chinh tông về sự đê tiện, lầy lã, tham ăn. Qua đó tác giả cho thấy những thói hư, tật xấu của một nghề mang tên gọi là mỗ. (0,25 điểm) + Làm cho câu văn sinh động, đặc sắc,... (0,25 điểm)	1,0
	4	Đặc điểm của ngôn ngữ nói trong đoạn trích thể hiện qua các khía cạnh: - Sử dụng ngôn ngữ cử chỉ, hành động, điệu bộ (<i>đi lại/đế thêm</i>) - Ngôn ngữ đối thoại, có người nói, người nghe. - Sử dụng từ ngữ dễ hiểu, biểu cảm (<i>mày/chà/bớ...</i>) - Sử dụng câu tỉnh lược/rút gọn (<i>Chà!</i>) (Nếu đúng 2 ý được 0,5 điểm; nêu đúng 3 ý trở lên được 1,0 điểm)	1,0
	5	- HS có thể hiện thái độ đồng tình/không đồng tình/vừa đồng tình vừa không đồng tình. (0,5 điểm) - Học sinh lí giải hợp lí. (0,5 điểm) <u>Gợi ý:</u> Nếu hoàn toàn đồng tình. HS có thể lý giải: Nhà văn Nam Cao đã từng khẳng định: “Người ta chỉ xấu xa trước con mắt ráo hoảnh của phường ích kỉ”. Bởi, thái độ của của ta với người khác có ý nghĩa rất quan trọng và “lòng	1,0

		khinh, trọng của chúng ta có ảnh hưởng đến cái nhân cách” của họ. Hãy tin rằng, con người sẽ trở nên tốt đẹp hơn khi được mọi người xung quanh yêu mến, tin tưởng cho dù quá khứ của họ có như thế nào. Ngược lại, việc xem thường, thiếu tôn trọng người khác sẽ khiến con người ta trở nên lạc lõng, mất niềm tin vào cuộc đời và con đường hoàn thiện nhân cách của bản thân. Chính vì vậy, mỗi chúng ta hãy đừng nhìn người khác bằng thái độ tiêu cực; hãy đặt mình vào vị trí của họ để thấu hiểu, yêu thương, trân trọng để cuộc sống này trở nên tốt đẹp hơn và để “cây táo nở hoa”.	
II		VIẾT	6,0
	1	Viết bài văn nghị luận đánh giá về đẹp về nội dung và nghệ thuật của bài thơ <i>Chiều xuân</i> – Anh Thơ	2,0
		a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: về đẹp nội dung và nghệ thuật bài thơ <i>Chiều xuân</i> – Anh Thơ	0,25
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm: * Đánh giá chung “Chiều xuân” là bức tranh thiên nhiên mùa xuân tươi mát, thơ mộng và khung cảnh làng quê tĩnh lặng, thanh bình. * Đánh giá từng vẻ đẹp của bài thơ. - Vẻ đẹp của bức tranh chiều xuân: + Làn mưa bụi bay bay "êm êm" trong cơn gió nhẹ. + Con đò dường như cũng mệt mỏi, đành cho phép bản thân "biếng lười" trôi chút, thả mình dưới dòng nước mênh mang, mặc kệ sông kia có bông bèo sóng nhỏ. + Quán tranh những ngày sớm mai vốn đông vui thì khi ngày gần tàn lại đầy im ắng, lặng lẽ, cô đơn. + Cánh hoa xoan tím rụng "toi bời" theo làn gió xuân nhẹ nhàng với sắc tím nhạt màu. + Triền đê xanh biếc cỏ non cùng đàn sáo mổ vu vơ gợi khung cảnh đầy thanh bình, êm ái	0,5

	+ Những cánh cò trắng trốn mình nơi những vạt lúa xanh, "chốc chốc" bay ra tận hưởng khí trời xuân tuyệt diệu. + Hình ảnh cô nàng yếm thắm cần mẫn với công việc đầy đẹp đẽ, nên thơ. => Một bức tranh chiều xuân tuyệt đẹp, trong trẻo, yên ả và nên thơ. - Về đẹp tâm hồn của nhà thơ: Tình yêu thiên nhiên tha thiết, sự gắn bó yêu thương với mảnh đất quê hương. - Về đẹp về nghệ thuật: + Thể thơ: 8 chữ giúp chuyển tải tình cảm một cách nhẹ nhàng, sâu lắng. + Giọng thơ: trữ tình, tha thiết. + Ngôn từ, hình ảnh: đẹp, gợi hình, gợi cảm. + Sử dụng các biện pháp tu từ: nhân hóa, liệt kê, đối,... làm cho bài thơ giàu hình ảnh, giàu cảm xúc, giàu nhạc điệu.	
	d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu: - Lựa chọn được các thao tác lập luận trong phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận: hình ảnh người mẹ trong bài thơ <i>Chiều xuân</i> – Anh Thơ. - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng.	0,5
	đ. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25
	e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ, có dẫn chứng thuyết phục.	0,25
2	Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về sức mạnh niềm tin của giới trẻ hiện nay.	4,0
	a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội Mở bài nêu được vấn đề; Thân bài triển khai được vấn đề;	0,25

	<i>Kết bài khái quát được vấn đề.</i>	
	<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i> Mọi người phải biết mình	0,5
	<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> * Giải thích: Niềm tin là thứ bạn cảm nhận, tin tưởng vào một điều gì đó và mong muốn nó sẽ xảy ra theo cách mà bạn suy nghĩ. * Phân tích, đánh giá, bàn bạc: Đứng trước những khó khăn, thử thách trong cuộc đời, chúng ta thường nản lòng, chùn bước. Niềm tin có ý nghĩa rất quan trọng trong cuộc sống của mỗi con người. + Niềm tin sẽ giúp ta mạnh mẽ, bản lĩnh để vượt qua tất cả. + Niềm tin là động lực giúp bạn hoàn thành những mong muốn, dự định và đạt được mục tiêu của mình. Nó có thể định hướng và quyết định những hành động đúng đắn của bạn. + Niềm tin tạo ra năng lượng tích cực giúp bạn xóa bỏ những rào cản, tăng lòng nhiệt huyết, phát huy những năng lực và hành động khác của bản thân. * Phê phán những người sống thiếu niềm tin: thường cảm giác bất an lo lắng, thiếu năng lượng, thiếu nỗ lực khiến bản thân buông xuôi. * Bài học: Không có niềm tin thì cuộc sống sẽ vô nghĩa. Vì vậy, cần có niềm tin và hy vọng bạn sẽ thành công và hạnh phúc. Trước khi tin vào điều gì đó thì hãy tin vào chính bạn.	1,0
	<i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Triển khai được ít nhất 2 luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng. Lưu ý: Học sinh có thể trình bày quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	1,5

		<i>d. Chính tả, ngữ pháp:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
		<i>e. Sáng tạo:</i> Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy.	0,5
		I+II	10,0

Đề 26
(gồm 05 trang)

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT
THEO CẤU TRÚC MINH HỌA
MÔN: NGỮ VĂN**

Phần	Câu	NỘI DUNG	ĐIỂM
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Ngôi kể thứ nhất.	0,5
	2	Nghiến chặt răng; khóc; nấc; thổ ra.	0,5
	3	- Thân phận bất hạnh, khổ đau, bế tắc của người nông dân Việt Nam trước Cách mạng. - Bên cạnh đó là thái độ cảm thông, chua xót của nhà văn trước tình cảnh con người.	1,0
	4	- Biện pháp tu từ nghịch ngữ: <i>một xu quà, và rất nhiều nước mắt</i> - Tác dụng: làm tăng giá trị biểu đạt cho câu văn. Đồng thời, sự đối chọi trong cách sử dụng từ “một xu” > “rất nhiều” còn nhấn mạnh nét nghĩa: Di Hảo chỉ nhận được một chút vật chất nhỏ bé, ít ỏi còn nỗi khổ đau, bất hạnh thì gấp nhiều lần.	1,0
	5	Nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật của Nam Cao: Khắc họa diễn biến tâm lí phức tạp, hướng vào mọi biểu hiện, mọi chuyển biến trong thế giới nội tâm của con người, sử dụng những thủ pháp và phương tiện khác nhau để miêu tả tâm lí nhân vật....	1,0
II		VIẾT	6,0
	1	Viết một đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) làm rõ về đẹp nội dung và nghệ thuật của văn bản “<i>Buổi gặt chiều</i>” – Anh Thơ.	2,0
		a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: về đẹp nội dung và nghệ thuật bài thơ <i>Buổi gặt chiều</i> – Anh Thơ	0,25

	c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm: - Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề cần nghị luận - Về đẹp nội dung: + Bức tranh thiên nhiên mang vẻ đẹp yên ả, thanh bình, tươi vui, thân thuộc, bình dị... của một buổi chiều quê, hiện lên qua những hình ảnh chân thực, cụ thể, sinh động: <i>mặt trời lặn, mây ráng đỏ, xa xa trên những cánh đồng lúa chín vàng từng đàn cò trắng bay liệng, trên đê làng những cánh diều bay lượn, đàn trâu bò nằm trên vệ cỏ...</i>; màu sắc rực rỡ, tràn đầy sức sống: <i>màu đỏ của ánh mặt trời chiều, màu trắng của cánh cò, màu vàng của lúa chín...</i>; âm thanh tươi vui: <i>tiếng sáo diều, tiếng gió...</i> + Bức tranh cuộc sống lao động của con người thôn quê với tinh thần lao động vui tươi, phấn khởi, lạc quan, yêu đời và với tình yêu lao động, tình yêu cuộc sống tha thiết, hiện lên qua những âm thanh, hình ảnh: <i>tiếng hát của cô gái hái dâu, tiếng cười nói của những chàng trai khi gặt lúa.</i> Cuộc sống bình yên hiện lên qua hình ảnh <i>ông già ngồi hút thuốc, lũ trẻ con chạy đuổi theo cánh diều...</i> - Về đẹp nghệ thuật: + Giọng thơ nhẹ nhàng, trong trẻo, tha thiết và sâu lắng + Ngôn ngữ giản dị, trong sáng, sử dụng nhiều từ láy giàu tính tạo hình, giàu giá trị biểu cảm + Hình ảnh thơ gần gũi, mộc mạc, tươi vui; bút pháp tả thực, tinh tế đậm nữ tính	0,5
	d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu: - Lựa chọn được các thao tác lập luận trong phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận: nội dung và nghệ thuật bài thơ <i>Buổi gặt chiều</i> – Anh Thơ. - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng.	0,5
	đ. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25

	e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ, có dẫn chứng thuyết phục.	0,25
2	Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) để thuyết phục người khác từ bỏ quan niệm: Với xu hướng hiện nay, chỉ cần biết ứng dụng công nghệ số để phát triển kinh tế, không cần mất thời gian nuôi dưỡng tâm hồn qua những lời ru, câu hát.	4,0
	a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội Mở bài nêu được vấn đề; Thân bài triển khai được vấn đề; Kết bài khái quát được vấn đề.	0,25
	b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: Mọi người phải biết mình	0,5
	c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm - Dẫn dắt, nêu quan niệm... - Giải thích: + Ứng dụng công nghệ số là việc áp dụng những công nghệ mới vào các lĩnh vực khác nhau nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả. + Nuôi dưỡng vẻ đẹp tâm hồn là mỗi người biết tự trau dồi về cảm xúc, nhận thức, khát vọng...những yếu tố quý giá bên trong con người. + Lời ru là những điệu hát dân gian của bà, của mẹ gắn với tuổi thơ mỗi người. => Như vậy, những người có quan niệm: Chỉ cần biết ứng dụng công nghệ số để phát triển kinh tế, không cần nuôi dưỡng tâm hồn qua lời ru, câu hát ... là chưa bao quát toàn diện các yêu cầu của sự phát triển. - Thực trạng, biểu hiện của quan niệm: + Đây là một quan niệm khá phổ biến trong xã hội hiện nay... + Phát triển kinh tế được xem là một cuộc đua lớn của các quốc gia trong nền công nghệ hiện đại 4.0.	1,0

	+ Công nghệ số đã thâm nhập sâu vào cuộc sống hiện đại, giúp dễ dàng truy cập, chia sẻ và tương tác qua mạng Internet, điện thoại di động, máy tính... + Cõi công nghệ số và phát triển kinh tế là thước đo mọi giá trị; Hạ thấp vai trò và quá trình nuôi dưỡng tâm hồn con người từ thuở ấu thơ... + Cõi lời ru, câu hát là những thứ cổ hủ, lạc hậu - Tác hại của quan niệm: + Khi số đông quan niệm kinh tế là quan trọng nhất, chỉ quan tâm làm sao kiếm được nhiều tiền thì đó là xã hội thực dụng, con người trong xã hội đó sẽ có xu hướng chạy theo đồng tiền... + Phủ nhận vai trò của đời sống tinh thần, phủ nhận vẻ đẹp tâm hồn, những thứ gần gũi, mật thiết như lời ru, câu hát ... + Lạm dụng công nghệ, sống trong guồng quay đấu đá tranh quyền đoạt lợi dẫn đến cạn kiệt sức khỏe và tinh thần... (Nêu một dẫn chứng) - Giải pháp/ cách từ bỏ: + Cần hiểu rõ: Phát triển kinh tế là cần thiết nhưng nuôi dưỡng tâm hồn cũng không kém phần quan trọng. Xã hội không thể phát triển toàn diện nếu con người chỉ biết kinh tế vật chất mà bỏ quên những giá trị tinh thần khác... + Cùng với việc ứng dụng công nghệ, chạy đua kinh tế để bắt kịp thời đại, hãy dành thời gian nuôi dưỡng tâm hồn để cân bằng giữa vật chất và tinh thần. + Cõi trọng lời ru, câu hát- chú trọng nuôi dưỡng tâm hồn từ thuở ấu thơ. - Bình luận, lời khuyên: + Quan niệm trên còn lệch lạc cần phải thay đổi. + Tâm hồn luôn cần được nuôi dưỡng trong suốt cuộc đời và khi có nền tảng ngay từ đầu sẽ là cột rễ vững chắc giúp mỗi người trưởng thành, có nhận thức đúng đắn. + Lời ru, câu hát là cơ sở hình thành nhân cách và là ngọn nguồn văn hóa của dân tộc. - Bài học nhận thức: Là học sinh cần biết công nghệ số là xu hướng tất yếu của thời đại, kinh tế là yếu tố quan trọng	
--	--	--

	nhưng đồng thời mỗi cá nhân phải không ngừng trau dồi đạo đức, nhân cách; trân trọng lời ru, câu hát ... Hãy bắt đầu nuôi dưỡng vẻ đẹp tâm hồn của mình từ hôm nay để sống có ý nghĩa và có giá trị. - Nêu ý nghĩa của việc từ bỏ quan niệm trên...	
	<i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Triển khai được ít nhất 2 luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng. Lưu ý: Học sinh có thể trình bày quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	1,5
	<i>đ. Chính tả, ngữ pháp:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
	<i>e. Sáng tạo:</i> Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy.	0,5
	I+II	10,0

Đề 27
(gồm 05 trang)

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT
THEO CẤU TRÚC MINH HỌA
MÔN: NGỮ VĂN

Phần	Câu	NỘI DUNG	ĐIỂM
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Văn bản được viết theo thể thơ tự do.	0,5
	2	Những hình ảnh thể hiện ước mơ của nhân vật “ta” những ngày còn thơ bé: “ <i>mơ trắng tháng tám</i> ”; “ <i>đêm rằm bầy cỗ, vui chơi</i> ”; “ <i>Cùng bạn nhỏ rước đèn múa hát</i> ” “ <i>Trống ếch lung tung nào nước trắng vui</i> ”	0,5
	3	- So sánh khát vọng của nhân vật trữ tình với hình ảnh “thơ ta còn bay khắp”, “theo những con tàu cập bến các vì sao” - Tác dụng: + Nhấn mạnh vào những khát khao cháy bỏng của nhân vật trữ tình. + Làm cho cách diễn đạt trở nên gợi hình, gợi cảm, sống động, hấp dẫn, sâu sắc hơn.	1,0
	4	- Dụng ý của sự thay đổi cho thấy sự trưởng thành trong nhận thức của nhân vật xưng “ta” theo thời gian. - Càng lớn, con người càng muốn theo đuổi những thứ lớn lao hơn và mang trong mình nhiều khát vọng, hoài bão hơn. (<i>Học sinh có thể diễn đạt theo nhiều cách khác nhau, đảm bảo tính hợp lí, thuyết phục</i>).	1,0
	5	<u>Gợi ý:</u> - Thông điệp: Sống là phải biết ước mơ, có ước mơ và khát vọng. - Ý nghĩa: Ước mơ và khát vọng giúp chúng ta có thêm nhiều động lực phấn đấu để vượt qua những khó khăn thử thách vươn tới những điều mình hằng mong ước. (<i>Học sinh có thể diễn đạt theo nhiều cách khác nhau, đảm bảo tính hợp lí, thuyết phục</i>).	1,0

II		VIẾT	6,0
	1	Viết một đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) làm rõ một số nét đặc sắc trong nội dung và nghệ thuật của văn bản “ <i>Bài học quét nhà</i> ” – Nam Cao.	2,0
		a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: về đẹp nội dung và nghệ thuật văn bản <i>Bài học quét nhà</i> – Nam Cao	0,25
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm: * Giới thiệu ngắn gọn về tác giả và truyện ngắn. * Tóm tắt nội dung chính của truyện: Vì cuộc sống gia đình rơi vào cảnh khó khăn, túng quẫn, Hồng (bé gái 5 tuổi) từ chỗ được bố mẹ từ yêu thương, chiều chuộng trở thành nơi để bố mẹ trút bỏ những lo âu, căng thẳng. Hồng rất buồn, tủi thân và trở nên cô độc. Một lần, vì không quét được nhà nên Hồng bị mẹ đánh khiến bé òa khóc. Khi cha Hồng nhìn thấy bi kịch đang diễn ra trước mắt, y đau xót lắm còn mẹ Hồng thì ân hận vì đã tát con. Đêm hôm đó, Hồng nghe được câu chuyện giữa bố mẹ. Họ an ủi nhau, ân hận và nhắc nhở nhau về cách yêu thương, đối xử với con gái của mình. Hồng không ngủ nó nằm nghe được hết câu chuyện và nó đã khóc. * Phân tích đánh giá nội dung và nghệ thuật của văn bản trên: - Chủ đề: Nam Cao chọn chủ đề nhỏ nhất là câu chuyện quét nhà nhưng qua chuyện nhỏ nhất về cuộc sống, tính cách những nhân vật ấy ông muốn gửi đến người đọc bài học có ý nghĩa, những triết lí nhân sinh sâu sắc về cuộc sống và con người. Ngợi ca giá trị của tình yêu thương, tình cảm gia đình. Niềm tin vào nhân cách và sự lương thiện của con người dù trong bất kì hoàn cảnh nào kể cả khi rơi vào bi kịch nhất. - Nội dung xoay quanh các nhân vật: + Bé Hồng 5 tuổi bé bỏng, ngây thơ, dễ bị tổn thương, luôn khao khát được yêu thương.	0,5

	+ Cha mẹ Hồng: Họ là nạn nhân của xã hội thực dân nửa phong kiến với gánh nặng áo com ghi sát đất đã đẩy họ vào bước đường cùng. + Họ là những người giàu tình yêu thương con cái nhưng rơi vào hoàn cảnh túng quẫn nên xảy ra nhiều xung đột. . Bé Hồng tuy mới 5 tuổi nhưng đã phải chịu bao đòn roi và sự ghét bỏ của người mẹ. . Mẹ Hồng luôn chửi mắng nó cả ngày, giao cho nó bao nhiêu việc nào là giữ em, quét nhà... trong khi cái chổi còn to hơn tay nó, nó sợ đến mức không dám cãi mẹ, cũng không dám khóc. -> Mặc dù có lúc mắc sai lầm nhưng tình yêu thương đã giúp họ thức tỉnh nhìn lại mình và hy vọng bé Hồng sẽ được bù đắp. Nhưng trong cuộc đời này còn có biết bao nhiêu bé Hồng khác vô tình đang bị đối xử thật là vô lí và thật đáng sợ cho sự vô cảm của người lớn. -> Vai trò của các nhân vật: Khắc họa chủ đề của truyện, góp phần thể hiện tư tưởng, tình cảm, thái độ của nhà văn. - Nghệ thuật: + Xây dựng tình huống độc đáo + Nghệ thuật miêu tả, phân tích tâm lí nhân vật tinh tế, sắc sảo + Ngôn ngữ đa âm, phức điệu, hiện đại có khả năng hóa thân, nhập vai vào nhân vật nói lên suy nghĩ của nhân vật. + Giọng điệu: Lạnh lùng, dửng dưng đến tàn nhẫn bên ngoài mà buồn thương, da diết, đầm thắm yêu thương ở bên trong. - Ngôi kể, điểm nhìn, lời kể: + Chọn ngôi kể thứ 3: + Điểm nhìn: Điểm nhìn bên trong và bên ngoài. + Lời kể chuyện: Khách quan, tự nhiên * Đánh giá chung: * Khẳng định lại vấn đề:	
	<i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu:</i> - Lựa chọn được các thao tác lập luận trong phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý.	0,5

	- Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng.	
	đ. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25
	e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ, có dẫn chứng thuyết phục.	0,25
2	Viết một bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ ý nghĩa sự phấn đấu không ngừng của con người trong cuộc sống.	4,0
	<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội</i> Mở bài nêu được vấn đề; Thân bài triển khai được vấn đề; Kết bài khái quát được vấn đề.	0,25
	<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: ý nghĩa sự phấn đấu không ngừng của con người trong cuộc sống</i>	0,5
	<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> - Dẫn dắt, nêu quan niệm... - Giải thích: “Phấn đấu không ngừng” là kiên trì, bền bỉ nỗ lực hết mình để theo đuổi mục tiêu, khát vọng sống chính đáng của bản thân mà không nản chí hay từ bỏ. - Ý nghĩa sự phấn đấu không ngừng của con người trong cuộc sống: + <i>Sự phấn đấu không ngừng</i> tạo cho con người sự bền bỉ, gắng sức nhằm đạt tới mục đích cao đẹp; + <i>Sự phấn đấu không ngừng</i> giúp con người trở nên năng nổ, cần cù, không chỉ có thể có được thành tựu trong công việc mà còn có thể tạo cho họ nhiều cơ hội. + <i>Sự phấn đấu không ngừng</i> tạo nên sức mạnh tinh thần để chiến thắng chính mình, xóa tan đám mây đen để hiện ra vầng trăng sáng ngời, thay cái xấu thành cái tốt. - Bài học nhận thức và hành động.	1,0

	+ Mỗi người cần có nhận thức đúng đắn để thấy rằng sự phấn đấu không ngừng là rất cần thiết, nhằm khẳng định vị trí của mình trong xã hội; + Mỗi người cần có hành động đúng đắn: sống là hành động, phấn đấu không ngừng nghỉ để biến ước mơ, hoài bão thành hiện thực.	
	<i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Triển khai được ít nhất 2 luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng. Lưu ý: Học sinh có thể trình bày quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	1,5
	<i>đ. Chính tả, ngữ pháp:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
	<i>e. Sáng tạo:</i> Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy.	0,5
	I+II	10,0

Đề 28
(gồm 04 trang)

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT
THEO CẤU TRÚC MINH HỌA
MÔN: NGỮ VĂN

Phần	Câu	NỘI DUNG	ĐIỂM
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Hai phương thức biểu đạt nổi bật: Biểu cảm, miêu tả	0,5
	2	Thiên nhiên trong bài thơ được quan sát, miêu tả vào thời điểm mùa đông (nắng hanh, tiếng sếu vọng, xuân sắp sang)	0,5
	3	- Biện pháp tu từ: Nhân hóa (<i>Mây-về</i>) - Tác dụng: Giúp cho việc diễn đạt trở nên sinh động, giàu hình ảnh; nhấn mạnh vào dấu hiệu mùa đông đã về, đồng thời thể hiện những cảm nhận tinh tế của nhân vật trữ tình về thiên nhiên, cảnh vật cũng như bước đi của thời gian.	1,0
	4	- Nhận xét: Qua các khổ thơ, ta thấy được tác giả chú trọng về việc gieo vần ở cuối câu thơ, tạo nên một nhịp cố định cho cả bài thơ. Như khổ 1, vần được gieo là vần “ay”: <i>bay, gày, hay</i> . Hay như khổ 2, vần được gieo ở đây là vần “anh”: <i>tranh, lành, cảnh</i> . Mỗi vần sẽ được gieo ở câu 1, 2 và 4 của khổ thơ. - Tác dụng: Dễ dàng bắt được nhịp điệu, âm tiết của bài thơ.	1,0
	5	Mối quan hệ giữa thiên nhiên và con người: - Thiên nhiên và con người gắn bó, giao hòa. - Con người không chỉ thưởng thức vẻ đẹp của thiên nhiên mà còn gửi gắm tâm tư, tình cảm qua thiên nhiên. - Con người phải có ý thức bảo vệ thiên nhiên.	1,0
II		VIẾT	6,0
	1	Viết một đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) làm rõ một số nét đặc sắc trong nội dung và nghệ thuật của văn bản “ <i>Bài học tuổi thơ</i> ” – Nguyễn Quang Sáng.	2,0
		<i>a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn</i> Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25

		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: vẻ đẹp nội dung và nghệ thuật văn bản <i>Bài học tuổi thơ</i> – Nguyễn Quang Sáng.	0,25
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm: Sau đây là một hướng gợi ý: - Nét đặc sắc về nội dung của truyện ngắn: Câu chuyện về tình người và cách người ta đối xử với quá khứ. Điểm “không” dành cho người thầy khi chưa thấu đáo trong cách đánh giá và bất kì ai đã quên một phần lịch sử cũng như trân trọng đức tính cao đẹp của con người. - Nét đặc sắc về nghệ thuật: Cốt truyện đơn giản, dễ hiểu, xoay quanh cuộc trò chuyện giữa hai cha con. Câu chuyện được kể thông qua điểm nhìn của người cha – người kể chuyện ngôi thứ nhất. Đây là điểm nhìn xuyên suốt tác phẩm, giúp cho câu chuyện trở nên sinh động, cụ thể, giàu cảm xúc và chân thật hơn. Thành công của truyện là đã xây dựng được những nhân vật thật tiêu biểu.....	0,5
		d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu: - Lựa chọn được các thao tác lập luận trong phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng.	0,5
		đ. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25
		e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ, có dẫn chứng thuyết phục.	0,25
	2	Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý nghĩa của việc hiểu mình và hiểu người.	4,0
		a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội <i>Mở bài</i> nêu được vấn đề; <i>Thân bài</i> triển khai được vấn đề; <i>Kết bài</i> khái quát được vấn đề.	0,25

	<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: ý nghĩa của việc hiểu mình và hiểu người</i>	0,5
	<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> - Dẫn dắt, nêu quan niệm... - Giải thích: Hiểu mình và hiểu người là biểu hiện cao của trí tuệ. + Hiểu mình là biết rõ những ưu điểm, nhược điểm của mình, hiểu rõ những điều gì là mình thực sự yêu thích và mong muốn cũng như những điều khiến mình không hài lòng trong cuộc sống. + Hiểu người là phát hiện chính xác nhu cầu, mục đích, nỗi lo lắng, niềm hi vọng, cách nhìn thế giới, các mối quan tâm, hiện trạng cảm xúc của người khác. - Bàn luận: Với bản thân: Hiểu mình và hiểu người là một trong những điều kiện quan trọng giúp chúng ta biết cách ứng xử và giải quyết các vấn đề trong cuộc sống. Hiểu người để rồi đáp ứng người, thì kết quả là người cũng sẽ đáp ứng lại mọi điều ta mong muốn. Nếu không hiểu mình và hiểu người thì mọi suy nghĩ của ta chỉ là áp đặt hoặc hời hợt, mọi vấn đề gặp phải đều khó giải quyết thấu đáo. Hiểu mình để có cái nhìn cảm thông người khác và hiểu được tất cả những điều người khác nghĩ. Với xã hội: giúp xã hội trở nên tốt đẹp, văn minh. - Mở rộng: Phê phán những người sống ích kỉ, hời hợt, vô tâm không hiểu mình mà cũng không hiểu người, sống lạnh nhạt với mọi vấn đề của cuộc sống. - Bài học: + Nhìn nhận lại bản thân một cách nghiêm túc để thấy ưu, khuyết điểm của mình, hiểu rõ ước mơ khát vọng của bản thân. + Hãy tập để ý quan tâm đến mọi người mình gặp gỡ thường ngày trong cuộc sống, trong công việc, lắng nghe những điều họ nói, quan sát những điều họ làm,...	1,0
	<i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i>	1,5

	- Triển khai được ít nhất 2 luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng. Lưu ý: Học sinh có thể trình bày quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	
	d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
	e. Sáng tạo: Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy.	0,5
	I+II	10,0

Đề 29
(gồm 05 trang)

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT
THEO CẤU TRÚC MINH HỌA
MÔN: NGỮ VĂN

Phần	Câu	NỘI DUNG	ĐIỂM
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Thể thơ: bảy chữ (thất ngôn)	0,5
	2	Hình ảnh trung tâm của bài thơ: Hình ảnh cô gái	0,5
	3	<i>HS nêu được ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh “áo trắng” được thể hiện trong bài thơ:</i> - Là biểu tượng cho vẻ đẹp tinh khôi, trong trắng của cô gái. - Là biểu tượng cho sự thơ mộng, trong sáng, hồn nhiên của tình yêu tuổi học trò.	1,0
	4	<i>HS nêu nhận xét về tình cảm của nhân vật trữ tình với người con gái được thể hiện trong bài thơ:</i> - Niềm say mê, sự ngỡ ngàng, ngất ngây, hạnh phúc trong tình yêu. - Đó là tình cảm đầy đẹp đẽ, chân thành, trong sáng, hồn nhiên của những rung động đầu đời.	1,0
	5	<i>HS bày tỏ suy nghĩ về ý nghĩa của tình yêu chân chính trong cuộc đời của mỗi người. Sau đây là một số gợi ý:</i> - Tình yêu chân chính có ý nghĩa cao đẹp và thiêng liêng bởi đó là nền tảng của một gia đình hạnh phúc, là cơ sở để duy trì và phát triển của nhân loại. - Giúp mỗi người hoàn thiện bản thân, đem lại hạnh phúc, tiếp thêm sức mạnh để vượt qua mọi khó khăn thử thách	1,0
II		VIẾT	6,0
	1	Viết một đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích nhân vật bà cụ trong văn bản “Mây trắng còn bay”– Bảo Ninh.	2,0
		a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn	0,25

	Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.	
	b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: phân tích nhân vật bà cụ trong văn bản “ <i>Mây trắng còn bay</i> ” – Bảo Ninh.	0,25
	c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm: Sau đây là một hướng gợi ý: - Giới thiệu ngắn gọn về nội dung bao quát của tác phẩm <i>Mây trắng còn bay</i> - Phân tích nhân vật bà cụ: + Ngoại hình: “Hình vóc bé nhỏ, teo tóp của bà như chìm lấp vào thân ghế”, “lưng còng, hai bàn tay gầy guộc” khắc họa rõ nét vẻ ngoài lam lũ, vất vả, khắc khổ của người mẹ, người phụ nữ Việt Nam xưa + Lời nói sử dụng nhiều từ ngữ đưa đẩy “các bác kia, bác nhi, thưa các bác...” hay “Thảo nào hai lượt tàu bay “những” triệu bạc... Các chú cho già “thì có” khiến cho nhân vật bà cụ hiện lên với những nét đặc trưng tiêu biểu của tầng lớp nông dân ở làng quê Việt Nam: xởi lởi, cởi mở, chân chất, chất chiu. → Qua đó hiện lên một mảnh đời cơ cực, nhọc nhằn, vất vả. + Hành động: đây là lần đầu tiên trong cuộc đời, người mẹ ấy đi máy bay, bà bày đồ cúng cho con trên máy bay, trên vùng trời con mình là chiến sĩ phi công hi sinh gần 30 năm trước. Khi chứng kiến cái dáng vẻ sợ sệt, van lơn, khẩn khoản của bà cụ với tay vận complet, ta lại càng thương cảm, xót xa. → Tình mẫu tử thiêng liêng, sâu sắc - Truyện ngắn “ <i>Mây trắng còn bay</i> ” là tiếng nói cảm thông, thương cảm với những bà mẹ có con hi sinh trong chiến tranh, xót xa với số phận con người thời chiến – khi họ ngã xuống ở cái tuổi đẹp nhất, hi sinh cuộc đời để đem lại hoà bình cho dân tộc. Đồng thời tác phẩm là tiếng nói tố cáo chiến tranh, là tiếng nói phê phán lối sống ích kỉ, cá nhân của những người thời bình thờ ơ trước những hi sinh của những người đã ngã xuống trong thời chiến. “ <i>Mây trắng còn bay</i> ” còn là sự chiêm nghiệm của tác giả về cuộc đời, vết thương chiến tranh chẳng bao giờ xoá bỏ được, nó còn mãi cùng với sự chảy trôi của cuộc đời như “mây trắng” vẫn bay. Truyện ngắn là bài học về lối sống	0,5

	uống nước nhớ nguồn, là sự trân trọng những hi sinh thầm lặng của con người trước, trong và sau chiến tranh. - Đánh giá đặc sắc: nghệ thuật kể chuyện, lựa chọn điểm nhìn, xây dựng nhân vật, chi tiết tiêu biểu...	
	d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu: - Lựa chọn được các thao tác lập luận trong phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng.	0,5
	đ. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25
	e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ, có dẫn chứng thuyết phục.	0,25
2	“Giá trị lớn nhất của một trái tim biết yêu thương là sự chân thành.” (C. Dickens) Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bày tỏ ý kiến của anh/chị về nhận định trên.	4,0
	a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội Mở bài nêu được vấn đề; Thân bài triển khai được vấn đề; Kết bài khái quát được vấn đề.	0,25
	b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: “Giá trị lớn nhất của một trái tim biết yêu thương là sự chân thành”	0,5
	c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm * Giải thích - Trái tim biết yêu thương: là sự quan tâm đến người khác, biết chia sẻ tình cảm của mình với những người xung quanh. - Sự chân thành: là tình cảm được biểu hiện một cách tự nhiên; không giả dối, vụ lợi. - Chủ đề đặt ra cho bài viết: Giá trị lớn nhất của một trái tim biết yêu thương là sự chân thành. Đó là tình cảm cao quý và	1,0

	đáng trân trọng nhất trong quan hệ, đối xử giữa con người với con người trong cuộc sống. * Bình luận - Vì sao một trái tim cần biết yêu thương? + Cuộc sống của con người chỉ có ý nghĩa khi đặt trong các mối quan hệ với gia đình và xã hội. Con người luôn cần được sự quan tâm giúp đỡ của người khác. Ngược lại bản thân mỗi người cũng phải biết quan tâm giúp đỡ mọi người. Sự sẻ chia sẽ đem đến tình yêu thương cho tất cả mọi người trong mọi mối quan hệ. Có như vậy, cuộc sống sẽ có ý nghĩa và tốt đẹp hơn. + Sự yêu thương luôn đem đến cho người nhận niềm vui, đồng thời cũng khiến người cho cảm thấy hạnh phúc. Từ đó có thể giúp con người tự nhận thức được giá trị của mình, giá trị của những người sống xung quanh mình để điều chỉnh hành vi, thái độ sống, hướng đến cuộc sống ngày càng tích cực hơn. + Trong cuộc sống hiện đại ngày nay, con người đang có khuynh hướng vị kỉ, ít quan tâm đến người khác; dẫn đến thái độ thờ ơ với cuộc sống. Vì vậy “một trái tim biết yêu thương” sẽ giúp mọi người xích lại gần nhau hơn, tránh được những sự việc đáng tiếc xảy ra trong đời sống cá nhân, riêng lẻ của từng người. - Vì sao sự yêu thương cần được thể hiện một cách chân thành? + Tình cảm luôn tác động mạnh mẽ đến nhận thức của con người. Nếu tình cảm bị lừa dối hay lợi dụng sẽ khiến người nhận dễ bị tổn thương gây ra những phản ứng tiêu cực. Vì vậy, sự yêu thương cần phải được thể hiện một cách chân thành. + Nếu sự yêu thương bị giả dối sẽ ngày càng tạo thành hố sâu trong mối quan hệ giữa con người với con người. Thế giới sẽ ngày càng bị chia cắt. Con người sẽ rơi vào lối sống ích kỉ. - Sự yêu thương chân thành là tình cảm cao quý và đáng trân trọng nhất mà con người cần vươn đến và phải đạt được. - Con người cần phải sống như thế nào để thể hiện sự yêu thương chân thành?	
--	---	--

	+ Phải giữ gìn trái tim trong sáng, tình cảm chân thành, không sống vụ lợi cá nhân. Phải biết yêu thương người khác như yêu thương chính bản thân mình. + Tình cảm yêu thương chân thành đó phải được thể hiện bằng những thái độ, hành động cụ thể thiết thực đối với những người xung quanh. * Liên hệ bản thân và rút ra bài học	
	<i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Triển khai được ít nhất 2 luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng. Lưu ý: Học sinh có thể trình bày quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	1,5
	<i>đ. Chính tả, ngữ pháp:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
	<i>e. Sáng tạo:</i> Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy.	0,5
	I+II	10,0

Đề 30
(gồm 05 trang)

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT
THEO CẤU TRÚC MINH HỌA
MÔN: NGỮ VĂN**

Phần	Câu	NỘI DUNG	ĐIỂM
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Thể thơ: bảy chữ (thất ngôn)	0,5
	2	Những từ chỉ sự vật: Lá, cành, gió, góc vườn, chiếc mo cau, trái na, mắt, đàn kiến.	0,5
	3	Biện pháp tu từ: Nhân hóa: Trái na mở mắt, nhìn Tác dụng: - Về hình thức: Tăng tính gợi hình, gợi cảm, câu thơ sinh động, hấp dẫn. - Về nội dung: Tạo ấn tượng về thế giới tự nhiên đầy sức sống; giúp cho hình ảnh trái na trở nên có hồn và gần gũi, đáng yêu...	1,0
	4	Nguyễn Bính cảm nhận mùa thu bằng những giác quan: Thị giác (ngắm nhìn cảnh vật từ xa tới gần...), khứu giác (ngửi mùi hoa thiên lí), thính giác (nghe câu hát, nhịp võng, tiếng chim). Nhận xét: Cách cảm nhận mùa thu của nhà thơ rất đặc biệt, ông huy động nhiều giác quan để cảm nhận những biến chuyển khê khàng của thiên nhiên, tạo vật. Điều đó góp phần thể hiện tâm hồn nhạy cảm, tinh tế của nhà thơ.	1,0
	5	Bức tranh thu sinh động, tươi tắn, đầy sức sống với vạn vật được miêu tả trong trạng thái sinh sôi, nhựa sống căng tràn: Trời xanh, gió lồng, mùi thiên lí thoảng bay, cánh cò bay lả, câu hát du dương, gió đuổi nhau, trái na mở mắt, lúa trổ bông, chim ríu rít. Điều đó gợi những tình cảm sâu lắng trong tôi: Đó là tình yêu thiên nhiên, sự gắn bó với mùa thu quê hương và trân trọng những vẻ đẹp bình dị, gần gũi cũng như đồng cảm đối với tác giả.	1,0

II	VIẾT	6,0
1	Viết một đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) làm rõ những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật trong văn bản “Quê hương”– Giang Nam.	2,0
	a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
	b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: đặc sắc về nội dung và nghệ thuật trong văn bản “Quê hương”– Giang Nam.	0,25
	c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm: Sau đây là một hướng gợi ý: 1. Phân tích, đánh giá nội dung bài thơ: * Bóng hình quê hương trong ánh mắt tuổi thơ - Bức tranh thiên nhiên vừa gần gũi vừa thân thương của quê hương ủa về như mới ngày hôm qua. Tất cả những gì giản dị nhất đều thuộc về quê hương. - Giang Nam yêu quê “qua từng trang sách nhỏ”. Nơi đây chính là mảnh đất nuôi dưỡng tâm hồn, gìn giữ những giá trị tốt đẹp. - Đối với nhà thơ, có quê hương là điều hạnh phúc nhất. “Ai bảo chăn trâu là khổ?” có lẽ tác giả đang nhớ về những kỉ niệm thân quen ngày xưa. - Tứ thơ vẫn tiếp tục phát triển đề “nghe tiếng chim hót, đuổi bướm cầu ao”, một không gian quê hương bình yên, hiền hòa. Và hình ảnh cô bé nhà bên có lẽ là nhân vật gắn liền với ký ức của tác giả đến mãi sau này. * Sự trưởng thành về nhận thức và tình yêu chớm nở của đôi trẻ - Kỉ niệm tuổi thơ ủa về cho đến mãi sau này khi nhân vật trưởng thành: “Cách mạng bùng lên Từ biệt mẹ, tôi đi” - Khi chiến tranh nổ ra, chàng thanh niên mới lớn khao khát hoài bão đánh đuổi giặc ngoại xâm. Nỗi khát khao ấy được khởi nguồn từ tình yêu dành cho quê hương, đất nước để chàng trai quyết tâm lên đường.	0,5

	- Cô bé nhà bên vẫn hiện lên thật đẹp, vẫn là nụ cười ấy, đôi mắt đẹp, cảm giác thân thương đến lạ. * Sự đau xót đến tột cùng khi người yêu thương nhất hy sinh - Tình cảm vừa chớm nở đã phải trải qua sự chia ly vì đau thương, chết chóc. Cô gái hàng xóm bé nhỏ của tác giả đã ra đi, để lại hình ảnh quê hương thêm phần cô đơn, lẻ bóng. - Khi “em” ra đi, quê hương mất đi vẻ lạc quan, vui vẻ mà toát lên sự trầm mặc. - Nếu mở đầu bài thơ, tình yêu quê hương của Giang Nam gắn liền với bóng dáng thiên nhiên thì phần sau tình yêu ấy lớn lao hơn. 2. Phân tích, đánh giá nghệ thuật: - Ngôn ngữ sinh động - Hình ảnh bình dị, thân thuộc - Giọng điệu thơ mộc mạc, chân thành	
	d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu: - Lựa chọn được các thao tác lập luận trong phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng.	0,5
	đ. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25
	e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ, có dẫn chứng thuyết phục.	0,25
2	Trong thời gian gần đây một số hoa hậu, á hậu khi đăng quang đã có những phát ngôn ngây ngô, thiếu hiểu biết. Viết một bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày quan điểm của anh/chị về vấn đề trên.	4,0
	a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội Mở bài nêu được vấn đề; Thân bài triển khai được vấn đề; Kết bài khái quát được vấn đề.	0,25

	<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: một số hoa hậu, á hậu khi đăng quang đã có những phát ngôn ngây ngô, thiếu hiểu biết.</i>	0,5
	<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> 1. Thực trạng: - Gần đây nhiều hoa hậu, á hậu khi đăng quang được báo chí phỏng vấn đã có những câu trả lời ngây ngô, gây sốc khiến cho khán giả có nhiều bất bình. Phần đông khán giả đều không hài lòng trước sự thiếu hiểu biết, ngô nghê của các hoa hậu, á hậu. <u>Dẫn chứng:</u> Hoa hậu Ý Nhi khi được hỏi về 3 người nổi tiếng của đất Bình Định đã kể tên mình, Hàn Mặc Tử và vua Quang Trung, cho rằng mình đã trưởng thành hơn các bạn khi đã là hoa hậu còn các bạn vẫn đang ngủ, chơi và uống trà sữa, yêu cầu bạn trai phải thay đổi để xứng đáng với mình... Á hậu Đào Thị Hiền cũng phát ngôn gây sốc khi đặt mình trước các nhân vật lịch sử của Nghệ An trong đó có Bác Hồ... 2. Hậu quả: - Việc một số hoa hậu, á hậu khi đăng quang được báo chí phỏng vấn đã có những câu trả lời ngây ngô, gây sốc đã để lại những ấn tượng không tốt với khán giả, vì họ phải là những người đại diện cho vẻ đẹp nhan sắc và trí tuệ của xã hội. - Từ đó khán giả mất niềm tin vào các cuộc thi sắc đẹp hiện nay - Tạo ra hiệu ứng không tốt với xã hội khi làm cho giới trẻ có lối sống thực dụng, chạy theo hư danh, thích phát ngôn gây sốc để nổi tiếng. 3. Nguyên nhân: - Do còn trẻ, non nớt trong suy nghĩ, nghĩ gì nói nấy mà chưa ý thức được sứ mệnh của một hoa hậu, á hậu. - Do thiếu hiểu biết về các vấn đề xã hội, lịch sử, văn hóa. - Do chưa được trang bị kỹ năng trả lời phỏng vấn ... 4. Giải pháp:	1,0

	- Ban tổ chức các cuộc thi cần có những tiêu chí cụ thể khi chấm để lựa chọn người xứng đáng với ngôi vị hoa hậu, á hậu. - Các hoa hậu, á hậu cần ý thức được sứ mệnh của mình mà trau dồi kiến thức, rèn luyện bản thân, đặc biệt là trang bị kỹ năng trả lời phỏng vấn để trở thành người vừa có nhan sắc, vừa có trí tuệ, vừa có văn hóa. - Nếu các hoa hậu, á hậu có phát ngôn hay hành động không phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật, gây hại cho xã hội thì cần có những biện pháp phù hợp để nhắc nhở, xử phạt. 5. Bài học về nhận thức và hành động: - Mỗi người cần cẩn trọng khi phát ngôn trước tập thể, đặc biệt là người của công chúng càng phải cân nhắc lời nói cho phù hợp với hoàn cảnh và nhận thức của số đông. - Không ngừng nâng cao nhận thức, trau dồi tri thức và rèn luyện đạo đức để trở thành người có văn hóa giao tiếp tốt.	
	<i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Triển khai được ít nhất 2 luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng. Lưu ý: Học sinh có thể trình bày quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	1,5
	<i>đ. Chính tả, ngữ pháp:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
	<i>e. Sáng tạo:</i> Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy.	0,5
	I+II	10,0

Đề 31
(gồm 05 trang)

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT
THEO CẤU TRÚC MINH HỌA
MÔN: NGỮ VĂN

Phần	Câu	NỘI DUNG	ĐIỂM
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Phương thức biểu đạt chính: biểu cảm	0,5
	2	Những hình ảnh được lấy từ chất liệu văn học dân gian: Cô Tấm, hoàng hậu, cây khế, đại bàng...	0,5
	3	Nội dung câu thơ: “ <i>Đất đai cỗi cằn thì người sẽ nở hoa</i> ”: - Thiên nhiên khắc nghiệt, điều kiện tự nhiên không cho phép không phải là cản trở mà ngược lại, là thử thách để con người khẳng định mình. <i>Con người nở hoa</i> là con người sẽ tạo ra những thành quả lao động tốt đẹp trên chính mảnh đất cỗi cằn, khắc nghiệt. - Câu thơ muốn nói đến chân lí: con người thành công khi nỗ lực vượt qua những thử thách, khó khăn trong cuộc sống.	1,0
	4	- Chỉ ra phép điệp: điệp từ “ <i>những</i> ” kết hợp cấu trúc liệt kê: <i>những chân trời, những mảnh đất..., những biển khơi..., những ngàn sao...</i> - Tác dụng: + Tạo nhịp điệu, âm hưởng cho đoạn thơ + Nhấn mạnh những khát khao lớn lao của con người muốn chinh phục những mảnh đất rộng lớn, những điều lớn lao trong cuộc sống.	1,0
	5	- <i>Gợi ý thông điệp</i> : + Cần có niềm tin vào những điều tốt đẹp trong cuộc sống, niềm tin vào chính nghĩa, cái thiện sẽ thắng cái ác. + Cần biết ước mơ, dám khao khát những điều lớn lao. + Cần quý trọng công sức lao động. - <i>Lý giải hợp lí, thuyết phục</i> Ví dụ: Thông điệp sâu sắc mà văn bản mang lại cho chúng ta là: Cần có niềm tin vào những điều tốt đẹp trong cuộc sống,	1,0

		niềm tin vào chính nghĩa, cái thiện sẽ thắng cái ác. Bởi khi ta biết tin vào những điều tốt đẹp là ta còn có niềm tin vào cuộc sống, con người và biết hướng bản thân đến những giá trị nhân văn. Khi ta có niềm tin vào chính nghĩa, cái thiện thắng cái ác là ta biết tin tưởng vào công lý, công bằng xã hội. Niềm tin là điều rất quan trọng, nó giúp ta sống tích cực hơn, ý nghĩa hơn và làm những điều có ích cho cuộc sống.	
II		VIẾT	6,0
	1	Viết một đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) làm rõ những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật trong văn bản “Tiếng chổi tre”– Tố Hữu.	2,0
		a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: đặc sắc về nội dung và nghệ thuật trong văn bản “Tiếng chổi tre”– Tố Hữu.	0,25
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm: Sau đây là một hướng gợi ý: - Xác định, phân tích và đánh giá nội dung của bài thơ: + Hai khổ thơ đầu khắc họa khung cảnh làm việc của chị lao công, từ đó toát lên công việc cực nhọc, vất vả nhưng cũng làm ngời sáng tư thế khỏe khoắn, bền bỉ, sự cần mẫn, cống hiến âm thầm của người nữ lao công; qua đó thể hiện tấm lòng đồng cảm và sự yêu mến, trân trọng, ngợi ca của tác giả dành cho chị lao công nói riêng, dành cho những con người lao động bình dị đang lặng thầm đóng góp cho công cuộc xây dựng cuộc sống mới nói chung. + Khổ thơ cuối miêu tả khung cảnh buổi sáng tươi đẹp sau những đêm làm việc miệt mài của những người lao công và thông điệp của tác giả. - Xác định, phân tích và đánh giá một số đặc sắc về hình thức nghệ thuật của bài thơ (phù hợp với đặc trưng thơ trữ tình): + Chủ thể trữ tình: Xuất hiện trực tiếp qua đại từ nhân xưng “tôi”;	0,5

	+ Thể thơ tự do, cách ngắt nhịp độc đáo, gieo vần liên tiếp; + Ngôn ngữ mộc mạc, giản dị; + Xây dựng hình tượng nghệ thuật đẹp đẽ: hình tượng chị lao công và tiếng chổi tre; hình ảnh thơ gần gũi, đời thường mà giàu cảm xúc; + Các phép tu từ: điệp ngữ (“<i>chị lao công</i>”, “<i>tiếng chổi tre</i>”, “<i>đêm hè</i>”, “<i>đêm đông</i>”, “<i>quét rác</i>”, “<i>nhớ nghe hoa</i>”, “<i>nhớ em nghe</i>”, “<i>em nghe</i>”, ...), nhân hóa, so sánh, ... + Giọng điệu tâm tình, ngọt ngào, tha thiết.	
	d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu: - Lựa chọn được các thao tác lập luận trong phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng.	0,5
	đ. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25
	e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ, có dẫn chứng thuyết phục.	0,25
2	Tác giả Hamlet Trương cho rằng: “Đỉnh núi thì cao, nhưng leo đỉnh núi thì vui [...] Quan trọng là trải nghiệm và tận hưởng hành trình của mình nhé.” Viết một bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/ chị về ý kiến trên.	4,0
	a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội Mở bài nêu được vấn đề; Thân bài triển khai được vấn đề; Kết bài khái quát được vấn đề.	0,25
	b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: bày tỏ quan điểm của mình về vấn đề: “Đỉnh núi thì cao, nhưng leo đỉnh núi thì vui [...] Quan trọng là trải nghiệm và tận hưởng hành trình của mình nhé.”	0,5

	c. <i>Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> * Xác định được vấn đề nghị luận: - <i>Đỉnh núi thì cao nhưng leo đỉnh núi thì vui:</i> + <i>Đỉnh núi thì cao:</i> tượng trưng cho việc muốn chinh phục và có được thành công, chúng ta đều phải đối mặt với rất nhiều khó khăn và thử thách. + <i>Leo đỉnh núi thì vui:</i> hành trình chinh phục thử thách luôn mang đến cho ta những khám phá, trải nghiệm ý nghĩa, những phát hiện và chiêm nghiệm thú vị, sâu sắc về bản thân và cuộc sống (<i>này là cảnh vật ven đường, này là những người đồng đội, này là bao vất vả rớt mồ hôi để vươn lên của bản thân ta...</i>). - <i>Quan trọng là trải nghiệm và tận hưởng hành trình của mình:</i> Trải nghiệm là tổng hợp những tri thức, kỹ năng hoặc những quan sát được tích lũy thông qua quá trình tham gia hoặc tiếp xúc với những sự vật, sự kiện... Vì thế “hành trình leo núi” là cách nói ẩn dụ về hành trình trải nghiệm chinh phục những dấu mốc, những thành công trong cuộc sống. Qua đó, ta có cơ hội học tập, tích lũy kinh nghiệm, rèn luyện kỹ năng... giúp ta bộc lộ được tiềm năng, trưởng thành, bản lĩnh hơn trong cuộc sống và hiểu hơn về giá trị phương hướng của chính bản thân mình. → Chốt lại vấn đề nghị luận: khẳng định vai trò quan trọng của trải nghiệm và sự tận hưởng hành trình của con người trên con đường chinh phục những mục tiêu, lí tưởng, khát vọng... của mình. * Bàn luận về vấn đề nghị luận: - Trải nghiệm đem lại hiểu biết và kinh nghiệm thực tế; giúp chúng ta mau chóng trưởng thành về cách nghĩ, cách sống, bồi đắp tình cảm, tâm hồn, giúp mỗi người gắn bó và góp phần cống hiến cho cuộc đời, cho đất nước. - Trải nghiệm giúp mỗi người khám phá chính mình để có những lựa chọn đúng đắn và sáng suốt cho tương lai. - Trải nghiệm giúp mỗi người dần thân, thử nghiệm để sáng tạo; biết cách vượt qua những trở ngại khó khăn, tôi luyện bản lĩnh, ý chí để thành công.	1,0
--	--	-----

	- Thiếu trải nghiệm cuộc sống của mỗi người sẽ nghèo nàn, thụ động, nhàm chán, vô ích; không cảm nhận được sự thú vị của cuộc sống. Vì thế hạnh phúc không chỉ là đích đến mà là sự tận hưởng hành trình cuộc sống của mỗi chúng ta... HS biết cách lấy các dẫn chứng phù hợp để chứng minh cho những bình luận của mình. * Bài học nhận thức và hành động: - Những người trẻ cần trải nghiệm để khám phá cuộc sống và chính mình. Cần tạo điều kiện để tuổi trẻ được trải nghiệm cuộc sống tốt đẹp và hữu ích. - Thực tế, nhiều bạn trẻ chưa coi trọng hoạt động trải nghiệm để bản thân trưởng thành. Đó là những người chỉ chú ý vào việc học tập, thi cử mà chưa chủ động, tích cực trải nghiệm, rèn kỹ năng sống. Một số khác lại đắm chìm trong thế giới ảo. Đặc biệt hơn nữa, có những bạn trẻ lại lao vào thử nghiệm những điều có hại, sa vào tệ nạn... - Cần nhận thức được vai trò quan trọng và cần thiết của trải nghiệm, biết trải nghiệm tích cực để giúp bản thân trưởng thành, vững vàng và sống đẹp hơn.	
	<i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Triển khai được ít nhất 2 luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng. Lưu ý: Học sinh có thể trình bày quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	1,5
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
	<i>e. Sáng tạo:</i> Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy.	0,5
	I+II	10,0

Đề 32
(gồm 06 trang)

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT
THEO CẤU TRÚC MINH HỌA
MÔN: NGỮ VĂN**

Phần	Câu	NỘI DUNG	ĐIỂM
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Đoạn trích được viết theo thể thơ: 7 tiếng (7 chữ)	0,5
	2	Trong bài thơ, người mẹ đã nhờ láng giềng: <i>Xảy chi cứu giúp lấy con tôi!</i>	0,5
	3	Câu thơ “ <i>Nếu chết trời ơi! Ôm lấy con</i> ” thể hiện sự hoảng sợ, tuyệt vọng của người mẹ khi nghĩ đến trường hợp xấu nhất có thể xảy ra là phải chết trong trận lụt. Hành động “ôm lấy con” cho thấy sự lo lắng, xót thương và tình yêu bao la, vô bờ bến của người mẹ dành cho con.	1,0
	4	Học sinh trình bày được cách hiểu của mình về bổn phận của người làm con đối với cha mẹ, miễn là tích cực, phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật. * Gợi ý: Làm con có bổn phận yêu thương, kính trọng, biết ơn đối với cha mẹ; Phải phụng dưỡng cha mẹ, giữ gìn danh dự và truyền thống tốt đẹp của gia đình; cần có hiếu với cha mẹ; chăm lo cho gia đình, san sẻ, gánh vác đời sống vật chất của gia đình với bố mẹ...	1,0
	5	Đảm bảo cấu trúc của đoạn văn; đảm bảo quy tắc chính tả, ngữ pháp. Học sinh triển khai vấn đề theo nhiều cách để lí giải “ <i>Vì sao tình mẫu tử có vai trò quan trọng trong cuộc sống con người</i> ”; hợp lí, thuyết phục; phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật. */ <u>Gợi ý</u> : Tình mẫu tử có vai trò quan trọng trong cuộc sống con người vì: - Tình mẫu tử là điểm tựa tinh thần và tiếp thêm động lực cho ta mỗi khi gặp khó khăn, giúp cuộc sống có ý nghĩa hơn. - Tình mẫu tử giúp chúng ta có thể thoát khỏi những cám dỗ của cuộc đời.	1,0

		- Tình mẫu tử góp phần tạo niềm tin, động lực và là mục đích sống cho những nỗ lực và sự khát khao của chúng ta. ...	
II		VIẾT	6,0
	1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích, đánh giá những nét đặc sắc về cấu tứ và hình ảnh trong bài thơ “Xuân về” – Nguyễn Bính.	2,0
		a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: những nét đặc sắc về cấu tứ và hình ảnh trong bài thơ <i>Xuân về</i> của Nguyễn Bính.	0,25
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm: Sau đây là một hướng gợi ý: * Nét đặc sắc về cấu tứ của bài thơ: – Cấu tứ trong chính nhan đề bài thơ <i>Xuân về</i> : khoảnh khắc mùa xuân đến với thiên nhiên và con người. Nhan đề có mối quan hệ với các khổ thơ theo mạch: Về đẹp khi gió xuân về - nắng xuân về - đồng quê - cảnh trăng hội mùa xuân. * Phân tích hệ thống hình ảnh bài thơ: – Bức tranh thiên nhiên mùa xuân thể hiện qua các hình ảnh: + Gió xuân về: làm ửng hồng gò má của “gái chưa chồng”. + Khi cơn mưa mùa xuân qua đi, trời quang mây tạnh. + Ánh nắng dịu mát, ấm áp bắt đầu xuất hiện. + Lộc non đâm chồi, mọc lên lớp “trắng bạc” sau cơn mưa xuân. + Đồng lúa vào “thì con gái” xanh ngát, “mượt như nhung”. + Những bụi hoa tràn ngập sắc màu tỏa ngát hương thơm ngào ngạt. => Thiên nhiên tràn đầy sức sống, giao hòa tạo thành thế giới của màu sắc, âm thanh, hương thơm. – Hình ảnh con người:	0,5

	+ Đôi má đỏ hây hây của “gái chưa chồng”. + Cô hàng xóm với “đôi mắt trong” ngược lên bầu trời. + Con trẻ nô đùa, “chạy xun xoe” dưới ánh nắng mùa xuân. + Sự thanh thoi của người lao động được “nghi việc đồng” vì mây tháng trời làm việc vất vả. + Hình ảnh nô nức khi đi lễ chùa, từ các cô gái trẻ trung với “áo đỏ, quần thâm” tới các cụ “tóc bạc” => Con người trẻ trung, đầy sức sống, hồn nhiên, yêu đời; sống hòa hợp với thiên nhiên, nhịp sống chậm rãi, biết vui chơi, tận hưởng trong mùa xuân; hồn hậu, bình dị - Con người trẻ trung, tươi mới yêu đời, hòa hợp với thiên nhiên mang đậm đà bản sắc văn hóa truyền thống làng quê. - Nhân vật trữ tình: tinh tế, nhạy cảm, rung động trước vẻ đẹp của thiên nhiên và con người trong mùa xuân. Qua đó thể hiện tình cảm yêu mến trân trọng vẻ đẹp cảnh quê và tình quê. * Đánh giá: – Nội dung: Bài thơ là bức tranh thiên nhiên và con người tràn đầy sức sống, thể hiện tình yêu và sự trân trọng thiên nhiên và vẻ đẹp mộc mạc bình dị của con người mang đậm đà bản sắc văn hóa truyền thống làng quê. – Nghệ thuật: + Hình ảnh thơ chân thực, sống động. + Ngôn ngữ mộc mạc, bình dị, được dùng linh hoạt. + Sử dụng biện pháp tu từ (so sánh, liệt kê, câu hỏi tu từ...) + Giọng thơ chậm rãi, cách ngắt nhịp nhẹ nhàng. => Nét đẹp giản dị đặc trưng của thơ Nguyễn Bính.	
	d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu: - Lựa chọn được các thao tác lập luận trong phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng.	0,5

2	<i>đ. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25
	<i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ, có dẫn chứng thuyết phục.	0,25
	Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bày tỏ suy nghĩ của mình về vấn đề: Tự tin là chính mình.	4,0
	<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội</i> <i>Mở bài</i> nêu được vấn đề; <i>Thân bài</i> triển khai được vấn đề; <i>Kết bài</i> khái quát được vấn đề.	0,25
	<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i> bày tỏ suy nghĩ của mình về vấn đề: Tự tin là chính mình.	0,5
	<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> 1. Mở bài: Nêu vấn đề cần bàn luận, hướng bàn luận và ý nghĩa chung của việc bàn luận về vấn đề: Tự tin là chính mình. 2. Thân bài: 2.1. Miêu tả khái quát hoàn cảnh đời sống làm nảy sinh vấn đề: Cuộc sống hiện đại đòi hỏi mỗi cá nhân phải không ngừng cập nhật giá trị và hoàn thiện giá trị của mình. Để tồn tại và phát triển, với bất kì ai, việc nhìn nhận, tự đánh giá, tự khẳng định giá trị của bản thân là điều cần thiết. Tự tin là chính mình rất quan trọng, đặc biệt trong xã hội hiện nay. 2.2. Phân tích lần lượt từng khía cạnh vấn đề theo trình tự từ hẹp đến rộng hoặc từ rộng đến hẹp với những lí lẽ và bằng chứng phù hợp: - Tự tin vào chính mình là luôn tin tưởng vào bản thân mình, tin vào năng lực, phẩm chất, kĩ năng của bản thân mình - Tự tin vào chính mình có ý nghĩa đối với cá nhân: giúp cho ta: + Phát huy năng lực tư duy, khả năng sáng tạo, tiên phong để đạt được thành công	1,0

	+ Có tinh thần hợp tác, dám chịu trách nhiệm + Khả năng giao tiếp linh hoạt, khéo léo, tạo được thiện cảm của mọi người, + Dám thay đổi bản thân, tiếp thu cái tốt, phát huy điểm mạnh để ngày càng trưởng thành + Biết kiểm soát cảm xúc, thể hiện tình cảm, bình tĩnh, tự tin xử lý mọi vấn đề. + Biết quản lý thời gian, nắm bắt cơ hội để chủ động vạch ra kế hoạch cho bản thân + Khi gặp tình huống căng thẳng phải biết ứng phó kịp thời, chủ động đưa ra quyết định + Sự tự tin giúp ta vững tin vào cuộc sống, thêm yêu đời, giúp ta vượt qua nỗi sợ hãi, bi quan, chán nản. + Khi có sự tự tin vào chính mình sẽ giúp xây dựng mối quan hệ bạn bè gắn bó, hoà đồng từ đó nâng cao tinh thần đoàn kết, xây dựng môi trường học đường tích cực, lành mạnh. 2.3. Làm rõ sự cần thiết phải nhận thức đầy đủ về vấn đề: + Sự tự tin là vô cùng cần thiết đối với con người chúng ta. Nếu không có sự tự tin thì con người sẽ tự đánh mất đi nhiều cơ hội, cuộc sống khó khăn, trắc trở,... + Muốn vậy, mỗi người cần học tập chăm chỉ, tích cực, chủ động lĩnh hội tri thức. Sống lí tưởng, mục tiêu riêng cho bản thân. Tu dưỡng phẩm chất, rèn luyện cho bản thân mình những kĩ năng sống, tích cực trải nghiệm. 2.4. Nêu trải nghiệm của bản thân với vấn đề được bàn luận: + Trong cuộc sống (mạnh dạn, tự tin trong các việc làm hàng ngày...); trong học tập (tự tin, mạnh dạn phát biểu...), trong lao động và sáng tạo (tự tin dám nghĩ dám làm, thay đổi và bứt phá,...) + Hoặc nêu trải nghiệm đọc về sự tự tin là chính mình của một cá nhân tiêu biểu 2.5. Bàn luận vấn đề từ góc nhìn trái chiều: + Tự tin không đồng nghĩa với tự kiêu Ngược lại với tự tin là nhút nhát, không tự tin thì sẽ mang lại những thất bại, thiệt thòi cho bản thân.	
--	---	--

	+ Phê phán, lên án những con người thiếu tự tin dẫn đến tự ti, mặc cảm dễ thất bại trong cuộc sống. + Những người không tự tin thì chắc chắn sẽ không bao giờ thành công được bởi họ luôn lo sợ thất bại, không dám tin vào khả năng của chính mình, và cũng sẽ không bao giờ dám tin vào khả năng của người khác. 3. Kết bài: - Lối sống tự tin là yếu tố cần thiết đối với việc hoàn thiện nhân cách mỗi con người, nhất là trong xã hội hiện đại.	
	<i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Triển khai được ít nhất 2 luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng. Lưu ý: Học sinh có thể trình bày quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	1,5
	<i>đ. Chính tả, ngữ pháp:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
	<i>e. Sáng tạo:</i> Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy.	0,5
	I+II	10,0

Đề 33
(gồm 05 trang)

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT
THEO CẤU TRÚC MINH HỌA
MÔN: NGỮ VĂN

Phần	Câu	NỘI DUNG	ĐIỂM
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Thể loại của văn bản: Văn bản nghị luận	0,5
	2	<i>Luận điểm chính:</i> <i>Thái độ sống tích cực chính là chìa khóa của hạnh phúc quy định cách nhìn đời, cách nhìn nhận và giải quyết vấn đề.</i>	0,5
	3	- <i>Mục đích tạo lập văn bản:</i> Khích lệ mọi người hãy luôn tạo cho mình một thái độ sống tích cực để có được sự hạnh phúc và thành công trong cuộc sống. - <i>Thái độ của tác giả:</i> Sự khách quan khi so sánh thái độ sống tích cực và tiêu cực. Qua đó tác giả đề cao tầm quan trọng của thái độ sống tích cực và phê phán những biểu hiện của thái độ tiêu cực.	1,0
	4	Giải thích cách hiểu về câu “ <i>Thái độ sống tích cực chính là chìa khóa của hạnh phúc</i> ”: - Thái độ sống tích cực sẽ khiến con người luôn dễ chịu, lạc quan, yêu đời, suy nghĩ tích cực. Đó chính là cảm xúc của hạnh phúc. - Thái độ tích cực sẽ dẫn đến những hành động tích cực để dễ dàng đi đến thành công.	1,0
	5	Ý kiến “ <i>Thái độ sống tích cực còn giúp ta nhìn được những cơ hội trong khó khăn cũng như không cảm thấy khó chịu, than trách cuộc sống</i> ” HS có thể nêu ý kiến đồng ý hoặc không đồng ý nhưng cần có cách lí giải thuyết phục. <u>Gợi ý:</u> - <i>Đồng ý:</i> Khi có thái độ sống tích cực ta sẽ làm chủ bản thân, mạnh mẽ, lạc quan vượt qua khó khăn và tìm được hướng đi cho mình. Nếu không có thái độ sống tích cực, con người ta sẽ dễ buông xuôi, gục ngã trước những chông gai, thử thách.	1,0

		Vì thế, thay vì bị quan, chán nản hay “ <i>cảm thấy khó chịu, than trách cuộc sống</i> ” hãy hướng đến những điều tích cực.	
II		VIẾT	6,0
	1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) làm rõ đặc điểm của cấu tứ và hình ảnh trong bài thơ “Viết cho con” – Dạ Quỳnh.	2,0
		a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: đặc điểm của cấu tứ và hình ảnh trong bài thơ “Viết cho con” – Dạ Quỳnh.	0,25
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm: Sau đây là một hướng gợi ý: - Phân tích, đánh giá cấu tứ: Bài thơ là những lời người mẹ muốn gửi gắm với con, đó là những tình cảm chân thành, những điều giản dị mà mẹ mong muốn. + Mẹ không thể cho con những điều lớn lao nhưng luôn bên con dù con thành công hay thất bại. + Mẹ luôn hướng con tới những điều tốt đẹp. + Mẹ sẵn sàng chịu đựng những nhọc nhằn, vất vả. + Kết thúc bài thơ là những điều mẹ mong muốn ở con, mẹ không mong muốn những điều lớn lao, không mong con đỗ đạt cao vì con chính là điều vĩnh viễn trong tim mẹ. - Phân tích, đánh giá hình ảnh: Học sinh có thể lựa chọn một số hình ảnh tiêu biểu để phân tích, ví dụ: + <i>biển xanh, trời cao, tia nắng mặt trời</i> trong khổ thơ thứ 2 + <i>là những trang giấy thơm, điểm chín, mười, là những cánh hoa, là những đợi chờ</i> trong khổ 4 => Những hình ảnh thể hiện những điều mẹ mong muốn và gửi gắm cho con. Đó là những hình ảnh gần gũi, giản dị trong cuộc sống.	0,5
		d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu: - Lựa chọn được các thao tác lập luận trong phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận.	0,5

	- Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng.	
	d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25
	e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ, có dẫn chứng thuyết phục.	0,25
2	Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày quan điểm của anh/chị về lối sống biết trân trọng những điều bình dị trong cuộc sống.	4,0
	a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội <i>Mở bài</i> nêu được vấn đề; <i>Thân bài</i> triển khai được vấn đề; <i>Kết bài</i> khái quát được vấn đề.	0,25
	b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: lối sống biết trân trọng những điều bình dị trong cuộc sống.	0,5
	c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm * Giải thích: - <i>Trân trọng</i>: thái độ nâng niu, coi trọng, <i>điều bình dị</i>: những điều nhỏ bé, giản dị xung quanh cuộc sống mỗi con người. - <i>Trân trọng những điều bình dị trong cuộc sống</i> là thái độ coi trọng, nâng niu, trân quý những điều nhỏ bé, giản dị xung quanh cuộc sống mỗi con người. * Bàn luận: - <i>Vì sao cần trân trọng những điều bình dị trong cuộc sống?</i> + Cuộc sống là bức tranh muôn màu, là sự tổng hòa của những điều lớn lao và nhỏ bé bình dị, đời thường. Những điều bình dị thuộc về một phần tất yếu của cuộc sống. + Mỗi con người chỉ có duy nhất một lần để sống trên cõi đời, bởi vậy cần trân trọng cuộc sống, mà trước hết là những điều nhỏ bé bình dị xung quanh.	1,0

	- Ý nghĩa của sự trân trọng những điều bình dị trong cuộc sống + Những điều bình dị xung quanh ta có thể là một nhành cây, ngọn cỏ, một ánh mắt thân thương, một nụ cười ấm áp, một cuộc gặp gỡ bạn bè, một bữa cơm gia đình, một câu nói quan tâm,... Đó là những điều rất giản đơn, bình dị mà con người có thể gặp ở bất cứ đâu trong cuộc sống hàng ngày. + Những điều nhỏ bé là cơ sở, là nền tảng tạo nên những điều lớn lao (muôn triệu giọt nước tạo nên biển cả, muôn vạn cây xanh tạo nên cánh rừng bạt ngàn, những cử chỉ quan tâm tạo nên tình yêu thương gắn kết, những thành tựu vĩ đại được kiến tạo từ những suy nghĩ, hành động... chi tiết, giản đơn nhất...). + Trân trọng những điều bình dị là cách chúng ta thể hiện lòng biết ơn đối với cuộc sống, tạo thêm yêu thương và sự kết nối với cuộc sống đang diễn ra xung quanh, nhìn nhận cuộc đời tích cực, biết mở rộng tâm hồn, đón nhận cảm giác gần gũi, bình yên.... + Khi làm được những điều bình dị nhỏ bé, con người thêm tự tin vào bản thân mình; có động lực để vượt qua khó khăn, thử thách, phát huy hết khả năng tiềm ẩn trong mình để vươn tới những điều lớn lao, cao cả. Đó là khi con người được sống ý nghĩa, nhân văn... * Mở rộng: - Không trân trọng những điều bình dị xung quanh, thờ ơ với thế giới muôn màu sắc của cuộc sống, chúng ta dần trở nên lạc lõng trong chính cuộc sống của bản thân mình. Xem thường những điều bình dị nhỏ bé, chúng ta dần đánh mất đi giá trị của cuộc sống. - Phê phán những người quá mải mê chạy theo những gì lớn lao mà quên mất những điều nhỏ bé trong cuộc sống hàng ngày. - Tuy nhiên, trân trọng những điều bình dị không có nghĩa là bằng lòng với những gì vụn vặt, tầm thường hoặc không bao giờ biết mơ ước tới những điều lớn lao, kì vĩ, có ảnh hưởng tích cực cho cuộc sống của tất cả mọi người.	1,5
--	---	-----

	* Bài học: - Nhận thức: cuộc sống được tạo thành từ những điều rất nhỏ. Đừng thờ ơ, cũng đừng vì chạy theo những điều lớn lao mà quên mất những điều bình dị quanh mình. - Biết tìm niềm vui trên cõi sống ngay từ những gì thân quen, trân trọng những gì nhỏ bé, lấy đó làm cơ sở để thực hiện những ước mơ, khát vọng lớn. - Làm điều nhỏ bé: Học tập, rèn luyện, nỗ lực phấn đấu trở thành người có ích cho xã hội... <i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Triển khai được ít nhất 2 luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng. Lưu ý: Học sinh có thể trình bày quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
	<i>e. Sáng tạo:</i> Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy.	0,5
	I+II	10,0

Đề 34
(gồm 04 trang)

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT
THEO CẤU TRÚC MINH HỌA
MÔN: NGỮ VĂN

Phần	Câu	NỘI DUNG	ĐIỂM
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Nhân vật trữ tình: Người con	0,5
	2	Trong giấc ngủ của con không xuất hiện những hình ảnh: bà Tiên, cô Tấm	0,5
	3	Học sinh có thể trình bày cách hiểu theo nhiều cách trên cơ sở chỉ ra được: - Câu thơ được lặp lại ba lần, nhân vật trữ tình hồi tưởng những kí ức về tuổi thơ vất vả, lam lũ nhưng cũng đầy thú vị, tình yêu thương của bà và mẹ. - Bộc lộ nỗi nhớ về tuổi thơ; tình yêu thương, biết ơn với người bà, người mẹ. - Tạo nhịp điệu, âm hưởng cho bài thơ.	1,0
	4	Học sinh nêu được suy nghĩ của mình về tuổi thơ của những đứa trẻ trong chiến tranh. Có thể theo hướng sau: - Tuổi thơ không có chỗ cho những điều kì diệu, mộng mơ - Tuổi thơ không yên bình, đầy những biến động	1,0
	5	- Nêu được quan điểm của mình. - Lí giải được quan điểm: nội dung lí giải đảm bảo tính logic, thuyết phục, ngắn gọn. <u>Gợi ý:</u> - “ <i>Cái khát khao thơ ngây</i> ” sẽ giúp con người vượt lên những khó khăn, thử thách của cuộc sống. Bởi “ <i>khát khao thơ ngây</i> ” tượng trưng cho những hy vọng vào những điều tốt đẹp sẽ đến, giống như cô bé khát khao chiếc “ <i>chạc xoan</i> ” sẽ hóa thành “ <i>nỏ thần</i> ” để đánh đuổi giặc ngoại xâm, xua đi khói lửa đạn bom, mang lại cuộc sống hòa bình để bà và mẹ không còn phải “ <i>khóc thầm</i> ”. Khát khao ấy chính là niềm tin, niềm hy vọng, sẽ có sức mạnh to lớn, giúp con người tin tưởng vào sự xuất hiện của	1,0

		những điều tốt đẹp và có động lực để bước qua những cơn giông bão của cuộc đời.	
II		VIẾT	6,0
	1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày cảm nhận về tình yêu quê hương của tác giả trong “Bài học đầu cho con” của Đỗ Trung Quân.	2,0
		a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: tình yêu quê hương của tác giả trong “Bài học đầu cho con” của Đỗ Trung Quân.	0,25
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm: Sau đây là một hướng gợi ý: - Tình yêu quê hương giản dị, mộc mạc, sâu lắng: + Quê hương là nơi gắn liền với kỉ niệm tuổi thơ + Quê hương gắn liền với những tình cảm ruột rà - Nghệ thuật: + Biện pháp so sánh, liệt kê quê hương là những thứ bình dị, thân quen, gắn bó với cuộc đời của mỗi con người: vàng hoa bí, tím giậu mồng tơi, con điều biếc... + Phép điệp ngữ quê hương là nhấn mạnh tình yêu quê hương đất nước, niềm tự hào về quê hương của tác giả + Nhắc nhở mỗi người hãy biết trân trọng, yêu mến gắn bó với quê hương - Đánh giá chung: + Tình yêu quê hương là một tình cảm thiêng liêng, cao quý... + Vẻ đẹp nghệ thuật thơ Đỗ Trung Quân.	0,5
		d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu: - Lựa chọn được các thao tác lập luận trong phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng.	0,5

		đ. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25
		e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ, có dẫn chứng thuyết phục.	0,25
	2	Lòng tốt của con người có thể chữa lành các vết thương nhưng lòng tốt cũng cần đôi phần sắc sảo, nếu không chẳng khác nào con số không tròn trĩnh. Viết một bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày quan điểm của anh/chị về nhận định trên.	4,0
		a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội Mở bài nêu được vấn đề; Thân bài triển khai được vấn đề; Kết bài khái quát được vấn đề.	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: Lòng tốt của con người có thể chữa lành các vết thương nhưng lòng tốt cũng cần đôi phần sắc sảo, nếu không chẳng khác nào con số không tròn trĩnh.	0,5
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm * Giải thích - Lòng tốt: là sự yêu thương, quan tâm, chia sẻ vật chất hoặc tinh thần đối với những người xung quanh. - Chữa lành các vết thương: xoa dịu, hàn gắn những nỗi đau về tâm hồn và thể xác của con người. - Lòng tốt cũng cần đôi phần sắc sảo: lòng tốt cần phải đi cùng với lí trí tỉnh táo, nhận thức sáng suốt về đối tượng cần giúp đỡ và cách thức giúp đỡ, nếu không sẽ trở thành vô ích. => Ý kiến khẳng định chắc chắn vai trò của lòng tốt và cách biểu lộ lòng tốt tương thích để tạo ra những tác dụng tốt đẹp * Bàn luận: - Lòng tốt giúp con người đối diện và vượt qua nghịch cảnh, tạo ra cho họ niềm tin vào cuộc sống và hi vọng vào tương lai, giúp họ bớt đau đớn trước những bất hạnh, mất mát trong cuộc sống ... - Lòng tốt có thể cảm hóa cái xấu, cái ác; là sợi dây gắn kết,	1,0

	khiến cho mối quan hệ giữa người với người trở nên tốt đẹp hơn, góp phần xây dựng xã hội nhân ái, văn minh. - Lòng tốt cần đi cùng sự tỉnh táo của lí trí để không bị lợi dụng. - Phê phán những người sống thờ ơ, ích kỉ, những người lợi dụng lòng tốt của người khác, những người làm việc tốt nhưng toan tính trục lợi. * Bài học: - Nhận thức: trong cuộc sống, cần phải có lòng tốt và thể hiện nó một cách phù hợp, lòng tốt không đồng nghĩa với việc dễ dãi đáp ứng tất cả những yêu cầu của người khác mà cần biết học cách từ chối những yêu cầu vô lí một cách kiên quyết. - Hành động: cần có sự chuẩn bị kĩ lưỡng về kiến thức, kĩ năng sống để kết hợp hài hòa giữa việc giúp đỡ người khác và bảo vệ quyền lợi chính đáng của bản thân.	
	<i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Triển khai được ít nhất 2 luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng. Lưu ý: Học sinh có thể trình bày quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	1,5
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
	<i>e. Sáng tạo:</i> Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy.	0,5
	I+II	10,0

Đề 35
(gồm 06 trang)

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT
THEO CẤU TRÚC MINH HỌA
MÔN: NGỮ VĂN

Phần	Câu	NỘI DUNG	ĐIỂM
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích: Nghị luận.	0,5
	2	Người viết đã chỉ ra những thách thức mà học sinh phải đối mặt ở thế kỷ XXI: biến đổi khí hậu, tài nguyên cạn kiệt, môi trường ô nhiễm, thay đổi nghề nghiệp.	0,5
	3	- Tác dụng của việc sử dụng câu hỏi tu từ: + Nhấn mạnh trách nhiệm của thế hệ trẻ trong thời đại mới. Thế hệ trẻ cần thay đổi mạnh mẽ, tránh tụt hậu trong cuộc cách mạng 4.0. + Tạo giọng điệu trầm trở của tác giả, đồng thời xoáy sâu vào suy tư của người nghe.	1,0
	4	- Thí sinh trình bày ý kiến của mình. - Lí giải một cách thuyết phục, hợp lí. <u>Gợi ý: Nếu hoàn toàn đồng tình</u> Em hoàn toàn đồng tình với quan điểm “<i>Những định hướng nghề nghiệp em chọn cho mình trong hôm nay, chưa chắc có thể tồn tại ở ngày mai</i>”. Bởi xã hội đang ngày càng biến đổi và phát triển rất nhanh chóng, không có gì là nhất thành bất biến mà đều phải thay đổi cho phù hợp với xu thế mới. Có những công việc cũng vì thế mà chỉ có tính nhất thời. Điều đó đòi hỏi con người, nhất là người trẻ phải biết thích nghi, điều chỉnh bản thân cho phù hợp với những đổi thay mà cuộc sống đặt ra.	1,0
	5	- Nêu được thông điệp mà mình tâm đắc. - Lí giải thuyết phục, ngắn gọn. <u>Gợi ý:</u> Thông điệp em tâm đắc nhất qua văn bản là: cần phải trang bị cho mình tư duy phản biện trong cuộc sống hôm nay. Bởi lẽ, tư duy	1,0

		phản biện có vai trò rất quan trọng với mỗi chúng ta. Tư duy phản biện khiến chúng ta có cái nhìn đa diện, nhiều chiều về các vấn đề diễn ra trong cuộc sống; có tư duy phản biện chúng ta sẽ làm việc và suy nghĩ một cách thấu đáo hơn... Vì thế mà tránh được nhiều rủi ro cũng như rút ngắn khoảng cách dẫn tới thành công.	
II		VIẾT	6,0
	1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) làm rõ những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của đoạn trích “<i>Khi con tu hú</i>” – Tố Hữu	2,0
		a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của đoạn trích “ <i>Khi con tu hú</i> ” – Tố Hữu.	0,25
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm: <i>1. Phân tích, đánh giá nội dung bài thơ:</i> * Bức tranh ngày hè: - Âm thanh: (Tiếng chim tu hú: gọi nhau "gọi bầy"; tiếng ve râm ra trong vườn cây; tiếng sáo diều vi vu trên không). => <i>Những âm thanh thật sống động, tươi vui báo hiệu ngày hè đang tới (một bản nhạc rộn ràng âm sắc).</i> - Màu sắc: Lúa chiêm đang vào vụ chín vàng rực; những hạt bắp vàng ươm; cả sân nhà đều bao trùm bởi màu nắng hồng "đào"; bầu trời trong xanh. Chúng đều là những gam màu thật tươi tắn, đẹp đẽ. - Hình ảnh cũng mang đậm sắc thái của ngày hè sôi động: Cánh đồng lúa chiêm vàng chín; vườn trái cây đang "ngọt dần". Đó là sự vận động của thời gian, đầy tươi vui, ngọt ngào và sức sống. Không gian trong bức tranh được mở rộng, cao, thoáng đạt với điểm nhấn là hình ảnh của "đôi con diều sáo lộn nhào từng không" => <i>Bức tranh ngày hè được dựng lên thật sống động với đầy âm thanh, sắc màu, không gian, hình ảnh rực rỡ. Tất cả chúng đều chân thực, hết sức đẹp đẽ, tươi mới. Qua đó thể hiện tình yêu cuộc sống tha thiết của nhà thơ và cái nhìn tinh tế khi nhận ra sự chuyển mình của thời gian.</i>	0,5

	b.2. Tâm trạng, cảm xúc của người tù Cách mạng: - Khung cảnh thiên nhiên tươi đẹp nhưng chỉ là trong trí tưởng tượng của nhà thơ khi đang trong nhà tù Thừa Phủ. - Cảm xúc ngọt ngào, khao khát được tự do, đến với thiên nhiên, bầu trời: Thể hiện qua cách nhà thơ sử dụng 1 loạt những động từ mạnh: "đập tan", "chết uất" và các từ ngữ cảm thán "ôi", "thôi", "làm sao"; nhịp thơ ngắt quãng nhanh 6/2, 3/3.... 2. <i>Phân tích, đánh giá nghệ thuật:</i> - Chủ thể trữ tình: Chủ thể trữ tình của bài thơ là người chiến sĩ cách mạng đang phải chịu cảnh tù đầy, đang trực tiếp bộc lộ tâm trạng, cảm xúc của mình. - Nghệ thuật xây dựng hình ảnh: Bài thơ có hai hệ thống hình ảnh đối lập nhau: + Hệ thống hình ảnh nói về cuộc sống tươi đẹp, rộn rã ngoài kia - hệ thống hình ảnh nói về cảnh ngục tù ngọt ngào trong này. + Hệ thống hình ảnh thuộc về mơ ước, hồi tưởng - hệ thống hình ảnh của hiện thực. => <i>Làm nổi bật tâm trạng tù túng, uất ức, qua đó thể hiện tình yêu cuộc sống, khát vọng tự do của chủ thể trữ tình.</i> - Cấu tứ của bài thơ: Bài thơ mở đầu bằng tiếng tu hú, kết thúc cũng bằng tiếng tu hú. Cả hai tiếng chim đều gọi lên sự tự do, biểu tượng cho sự sống, khiến người tù phải bồn chồn, mong mỏi được thoát ra ngoài chốn lao tù để hòa mình vào tự do. Tiếng chim còn là lời thúc giục hồi hã về sự tự do.	
	d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu: - Lựa chọn được các thao tác lập luận trong phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng.	0,5
	đ. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25
	e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ, có dẫn chứng thuyết phục.	0,25

2	“Cuộc sống không phải để sợ, mà là để hiểu. Đây chính là lúc chúng ta cần phải tìm hiểu nhiều hơn về cuộc sống để làm vui bớt mọi nỗi sợ hãi.” (Marie Curie) Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) để trình bày suy nghĩ của bản thân về ý kiến trên.	4,0
	a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội Mở bài nêu được vấn đề; Thân bài triển khai được vấn đề; Kết bài khái quát được vấn đề.	0,25
	b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: Hiểu nhiều hơn về cuộc sống để làm vui bớt nỗi sợ hãi.	0,5
	c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm * Giải thích vấn đề nghị luận: - “Cuộc sống không phải để sợ mà là để hiểu”: cuộc sống của chúng ta luôn chứa đựng những điều bí mật, những bất ngờ, bất ổn khiến con người nhiều khi không thể lí giải được, không đối phó và cũng không chống đỡ được. Những lí do đó dẫn đến thái độ sợ hãi của rất nhiều người. - Nhưng “cuộc sống.. là để hiểu”: Chúng ta cần phải có những hiểu biết, những cách lí giải về sự bí ẩn, phức tạp của cuộc sống. → ý nghĩa cả câu nói: Cuộc sống vốn vô cùng phong phú và phức tạp; nó có thể khiến cho con người sợ hãi và lo lắng. Vì vậy mà mỗi con người chúng ta cần phải “tìm hiểu nhiều hơn về cuộc sống” để có khả năng “chung sống”, chủ động trước những tình huống, biến cố xảy ra và làm chủ cuộc sống của mình. * Giải quyết vấn đề nghị luận Ý kiến của nhà bác học Marie Cuire đúng đắn, sâu sắc, bởi vì: - Thực tế cuộc sống luôn luôn có những bí ẩn, bất ngờ, biến động phức tạp, nhất là trong giai đoạn hiện nay (thiên tai, biến động kinh tế, tranh chấp, xung đột vũ trang, những nguy cơ mất an toàn về an ninh...) khiến mọi người luôn sống trong tâm lí lo sợ. - Để đối diện với thực tế đó, cách tốt nhất theo Marie Cuire là phải <i>hiểu</i> và <i>hiểu nhiều hơn với cuộc sống</i>. Đó là giải pháp đúng đắn vì chỉ khi <i>hiểu</i>, ta mới có tâm lí bình tĩnh, chủ động để có	1,0

	thể lí giải, xử lí, giải quyết hay thuận theo nó, có cách chống lại nó... một cách có hiệu quả được. - Mục đích của cuộc sống không chỉ dừng lại ở việc làm <i>vời bớt nỗi sợ hãi</i> mà còn làm chủ và cải thiện cho cuộc sống tốt đẹp hơn. - Mục tiêu giáo dục của tổ chức Unesco cũng là “học để biết, học để làm, học để chung sống và học để khẳng định mình”. Vì vậy, để <i>hiểu nhiều hơn về cuộc sống</i>, cần phải không ngừng học hỏi, tìm hiểu cuộc sống ở mọi phương diện, bằng một thái độ sống bình tĩnh, tích cực. Nếu không nỗ lực tìm hiểu, khám phá quy luật của cuộc sống thì chúng ta sẽ chẳng bao giờ làm chủ được cuộc đời của mình, luôn lo sợ và ở trong thế bị động trước những biến đổi khôn lường của nó. Như vậy nhìn ở mặt tích cực thì những bí ẩn, những bất trắc của cuộc sống luôn khiến con người <i>sợ hãi</i> nhưng chính nó lại là phép thử để con người vươn lên và vượt qua chính mình, thấu hiểu lẽ đời và quy luật của cuộc sống. - Tuy nhiên để vượt qua nỗi sợ hãi để làm chủ hoàn cảnh, làm chủ cuộc sống của mình không phải là điều dễ dàng bởi năng lực của con người không phải là vô hạn mà có những giới hạn nhất định hoặc còn tiềm ẩn; con người cần dần thân, trải nghiệm qua những nghịch cảnh, những tình huống khác nhau thì mới khám phá, bộc lộ, bản thân, hiểu mình và hiểu rõ những gì mình đang muốn vươn tới; càng muốn đạt được những cái quý giá con người càng phải nỗ lực gấp bội. => Như vậy, để làm chủ cuộc sống, để không sợ mà thấu hiểu nó thì con người phải chấp nhận những bất trắc, những biến động khôn lường của nó. Qua đó, con người mới có thể hiểu rõ mình, hiểu rõ sức chịu đựng cũng như được rèn luyện, hoàn thiện thêm bản thân Bài học nhận thức: + Câu nói khuyến khích, nhắc nhở con người cần có thái độ dần thân nhập cuộc, rèn luyện cho mình bản lĩnh dám đối mặt với khó khăn thử thách, đặc biệt là khi còn trẻ. + Câu nói khuyên ta phải biết chủ động, luôn luôn khám phá, tìm hiểu cuộc sống để tự xây dựng cho mình một cuộc sống tốt đẹp.	
--	---	--

	+ <i>Nỗi sợ hãi</i> cũng có thể được <i>vui đi</i> nhờ việc xây dựng những mối quan hệ, giúp đỡ mọi người để cùng có cuộc sống tốt đẹp. + Bản thân cần có những định hướng rõ ràng và sự chuẩn bị tốt về mặt kiến thức và tâm lí cho mọi tình huống trong cuộc sống. + Trong cuộc sống con người cần hình dung, hiểu rõ mục tiêu cũng như cái mình muốn trước khi định làm việc, có như vậy mới mang tâm thế chủ động, sẵn sàng hoặc ít nhiều có sự chuẩn bị tốt hơn.	
	<i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Triển khai được ít nhất 2 luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng. Lưu ý: Học sinh có thể trình bày quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	1,5
	<i>đ. Chính tả, ngữ pháp:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
	<i>e. Sáng tạo:</i> Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy.	0,5
	I+II	10,0

Đề 36
(gồm 06 trang)

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT
THEO CẤU TRÚC MINH HỌA
MÔN: NGỮ VĂN

Phần	Câu	NỘI DUNG	ĐIỂM
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Phép liên kết: - Thế: "Nó" thay thế "thói đạo đức giả", - Lặp: "Đạo đức giả" - Nói: "Bởi vậy" - Liên tưởng...	0,5
	2	Đạo đức nhằm hướng thiện còn thói đạo đức giả thực hành cái ác	0,5
	3	Bởi vì: Người có thói đạo đức giả thường che đậy hành vi của mình bằng cái mặt nạ giả nhân giả nghĩa. Với vẻ bề ngoài, thói đạo đức giả cũng phô diễn vẻ đẹp của nhân cách, của luân thường đạo lý, vì vậy dễ chiếm được sự đồng cảm của số đông Vì còn tâm lý căm hận của mọi người ...	1,0
	4	<i>Có thể lý giải theo cách riêng, miễn không vi phạm đạo đức và pháp luật.</i> Gợi ý: Những người cả tin thường đặt lòng tin vào người khác, không cảnh giác trước những lời nói dối trá của kẻ đạo đức giả nên họ dễ bị nhầm lẫn và tin tưởng một cách mù quáng. Sự khoan dung, độ lượng và tin tưởng hoàn toàn vào mọi người là những đức tính tốt, nhưng chúng dễ khiến ta rơi vào tình cảnh bị lợi dụng và có thể bị làm hại. Và đó cũng là cơ hội cho thói đạo đức giả tồn tại và phát triển	1,0
	5	<u>Gợi ý:</u> <i>Nạn đạo đức giả sẽ làm suy yếu nền văn hóa của một đất nước. Vì:</i>	1,0

		- “Đạo đức giả” là cách ứng xử giả tạo, dùng vỏ đạo đức bề ngoài nhằm che đậy bản chất vô đạo đức bên trong nhằm đánh lừa người khác, mưu lợi riêng cho mình; đạo đức giả khiến cho mọi người luôn phải dè chừng, cảnh giác và đối phó lẫn nhau. vì thế chính nó sẽ làm suy yếu nền văn hóa của một đất nước. - Đối với mỗi người: kẻ đạo đức giả thường là người độc ác, nham hiểm, giả dối. Vì sống giả dối nên họ tự đánh mất dần nhân cách, đánh mất niềm tin, sự quý trọng của mọi người dành cho mình. Đối với xã hội: Đạo đức giả khiến cho mọi người luôn phải dè chừng, cảnh giác và đối phó lẫn nhau, nó làm lẫn lộn những giá trị đạo đức, khiến cho thật giả bất phân; làm suy đồi phong hóa xã hội và gây nhiều hậu quả khôn lường khác.	
II		VIẾT	6,0
	1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) làm rõ đặc điểm của nhân vật trữ tình trong bài thơ “Đò lèn” của Nguyễn Duy.	2,0
		a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: đặc điểm của nhân vật trữ tình trong bài thơ “Đò lèn” của Nguyễn Duy.	0,25
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm: - Khái quát vấn đề: Bài thơ “Đò Lèn” là lời của người cháu đã trưởng thành nhìn lại tuổi thơ, nhìn lại những năm tháng sống bên bà mà suy nghĩ, thức tỉnh. Cái nhìn có vẻ đơn sơ, hồn nhiên mà cũng thâm thúy, sâu sắc trong sự song hành quá khứ - hiện tại, trong những suy tưởng triết lí ẩn hiện phía sau. Bài thơ kết cấu theo dòng chảy của hoài niệm tuổi thơ, ngổ ngọt ngào mà hóa ra xa xót, ngậm ngùi. - Hình ảnh nhân vật trữ tình: + Đó là cái “tôi” hồn nhiên của một thời vô lo, vô nghĩ với những trò chơi dân gian thân thuộc đã làm nên tuổi thơ: câu cá, theo bà đi chợ, bắt chim sẻ ở vành tai tượng Phật, ăn trộm nhãn chùa Trần.”	0,5

	+ Và rồi kết thúc câu chuyện là một nỗi buồn sâu, buồn lâu và một suy ngẫm phổ quát rất “Nguyễn Duy”, đậm tính suy tưởng Nguyễn Duy. Cách kể “Tôi đi lính lâu không về quê ngoại” ngỡ như một lời tự sự bình thường mà dồn nén thời gian cả một cuộc chiến, chất chứa trong đó cả một cuộc đời. Đứa trẻ năm nào nhìn dòng sông trong sự toàn vẹn của nó: “bên lở bên bồi”. Thì ra, cuộc đời này vẫn luôn là thế: là sự được – mất, thành – không luôn song hành. Con người ta đôi khi để có được điều gì đó lại phải đánh đổi những điều rất quý giá của mình. Đôi khi, đến cuối con đường, lại nhận ra sự trả giá ấy là quá đắt: “biết thương bà thì đã muộn”. Cái “nắm cỏ” kia có thể là “cỏ khâu xanh rì” hay “sè sè nắm đất bên đường”, chẳng hề vô tri mà là cuộc đời của cả một con người, là dòng thác cuộn chảy của cả một thời kì lịch sử. - <i>Đánh giá chung:</i> Bài thơ tưởng như rất cá nhân (từ nhan đề “Đò Lèn” – một địa danh cụ thể đến danh xưng “tôi”) lại mang đậm màu sắc nhân sinh là một cách thức nhận lại mình. Mỗi đoạn thơ chỉ có chữ đầu tiên đoạn viết hoa, tưởng như là mỗi câu văn của một câu chuyện được thủ thỉ, tâm tình, giải bày rất thân thương, gần gũi. Ngôn từ không một chút khó hiểu nhưng khi ứng hiện với nhau tạo lên một hình thức lấp lánh, đầy sức gợi mở. Bài thơ đã thực hiện sứ mệnh của văn học: làm cho người ta không còn thấy câu thơ mà chỉ còn thấy tình người, quên rằng đó là tiếng nói của ai mà chỉ thấy nó như tiếng ca từ trong lòng mình, như là của mình vậy. Và như thế, văn học không rao giảng đạo đức mà là sự “ăn năn về đạo đức” để tự nhận thức, tự đổi thay.	
	<i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu:</i> - Lựa chọn được các thao tác lập luận trong phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng.	0,5
	<i>đ. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25

	e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ, có dẫn chứng thuyết phục.	0,25
2	“Cái rễ của học hành thì cay đắng nhưng quả của nó thì ngọt ngào”. (Ngạn ngữ Hy Lạp) Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bày tỏ ý kiến của anh/chị về nhận định trên.	4,0
	a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội Mở bài nêu được vấn đề; Thân bài triển khai được vấn đề; Kết bài khái quát được vấn đề.	0,25
	b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: Cái rễ của học hành thì cay đắng nhưng quả của nó thì ngọt ngào	0,5
	c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm *Giải thích: - Học hành là quá trình học và thực hành để mở mang kiến thức, nâng cao trình độ hiểu biết của mỗi người. - rễ đắng và quả ngọt là hình ảnh ẩn dụ chỉ công lao học hành và kết quả học tập. à Câu ngạn ngữ thể hiện nhận thức sâu sắc về quy luật của học vấn và vai trò quan trọng của việc học hành đối với mỗi người. * Phân tích - Chứng minh. Ý 1: Học hành có những chùm rễ đắng cay - Việc học đòi hỏi tốn thời gian, công sức, trải qua cả một quá trình. - Quá trình học tập có những khó khăn, vất vả, gian nan: chiếm lĩnh tri thức, luyện tập, thực hành...Để có thể giỏi giang, thành công đòi hỏi phải từng bước chinh phục những bậc thang học vấn. - Quá trình học tập có khi phải trải qua những thất bại, phải nếm vị cay đắng: điểm kém, bị quở mắng, thi hỏng.... Ý 2: Vị ngọt của quả tri thức hái được từ việc học hành - Vị ngọt của kết quả học tập trước hết là người học được nâng cao hiểu biết của bản thân, giàu có hơn về tri thức và tâm hồn, tự tin hơn trong cuộc sống.	1,0

	- Thành quả học tập mang lại niềm vui, niềm tự hào cho bản thân và gia đình. thầy cô giáo, nhà trường, quê hương... - Thành công trong học tập cũng chắp cánh cho những ước mơ, khát vọng mới trên con đường lập nghiệp. - Phải biết chấp nhận đắng cay trong giai đoạn đầu để sau đó hưởng thành quả tốt đẹp lâu dài. * Dẫn chứng: + Ê-đi-xon phải trải qua hàng nghìn thí nghiệm, phải tìm tòi không ngừng để phát minh ra bóng đèn điện. + Mắc-xim Gorki phải kiếm sống đủ thứ nghề vất vả nhưng không nguôi khát vọng học tập. Bằng con đường tự học đầy gian truân, say mê đọc sách tiếp cận ánh sáng văn minh nhân loại và trở thành nhà văn vĩ đại của nhân loại. (Bút danh: Gorki có nghĩa là cay đắng) + Mạc Đĩnh Chi bắt đom đóm cho vào vỏ trứng để lấy ánh sáng đọc sách, sau đỗ trạng nguyên. * Đánh giá – mở rộng - Câu nói bao hàm một nhận thức đúng đắn, một lời khuyên tích cực: nhận thức được quá trình chiếm lĩnh tri thức, mỗi người cần có bản lĩnh, chủ động vượt qua khó khăn để thu nhận được thành quả tốt đẹp trong học tập. - Trong thực tế, nhiều người lười biếng không chịu khó học hỏi, trau dồi kiến thức, không biết biến nhựa đắng thành quả ngọt dâng cho đời; hay có những người ỷ lại người khác, không nỗ lực, dẫn đến những hành động gian lận, không trung thực trong học tập - Kết quả học tập nếu không từ công sức bản thân sẽ không bền, sẽ có lúc phải trả giá, sẽ trở thành kẻ kém cỏi trong cái nhìn của mọi người. * Bài học: * Nhận thức: xem câu ngạn ngữ là phương châm nhắc nhở, động viên bản thân trong quá trình học tập. * Hành động: rèn ý thức vươn lên trong học tập, không đầu hàng gian nan thử thách, luôn hướng tới những ước mơ, khát vọng hái quả ngọt từ học vấn để thành công.	
--	--	--

	<i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Triển khai được ít nhất 2 luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng. Lưu ý: Học sinh có thể trình bày quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	1,5
	<i>đ. Chính tả, ngữ pháp:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
	<i>e. Sáng tạo:</i> Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy.	0,5
	I+II	10,0

Đề 37
(gồm 04 trang)

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT
THEO CẤU TRÚC MINH HỌA
MÔN: NGỮ VĂN**

Phần	Câu	Nội dung trình bày	Điểm
I		ĐỌC	4,0
	1	Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên là: Tự sự/ Phương thức tự sự.	0,5
	2	Đoạn trích trong truyện <i>Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ</i> được kể theo ngôi: Ngôi kể thứ nhất	0,5
	3	- Nhân vật “tôi” được bố dạy cho cách nhận ra những bông hoa trong vườn không phải bằng mắt mà bằng cảm giác của đôi bàn tay và bằng cách ngửi mùi hương của hoa. - Như vậy, nhân vật “tôi” không chỉ nhìn bằng trực giác mà nhìn bằng cảm giác, tình cảm, tâm hồn của chính mình.	1,0
	4	Cảm nhận về nhân vật “tôi” trong đoạn trích: - Là cậu bé có tâm hồn nhạy cảm, tinh tế, biết lắng nghe bằng cảm xúc của trái tim; biết trân trọng, nâng niu mọi người, mọi thứ xung quanh mình. - Là người có trái tim nhân hậu, giàu yêu thương...	1,0
	5	Học sinh nói lên quan niệm của mình: đồng tình hoặc không đồng tình với những điều nhân vật người bố nói về các “món quà”. Giải thích rõ vì sao mình lại có quan niệm như vậy. Có thể trình bày theo hướng sau: - Em đồng tình với những điều nhân vật người bố nói về các “món quà”. Vì theo em, mọi thứ tốt đẹp mà ta nhận được và cho đi trong cuộc sống đều là những món quà quý giá. Chúng ta cần trân trọng, nâng niu những món quà mình nhận được và luôn dành tặng cho người khác những món quà từ tình cảm yêu thương chân thành của bản thân ta...	1,0
II		VIẾT	6,0
	1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) làm rõ đặc điểm chủ thể trữ tình trong văn bản Cảnh rừng Việt Bắc- Hồ Chí Minh	2,0
		<i>a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng đoạn văn;</i>	

	Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng-phân-hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
	<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i> làm rõ đặc điểm chủ thể trữ tình trong văn bản Cảnh rừng Việt Bắc- Hồ Chí Minh	0,25
	<i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận</i> - Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận, sau đây là một số gợi ý: Chủ thể trữ tình trong văn bản Cảnh rừng Việt Bắc - Hồ Chí Minh trong bài thơ là: + Nhân vật trữ tình phác họa bức tranh thiên nhiên cảnh núi rừng Việt Bắc bình dị, thân thương, thanh đạm mà hữu tình. + Vẻ đẹp của bức tranh cảnh rừng Việt Bắc được gợi lên từ thanh âm: Vượn hót chim kêu suốt cả ngày, thể hiện vẻ đẹp giản dị, gần gũi. + Bác Hồ khắc họa bằng nét mộc mạc, giản dị, chân thực trong bốn câu thơ đặc tả sinh hoạt đời thường rất gợi: Khách đến thì mời ngô nếp nướng/Săn về thường chén thịt rừng quay,/Non xanh, nước biếc tha hồ dạo/ Rượu ngọt, chè tươi mặc sức say. Chỉ bốn câu thôi, mà làm người đọc thấy được cuộc sống của những người đi kháng chiến ở núi rừng. Cảnh sống ấy thật đơn giản mà lịch sự biết nhường nào, bởi cái tình người với nhau chan chứa, mặn nồng, tha thiết đến cái bắp ngô, củ sắn cũng bẻ đôi. Từ “chén” đủ làm người đọc thấy niềm lạc quan của những người đi kháng chiến bất chấp khó khăn ở rừng xanh núi ngàn. Với niềm lạc quan ấy thì trước phong cảnh thiên nhiên kỳ thú, có thể thả bộ thư giãn sau những giây phút làm việc căng thẳng, hay ngồi nhâm nhi giây lát bên chén rượu, ấm trà cũng là điều rất hợp lẽ, rất đời thường: + Người đọc càng thấy sự bình dị, lạc quan ở Bác Hồ trong một hoàn cảnh khó khăn như năm 1947 giữa núi rừng Việt Bắc: Kháng chiến thành công ta trở lại/Trăng xưa, hạc cũ với xuân này. → Vẻ đẹp về phẩm chất và nhân cách cao đẹp của Hồ Chí Minh. - Sắp xếp được hệ thống ý hợp lí theo đặc điểm bố cục của kiểu đoạn văn.	0,5
	<i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu:</i>	0,5

		- Lựa chọn được các thao tác lập luận trong phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận: đặc điểm của chủ thể trữ tình thể hiện trong văn bản - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng.	
		<i>d. Diễn đạt:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	0,25
		<i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
	2	Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày tầm quan trọng của việc biết cân bằng cảm xúc.	4,0
		a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài: <i>Nghị luận xã hội</i> .	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: tầm quan trọng của việc biết cân bằng cảm xúc.	0,5
		c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết: - Sắp xếp được cá ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận: * Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề. * Triển khai vấn đề nghị luận - Giải thích: + Cảm xúc là trạng thái tâm lí phản ánh nội tâm của con người, bao gồm cả cảm nhận, tư duy và phản ứng cơ thể. Chúng đóng vai trò quan trọng trong cuộc sống hàng ngày và đa dạng từ tích cực như niềm vui, hạnh phúc đến tiêu cực như sợ hãi và tức giận. + Cân bằng cảm xúc là cá nhân nhận thức, xử lí và điều chỉnh được cảm xúc một cách chính xác và hiệu quả. - Bàn luận, mở rộng: + Cân bằng cảm xúc đóng vai trò quan trọng trong cuộc sống. + Cân bằng cảm xúc có khả năng giúp con người nhận thức, xử lí và điều chỉnh được cảm xúc một cách chính xác và hiệu quả, giữ được sự chủ động trong suy nghĩ và hành động.	1,0

		+ Giúp ta lí trí hơn, ứng phó linh hoạt với các tình huống bất ngờ hoặc kiềm chế những hành động xúc nổi. + Biết cân bằng cảm xúc là nền tảng để hình thành nên tính cách của người có suy nghĩ chín chắn, trưởng thành; là tố chất cần có của con người. + Khi biết cân bằng cảm xúc ta sẽ ứng xử văn minh, lịch thiệp, chan hòa với mọi người; có những hành động đúng đắn kể cả khi gặp khó khăn, thử thách; tránh những việc làm không đáng có xảy ra. + Nhận thức và điều chỉnh cảm xúc một cách hợp lí giúp ta trở nên vững vàng, mạnh mẽ, sống lành mạnh và ý chí hơn, không rơi vào trạng thái căng thẳng hay hối tiếc về hành động đã làm lúc ta không kiểm soát được cảm xúc. + Dẫn chứng: Khi ta không cân bằng cảm xúc, dùng lời nói, ngôn từ thiếu chuẩn mực, miệt thị, nhục mạ người khác... * Mở rộng, trao đổi với quan điểm trái chiều hoặc ý kiến khác để có cái nhìn toàn diện. * Khẳng định lại quan điểm cá nhân đã trình bày và rút ra bài học cho bản thân.	
		<i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Triển khai được ít nhất 2 luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng. Lưu ý: Học sinh có thể trình bày quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	1,5
		<i>đ. Diễn đạt:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết trong văn bản.	0,25
		<i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
		I + II	10,0

Đề 38
(gồm 05 trang)

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT
THEO CẤU TRÚC MINH HỌA
MÔN: NGỮ VĂN**

Phần	Câu	Nội dung trình bày	Điểm
I		ĐỌC	4,0
	1	Ngôi kể của văn bản truyện là: Ngôi thứ nhất.	0,5
	2	Trong văn bản, bức tranh Hà Nội được miêu tả vào thời gian: Một chiều đông.	0,5
	3	Nhà văn Bảo Ninh đã xây dựng tình huống truyện: - Người lính nhận nhiệm vụ đi đưa thư, trên đường đi thì trời mưa phùn, đêm lạnh buốt, anh lính bị ốm và rồi thiếp đi trên hè phố.	1,0
	4	Anh là người lính nhiệt tình, biết hy sinh lợi ích cá nhân vì đồng đội: + Có cơ hội về Hà Nội nhưng anh không về thăm quê, chỉ xin được “rào vào phố để rải non chục lá thư của anh em đồng đội người Hà Nội đã gửi gắm”. + Dù không biết đường đi Hà Nội, cầm trên tay chín lá thư, nhưng nhờ sự nhiệt tình, anh không lo nghĩ nhiều, ung dung, vui vẻ bước đi. + Anh đội mưa, chịu cái rét lạnh buốt của mùa đông để đưa thư. Cuối cùng anh bị sốt, ngất ngay trên đường đi.	1,0
	5	- Sự hi sinh thầm lặng trong cuộc sống: những hành động, những con người dũng cảm, sẵn sàng giúp đỡ người khác từ những hành động nhỏ nhất với tình yêu thương chân thành và cũng là những con người luôn có ý thức vươn lên xây dựng một xã hội tốt đẹp. - Ý nghĩa của sự hy sinh thầm lặng + Người được chăm sóc sẽ cảm thấy được an ủi, đùm bọc, quan tâm, chia sẻ với mình cũng thật ấm lòng, là động lực giúp họ vượt qua khó khăn, nghịch cảnh. - Người chấp nhận hy sinh cũng cảm thấy hạnh phúc vì sự cho đi đã làm cho người khác hạnh phúc và tốt đẹp hơn.	1,0

II		VIẾT	6,0
	1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) làm rõ vẻ đẹp của nhân vật trữ tình trong văn bản thơ Đi đường- Hồ Chí Minh.	2,0
		a. <i>Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng đoạn văn;</i> Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng-phân-hợp, móc xích hoặc song hành.	0.25
		b. <i>Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i> làm rõ vẻ đẹp của nhân vật trữ tình trong văn bản Đi đường- Hồ Chí Minh	0.25
		c. <i>Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận</i> - Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận, sau đây là một số gợi ý: vẻ đẹp của nhân vật trữ tình trong văn bản Đi đường- Hồ Chí Minh là: * Nhân vật trữ tình trải qua hành trình đi đường núi gian lao, vất vả - Cách nói trực tiếp: đi đường – gian lao: tự bản thân phải được thực hành, được trải nghiệm thì mới hiểu được tính chất sự việc. - Điệp từ “núi cao” thể hiện sự khúc khuỷu, trùng trùng điệp điệp những ngọn núi nối tiếp nhau. ⇒ Suy ngẫm về sự khổ ải, khúc khuỷu, đầy trắc trở của cuộc đời; ý chí, nghị lực sẵn sàng vượt qua tất cả. *Niềm vui sướng khi được đứng trên đỉnh cao của chiến thắng - Niềm vui sướng khi chinh phục được độ cao của núi: “lên đến tận cùng” - Tâm thế, vị thế của con người khi chinh phục được thiên nhiên, vượt qua được giới hạn của bản thân: “thu vào tầm mắt muôn trùng nước non” ⇒ Niềm vui sướng khi được tự do đứng ngắm nhìn cảnh vật bên dưới. Sự chiêm nghiệm về cuộc đời: vượt qua gian lao sẽ đến được đỉnh cao của chiến thắng. ⇒ Hình ảnh người chiến sĩ cộng sản trên đỉnh cao của chiến thắng, qua đó thể hiện nghị lực, phong thái lạc quan, yêu đời của Bác dù đó là con đường đầy ải, chân tay bị trói buộc bởi xiềng, xích.	0,5

		* Nghệ thuật - Thể thơ tứ tuyệt giản dị, hàm súc - Liên tưởng sâu sắc, thể hiện tư tưởng của tác giả. - Sắp xếp được hệ thống ý hợp lí theo đặc điểm bố cục của kiểu đoạn văn.	
		<i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu:</i> - Lựa chọn được các thao tác lập luận trong phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận: đặc điểm của chủ thể trữ tình thể hiện trong văn bản - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng.	0,5
		<i>đ. Diễn đạt:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	0,25
		<i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
	2	Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày ý kiến về câu nói sau: <i>Những gì bạn nhận được khi hoàn thành mục tiêu không quan trọng bằng bạn trở nên như thế nào sau khi đạt được mục tiêu</i>”(Henry David Thoreau).	4,0
		a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài: <i>Nghị luận xã hội</i>.	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: tầm quan trọng của việc biết cân bằng cảm xúc.	0,5
		c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết: - Sắp xếp được cá ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận: * Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề. * Triển khai vấn đề nghị luận - Giải thích: khẳng định điều quan trọng đối với con người không phải là họ đã nhận được lợi ích gì sau mỗi thành công mà vấn đề là tầm vóc tư tưởng, ý chí, tính cách của họ sẽ như thế nào sau những chiến thắng mà họ đạt được. - Bàn luận, mở rộng:	1,0

	- Cuộc sống là một hành trình không ngừng nghỉ để lần lượt đạt được các mục tiêu - Thực tế khi chiến thắng, nhiều lúc chúng ta quên hẳn mình là ai, chúng ta trở nên kiêu ngạo, xa rời những người xung quanh, không còn chịu khó học hỏi và tiếp tục phấn đấu... Chúng ta sẽ bị chệch hướng trên con đường vươn tới lí tưởng và hậu quả là ta sẽ thất bại, gục ngã. - Ngược lại khi ta có thái độ đứng đắn trước những thành công: khiêm tốn, biết đúc kết kinh nghiệm, chan hòa với mọi người, tiếp tục rèn luyện phấn đấu vươn lên...thì ta sẽ gặt hái được những thành công lớn hơn nữa. - Ý nghĩa sâu sắc của vấn đề: khi chiến thắng không nên tự cao, tự đại, thỏa mãn với những gì đã đạt được mà cần phải luôn có thái độ sống đúng mực và tích cực cho những mục tiêu tiếp theo. - Con đường đi đến thành công ngắn nhất là phải tự tạo động lực cho chính mình. Đừng trông chờ, ỷ lại, dựa dẫm vào những yếu tố bên ngoài. - Nếu không có động lực chân chính, con người không thể đạt được thành công trong cuộc sống. * Mở rộng, trao đổi với quan điểm trái chiều hoặc ý kiến khác để có cái nhìn toàn diện. - Phê phán những người chỉ biết chờ đợi vào người khác, thụ động thay vì tự thân vận động. * Khẳng định lại quan điểm cá nhân đã trình bày và rút ra bài học cho bản thân.	
	<i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Triển khai được ít nhất 2 luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng. Lưu ý: Học sinh có thể trình bày quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	1,5
	<i>đ. Diễn đạt:</i>	0,25

		Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết trong văn bản.	
		<i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
		I + II	10,0

Đề 39
(gồm 05 trang)

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT
THEO CẤU TRÚC MINH HỌA
MÔN: NGỮ VĂN

Phần	Câu	Nội dung trình bày	Điểm
I		ĐỌC	4,0
	1	Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên là: Nghị luận/ Phương thức nghị luận.	0,5
	2	Trong đoạn (1), tác giả chủ yếu sử dụng thao tác lập luận: phân tích	0,5
	3	Vấn đề nghị luận trong đoạn trích trên là: - Đoạn 1: tác giả Chu Quang Tiềm bàn về việc đọc sách và nhấn mạnh đọc sách là một con đường quan trọng của học vấn. “Sách là kho tàng quý báu cất giữ di sản tinh thần nhân loại, cũng có thể nói đó là những cột mốc trên con đường tiến hoá học thuật của nhân loại”; - Đoạn 2: tác giả khẳng định “Đọc sách là muốn trả món nợ đối với thành quả nhân loại trong quá khứ, là ôn lại kinh nghiệm, tư tưởng của nhân loại tích lũy mấy nghìn năm trong mấy chục năm ngắn ngủi”. Và con đường học vấn không thể thiếu sách.	1,0
	4	Tác giả cho rằng: “Học vấn không chỉ là chuyện đọc sách nhưng đọc sách vẫn là con đường quan trọng của học vấn. Bởi vì học vấn không chỉ là việc cá nhân, mà là việc của toàn nhân loại” vì: - Sách là tư liệu tích lũy kiến thức bằng cách ghi chép được truyền từ đời này sang đời khác. - Đọc sách không phải con đường duy nhất của học vấn: con đường tích lũy kiến thức, học tập có nhiều cách khác nhau, một trong số đó là đọc sách. - Nhưng đọc sách vẫn là một con đường quan trọng của học vấn: khẳng định vị trí tiên phong, có nhiệm vụ lớn lao trong việc học của con người. - Ý kiến của Chu Quang Tiềm khẳng định sách có vai trò to lớn không thể thay thế trong việc học. Từ đó cho chúng ta có những suy nghĩ đúng đắn về việc đọc sách.	1,0

	5	Học sinh có thể bày tỏ ý kiến đồng ý hay không đồng ý nhưng cần có căn cứ, lập luận, chặt chẽ đúng đắn, phù hợp, sau đây là gợi ý: Đồng ý với quan niệm: Sách là kho tàng quý báu cất giữ di sản tinh thần nhân loại. Vì: Sách là kết tinh văn minh nhân loại, là nơi hội tụ mọi tinh hoa của loài người về mọi lĩnh vực nhân văn và khoa học, đánh dấu những bước đường đi lên của mọi dân tộc, mọi quốc gia trên hành trình qua nhiều thiên niên kỉ. Sách hội tụ bao kiến thức để mở rộng tầm nhìn, nâng cao trí tuệ, bồi đắp tâm hồn cho mọi thế hệ.	1,0
II		VIẾT	6,0
	1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) cho biết cảm xúc của nhà thơ Viễn Phương trong bài Viếng Lăng Bác.	2,0
		a. <i>Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng đoạn văn;</i> Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng-phân-hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		b. <i>Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i> làm rõ cảm xúc của nhà thơ Viễn Phương trong bài Viếng Lăng Bác.	0,25
		c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận - Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận, sau đây là một số gợi ý: * Cảm xúc khi đứng từ xa nhìn về lăng Bác - Bồi hồi, xúc động khi được ra thăm lăng Bác: Câu thơ như lời giới thiệu, tự sự chân thành “Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác”. Tác giả xưng “con”: thể hiện sự gần gũi, thân thiết. Động từ “thăm”: cách nói giảm nói tránh, giảm bớt nỗi đau, mất mát - Hình ảnh “hàng tre”: Hình ảnh tả thực: Hàng tre xanh ngắt bên lăng Bác Tượng trưng cho tâm hồn, lòng kiên trung, ngay thẳng của người Việt Nam - Động từ “ôi”: thể hiện niềm xúc động, tự hào.	0,5

	* Cảm xúc của tác giả khi bước vào lăng Bác: - Hình ảnh ẩn dụ, so sánh “mặt trời”: Ẩn dụ: “mặt trời” chính là Bác Hồ, là nguồn sáng chói loà và rực rỡ. So sánh: mặt trời thiên nhiên và “mặt trời” Bác đều tỏa sáng rạng rỡ. - Hình ảnh “dòng người đi trong thương nhớ”: nỗi xúc động tiếc thương của người dân đối với sự ra đi của Bác. - Điệp từ “ngày ngày”: diễn tả sự lặp lại thường xuyên, vô tận - Hình ảnh kết tinh “kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân”: Hình ảnh ẩn dụ sáng tạo: “dòng người”- tràng hoa: Là tràng hoa của lòng người, của lòng biết ơn, trân trọng của con người Việt Nam với Bác. “Bảy mươi chín mùa xuân”: hoán dụ số tuổi của Bác - Niềm biết ơn chân thành và sự xúc động nghẹn ngào của tác giả: Nói giảm nói tránh về sự ra đi của Bác “Bác nằm trong lăng giấc ngủ bình yên” - Hình ảnh “một vầng trăng sáng dịu hiền”: liên tưởng thú vị của nhà thơ gợi liên tưởng đến tâm hồn thanh cao, giản dị của Bác đồng thời gợi nhớ đến những bài thơ ngập ánh trăng của Người. - Niềm xúc động mãnh liệt của nhà thơ “Vẫn biết trời xanh là mãi mãi/Mà sao nghe nhói ở trong tim”: Nỗi đau đớn, xót xa trước sự ra đi của Bác Niềm xúc động, tê tái tận trong tâm hồn “nhói trong tim”. * Cảm xúc của nhà thơ trước khi rời lăng Bác: - Cuộc chia ly bịn rịn, lưu luyến của người con miền Nam: “Mai về miền Nam thương trào nước mắt”: lời từ biệt xúc động chan chứa tình cảm sâu nặng. - Ước nguyện chân thành của nhà thơ: Điệp từ “muốn làm”: nhấn mạnh sự khao khát và ước nguyện của nhà thơ. Muốn làm con chim, đoá hoa, cây tre để ngày ngày ở bên Bác.	
--	---	--

		Hình ảnh “cây tre” kết thúc bài thơ là ẩn dụ cho con người Việt Nam. “Cây tre trung hiếu”: con người Việt Nam bất khuất, trung với Đảng, hiếu với dân. - Sắp xếp được hệ thống ý hợp lí theo đặc điểm bố cục của kiểu đoạn văn.	
		<i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu:</i> - Lựa chọn được các thao tác lập luận trong phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận: đặc điểm của chủ thể trữ tình thể hiện trong văn bản - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng.	0,5
		<i>đ. Diễn đạt:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	0,25
		<i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
	2	Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bày tỏ suy nghĩ ý nghĩa của những việc làm thiện nguyện trong cuộc sống.	4,0
		a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài: <i>Nghị luận xã hội</i>.	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: ý nghĩa của những việc làm thiện nguyện trong cuộc sống.	0,5
		c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết: - Sắp xếp được cá ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận: * Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề. * Triển khai vấn đề nghị luận - Giải thích: Việc làm thiện nguyện là dùng thời gian của mình, của cải của mình để góp cho cộng đồng xã hội. Trong cuộc sống chúng ta vẫn có quy luật là luật nhân quả, cho và nhận. Nhưng thực chất bạn cho đi là bạn đang nhận lại. - Bàn luận, mở rộng: Ý nghĩa của những việc làm thiện nguyện trong cuộc sống:	1,0

		+ Làm thiện nguyện nói là cho nhưng thật chất là nhận, bạn nhận nhiều hơn rất nhiều; + Làm việc thiện nguyện đem lại lợi ích cho cả cộng đồng và cả bản thân; + Làm thiện nguyện sẽ giúp cho bạn sự bình an, niềm vui và niềm hạnh phúc lan tỏa, giúp cho bạn cảm thấy cuộc đời này đáng sống và cảm thấy mình sống có ý nghĩa. + Dẫn chứng... * Mở rộng, trao đổi với quan điểm trái chiều hoặc ý kiến khác để có cái nhìn toàn diện. * Khẳng định lại quan điểm cá nhân đã trình bày và rút ra bài học cho bản thân. -Bài học nhận thức và hành động: + Về nhận thức: làm thiện nguyện chính là việc không thể thiếu trong cuộc sống; + Về hành động: đi làm từ thiện, làm việc tốt; đấu tranh, lên án những hành vi vô cảm, trục lợi...	
		<i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Triển khai được ít nhất 2 luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng. Lưu ý: Học sinh có thể trình bày quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	1,5
		<i>đ. Diễn đạt:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết trong văn bản.	0,25
		<i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
		I + II	10,0

Đề 40
(gồm 04 trang)

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT
THEO CẤU TRÚC MINH HỌA
MÔN: NGỮ VĂN**

Phần	Câu	Nội dung trình bày	Điểm
I	ĐỌC		4,0
	1	Hội thổi cơm thi ở làng Đồng Vân diễn ra ở: làng Đồng Vân, xã Đồng Tháp, huyện Đan Phượng (Hà Tây- nay thuộc Hà Nội). Thời gian: Ngày rằm tháng giêng hàng năm.	0,5
	2	Một số hoạt động diễn ra trong Hội thổi cơm thi ở Đồng Vân: - Bắt đầu vào hội thi, trống chiêng điểm ba hồi, - Các đội hình dự thi xếp hàng trang nghiêm làm lễ dâng hương trước cửa đình để tưởng nhớ vị thành hoàng làng, - Hội thi bắt đầu bằng việc lấy lửa trên ngọn cây chuối cao. - Người trong đội vót mảnh tre già thành những đũa bông châm lửa và đốt vào những ngọn đuốc. - Người trong nhóm dự thi nhanh tay giã thóc, giã sàng thành gạo, lấy nước và bắt đầu thổi cơm....	0,5
	3	Thái độ của tác giả được thể hiện qua văn bản: Tác giả thể hiện tình cảm yêu mến và niềm tự hào đối với một nét đẹp lễ hội cổ truyền trong sinh hoạt văn hóa của dân tộc.	1,0
	4	Việc dâng hương trước khi diễn ra lễ hội thổi cơm thi có ý nghĩa gì: - Bày tỏ tấm lòng thành, sự biết ơn của các thế hệ con cháu đối với các vị tiên tổ, vị thành hoàng làng. - Bộc lộ mong muốn được kế thừa những điều tốt đẹp...	1,0
	5	Học sinh tự bày tỏ suy nghĩ cá nhân, có sự lí giải thuyết phục. - HS trả lời cần thiết/không cần thiết. - Lí giải hợp lí, thuyết phục.	1,0
II	VIẾT		6,0
	1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) làm rõ những khát vọng của nhân vật trữ tình trong văn bản Khát vọng- Phạm Minh Tuấn	2,0

		a. <i>Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng đoạn văn;</i> Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng-phân-hợp, móc xích hoặc song hành.	0.25
		b. <i>Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i> làm rõ những khát vọng của nhân vật trữ tình trong văn bản Khát vọng- Phạm Minh Tuấn.	0.25
		c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận - Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận, sau đây là một số gợi ý: - Bài hát thể hiện khát vọng và ước mong bình dị nhưng đầy ý nghĩa của con người. - Nhấn mạnh lý tưởng sống của mỗi người hôm nay, sống vừa có giá trị, vừa khẳng định được mình và sống dựa trên đạo lý uống nước nhớ nguồn của dân tộc; khuyên răn, nhắc nhở con người nhất là lớp trẻ hãy chọn cho mình lối sống phù hợp, sống đẹp và có ý nghĩa, hiến dâng cho cuộc đời. - Tình cảm của tác giả: khát vọng được sống cống hiến cho cuộc đời, khẳng định giá trị của mình, vừa làm giàu đẹp cho cuộc sống, vừa giữ gìn nét truyền thống của dân tộc... - Nhịp điệu rạo rạo, rộn ràng, tha thiết...; ca từ trong sáng, mượt mà, những câu chữ, ca từ chất lọc rất đẹp ấy được viết thật giản dị... - Sắp xếp được hệ thống ý hợp lí theo đặc điểm bố cục của kiểu đoạn văn.	0,5
		d. <i>Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu:</i> - Lựa chọn được các thao tác lập luận trong phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận: đặc điểm của chủ thể trữ tình thể hiện trong văn bản - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng.	0,5
		đ. <i>Diễn đạt:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	0,25

		<i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
	2	Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày quan điểm của bản thân về chủ đề: Tuổi trẻ - Tận hiến hay tận hưởng?	4,0
		a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài: <i>Nghị luận xã hội</i> .	0,25
		b. <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</i> ý nghĩa của những việc làm thiện nguyện trong cuộc sống.	0,5
		c. <i>Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết:</i> - Sắp xếp được cá ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận: <i>Giới thiệu vấn đề nghị luận</i> và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề. <i>Triển khai vấn đề nghị luận</i> * Giải thích: - Tận hiến: cố gắng lao động, làm việc, cống hiến hết mình, tạo ra của cải vật chất để giúp cho xã hội tốt đẹp hơn. - Tận hưởng: hưởng thụ thành quả lao động, những giá trị tốt đẹp của mình tạo ra. * Bàn luận: - Ý nghĩa của tận hiến – tận hưởng: + Tận hiến: giúp cá nhân phát triển về trí tuệ, kĩ năng, phát huy giá trị và năng lực của bản thân; giúp tập thể phát triển, xã hội văn minh tiến bộ. + Tận hưởng: giúp bản thân có thêm nhiều trải nghiệm đẹp, giải tỏa căng thẳng, áp lực cuộc sống, có thời gian nghỉ ngơi, thư giãn. + Tận hiến và tận hưởng đều vô cùng quan trọng đối với con người. Chúng ta cần sống hết mình, lao động và làm việc để tạo ra thành tựu cho bản thân và góp phần phát triển đất nước. Bên cạnh đó, chúng ta cũng cần dành thời gian cho bản thân để rèn luyện sức khỏe, tận hưởng vẻ đẹp muôn màu để thấy cuộc sống này thật đáng sống.	1,0

		* Biểu hiện: qua những dẫn chứng cụ thể từ thực tế hoặc qua chính trải nghiệm của bản thân. - Mở rộng, trao đổi với quan điểm trái chiều hoặc ý kiến khác để có cái nhìn toàn diện. + Một số người sống chưa nỗ lực hết mình để cống hiến cho xã hội, xây dựng cuộc sống tốt đẹp cho bản thân. + Lại có nhiều người mãi mê vui mình trong công việc mà không biết tận hưởng những vẻ đẹp của cuộc sống hay chỉ muốn hưởng thụ, sung sướng, không muốn lao động, cống hiến... * Khẳng định lại quan điểm cá nhân đã trình bày và rút ra bài học cho bản thân.	
		<i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Triển khai được ít nhất 2 luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng. Lưu ý: Học sinh có thể trình bày quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	1,5
		<i>đ. Diễn đạt:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết trong văn bản.	0,25
		<i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
		I + II	10,0

Đề 41
(gồm 05 trang)

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT
THEO CẤU TRÚC MINH HỌA
MÔN: NGỮ VĂN**

Phần	Câu	Nội dung trình bày	Điểm
I		ĐỌC	4,0
	1	Ngôi kể và người kể chuyện trong văn bản là: Ngôi thứ ba, người kể chuyện toàn tri.	0,5
	2	Tâm trạng của “ông già” khi không tìm thấy mớ bông hạt giống: Rầu rĩ, thất thần	0,5
	3	Nội dung chính của văn bản là: Truyện kể về nhân vật chính là ông già, ông rất thích trồng bông vào những ngày gần tết. - Con cháu thương ông nên đem giấu hạt giống đi, ông già tìm không thấy nên rầu rĩ, thất thần. - Cuối cùng, con cháu cũng hiểu ông gieo hạt bông để thể hiện tình cảm của mình ở đó cho con cháu, cũng là cách để dạy bảo con cháu về việc gìn giữ những nét đẹp của thế hệ trước để lại.	1,0
	4	Học sinh trả lời theo nhiều cách, sau đây là định hướng: - Ông già là một người rất chăm chỉ, cần mẫn, yêu hoa. - Ý nghĩa của hành động: không chỉ thể hiện tình yêu hoa của ông già, trồng hoa để làm đẹp trong ngày tết mà còn mang ý nghĩa biểu tượng sâu sắc: ươm mầm những điều tốt đẹp cho đời sau; giáo dục tuổi trẻ về tinh thần lao động, duy trì nếp nhà cũng như những phong tục lâu đời, tốt đẹp của cha ông.	1,0
	5	Học sinh trả lời thông điệp theo nhiều cách, sau đây là gợi ý: - Trân trọng tình cảm gia đình - Biết giữ gìn và phát huy những vẻ đẹp của thế hệ ông cha để lại - Yêu lao động... Lí giải hợp lí đều có thể cho điểm	1,0
II		VIẾT	6,0
	1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) làm rõ tâm trạng của nhân vật trữ tình trong đoạn thơ Từ ấy- Tố Hữu	2,0

	a. <i>Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng đoạn văn;</i> Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng-phân-hợp, móc xích hoặc song hành.	0.25
	b. <i>Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i> làm rõ tâm trạng của nhân vật trữ tình trong khổ 1,2 bài thơ <i>Từ ấy</i> của Tố Hữu.	0.25
	c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận - Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận, sau đây là một số gợi ý: * <i>Đoạn thơ thể hiện niềm vui sướng, say mê khi gặp lí tưởng của Đảng</i> - Hai câu đầu viết theo bút pháp tự sự: “<i>Từ ấy trong tôi...</i>” <i>Từ ấy</i>, là lúc nhà thơ mới vào tuổi 18 thật trẻ trung được mặt trời “<i>chân lí</i>” cách mạng soi sáng đường đời. Hình ảnh ẩn dụ “<i>nắng hạ</i>” cho nguồn nhiệt lượng cách mạng làm bùng sáng tâm hồn nhà thơ, “<i>mặt trời chân lí</i>” là một liên kết đầy sáng tạo giữa hình ảnh và ngữ nghĩa. Câu thơ ca ngợi ánh sáng diệu kì của cách mạng. Đó là thứ ánh sáng của tư tưởng cộng sản - ánh sáng của những công bình xã hội, của chân lí xã hội. - Hai câu thơ sau của khổ thơ đầu, chợt vụt thoát bay bổng, dạt dào cảm hứng lãng mạn. Những vang động và vui tươi tràn ngập trong tâm hồn được so sánh bằng những hình ảnh và âm thanh lấy từ thiên nhiên tạo vật: “<i>vườn hoa lá</i>”, “<i>đậm hương</i>” “<i>rộn tiếng chim</i>”. - Đón nhận ánh sáng cách mạng là Tố Hữu đã đón nhận một con đường thanh thang tươi sáng cho cuộc đời, cho hồn thơ: một cuộc đời có ý nghĩa thiêng liêng, to lớn, một hồn thơ bát ngát tình yêu cách mạng, yêu đồng bào. <i>Khổ thơ thứ hai là nhận thức mới về lẽ sống:</i> Khi được giác ngộ lí tưởng CM, Tố Hữu khẳng định quan niệm mới về lẽ sống là sự gắn bó, hài hòa giữa “<i>cái tôi</i>” cá nhân và “<i>cái ta</i>” chung của mọi người. “<i>Tôi buộc lòng tôi với mọi người... mạnh khối đời.</i>”. Tố Hữu đã khẳng định mối liên hệ sâu sắc giữa văn học và đời sống, mà chủ yếu là cuộc sống của quần chúng nhân dân. * <i>Nghệ thuật:</i>	0,5

- Ngôn ngữ thơ tươi sáng, vui vẻ.

		- Hình ảnh thơ sáng tạo, đẹp để cùng những biện pháp tu từ đặc sắc, nghệ thuật bắc dòng khéo léo. * Sắp xếp được hệ thống ý hợp lí theo đặc điểm bố cục của kiểu đoạn văn.	
		<i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu:</i> - Lựa chọn được các thao tác lập luận trong phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận: đặc điểm của chủ thể trữ tình thể hiện trong văn bản - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng.	0,5
		<i>đ. Diễn đạt:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	0,25
		<i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
	2	R.W.Emerson cho rằng: “Đừng đi theo lối mòn, hãy băng qua những nơi không có dấu chân người để tạo ra những con đường” Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của bản thân về quan điểm trên.	4,0
		a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài: <i>Nghị luận xã hội.</i>	0,25
		b. <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</i> con người phải luôn luôn vượt qua những lối tư duy, cách nghĩ quen thuộc, có sẵn để xác lập những giá trị mới.	0,5
		c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết: - Sắp xếp được cá ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận: * Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề. * Triển khai vấn đề nghị luận 1. Giải thích - Lối mòn: những con đường có sẵn, đã nhiều người đi. - Nơi không có dấu chân: nơi chưa từng có con đường, chưa từng có người qua lại. Suy rộng ra: Đi theo lối mòn: đi theo những gì đã trở nên quen thuộc, làm theo những gì có sẵn.	1,0

	- Bể qua nơi không có dấu chân người để tạo ra con đường: Dừng cảm, mở đường để có nhiều sáng tạo mới mẻ, để xác lập được những giá trị mới, thành tựu mới. => E.W. Emerson đề xuất một lối sống tích cực, chủ động, dẫn thân trước mọi hoàn cảnh: con người phải luôn luôn vượt qua những lối tư duy, cách nghĩ quen thuộc, có sẵn để xác lập những giá trị mới. 2. Bình luận - Tại sao không nên “đi theo lối mòn” cũ kĩ? + Nếu con người bằng lòng với những gì đã có, không chịu tìm tòi, sáng tạo ra cái mới đồng nghĩa với cuộc sống luôn dậm chân tại chỗ, không vận động, phát triển, đi lên được. + Nếu không vượt ra khỏi những tư duy, cách nghĩ quen thuộc, con người dễ trở nên thụ động trước hoàn cảnh, tự bó hẹp tư duy và sáng tạo của bản thân + Đi theo lối mòn là biểu hiện của lối sống dựa dẫm, ỷ lại, thiếu trách nhiệm - Tại sao phải luôn tìm tòi cái mới, phải sáng tạo để xác lập những giá trị mới? + Thế giới bao la luôn ẩn chứa những điều lí thú để con người khám phá, tìm ra những điều mới mẻ, có ích để cuộc sống của con người ngày càng tiến bộ + Trong tìm tòi, sáng tạo, con người mới phát huy được những năng lực tiềm ẩn. Đồng thời là cơ hội để con người rèn luyện ý chí, nghị lực, lòng kiên trì theo đuổi mục tiêu...đó là cách con người hoàn thiện chính mình. + Dám lựa chọn con đường chưa có dấu chân là biểu hiện của bản lĩnh, thái độ tự tin, lối sống mạnh mẽ, nghị lực. Cái mới vừa là cơ hội vừa là thử thách để bộc lộ, rèn luyện phẩm chất cá nhân. 3. Mở rộng + Luôn tích cực, chủ động sáng tạo, xác lập cái mới không có nghĩa là tách rời với sự kế thừa những giá trị cũ đã được thừa nhận. + Cái mới chỉ có ý nghĩa khi phục vụ sự tiến bộ của xã hội, làm giàu có thêm hiểu biết của con người... + Phê phán những con người ngại khó, ngại khổ, không dám dẫn thân...	
--	---	--

		* Khẳng định lại quan điểm cá nhân đã trình bày và rút ra bài học cho bản thân.	
		<i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Triển khai được ít nhất 2 luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng. Lưu ý: Học sinh có thể trình bày quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	1,5
		<i>đ. Diễn đạt:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết trong văn bản.	0,25
		<i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
		I + II	10,0

Đề 42
(gồm 05 trang)

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT
THEO CẤU TRÚC MINH HỌA
MÔN: NGỮ VĂN

Phần	Câu	Nội dung trình bày	Điểm
I	ĐỌC		4,0
	1	Những trận chiến chống quân xâm lược diễn ra trên sông Bạch Đằng trong văn bản trên: - <i>Trận Bạch Đằng năm 938 đánh quân Nam Hán của Ngô Quyền,</i> - <i>Trận Bạch Đằng năm 981, đánh quân Tống của Lê Hoàn,</i> - <i>Trận Bạch Đằng năm 1288, đánh quân Nguyên Mông xâm lược.</i>	0,5
	2	Dựa trên thông tin văn bản cung cấp, anh/chị nêu tên gọi khác của sông Bạch Đằng. <i>Sông Bạch Đằng là con sông nổi tiếng nhất trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc Việt. Sông có “tên hiệu” là sông Văn Cừ và tên “dân dã” là sông Rừng.</i>	0,5
	3	Thái độ, quan điểm của tác giả khi cung cấp thông tin về sông Bạch Đằng có ý nghĩa: - Tự hào, ngưỡng mộ trước những chiến tích lịch sử trên dòng sông Bạch Đằng. - Bạch Đằng trở thành dòng sông lịch sử hào hùng của dân tộc với những chiến thắng vĩ đại của nhân dân trong cuộc kháng chiến chống kẻ thù phương Bắc xâm lược.	1,0
	4	Vẽ sơ đồ tóm tắt bố cục của văn bản, theo em bố cục đó có quan hệ như thế nào với nhan đề? Bố cục: Giới thiệu về sông Bạch Đằng và cơ chế thủy triều – dòng sông hiểm ác · Trình bày lần lượt các minh chứng chiến thắng trong lịch sử · Khẳng định giá trị lịch sử của dòng sông - Mối liên hệ với nhan đề: Bố cục của văn bản đều hướng về ý nghĩa nhan đề: SÔNG BẠCH ĐẰNG LỊCH SỬ , giá trị lịch sử của sông Bạch Đằng.	1,0
	5	Cách trình bày dữ liệu và thông tin được thể hiện theo cấu trúc:	1,0

		<i>Cấu trúc:</i> Ý chính – Thông tin chi tiết và trật tự thời gian + Ý chính: Giới thiệu về sông Bạch Đằng và cơ chế thủy triều – dòng sông hiểm ác + Thông tin chi tiết: Thuyết minh về ba trận chiến trên sông Bạch Đằng theo trật tự thời gian <i>Nhận xét:</i> Cấu trúc dễ theo dõi, rõ ràng đi vào trọng tâm chính của vấn đề.	
II		VIẾT	6,0
	1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) làm rõ cấu tứ và hình ảnh trong đoạn thơ trong bài Bầm ơi! – Tố Hữu	2,0
		a. <i>Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng đoạn văn;</i> Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng-phân-hợp, móc xích hoặc song hành.	0.25
		b. <i>Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i> làm rõ cấu tứ và hình ảnh trong đoạn thơ trong bài Bầm ơi! – Tố Hữu	0.25
		c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận - Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận, sau đây là một số gợi ý: - Cấu tứ đoạn thơ: Tình cảm thấm thiết, sâu nặng của người chiến sĩ dành cho người mẹ của mình ở quê nhà. - Hình ảnh: Bài thơ khắc hoạ hình ảnh người mẹ qua trí nhớ, kỉ niệm trong tâm tưởng người chiến sĩ xa nhà, xa quê. + Hình ảnh bầm run run lội dưới bùn trong thời tiết mưa phùn gió núi, sao mà chân thực mà sinh động mà thương đến thế. Với tuổi tác ấy, đáng nhẽ bầm được con cái phụng dưỡng. + Thế nhưng bầm bây giờ lao động vì thương con, vì chiến tranh. Bởi thế, dù cho thâm tím chân tay, ruột gan bầm lại vì lạnh nhưng bầm vẫn không sợ hãi mà tiếp tục làm việc. Dù không chứng kiến cảnh bầm làm, nhưng chỉ nghĩ thôi, tưởng tượng thôi con những thương bầm nhiều như những hạt mưa ướt thấm áo bầm. + Hình ảnh tảo tần làm việc của bầm không chỉ nói riêng về cụ gái mà nó là đại diện cho vẻ đẹp đức tính hi sinh chịu thương	0,5

		chịu khó của những người phụ nữ Việt Nam. Đặc biệt là những người mẹ, người vợ trong chiến tranh. → Qua đó thể hiện tình cảm thấm thiết, sâu nặng của người chiến sĩ đối với người mẹ của mình khi phải đành lòng chấp nhận rời xa mẹ vì nghiệp lớn của đất nước. * Sắp xếp được hệ thống ý hợp lí theo đặc điểm bố cục của kiểu đoạn văn.	
		<i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu:</i> - Lựa chọn được các thao tác lập luận trong phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận: đặc điểm của chủ thể trữ tình thể hiện trong văn bản - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng.	0,5
		<i>đ. Diễn đạt:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	0,25
		<i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
	2	Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của bản thân về ý nghĩa sự trưởng thành của con người trong cuộc sống.	4,0
		a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài: <i>Nghị luận xã hội.</i>	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: về ý nghĩa sự trưởng thành của con người trong cuộc sống.	0,5
		c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết: - Sắp xếp được cá ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận: * Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề. * Triển khai vấn đề nghị luận 1. Giải thích Trưởng thành là việc đạt đến một sự hoàn thiện, hoàn hảo trong quá trình phát triển của mỗi con người.	1,0

	2. Bình luận Ý nghĩa sự trưởng thành của con người trong cuộc sống: + Để trưởng thành, con người phải trải qua những nghịch cảnh, những khó khăn trong cuộc sống. Quá trình này dạy cho ta biết đương đầu với những thử thách, khó khăn, không lẩn tránh, dùn đẩy hay dựa dẫm vào ai cả mà phải bước đi bằng chính đôi chân của mình; + Quá trình trưởng thành giúp con người trở nên rắn rỏi hơn, nhận ra được những lỗi lầm của mình, cố gắng sửa chữa và hoàn thiện bản thân từng ngày một; + Sự trưởng thành giúp mỗi người mở mang thêm tri thức và kinh nghiệm; + Sự trưởng thành giúp ta cảm nhận tình yêu thương của người thân yêu trong gia đình, sự chia sẻ khó khăn với những người khác, làm ta biết gắn bó với mọi người xung quanh. * Mở rộng, trao đổi với quan điểm trái chiều hoặc ý kiến khác để có cái nhìn toàn diện. * Khẳng định lại quan điểm cá nhân đã trình bày và rút ra bài học cho bản thân. + Về nhận thức: phải hiểu giá trị của trưởng thành để có niềm tin vào cuộc sống; + Về hành động: bản thân độc lập trong suy nghĩ và hành động, biết trải nghiệm cuộc sống, rèn bản lĩnh, sống đồng cảm và sẻ chia...	
	d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau: - Triển khai được ít nhất 2 luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng. Lưu ý: Học sinh có thể trình bày quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	1,5

		<i>đ. Diễn đạt:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết trong văn bản.	0,25
		<i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
		I + II	10,0

Đề 43
(gồm 05 trang)

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT
THEO CẤU TRÚC MINH HỌA
MÔN: NGỮ VĂN**

Phần	Câu	Nội dung trình bày	Điểm
I		ĐỌC	4,0
	1	Đoạn thơ trên được viết theo thể thơ: Lục bát	0,5
	2	Câu thơ: “Mẹ ơi! con sợ bể dâu cuộc đời.” thuộc kiểu câu: Câu cảm thán	0,5
	3	Biện pháp tu từ có trong câu thơ: “Ngoài kia rộng lớn biển khơi/Chẳng bằng cha mẹ... đất trời yêu thương.” là: So sánh (so sánh "ngoài kia rộng lớn biển khơi" - "cha mẹ... đất trời yêu thương"). - Tác dụng: Biện pháp so sánh biển khơi rộng lớn không bằng tình cảm đong đầy của cha mẹ dành cho con giúp sự diễn đạt trở nên giàu hình ảnh. Qua đó nhấn mạnh tình yêu thương bao la cha mẹ dành cho con. Thấy được sự kính trọng, biết ơn của người con dành cho cha mẹ.	1,0
	4	Nội dung chính của đoạn thơ trên: Bài thơ là những dòng tâm tư cảm xúc của người con dành cho cha mẹ. Công lao sinh thành, nuôi dưỡng và tình cảm yêu thương vô bờ bến của cha mẹ dành cho con. Hình ảnh người cha, người mẹ vất vả nơi đồng ruộng gọi lên cho ta biết bao cảm xúc dạt dào. Qua đó tác giả cũng gửi gắm thông điệp rằng: Tình cảm của cha mẹ là một tình yêu vô cùng rộng lớn và bao dung, bao vất vả về cuộc sống ngoài xã hội để lo lắng cho các con từng miếng cơm, manh áo. Bởi vậy chúng ta phải biết trân trọng, yêu thương cha mẹ của mình, ghi nhớ những công lao to lớn mà cha mẹ đã nuôi dưỡng mình khôn lớn.	1,0
	5	Học sinh có thể trả lời khác nhau nhưng cần đảm bảo lí giải chặt chẽ, hợp lí, sau đây là một số gợi ý: Từ những dòng thơ dạt dào cảm xúc trên, với bốn phận làm con, em cần phải biết yêu thương cha mẹ, cha mẹ đã vất vả lo toan những khó khăn trong cuộc sống để ta lớn khôn một cách tốt nhất. Sự khôn lớn trưởng thành, mỗi ngày được cấp sách đến	1,0

		trường là nhờ công sức và tình yêu thương của cha mẹ. Bởi vậy mỗi chúng ta phải biết yêu quý, ghi nhớ những công lao to lớn mà cha mẹ đã nuôi dưỡng, những vất vả đã hằn sâu trên đôi vai cha mẹ để ta có được cuộc sống hạnh phúc, đủ đầy như ngày hôm nay	
II		VIẾT	6,0
	1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) nhận xét về vai trò của ngôi kể, điểm nhìn và lời trần thuật trong việc khắc họa nhân vật của văn bản truyện Chảy đi sông ơi! (Nguyễn Huy Thiệp)	2,0
		a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng đoạn văn; Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng-phân-hợp, móc xích hoặc song hành.	0.25
		b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: vai trò của ngôi kể, điểm nhìn và lời trần thuật trong việc khắc họa nhân vật của văn bản truyện Chảy đi sông ơi!	0.25
		c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận - Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận, sau đây là một số gợi ý: * Chỉ ra đặc điểm của người kể chuyện trong truyện ngắn (ngôi kể, điểm nhìn) - Ngôi kể: Người kể chuyện ở ngôi thứ nhất cũng chính là nhân vật “tôi” - người trải nghiệm - Điểm nhìn: truyện được kể bởi đa dạng điểm nhìn (điểm nhìn nhân vật “tôi”, nhân vật chị Thắm, nhân vật người dân chài lưới trên sông; điểm nhìn thời gian, điểm nhìn không gian...) * Phân tích vai trò của ngôi kể, điểm nhìn và lời trần thuật trong việc khắc họa nhân vật - Người kể chuyện ở ngôi thứ nhất cũng chính là nhân vật “tôi” - người trải nghiệm khiến cho câu chuyện trở nên chân thực, tỉ mỉ và lôi cuốn. Từ đó nhân vật chị Thắm hiện lên khách quan dưới lời kể và điểm nhìn của “nhân chứng”. - Truyện được kể bởi đa dạng điểm nhìn (điểm nhìn nhân vật “tôi”, nhân vật chị Thắm, nhân vật người dân chài lưới trên sông;	0,5

		điểm nhìn thời gian, điểm nhìn không gian...) tạo ra sự đa thanh cho câu chuyện. Dưới nhiều điểm nhìn, câu chuyện, nhân vật và thông điệp của tác giả được bộc lộ cởi mở, toàn diện và nhiều “sắc màu”. * Đánh giá hiệu quả của nó (Chỉ ra mối liên hệ giữa người kể chuyện trong tác phẩm và nhà văn) - Người kể chuyện xưng “tôi” đóng vai trò người trải nghiệm cũng là hiện thân của cái “tôi” tác giả. - Bằng các hình thức nghệ thuật đặc sắc, cốt truyện độc đáo, cách sắp xếp mạch trần thuật tài hoa, tác giả đã làm nổi bật thông điệp của tác phẩm: hãy nuôi giữ trong lòng những huyền thoại đẹp để có thêm niềm tin để sống tốt. * Sắp xếp được hệ thống ý hợp lí theo đặc điểm bố cục của kiểu đoạn văn.	
		<i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu:</i> - Lựa chọn được các thao tác lập luận trong phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận: đặc điểm của chủ thể trữ tình thể hiện trong văn bản - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng.	0,5
		<i>đ. Diễn đạt:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	0,25
		<i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
	2	Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của bản thân về ý nghĩa việc giữ trong lòng ánh sáng của niềm tin trong cuộc sống.	4,0
		a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài: <i>Nghị luận xã hội.</i>	0,25
		b. <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</i> ý nghĩa việc giữ trong lòng ánh sáng của niềm tin trong cuộc sống.	0,5
		c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết: - Sắp xếp được cá ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận:	1,0

	* Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề. * Triển khai vấn đề nghị luận 1. Giải thích +Niềm tin: sự tin tưởng, tín nhiệm vào những điều có thể làm trong cuộc sống dựa trên cơ sở hiện thực nhất định. + Giữ trong lòng ánh sáng của niềm tin là trong bất cứ hoàn cảnh nào, con người cũng có niềm tin làm sức mạnh tinh thần để thực hiện những điều mong ước, hoàn thành những dự định. 2. Bình luận + Vì sao con người phải giữ trong lòng ánh sáng của niềm tin? + Có niềm tin sẽ tạo ra sức mạnh để vượt qua những khó khăn, trắc trở. +Vì cuộc đời không bao giờ lường hết cho ta những hiểm nguy, gian nan, thử thách nên cần có niềm tin để vượt qua. + Ý nghĩa của việc giữ trong lòng ánh sáng của niềm tin: + Làm cho chúng ta luôn lạc quan, yêu đời, không gục ngã trước bất kì khó khăn, thử thách nào. + Rèn cho chúng ta có ý chí, nghị lực để đối mặt và vượt qua những khó khăn, tinh táo để tìm những lời giải cho những bài toán mà cuộc sống đặt ra. - Bàn bạc mở rộng: + Niềm tin là sức mạnh để vượt qua những thử thách nhưng không phải chỉ cần niềm tin là đủ. Niềm tin ấy phải dựa trên những cơ sở thực tế. Tin vào điều trống rỗng, mơ hồ sẽ càng làm chúng ta ảo tưởng vào bản thân mà thôi. * Mở rộng, trao đổi với quan điểm trái chiều hoặc ý kiến khác để có cái nhìn toàn diện. - Phê phán những người sống bi quan, trong lòng đầy đổ kị, nhỏ nhen... * Khẳng định lại quan điểm cá nhân đã trình bày và rút ra bài học cho bản thân. - Tuổi trẻ cần nhận thức ánh sáng niềm tin như ngọn đèn dẫn đường để vượt qua thử thách và thất bại.	
--	---	--

		- Vì thế, cần tích cực học tập, rèn luyện, sống có lí tưởng cao đẹp...	
		<i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Triển khai được ít nhất 2 luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng. Lưu ý: Học sinh có thể trình bày quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	1,5
		<i>đ. Diễn đạt:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết trong văn bản.	0,25
		<i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
		I + II	10,0

Đề 44
(gồm 04 trang)

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT
THEO CẤU TRÚC MINH HỌA
MÔN: NGỮ VĂN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Viết Hà Nội hoa, tác giả đã cho ta thấy thú chơi hoa của người Hà Nội trong dịp tết.	0,5
	2	Thể loại tùy bút	0,5
	3	Loài hoa người cha thích nhất là <i>thứ đào phai</i> , vì cách đào phai dâng hiến cho đời đó là từng bông nở chậm, chầm chậm khoe sắc, phai dần từng lớp từng lớp cả màu lẫn cánh, chầm chậm nhả bông để cuối cùng hiện ra mầm sống mới. Nó tựa như vòng luân hồi của kiếp con người.	1,0
	4	Qua văn bản, tác giả đã thể hiện sự trân trọng, niềm tự hào về nét đẹp văn hoá truyền thống của người Hà Nội nói riêng và người Việt Nam nói chung.	1,0
	5	HS có thể trả lời theo thực tế địa phương và nêu cảm nhận của mình về thú chơi hoa ngày tết tại địa phương mình hợp lí không phản cảm không trái với thuần phong mỹ tục của người Việt. Gợi ý: - Chơi hoa là thú chơi tao nhã của nhiều gia đình, đặc biệt là vào dịp Tết. - Ý nghĩa: + Trang hoàng nhà cửa đón năm mới + Mong nhiều điều may mắn, tốt lành. + Thể hiện lòng thành với tổ tiên	1,0
II		VIẾT	6,0
	1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) làm rõ chủ đề của đoạn thơ sau: Tình ta như hàng cây/.../Cùng tình yêu ở lại (Trích <i>Thơ tình cuối mùa thu</i> - Xuân Quỳnh)	2,0
		<i>a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng đoạn văn;</i>	0,25

	Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng-phân-hợp, móc xích hoặc song hành.	
	<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i> làm rõ chủ đề của đoạn thơ trong bài <i>Thơ tình cuối mùa thu</i> của Xuân Quỳnh.	0,25
	<i>c. Học sinh triển khai nội dung:</i> - Giới thiệu tác giả Xuân Quỳnh, bài <i>Thơ tình cuối mùa thu</i> và đoạn trích. - Chủ đề của đoạn trích: Tình yêu không mùa, không tuổi. + Tình yêu của chúng ta, của em và anh thủy chung, bền vững vượt qua mọi giông bão của cuộc đời: <i>Tình ta – đã qua mùa gió bão, qua ngày thác lũ.</i> + Tình yêu của em và anh trường tồn, bất biến theo thời gian: <i>Thời gian, mùa đi cùng tháng năm; tuổi theo mùa đi mãi.</i> + Dù bao thăng trầm, giông tố, người con gái trong bài thơ vẫn luôn giữ niềm tin mãnh liệt vào sức mạnh của tình yêu. - Chủ đề nổi bật nhờ hình thức nghệ thuật đặc sắc: thể thơ ngũ ngôn, ngôn từ giản dị mà giàu hình ảnh, giàu tính biểu cảm; biện pháp tu từ so sánh, ẩn dụ, nhân hóa, lặp cấu trúc; giọng thơ nhẹ nhàng, đầm ấm, lắng sâu.	0,5
	<i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu:</i> - Lựa chọn được các thao tác lập luận trong phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận: chủ đề của đoạn thơ. - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng.	0,5
	<i>đ. Diễn đạt:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	025
	<i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
2	Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về sự cần thiết phải tôn trọng sự khác biệt.	4,0
	<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị xã hội</i>	0,25

	<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</i> Trình bày suy nghĩ của về sự cần thiết phải tôn trọng sự khác biệt	0,5
	<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> <i>Sau đây là một số gợi ý:</i> - Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề nghị luận - Giải thích: + Tôn trọng là thái độ đánh giá cao, không vi phạm hay xúc phạm. + Sự khác biệt không chỉ là về ngôn ngữ, màu da, tôn giáo mà còn là sự khác nhau trong tính cách, nhận thức, ước mơ, cá tính ở mỗi con người, rộng hơn là sự khác biệt trong phong tục, tập quán, văn hóa của mỗi vùng miền, quốc gia, dân tộc. - Bàn luận: Sự cần thiết phải tôn trọng sự khác biệt: + Mỗi người là một cá thể riêng biệt, có suy nghĩ, cách đánh giá, có cá tính riêng. Mỗi vùng miền, mỗi quốc gia, dân tộc có nét đặc sắc riêng về văn hóa. Sự khác biệt có thể làm cho cuộc sống phong phú, ý nghĩa hơn. Tôn trọng sự khác biệt là văn hóa ứng xử cần có của mỗi người, đặc biệt trong xã hội hiện đại ngày nay. + Tôn trọng sự khác biệt giúp con người hòa nhập với cuộc sống, gắn kết những mối quan hệ tốt đẹp. + Tôn trọng sự khác biệt giúp chúng ta có cái nhìn khách quan hơn về cuộc sống, học được cách lắng nghe, đồng cảm, từ đó hoàn thiện bản thân mình hơn. Người biết tôn trọng người khác sẽ được mọi người yêu quý và tôn trọng. + Tôn trọng sự khác biệt sẽ góp phần tạo ra một môi trường sống lành mạnh, tích cực, văn minh, thúc đẩy sự phát triển của mỗi cá nhân, xã hội. + Phê phán thái độ kì thị, phân biệt đối xử, thái độ và hành vi không đúng trước những sự khác biệt. Mặt khác cần thấy rằng sự khác biệt cần hướng đến phát huy giá trị của bản thân và đóng góp cho cộng đồng. - Liên hệ bản thân, rút ra bài học: + Tôn trọng sự khác biệt, trân trọng sự sáng tạo + Phấn đấu vươn lên ghi dấu ấn của bản thân, cống hiến cho cộng đồng. Lưu ý: Học sinh cần có dẫn chứng làm sáng tỏ vấn đề nghị luận	1,0

	<i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Triển khai được ít nhất 2 luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng. Lưu ý: Học sinh có thể trình bày quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	1,5
	<i>đ. Diễn đạt:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết trong văn bản.	0,25
	<i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
	I+II	10.0

Đề 45
(gồm 05 trang)

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT
THEO CẤU TRÚC MINH HỌA
MÔN: NGỮ VĂN**

Phần	Câu	NỘI DUNG	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Đối tượng được đề cập: các loại trái	0,5
	2	Các phương thức được sử dụng trong văn bản: Tự sự, miêu tả, biểu cảm.	0,5
	3	- Biện pháp tu từ so sánh: <i>cùi trắng nõn như một miếng mỡ</i> - Tác dụng: + Làm cho câu văn thêm gợi hình, gợi cảm, sinh động, hấp dẫn. + Tạo ấn tượng mạnh mẽ về đặc điểm, giá trị của vải thiều Hưng Yên khi được đưa vào trồng ở đất Huế. + Thể hiện sự quan sát tỉ mỉ, tình yêu thiết tha của Hoàng Phủ Ngọc Tường dành cho cây trái xứ Huế.	1,0
	4	Chủ đề của văn bản: Qua việc miêu tả các loại cây trái trong khu vườn An Hiến qua hai mùa hạ và thu, tác giả đã làm nổi bật những vẻ đẹp riêng của từng loại cây trái, vẻ đẹp trù phú đa dạng của cả khu vườn, sự kì diệu của thiên nhiên. Đoạn trích cũng cho thấy sự quan sát tinh tế, nhạy cảm, tình yêu thiên nhiên, yêu xứ Huế tha thiết cùng ngòi bút tài hoa của tác giả.	1,0
	5	Suy nghĩ về vai trò của thiên nhiên đối với con người: – Thiên nhiên là môi trường để con người tồn tại – Thiên nhiên cung cấp các điều kiện, các vật phẩm thiết yếu cho cuộc sống con người – Thiên nhiên giúp cân bằng hệ sinh thái – Thiên nhiên còn là nơi giúp ta trở về để nghỉ ngơi, di dưỡng tinh thần ...	1,0

II		VIẾT	6,0
	1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) làm rõ vẻ đẹp của cấu tứ và hình ảnh trong đoạn thơ sau: <i>Con tàu này lên Tây Bắc, anh đi chẳng/.../Cho con về gặp lại mẹ yêu thương</i> (Trích <i>Tiếng hát con tàu</i>, Chế Lan Viên)	2,0
		a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng đoạn văn; Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng-phân-hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: vẻ đẹp của cấu tứ và hình ảnh trong đoạn thơ	0,25
		c. Học sinh triển khai vấn đề: * Cấu tứ của bài thơ: + Con tàu: tượng trưng cho khát vọng lên đường, khát vọng về với nhân dân, hòa nhập vào cuộc sống lớn của đất nước. + Tiếng hát: là khát vọng cất thành tiếng là hành khúc lên đường say mê, giục giã thể hiện niềm vui. => Đoạn trích là khúc hát yêu thương của một tấm lòng hướng về nguồn cội. Từ sự trăn trở trước lời mời gọi cho đến hoài niệm và sự biết ơn về quá khứ hào hùng đầy nghĩa tình. * Hệ thống hình ảnh trong đoạn thơ: – Dựng lên hai không gian đối lập: + Tây Bắc: Đi xa, gió ngàn rú gọi -> cuộc đời chung rộng mở + Hà Nội: Cửa ô, đời nhỏ hẹp, lòng đóng khép -> khoảng trời riêng chật chội tù túng + Con tàu: hình ảnh có ý nghĩa tượng trưng cho ước mơ, khát vọng vượt ra khỏi cuộc sống chật hẹp quanh quẩn để đến với cuộc sống rộng lớn của nhân vật trữ tình. Nhà thơ khéo léo ví von tâm hồn mình như một con tàu, đây là cuộc hóa thân kì diệu thể hiện sự gắn bó máu thịt giữa thi nhân với đất nước, với cuộc đời. => Sự trăn trở, lời giục giã và vẫy gọi của Tổ quốc. - Suy ngẫm về mảnh đất Tây Bắc và cuộc kháng chiến nghĩa tình: + Xứ thiêng liêng-> chiến công anh hùng-> niềm tự hào + Nơi máu rỏ -> sự hi sinh, mất mát-> nỗi đau	0,5

	+ Chín trái đầu xuân + Ngọn lửa: Nhiệt tình cách mạng, chiến công rực rỡ, lí tưởng soi đường + Tây Bắc – tên gọi cụ thể chỉ địa danh một vùng đất xa xôi của Tổ quốc nhưng cũng là hình ảnh tượng trưng cho cuộc sống lớn lao của nhân dân và đất nước. Tây Bắc chính là cội nguồn cảm hứng của hồn thơ, của sáng tạo nghệ thuật. + Mẹ yêu thương: chính là hình ảnh nhân dân... * Đánh giá: – Nội dung: Đoạn thơ thể hiện lời giục giã, thôi thúc khát vọng đến với cuộc sống mới đang rộng mở, là tiếng gọi đến với nhân dân đậm tình nặng nghĩa để khơi dậy nguồn cảm hứng nghệ thuật. – Nghệ thuật: + Hình ảnh độc đáo, sáng tạo kích thích trí tưởng tượng và suy ngẫm của người đọc. + Ngôn ngữ linh hoạt hòa quyện cảm xúc sôi nổi, giục giã, thôi thúc lên đường. + Sử dụng nhiều biện pháp tu từ. => Nét đẹp suy tưởng triết lý trong thơ Chế Lan Viên	
	<i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu:</i> - Lựa chọn được các thao tác lập luận trong phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận: vẻ đẹp của cấu tứ và hình ảnh trong trong đoạn trích. - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng.	0,5
	<i>đ. Diễn đạt:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	025
	<i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
2	Từ thực trạng trên, anh/chị hãy viết một bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ về việc: làm như thế nào để học sinh sử dụng mạng xã hội một cách văn minh	4,0
	<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</i>	0,25

	Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề	
	b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: làm như thế nào để học sinh sử dụng mạng xã hội một cách văn minh	0,5
	c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Dưới đây là một vài gợi ý cần hướng tới: * Thực trạng: HS rất nghiện mạng xã hội, cách ứng xử thiếu văn minh, lịch sự (ném đá, câu like, đưa hình ảnh phản cảm...) * Nguyên nhân: Do mạng xã hội chưa được nhà nước quản lí tốt; do ý thức kém của người sử dụng; do nhận thức lệch lạc của một bộ phận người,... * Hậu quả: việc sử dụng mạng xã hội thiếu văn minh sẽ gây ra nhiều mối nguy hại cho mọi người: ảnh hưởng xấu sức khỏe, phẩm chất, làm rạn nứt các mối quan hệ bạn bè, xã hội, ô nhiễm không gian mạng... * Giải pháp: - Đối với bản thân: + Bản thân mỗi học sinh phải nhận thức được hậu quả nghiêm trọng khi sử dụng mạng xã hội thiếu văn minh. + HS có ý thức sử dụng mạng xã hội hợp lí, trách nhiệm; có ý thức chọn lọc, suy nghĩ cẩn trọng trước khi bình luận hay đưa thông tin lên mạng xã hội. + Hành động: Không chia sẻ, truyền tải những thông tin sai – xấu, tiêu cực lên mạng xã hội khi chưa được kiểm chứng. + Hãy luôn nhớ rằng nếu chúng ta không thể nói, viết điều gì đó tích cực thì hãy im lặng. Mọi thứ chúng ta truyền tải trên mạng xã hội đều là sự phản ánh con người chúng ta... - Đối với gia đình, nhà trường, xã hội: + Giáo dục đạo đức từ đời thực đến mạng xã hội. + Tuyên truyền kĩ năng sử dụng mạng xã hội cho học sinh. + Biện pháp xử lí nghiêm minh tình trạng sử dụng mạng xã hội một cách thiếu văn minh.	1,0

		* Rút ra bài học về nhận thức, hành động: Hạn chế và cân trọng khi sử dụng mạng xã hội; sử dụng vào những mục đích tốt đẹp; lên án, tẩy chay những cá nhân, hành vi vô văn hóa trên mạng xã hội...	
		d. <i>Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Triển khai được ít nhất 2 luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng. Lưu ý: Học sinh có thể trình bày quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật	1,5
		đ. <i>Chính tả, ngữ pháp:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. Hướng dẫn chấm: Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.	0,25
		e. <i>Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
		I + II	10,0

Đề 46
(gồm 05 trang)

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT
THEO CẤU TRÚC MINH HỌA
MÔN: NGỮ VĂN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Phương thức biểu đạt chính của văn bản: Phương thức thuyết minh	0,5
	2	Tác giả đã chỉ ra rác thải nhựa là thảm họa toàn cầu, điển hình là túi nilon	0,5
	3	Học sinh trình bày suy nghĩ của cá nhân. Gợi ý: - Rác thải, đặc biệt là túi nilon đang làm ô nhiễm nghiêm trọng môi trường, đặc biệt là môi trường biển. - Từ những dẫn chứng cụ thể trên, ta có thể thấy sự vô tình, sự bừa bãi của con người đang hàng ngày hàng giờ giết chết sự sống của bao sinh vật, của môi trường. - Nếu không nhanh chóng điều chỉnh hành vi xả rác bừa bãi, một ngày không xa, con người sẽ phải gánh chịu hậu quả thảm khốc. - Cần chung tay bảo vệ môi trường là bảo vệ sự sống của chính chúng ta.	1,0
	4	“Ô nhiễm môi trường biển là vấn đề xa lạ với nhiều người, nhưng lại bắt nguồn từ những hành động gần gũi nhất.” là một sự thực không thể phủ nhận. - Nhiều người trong số chúng ta chưa được tận mắt chứng kiến đại dương bị ô nhiễm khủng khiếp như thế nào (đảo rác trên Thái Bình Dương rộng bằng cả nước Pháp...) nên còn thấy nó khá xa lạ, thậm chí không tin. - Tuy nhiên, sự ô nhiễm đó lại bắt nguồn từ chính hành vi sử dụng quá nhiều túi nilon, vỏ nhựa... và xả rác bừa bãi ra môi trường hàng ngày của chúng ta. Vô tình hay cố ý, chúng ta đã bức tử một trường biển.	1,0

		=> Chúng ta cần nghiêm túc nhìn lại thái độ, hành vi của mình với môi trường trước khi quá muộn.	
	5	HS nêu bài học rút ra sau khi đọc văn bản và lí giải hợp lí. Rác thải nhựa đang hủy hoại nghiêm trọng sức khỏe, môi trường sống của nhân loại. chúng ta cần thực hiện ngay những giải pháp để khắc phục tình trạng trên trước khi quá muộn.	1,0
II		VIẾT	6,0
	1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích hình ảnh cổng làng trong bài thơ: Cổng làng (Bàng Bá Lân)	2,0
		a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: hình ảnh cổng làng trong bài thơ: Cổng làng (Bàng Bá Lân)	0,25
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm * Đặc sắc trong hình ảnh thơ: - Qua hồi ức của nhà thơ, hình ảnh cổng làng được thể hiện trên nhiều thời gian khác nhau. Mỗi thời gian mang một vẻ đẹp riêng. + Theo thời gian: (+) Chiều: <i>Gió hiu hiu đẩy mây vàng...</i> (+) Sáng: <i>rộng mở. Ôn ào...</i> + Theo mùa (+) Hè: <i>vài chị gái non/ uể oải chờ cơn gió nồm...</i> + (Đông): <i>im ỉm bên đường lội trơn...</i> + (Xuân): <i>chen chúc bao nàng ngây thơ...</i> - Nghệ thuật sắp xếp hình ảnh: <i>Kết hợp với các từ láy, từ gợi hình, gợi cảm. Sử dụng biện pháp nghệ thuật: Nhân hóa...</i> Gợi mở không gian bình dị thân thuộc cuộc sống sinh hoạt nơi làng quê đằng sau cánh cổng làng theo từng khoảng thời gian khác nhau ... - Ý nghĩa của hình ảnh thơ: + Hình ảnh thơ đã ghi lại một cách chân thật hồn quê.	0,5

		+ Diễn tả cảm xúc trào dâng khi được trở về với quê hương với tuổi thơ yêu dấu. + Cảm nhận được tình quê sâu sắc của nhà thơ.	
		d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu: - Lựa chọn được các thao tác lập luận trong phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận: hình ảnh cổng làng trong bài thơ Cổng làng (Bàng Bá Lân). - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng.	0,5
		đ. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
		e. Sáng tạo: Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy.	0,25
	2	“Nếu bạn chưa từng khóc, đôi mắt của bạn không thể đẹp” (Sophia Loren) Anh/Chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ về ý kiến trên.	4,0
		a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức bài văn nghị luận văn học	0,25
		b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Nếu bạn chưa từng khóc, đôi mắt của bạn không thể đẹp	0,5
		c. Học sinh triển khai được những ý sau: 2.1. Giải thích: - <i>Khóc</i> là trạng thái chảy nước mắt tùy theo một cảm xúc nào đó, có thể là buồn, cũng có thể là vui. - <i>Đôi mắt</i> là cửa sổ tâm hồn, diễn tả cảm xúc chân thật nhất của con người. Thông qua ánh mắt, con người có thể liên hệ, ra hiệu, trao đổi thông tin với nhau. - “<i>Nếu bạn chưa từng khóc, đôi mắt sẽ không đẹp</i>”: nếu bạn chưa từng rơi nước mắt và không biết xúc động trước những điều xung quanh, thì tâm hồn bạn sẽ trở nên cằn cỗi, nghèo nàn. Nếu không có những trải nghiệm vui buồn, đau khổ, hạnh	1,0

	phúc... thì không thể làm giàu đời sống tâm hồn, càng không thể có một tâm hồn đẹp. 2.2. Bàn luận - Trong cuộc sống hàng ngày, mỗi người đều phải trải qua những cảm xúc thăng trầm khác nhau. Vì có cảm xúc mà con người khác người máy, biết hạnh phúc, biết đau buồn, biết cảm thông và chia sẻ. - Khi buồn phiền, đau khổ, khóc sẽ giúp con người giải tỏa nỗi niềm, vơi đi buồn đau và lấy lại năng lượng trong cuộc sống. Khi vui sướng, hạnh phúc, người ta bật khóc. Đó là giọt nước mắt ấy vỡ òa trong niềm vui, hân hoan. Khi hối hận, ăn năn, nước mắt có tác dụng thức tỉnh, giúp ta dừng cảm đối diện với những sai lầm của chính mình để ngày càng hoàn thiện hơn - Không phải lúc nào khóc cũng thể hiện sự yếu đuối, đôi khi đó lại là những giọt nước mắt của ý chí, nghị lực và lòng quyết tâm - Khóc còn có ý nghĩa sẻ chia, kết nối hàng triệu trái tim với nhau, là biểu hiện của lòng nhân ái, làm cuộc sống con người trở nên tốt đẹp hơn. - Khi con người trải nghiệm những đau khổ, vui buồn, hạnh phúc, sẻ chia,... thì tâm hồn con người sẽ đẹp hơn. Những giọt nước mắt sẽ góp phần thanh lọc tâm hồn con người, làm cho họ sống tốt hơn. <i>(HS tìm và lựa chọn dẫn chứng phù hợp để làm minh họa cho các luận điểm).</i> 2.3. Mở rộng vấn đề: - Không phải ai cũng trân trọng và biết được ý nghĩa thực sự của giọt nước mắt. Có người lợi dụng nước mắt để che giấu cảm xúc thật của mình, sống giả tạo, nước mắt của họ là kiểu “nước mắt cá sấu”. - Cũng có người dường như đang cạn dần nước mắt, trở nên vô cảm với cuộc đời và những người xung quanh.. 2.4. Rút ra được bài học nhận thức và hành động cho bản thân. - Cần trân trọng và bồi đắp những xúc cảm chân thành trong cuộc sống để tâm hồn mỗi người không trở thành một cỗ máy khô cằn, chai sạn trong guồng quay của cuộc sống hiện đại.	
--	---	--

		- Không chỉ biết “khóc” mà chúng ta cần phải can đảm “hành động” để vượt qua những mất mát, khổ đau và những thử thách trong cuộc sống.	
		<i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Triển khai được ít nhất 2 luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng. Lưu ý: Học sinh có thể trình bày quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	1,5
		<i>đ. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
		<i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
		I+II	10,0

Đề 47
(gồm 06 trang)

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT
THEO CẤU TRÚC MINH HỌA
MÔN: NGỮ VĂN

Phần	Câu	NỘI DUNG	ĐIỂM
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Thông tin cơ bản: nạn buôn người, bẫy việc nhẹ lương cao đến nộp mình cho tội phạm diễn ra phức tạp ở nhiều quốc gia	0,5
	2	Các yếu tố hình thức trong văn bản trên: tiêu đề, số liệu, hình ảnh, đề mục in đậm.	0,5
	3	Ý nghĩa nhan đề của văn bản: (chấp nhận HS lí giải theo cách hiểu phù hợp, thuyết phục) - Thu hút, gây tò mò cho người đọc - Gợi hành trình tự dẫn mình vào nguy hiểm của nhiều người nhẹ dạ - Cảnh báo nhiều người về bẫy việc nhẹ lương cao	1,0
	4	- Trích dẫn trong văn bản: (chấp nhận các trích dẫn học sinh chỉ ra chính xác): Ví dụ: + Cơ quan Cảnh sát châu Âu ước tính rằng hơn 90% người di cư, trên hành trình đi tìm "miền đất hứa", đã ít nhất một lần sử dụng "dịch vụ" của những kẻ buôn người. + Ông Lương Thanh Quảng, ... cho biết thêm: "Việc triển khai công tác này là rất khó khăn ...giải cứu công dân". - Tác dụng: <i>làm tăng độ tin cậy, minh bạch, cho phép người đọc theo dõi và tìm được nguồn trích dẫn.</i>	1,0
	5	- Thái độ: tố cáo tội ác, lên án kẻ phạm tội (để lừa bán, ép buộc, cưỡng bức lao động, nô lệ tình dục, buôn bán nội tạng, bắt cóc...) - Quan điểm: kiên quyết chống nạn buôn người; cảnh báo cho cả xã hội nguy cơ tiềm ẩn trong đời sống.	1,0

II	VIẾT	6,0
1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) làm rõ những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ: <i>Bữa nay lạnh, mặt trời đi ngủ sớm;/.../Không gian xám tưởng sắp tan thành lệ.</i> (Trích <i>Tương tư chiều</i> - Xuân Diệu)	2,0
	a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
	b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: đặc sắc nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ “Tương tư chiều” – Xuân Diệu.	0,25
	c. Triển khai vấn đề - Đặc sắc về nội dung: + Đoạn thơ mở ra khung cảnh buổi chiều thật gợi nhớ. Khung cảnh buổi chiều trong thời khắc hoàng hôn của một ngày đông được mô tả có lớp lang, trình tự. Đầu tiên là ở tầng thấp, trên những ngọn cỏ đến một tầng cao hơn là những vòm cây. Tiếp theo, trên tầng không gian cao hơn hiện ra hình ảnh rất đặc trưng của cảnh hoàng hôn: chòm mây, cánh chim. Tất cả được vây bọc bởi khung cảnh hoàng hôn: “Không gian xám tưởng sắp tan thành lệ”. + Tâm trạng của nhân vật trữ tình: nỗi nhớ da diết đến đau đớn của một tình yêu đã từng có những lúc gắn bó gần gũi, nó không mơ màng, vương vấn mà thật sâu đậm và cụ thể. - Đặc sắc về nghệ thuật: + Thể thơ: 8 chữ + Gieo vần chân: <i>em – êm, tối - rồi,...</i> + Ngôn từ trong sáng, giàu hình ảnh, diễn đạt chính xác các cung bậc cảm xúc nhớ nhung, đau khổ khi bỏ lỡ người mình yêu. + Sự phối hợp hài hoà các thanh bằng, trắc + Sử dụng thành công các biện pháp nghệ thuật: nhân hoá, điệp từ. + Tả cảnh ngụ tình + Kết hợp từ láy: <i>miếng đêm</i>	0,5

	⇒ Đoạn thơ tiêu biểu cho những nét đặc sắc trong phong cách nghệ thuật thơ Xuân Diệu. Cùng với các bài thơ khác, “Tương tư chiều” đã thổi vào thơ Mới và Xuân Diệu xứng đáng là nhà thơ mới nhất trong các nhà Thơ Mới.	
	d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu: - Lựa chọn được các thao tác lập luận trong phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận: về đẹp nội dung, nghệ thuật của đoạn thơ trong bài Tương tư chiều (Xuân Diệu). - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng.	0,5
	đ. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25
	e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ, có dẫn chứng thuyết phục.	0,25
2	Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về vấn đề: Trong vài ngàn năm, các triết gia và nhà tiên tri đã thúc giục mọi người phải biết mình. Nhưng lời khuyên này chưa bao giờ cấp thiết như trong thế kỉ 21. (Theo 21 bài học cho thế kỉ XXI, Yuval Noah Harari, NXB Thế giới 2020, tr. 328-329)	4,0
	a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội Mở bài nêu được vấn đề; Thân bài triển khai được vấn đề; Kết bài khái quát được vấn đề.	0,25
	b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: Mọi người phải biết mình	0,5
	c. Triển khai vấn đề cần nghị luận thành các luận điểm Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách hợp lí, chặt chẽ mạch lạc. * Giải thích: - <i>Phải biết mình</i> : nhận thức, hiểu rõ về mình, tiến tới làm chủ, kiểm soát được bản thân. - <i>Cấp thiết</i> : có tầm quan trọng đặc biệt, có ý nghĩa sống còn đối với con người ở thế kỉ XXI.	1,0

	→ Vấn đề nghị luận: sự quan thiết phải ý thức rõ về bản thân của con người trong thế kỉ XXI * Bàn luận: - Hiểu mình và làm chủ được mình (tri ngã) là vấn đề cần thiết đối với con người từ xưa đến nay. Đó là bản chất, nhu cầu, khát vọng, năng lực của bản thân, mang lại nhiều ý nghĩa cho quá trình tồn tại và phát triển của con người. Vấn đề này luôn được nhân loại quan tâm, đặc biệt là các triết gia và các nhà tiên tri. - Trong bối cảnh thế kỉ XXI, hiểu mình và làm chủ mình càng cấp thiết hơn vì: + Thế kỉ XXI đặt ra nhiều vấn đề mới với nhân loại: là kỉ nguyên của văn minh hiện đại với tốc độ phát triển như vũ bão ở mọi lĩnh vực; mang lại nhiều tiện ích, nhưng cũng đặt ra nhiều quy cơ, thách thức, hậu quả nặng nề (cách mạng 4.0, công nghệ phát triển mạnh mẽ, thời đại bùng nổ thông tin, con người chạy theo lối sống tiêu dùng, coi trọng vật chất, dễ bị mua chuộc và dễ bị kích thích dẫn tới khó kiểm soát và tự chủ.) + Con người ở thế kỉ XXI đã khám phá sâu sắc thế giới bên ngoài, nhưng chưa thực sự khám phá đầy đủ về con người mình, vì thế chúng ta gặp khó khăn trong việc hiểu và chế ngự chính mình. + Biết mình để giữ được mình, làm chủ bản thân trong mọi hoàn cảnh của cuộc sống đầy biến động: tránh bị cám dỗ, sa đọa, đánh mất mình; làm chủ được mình trong bất cứ hoàn cảnh nào. + Biết mình để chủ động kiến tạo tương lai, góp phần kiến tạo và phát triển thế giới tốt đẹp hơn theo đúng đòi hỏi của thời đại mới. + Biết mình là cơ sở để hiểu người, để sống là chính mình trong khi kết nối với cộng đồng, để có cách cư xử đúng đắn, linh hoạt với mình, với mọi người, đem lại giá trị tốt đẹp cho cuộc sống trong bối cảnh xã hội phức tạp, không dễ gì phân biệt đúng – sai, tốt – xấu. + Nếu không nhận thức được mình, không làm chủ được bản thân thì vô cùng nguy hiểm. Đó là tình trạng <i>vô minh</i> dẫn tới ngộ nhận về bản thân. Từ đó, con người có những suy nghĩ và hành động sai lầm, ngông cuồng hoặc rơi vào trạng thái yếu thế, không phát huy được tận độ năng lực của bản thân, không	
--	---	--

	có cách cư xử đúng đắn với mình và với người, gây nên nhiều hậu quả nghiêm trọng. Sống chính là hành trình để mỗi người trả lời được sớm nhất câu hỏi: Ta là ai? -> Định vị được chính xác bản thân có ý nghĩa cấp thiết để con người được hạnh phúc và thành công. (Lưu ý: Trong quá trình bàn luận, người viết phải liên hệ với thực tế đời sống, và trải nghiệm của bản thân để đưa ra những dẫn chứng thuyết phục) * Bàn luận mở rộng: - Ý thức được tầm quan trọng của vấn đề: ý kiến có ý nghĩa cảnh báo, có tính thời sự, vì sự tiến bộ văn minh chung của nhân loại và thắm nhuần, kiểm chứng trong cuộc sống thực tế của mỗi cá nhân. - Có ý thức và hành động đầy đủ: con người cá nhân và tập thể luôn biết nhận thức lại và có ý thức kiểm soát bản thân. Tuy nhiên, biết mình không chỉ là vấn đề của nhận thức, mà cần thể hiện qua hành động, lối sống, trong các mối quan hệ, ứng xử với người khác và rất cần phương pháp đúng đắn. - Phê phán những người sống thờ ơ, hời hợt, không hiểu được chính mình, dẫn đến thái độ tự ti, hay tự cao, tự đại một cách thái quá đều trở nên bi hài và đáng thương. * Bài học nhận thức và hành động - Hiểu mình là điều khó nhất nhưng là điều có ý nghĩa vô cùng quan trọng để ta có thể sống bình an, hạnh phúc và cống hiến một cuộc đời ý nghĩa. - Lắng nghe bản thân, quay về bên trong để yêu thương và thấu hiểu mình...	
	<i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Triển khai được ít nhất 2 luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng. Lưu ý: Học sinh có thể trình bày quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	1,5

		<i>d. Chính tả, ngữ pháp:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
		<i>e. Sáng tạo:</i> Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy.	0,5
		I+II	10,0

Đề 48
(gồm 04 trang)

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT
THEO CẤU TRÚC MINH HỌA
MÔN: NGỮ VĂN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Phương thức biểu đạt chính của văn bản: Phương thức thuyết minh	0,5
	2	Bố cục của văn bản: gồm 3 phần - Mở đầu (đoạn 1): giới thiệu về phiên chợ - Triển khai (đoạn 2,3,3,5): Giới thiệu, miêu tả về khung cảnh phiên chợ - Kết (đoạn 6): Lời mời gọi du khách đến với phiên chợ	0,5
	3	Tác giả cho rằng chợ tình Khau Vai là phiên chợ tình độc đáo vì: - Phiên chợ được tổ chức mỗi năm chỉ một lần vào đêm 26/3 âm lịch - Chợ không mua bán hay trao đổi bất cứ loại hàng hoá nào mà người ta đến đây là để trao gửi yêu thương cho nhau.	1,0
	4	HS trình bày suy nghĩ về vai trò của Chợ tình Khau Vai đối với đời sống của cộng đồng các dân tộc sinh sống trên vùng cao nguyên đá: - Phiên chợ tình qua thời gian trở thành một lễ hội thực sự cho cả cộng đồng không riêng gì đôi lứa. - Là dịp để cho bà con đồng bào các dân tộc nơi đây tìm niềm vui; giao lưu tìm hiểu những nét văn hoá riêng biệt, độc đáo của các dân tộc khác; gặp gỡ, kết duyên; là cơ hội để những chàng trai cô gái lỡ duyên được gặp lại nhau;... Phiên chợ đã thoả mãn nhu cầu tình cảm, thẩm mỹ của đồng bào nơi đây. - Nó tồn tại bởi tính thẩm mỹ và nhân văn cao đẹp.	1,0
	5	Gợi ý bài học rút ra từ văn bản; có lí giải hợp lí: - Ca ngợi tình yêu đôi lứa, trong sáng, thuỷ chung - Tự hào, giữ gìn, phát huy, quảng bá bản sắc văn hoá dân tộc....	1,0

II		VIẾT	6,0
	1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) làm rõ chủ đề của đoạn trích truyện ngắn Áo tết của Nguyễn Ngọc Tư	2,0
		<i>a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng đoạn văn;</i> Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng-phân-hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i> làm rõ chủ đề của văn bản Áo tết (Nguyễn Ngọc Tư)	0,25
		a. Xác định chủ đề: Thông qua câu chuyện về áo tết và cách hành xử của nhân vật bé Em, truyện ca ngợi tình bạn chân thành giữa bé Em và Bích, ca ngợi tấm lòng nhạy cảm, tinh tế của bé Em đối với người bạn của mình. b. Phân tích, đánh giá chủ đề: - Truyện là bài ca về tình bạn hồn nhiên, trong sáng nhưng rất chân thành và tinh tế. Bé Em và Bích tuy còn nhỏ tuổi nhưng đã luôn biết nghĩ cho bạn của mình. Bé Em vì nghĩ đến hoàn cảnh của bạn nên đã không nở khoe chuyện mình được may áo đẹp. Bích vì quan tâm đến bạn nên vẫn hỏi han bạn để bạn có cơ hội khoe áo mới của mình. Đặc biệt nhất là cách hành xử của bé Em trong ngày đi chúc tết cô giáo. Bé Em đã ăn mặc hơi giống bạn để bạn không thấy tự ti. Còn Bích thì biết được tấm lòng của bạn, nên Bích nghĩ rằng, chỉ cần sự chân thành đó, và dù bé Em có mặc đẹp hơn Bích đi chăng nữa, thì Bích vẫn thương quý bạn mình. - Tuy viết về tình bạn hồn nhiên của hai đứa trẻ, nhưng truyện cũng là bài học cho tình bạn ở mọi lứa tuổi, cho mọi mối quan hệ giữa con người với con người: Trong ứng xử với người khác, hãy luôn lấy sự chân thành làm nền tảng, phải luôn thấu hiểu lẫn nhau, để không làm cho nhau bị tổn thương. Khi ta hành xử được như vậy thì người khác cũng sẽ nhân đó mà quý trọng, yêu thương ta nhiều hơn nữa.	0,5
		<i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu:</i>	0,5

		- Lựa chọn được các thao tác lập luận trong phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận: Chủ đề của truyện ngắn Áo tết của Nguyễn Ngọc Tư. - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng.	
		<i>d. Diễn đạt:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	0,25
		<i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
	2	Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) về sự cần thiết của tinh thần hợp tác trong cuộc sống.	4,0
		a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: <i>Sự cần thiết của tinh thần hợp tác trong cuộc sống</i>	0,5
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần giới thiệu được vấn đề cần bàn luận, nêu rõ lí do và quan điểm của bản thân, hệ thống luận điểm chặt chẽ, lập luận, dẫn chứng thuyết phục. Sau đây là một số gợi ý: - Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề nghị luận - Giải thích: + Hợp tác là chung sức làm việc, giúp đỡ, hỗ trợ lẫn nhau trong công việc, lĩnh vực nào đó vì mục đích chung. + Tinh thần hợp tác tốt với mọi người của mỗi cá nhân được hiểu là thái độ sống tích cực, cùng liên kết, giúp đỡ lẫn nhau để đạt hiệu quả cao trong công việc, trong học tập, vì lợi ích chung. + Thái độ hợp tác tốt với mọi người của mỗi cá nhân được thể hiện ở việc biết lắng nghe ý kiến của mọi người; biết chia sẻ những thuận lợi, khó khăn vướng mắc trong công việc; tin tưởng và đặt niềm tin vào người khác; sẵn sàng góp ý trên tinh thần trách nhiệm, thân ái và xây dựng.	1,0

		- Bàn luận: <i>sự cần thiết của tinh thần hợp tác trong cuộc sống</i>: + Sự hợp tác, đoàn kết giúp con người gắn kết với nhau, tạo nên sức mạnh to lớn cả về tinh thần lẫn vật chất, làm được những việc lớn lao và chắc chắn thành công trong công việc. + Nếu không có tinh thần hợp tác với mọi người, bản thân sẽ làm việc đơn độc, không nhận được sự hỗ trợ và giúp đỡ của tập thể, khó vượt qua khó khăn để hoàn thành tốt công việc. Người không muốn hợp tác thường tách mình ra khỏi tập thể, sống ích kỉ, thờ ơ, vô cảm. Những người như thế thật đáng chê trách. - Liên hệ bản thân, rút ra bài học: rèn luyện tinh thần hợp tác với bạn bè, tích cực tham gia các hoạt động chung của tập thể và cộng đồng, xây dựng mối liên kết bền chặt với những người xung quanh, không ngừng phấn đấu học tập và rèn luyện bản thân để trở thành người hữu ích, mai này đem sức mình xây dựng quê hương, đất nước. Lưu ý: Học sinh cần có dẫn chứng làm sáng tỏ vấn đề nghị luận	
		<i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Triển khai được ít nhất 2 luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng. Lưu ý: Học sinh có thể trình bày quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	0,5
		đ. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
		e. Sáng tạo: Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy.	0,5
		I+II	10,0

Đề 49
(gồm 06 trang)

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT
THEO CẤU TRÚC MINH HỌA
MÔN: NGỮ VĂN**

Phần	Câu	NỘI DUNG	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Văn bản trên sử dụng các phương thức biểu đạt: Thuyết minh, tự sự, miêu tả, biểu cảm.	0,5
	2	Văn bản trên được trình bày theo phương pháp: Tổng – phân – hợp	0,5
	3	Nhận xét về cách đặt nhan đề của văn bản: Ngôn ngữ của nhan đề có tính hình tượng: với hình ảnh “chuyến du hành về tuổi thơ”. Nhan đề không những hé lộ thông tin chính của văn bản, mà còn gợi trí tò mò đối với độc giả, hứa hẹn sẽ đem đến cho độc giả một chuyến du hành kì diệu, mang màu sắc cổ tích để trở về miền ấu thơ tươi đẹp của mình.	1,0
	4	Mục đích của tác giả: - Giới thiệu nội dung tóm tắt, những giá trị của quyển sách “Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ” mang lại cho người đọc. - Ngầm kêu gọi mọi người tìm đọc quyển sách	1,0
	5	Cảm nhận về quyển sách sau khi đọc văn bản: - Đó là một quyển sách viết về tuổi thơ, có nội dung hấp dẫn, với các nhân vật đáng yêu – mang tính cách hồn nhiên tinh nghịch của tuổi nhỏ. - Đó là một quyển sách tái hiện lại được những khoảnh khắc đẹp đẽ, trong sáng, ngọt ngào của tuổi thơ, khiến người đọc thích thú, say mê.	1,0
II		VIẾT	6,0
	1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) nêu cảm nhận về hình ảnh <i>dấu chân và trắng cổ</i> trong bài thơ DẤU CHÂN QUA TRẮNG CỔ (Thanh Thảo)	2,0

	a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng đoạn văn; Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng-phân-hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
	b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: cảm nhận về hình ảnh dấu chân và trắng cỏ trong bài thơ: DẤU CHÂN QUA TRẮNG CỎ (Thanh Thảo)	0,25
	c. Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Dưới đây là một vài gợi ý: - Dấu chân là hình ảnh ẩn dụ về dấu ấn để lại của mỗi cá nhân trong cuộc đời. Dấu chân bé nhỏ, thâm lặng nhưng thể hiện được sức mạnh của ý chí, khát vọng, tâm hồn để vượt lên sự lẩn át của thời gian và sự lãng quên. - Trắng cỏ là hình ảnh ẩn dụ về sức mạnh lẩn át, xóa nhòa của thời gian và những khó khăn, thử thách mà con người phải đối mặt trong cuộc đời. Nó sẽ khiến con người bị chìm trong quên lãng, mờ nhạt, vô nghĩa nếu không có ý chí, khát vọng vươn lên. => Đây là những hình ảnh đẹp, mang ý nghĩa biểu tượng, thể hiện sự sáng tạo và phong cách thơ mang dấu ấn của thơ ca tượng trưng của nhà thơ Thanh Thảo.	0,5
	d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu: - Lựa chọn được các thao tác lập luận trong phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận: hình ảnh <i>dấu chân</i> và <i>trắng cỏ</i> trong bài thơ “Dấu chân qua trắng cỏ”– Thanh Thảo. - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng.	0,5
	đ. Diễn đạt: Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	025

		<i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
	2	Rất lâu trước điện thoại thông minh, Anber Anhxtanh từng tuyên bố “Tôi sợ một ngày nào đó công nghệ sẽ lấn át sự tương tác của con người. Thế giới sẽ có một thể hệ những kẻ ngốc”. Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về nhận định trên.	4,0
		<i>a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài:</i> Nghị luận xã hội	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i> Công nghệ lấn át sự tương tác của con người và thế giới sẽ có một thể hệ những kẻ ngốc.	0,5
		<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> HS có thể trình bày bài viết theo nhiều cách trên cơ sở đảm bảo những yêu cầu sau: 1. Giải thích: - Tương tác: Tác động qua lại những chia sẻ để cùng hành động, để hướng tới mục tiêu chung tạo ra sự kết dính giữa con người với con người, con người với xã hội... - Công nghệ: Là sản phẩm trí tuệ do con người tạo ra, giúp con người giải quyết vấn đề đem lại lợi ích và năng xuất cho con người, trong đó điện thoại thông minh là một biểu tượng cho sự tương tác bởi nó tích hợp đầy đủ trên mọi phương diện => Cách nói của Anhxtanh “tôi sợ một ngày nào đó công nghệ sẽ lấn át..” đã cho thấy sự lo lắng của ông về một hiện thực xảy ra trong tương lai: Con người tạo ra công nghệ nhưng lại bị chính công nghệ thao túng làm tổn thương và “biến dạng” tâm hồn con người. Từ đó mỗi người cần nhìn nhận lại vai trò của công nghệ trong quan hệ nhân tính của con người. 2. Bình luận, chứng minh * Vì sao giữa con người với con người luôn cần có sự tương tác? - Sự tương tác giữa con người với con người là sự sẻ chia toàn diện: thông tin, cảm xúc, sự quan tâm, trách nhiệm...chính những tương tác đó giúp con người có nhận thức đầy đủ hơn về bản thân mình, giúp chúng ta mạnh mẽ hơn vì chúng ta ý	1,0

		thức được trách nhiệm và bổn phận của mình, Tương tác giúp cho cuộc đời của cá nhân luôn hiện diện trong cuộc đời của người khác và họ cũng cảm nhận được cuộc đời của người khác trong cuộc đời của mình. Đó là mối quan hệ gắn bó giữa con người với con người trong mối quan hệ tình cảm ở chiều sâu. - Tương tác là điều kiện đặc biệt của trí tuệ con người, tương tác giúp cho con người hình thành những kỹ năng, giao tiếp, chia sẻ, hợp tác. Sự trưởng thành trí tuệ của mỗi cá nhân luôn tỉ lệ thuận với tương tác. Con người càng trưởng thành về trí tuệ thì tương tác càng sâu, càng rộng. Và nhờ đó mà con người có thể cùng nhau hoàn thiện những ý tưởng lớn lao, tạo ra một thế giới công nghệ, hiện đại để hỗ trợ đắc lực cho cuộc sống của con người, xã hội * Công nghệ xuất hiện có tác động thế nào đối với cuộc sống con người? - Công nghệ xuất hiện sẽ giúp cho chúng ta tương tác, cảm nhận được về nhau ngay cả khi chúng ta sống xa nhau về không gian địa lý. Thậm chí nó giúp chúng ta tương tác với cả những người mà chúng ta chưa từng gặp mặt, nó giúp chúng ta tham gia vào phong trào của một cộng đồng, bày tỏ quan điểm, cảm xúc trong một cộng đồng mà ta chưa một lần quen biết. Như vậy, nhờ có công nghệ mà sự tương tác giữa con người với con người trở nên đơn giản, thuận tiện và nhanh hơn. - Tuy nhiên với sự lạm dụng công nghệ dường như sự tương tác này đang dần xói mòn con người nó biến con người thành “những kẻ ngốc”: + Một trong những yêu cầu thiết yếu giữa tương tác người với người là thời gian. Con người cần chia sẻ, lắng nghe để nuôi dưỡng sự tinh tế, khả năng cảm nhận về mình về người khác. Sự xuất hiện của công nghệ khiến cho chúng ta bị say mê, cuốn hút và những quan hệ khác khiến cho con người trở nên xa nhau, các giá trị thiết yếu của con người trở nên lỏng lẻo, hời hợt hơn. + Một trong những đặc điểm nổi bật của công nghệ là thế giới ảo, thế giới ấy luôn sẵn sàng mở ra cho chúng ta hoàn toàn có thể sở hữu trọn vẹn với một chiếc điện thoại thông minh và	
--	--	--	--

	phí thuê bao. Thế giới ảo này gắn liền với lợi nhuận, trở thành lĩnh vực của sự kinh doanh, đánh vào sự tò mò, hiếu kỳ của con người. Người ta tương tác ảo, tương tác giữa máy tính với máy tính hoàn toàn thay thế cho tương tác thực. Điều này làm giảm thiểu đi sự phát triển của ngôn ngữ, của cảm xúc con người. Tất cả những điều đó khiến cho nhân tính và kĩ năng giao tiếp của con người bị khô cạn. Những ngón tay trên bàn phím trở nên linh hoạt hơn thì ngôn ngữ, cảm xúc của con người trở nên đơn giản hơn. Đó là biểu hiện của sự ngốc nghếch (dẫn chứng) + Và khi công nghệ hỗ trợ cho người quá nhiều trong cuộc sống nó sẽ triệt tiêu triệt tiêu khả năng tư duy, sáng tạo của con người. + Mặc dù những tương tác trên thế giới ảo là rất phong phú nhưng là những tương tác không có trách nhiệm, thiếu chiều sâu. Chúng ta tương tác, bình luận với các chủ thể vắng mặt vì mà con người tự do thoải mái bình luận, chê bai, chế giễu, sỉ nhục người khác mà không cần suy xét đúng, sai. Chính điều này đã gây ra những hậu quả nghiêm trọng làm tổn thương tinh thần người khác, thậm chí có những người không chịu được sức ép của dư luận mà phải tìm đến cái chết. Như vậy, càng nhiều quan hệ với thế giới ảo con người càng sống thu mình, khép kín, ngại giao tiếp và rồi trở nên vô cảm. Đây là một biểu hiện của sự ngốc nghếch. (dẫn chứng) 3. Bài học nhận thức và hành động, liên hệ – Lo lắng của Anber Anhxtanh đã trở thành hiện thực. Tuy nhiên sự xuất hiện một thế hệ những kẻ ngốc không phải là định mệnh của con người. Công nghệ vẫn chỉ là công nghệ. Việc trở thành ngốc nghếch hay không phụ thuộc vào năng lực tương tác của con người. – Mỗi cá nhân cần phải biết thích ứng trong một môi trường mới – môi trường của công nghệ. Con người không chỉ học trong môi trường của công nghệ mà còn phải học cách sống trong môi trường công nghệ do con người tạo ra. Học cách tương tác với công nghệ, không để công nghệ thao túng mình.	
	<i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i>	1,5

		- Triển khai được ít nhất 2 luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng. Lưu ý: Học sinh có thể trình bày quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	
		đ. Diễn đạt: Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết trong văn bản.	0,25
		e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
		I+II	10,0

Đề 50
(gồm 05 trang)

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT
THEO CẤU TRÚC MINH HỌA
MÔN: NGỮ VĂN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Thể loại của văn bản: văn bản thông tin	0,5
	2	Đề đưa ra được 9 đặc điểm tâm lí của gen Z, tác giả bài viết đã dựa vào những nghiên cứu: Arora và cộng sự 2019; Dimmock, 2019; Chillakuri, 2020; Desjardins, 2019; Dwivedula và cộng sự (2019)	0,5
	3	Việc tác giả cung cấp các đặc điểm tâm lí của gen Z và phân tích từng đặc điểm nhằm mục đích: - Cung cấp các thông tin khách quan về thế hệ gen Z – thế hệ còn nhiều tranh cãi. - Thể hiện sự thấu hiểu, đồng cảm và đánh giá cao những giá trị của GenZ.	1,0
	4	- Văn bản được trình bày theo cấu trúc: Ý chính – Thông tin chi tiết + Ý chính: Giới thiệu về thế hệ gen Z và những điều đặc biệt + Thông tin chi tiết: Chỉ ra và phân tích cụ thể 9 đặc điểm tâm lí của gen Z - Nhận xét: Cấu trúc dễ theo dõi, rõ ràng đi vào trọng tâm chính của vấn đề	1,0
	5	“Gen Z thực dụng và thực tế hơn, tham gia kiếm tiền sớm hơn. Họ không còn quá coi trọng học đại học so với thế hệ trước đây.”: HS có thể đồng tình hoặc không đồng tình hoặc vừa đồng tình vừa không đồng tình. Yêu cầu thể hiện rõ quan điểm và lí giải hợp lí, thuyết phục.	1,0
II		VIẾT	6,0
	1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày quan niệm về Đất nước của nhà thơ Thanh Thảo trong đoạn thơ: với những thằng con trai mười tám tuổi/.../chỉ riêng	2,0

		cho Người, chúng tôi dám chết (Trích “Thử nói về hạnh phúc”- Thanh Thảo)	
		<i>a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng đoạn văn;</i> Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng-phân-hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i> quan niệm về Đất nước của nhà thơ Thanh Thảo trong đoạn thơ.	0,25
		<i>c. Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Dưới đây là một vài gợi ý:</i> - Quan niệm về Đất nước của Thanh Thảo trong đoạn thơ: + Đất nước với những thằng con trai mười tám tuổi là: “ <i>nhịp tim có thể khác thường</i> ”, “ <i>làn mây mỏng đến băng khuâng</i> ”, “ <i>mùi mồ hôi thật thà của lính</i> ”, “ <i>giọng nữ cao nghe từ Hà Nội</i> ”, “ <i>bữa cơm rau rừng</i> ”. + Như vậy, Đất nước là những gì bình dị, thân thuộc, đời thường nhất nhưng đó cũng là những gì đẹp nhất, thiêng liêng nhất. Đất nước là máu thịt của mỗi chàng trai, cô gái trong đó có nhà thơ. Vì Đất nước, thế hệ tuổi trẻ của nhà thơ sẵn sàng dâng hiến, hi sinh cả máu xương, cả thanh xuân. <i>đất nước đẹp mệnh mang</i> <i>đất nước thấm tự nhiên đến tận cùng máu thịt</i> <i>chỉ riêng cho Người, chúng tôi dám chết</i> ⇒ Quan niệm mới mẻ, sâu sắc về Đất nước của Thanh Thảo. - Nghệ thuật: Thể thơ tự do, ngắt nhịp linh hoạt; hình ảnh thơ giản dị nhưng vẫn giàu sức gợi; các câu thơ không viết hoa đầu dòng, câu sau gối câu trước tạo sự liên mạch của dòng cảm xúc và suy tưởng về Đất nước.	0,5
		<i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu:</i> - Lựa chọn được các thao tác lập luận trong phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận: Quan niệm về Đất nước của Thanh Thảo trong đoạn thơ. - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý.	0,5

		- Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng.	
		<i>đ. Diễn đạt:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	025
		<i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
	2	“Có không ít người già đi mà không lớn lên được. Chúng ta không phải làm gì, cứ ngồi yên một chỗ thì vẫn già đi mỗi ngày. Nhưng để lớn thêm được một chút là chúng ta phải sống đến tận cùng trong mọi nghĩa”. (Một lời thú nhận) Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về quan niệm sống trên?	4,0
		<i>a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài:</i> Nghị luận xã hội	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i> già đi không có nghĩa là lớn hơn, để lớn thêm được một chút chúng ta cần sống đến tận cùng trong mọi nghĩa.	0,5
		<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> Học sinh có thể trình bày bài viết theo nhiều cách trên cơ sở đảm bảo những yêu cầu sau: 1. Giải thích: - Già đi: là lớn lên, già nua về tuổi tác, cũng là tình trạng sống mòn, chết mòn, vô nghĩa...; lớn lên: là trưởng thành, thành tựu, cuộc sống có ý nghĩa... - Già đi mà không lớn lên - là cách nói ẩn dụ gợi đến một hiện tượng, hiện trạng, một lối sống đang hiện hữu phổ biến: có không ít người để thời gian đời người trôi đi nhạt nhẽo vô nghĩa, sống mòn, luôi nhác, thụ động, buông xuôi, chết trước khi trưởng thành, trước khi thực sự sống. - Để lớn lên cần sống tận cùng trong mọi nghĩa: để lớn lên cần phải sống trải nghiệm, dấn thân, sống hết mình, sống tận độ trong từng giây phút và trong mọi mặt, mọi chiều kích của cuộc sống... - Lời tâm sự gợi cho ta suy tư về một hiện trạng: <i>có nhiều người không chịu thành, đang để cuộc đời trôi đi vô nghĩa</i>	1,0

(già mà không lớn lên được); đồng thời phủ định lối sống nhạt nhẽo vô vị; khẳng định và cổ vũ con người vươn lên sống tích cực – dám sống và sống nhiệt thành, hết mình...

2. Bàn luận

2.1. Sống - không phải để “già đi”.

- Người ta già đi theo thời gian là điều tất yếu. Nhưng già đi mà chưa trưởng thành chưa chịu lớn lên lại là một hiện thực đáng buồn, đang rất phổ biến ...

- Thực chất đó là một hiện tượng sống buông xuôi, sống nhạt nhẽo, vô nghĩa, chết mòn khi đang sống. Lối sống đó để lại nhiều hậu quả nặng nề cho cá nhân và xã hội (cuộc đời nhạt nhẽo, không đóng góp gì cho mọi người, nhiều khi trở thành gánh nặng cho người khác...)

- Lối sống đó thường xuất hiện ở những con người kém cỏi, ỉ lại, chấp nhận, núp bóng an phận thủ thường nhưng thực chất là không dám sống. Vì thế, đây không chỉ là vấn đề lựa chọn lối sống mà là vấn đề con người, kiểu con người cần phủ định.

2.2. Sống – là để “lớn lên”.

- Cuộc sống rộng lớn, con người nhỏ bé, thời gian đời người trôi chảy không ngừng để làm cho người ta buông xuôi, sống kiếp đời nhạt nhẽo...

- Nhưng xét từ bản chất, con người không dễ chấp nhận già đi một cách thuần túy. Con người luôn khao khát lớn lên, trưởng thành, thành tựu... trong từng giây phút, trong mọi lĩnh vực.

- Con người có đủ điều kiện để tự lớn lên, tự trưởng thành và gạt hái thành tựu vì con người có trí tuệ, ý chí, niềm tin...

2.3. Muốn lớn lên – dù chỉ một chút cũng phải sống hết mình, sống tận độ theo mọi nghĩa.

- Chính chúng ta tạo nên con người, cuộc đời mình... chúng ta tự làm cho mình lớn lên... Nhưng điều đó là không dễ dàng, đòi hỏi chúng ta phải sống tận cùng trong mọi nghĩa

- Sống tận cùng trong mọi nghĩa đòi hỏi con người luôn cần vận động hết mình, sống dần thân, tận độ trong từng giây phút, từng mặt của cuộc sống dù vui hay buồn, dù thất bại hay thành công....

	- Sống tận cùng trong mọi nghĩa giúp con người ta lớn lên, cuộc sống phong phú, giàu trải nghiệm, chống lại sự già đi thuần túy, vô nghĩa. Sống tận cùng trong mọi nghĩa giúp ta biết quý cuộc sống, sự sống, yêu con người, sống sâu sắc với người, với đời... Lưu ý: Người viết cần có những dẫn chứng hợp lý để làm tăng sức thuyết phục của phần bàn bạc vấn đề và thể hiện bản thân có trải nghiệm đời sống. 3. Suy nghĩ về bài học, hành động của bản thân - Nhận thức và phân biệt rõ giữa trạng thái già đi và lớn lên, nhận thức được sự khác nhau giữa sống và tồn tại, giữa sống sâu sắc và hời hợt... - Phê phán những người chấp nhận lối sống buông xuôi, nhạt nhẽo, vô nghĩa - Luôn luôn vận động hết mình, sống chủ động tích cực để làm giàu có hơn cho sự sống của bản thân. Tuy nhiên, cũng cần biết lắng đọng nâng niu, quý mến cuộc sống hiện hữu trong từng từng phút giây.	
	d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau: - Triển khai được ít nhất 2 luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng. Lưu ý: Học sinh có thể trình bày quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	1,5
	d. Diễn đạt: Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết trong văn bản.	0,25
	e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
	I+II	10,0